

JULES VERNE



**NHỮNG ĐỨA CON**  
của  
**THUYỀN TRƯỞNG**  
**GRANT**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

# Những đứa con của thuyền trưởng Grant

**Jules Verne**

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

# Mục lục

[Lời mở đầu](#)

[Phần I - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Phần II - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Phần III - Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

**Jules Verne**

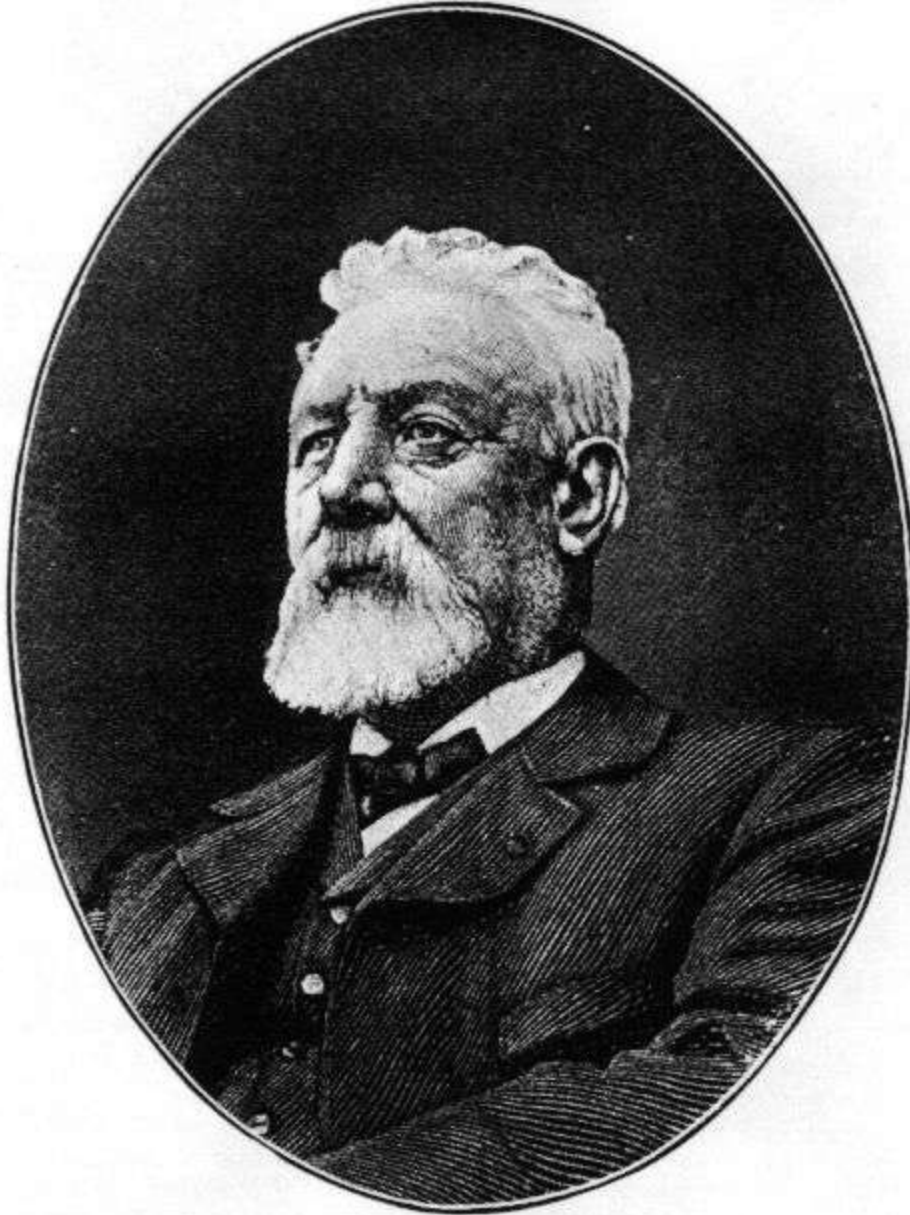
Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

**Lời mở đầu**

Jules Verne và " Những đứa con của thuyền trưởng Grant "





Tác giả: Jules Verne

Jules Verne ( 1828 - 1905 ) nhà văn Pháp nổi tiếng được mệnh danh là bậc thầy về viết truyện phiêu lưu và khoa học viễn tưởng. Ông nổi tiếng ngay từ những tiểu thuyết đầu tay của mình. sách của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, phát hành rộng rãi khắp nơi, được mọi người, nhất là giới trẻ, háo hức đón đọc. Trong những năm 1970, so với các tác giả

khác thì xô sách của Jules Verne được xuất bản đứng hàng thứ ba trên thế giới. Không phải ngẫu nhiên người ta gọi ông là "người đồng hành bất tử của tuổi trẻ".

Jules Verne có ý định viết về toàn bộ trái đất của chúng ta - từ thiên nhiên ở các vùng khí hậu khác nhau đến thế giới động vật - thực vật và phong tục tập quán, sinh hoạt của các dân tộc trên hành tinh. Nhưng đó không phải chỉ là sự diễn tả một cách đơn thuần, mà ý nghĩ tuyệt vời ấy thể hiện trong một loạt tiểu thuyết nhiều tập được ông gọi chung là "Những cuộc du lịch lạ thường". Và ông đã dành hơn 40 năm ( từ 1862 đến đầu năm 1905 ) để hoàn thành bộ sách vĩ đại này gồm 63 tiểu thuyết và hai tuyển tập truyện vừa và truyện ngắn được in thành 97 cuốn sách. Việc xuất bản loạt sách trên đã kéo dài hơn nửa thế kỷ.

J. Verne vừa là nhà văn, vừa là nhà khoa học có kiến thức uyên bác, tư tưởng tiến bộ, trí tưởng tượng phong phú. Ông là người khởi xướng loại truyện khoa học viễn tưởng dựa trên sự thật khoa học. Ông còn là nhà văn kiệt xuất viết tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm, đồng thời là người cố sức say sưa cho khoa học và tương lai của nó. Đến nay, nhiều dự kiến, ước mơ của ông đã trở thành hiện thực.

Bằng lao động nghệ thuật sáng tạo, J. Verne đã góp phần cống hiến to lớn cho nền văn minh và tiến bộ của loài người. Nhiều thế hệ bạn đọc trẻ đã được hiểu biết và giáo dục qua các tiểu thuyết của ông. Nhiều nhà bác học, nhà phát minh, nhà du lịch đã cảm ơn J. Verne mỗi khi nhớ lại rằng, thời niên thiếu, nhờ say mê đọc sách của ông mà họ đã phát triển được năng khiếu, thậm chí đã có những phát minh quan trọng

J. Verne là con cả trong một gia đình. Cha ông là luật sư ở thành phố biển Nantes. Từ nhỏ, cậu bé J.verne đã say mê biển và những con tàu thủy. Hồi 11 tuổi, đã có lần cậu định trốn sang Ấn Độ bằng cách xin làm thủy thủ thiếu niên trên một chiếc thuyền buồm. Nhưng cha cậu đã quyết định cậu

phải nổi nghiệp cha điều hành một văn phòng luật sư ở thành phố quê hương.

Sau khi tốt nghiệp trường trung học, J. Verne được cha gửi lên học Trường Luật ở Paris. Tuy nhiên, ở đây, cậu đã say mê thơ văn, âm nhạc và sân khấu hơn. Và vì vậy, sau đó, tuy đã tốt nghiệp và hành nghề luật sư theo ý cha, chàng thành niên J. Verne lại lao vào sáng tác văn học. J. Verne cũng đồng thời cần mẫn nghiên cứu, tìm hiểu các môn khoa học tự nhiên, thường xuyên đến thư viện quốc gia để đọc sách, đi nghe các buổi thuyết trình, hoặc sưu tập những kiến thức về địa lý, thiên văn, hàng hải, lịch sử kỹ thuật và các phát minh kỹ thuật. Về sau, từ những say mê ấy, chính J. Verne đã nảy ra ý định kết hợp văn học với khoa học, và với những kiến thức tích lũy được, ông là người đầu tiên mở đường viết « tiểu thuyết về khoa học ».

Mùa thu năm 1862, lúc ấy J. Verne 34 tuổi, ông hoàn thành cuốn tiểu thuyết đầy tay, mang tựa đề « 5 tuần kể trên khinh khí cầu » nói về những khám phá địa lý giả tưởng ở châu Phi được thực hiện từ trên một khinh khí cầu do ông « thiết kế chế tạo » ra.

Sau đó, nhà văn đã cho ra đời tiếp những cuốn tiểu thuyết khác : « Cuộc du hành vào lòng đất (1864) », « Những cuộc du hành của thuyền trưởng Hatteras ( 1864 -1865 ) ... Những tác phẩm ấy ngay sau khi ra đời đã làm cho J. Verne trở thành nhà văn nổi tiếng.

« Những đứa con của thuyền trưởng Brnat » là cuốn tiểu thuyết thứ 5 và là một trong những tác phẩm hay nhất của J. Verne. Tiểu thuyết được in ra lần đầu tiên trong « Tạp chí giáo dục và giải trí » ở Pháp từ giữa năm 1866 đến đầu năm 1868, và đầu năm 1868 đã được xuất bản thành sách với tựa đề : Phần I : Nam Mỹ, Phần II : Nước Úc. Phần III : Thái Bình Dương ...

Bạn đọc hồi hộp theo dõi cuộc hành trình của hai đứa con đi tìm cha bị



mất tích. Người cha ấy là thuyền trưởng Grant, một người Scotland yêu nước, không cam chịu để nước Anh nô dịch quê hương Scotland của mình. Theo ông, những lợi ích của xứ sở Scotland không thể phù hợp với lợi ích của người Anh, và ông đã quyết định thành lập một vùng di dân Scotland trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương, để được hưởng quyền độc lập tự do. Chính phủ Anh đã ngăn trở việc làm của ông. Tuy nhiên thuyền trưởng Grant đã lựa chọn một đoàn thủy thủ và ra đi thực hiện ý đồ của mình ...

Huân tước Glenarvan, một người cùng chí hướng với thuyền trưởng Grant, tình cờ lượm được trên biển một bức thư để trong chai báo tin tàu của thuyền trưởng Grant bị đắm và yêu cầu được cứu giúp. Vốn là những người nhân hậu và độ lượng, vợ chồng huân tước Glenarvan đã quyết định đưa chiếc tàu "Duncan " của mình đi tìm cứu thuyền trưởng Grant.

Nhưng, bức thư bị nước biển ăn mòn, nội dung đoán đọc được không hoàn toàn chính xác. Vì thế, vợ chồng huân tước Glenarvan cùng nhà bác học địa lý Paganet, hai đứa con của thuyền trưởng Grant và đoàn thủy thủ tàu "Duncan" đi cứu đã phải vượt qua bao nhiêu thử thách hiểm nghèo, đi Nam Mỹ, vòng qua Úc, sang Thái Bình Dương mới tìm được thuyền trưởng Grant ...

Chủ đề tư tưởng trong " Những đứa con của thuyền trưởng Grant" cũng là chủ đề tiến bộ xuyên suốt bộ sách " Những cuộc du lịch lạ thường" . Đọc nó, ta thấy như rơi vào một thế giới khác hẳn với những luật lệ và những đặc điểm của lối sống xã hội tư sản. Những con người ở đây trong sạch về đạo đức, lành mạnh về tâm hồn và thể xác, có chí hướng, không vong ơn bội nghĩa, không tính toán cá nhân. Đoàn tham hiểm kiên trì khắc phục mọi khó khăn trở ngại, vững tin rằng sự nghiệp của mình sẽ thành công. Họ đoàn kết tương trợ nhau vượt qua hoạn nạn với tinh thần là lành đùm lá rách. tình bạn của họ được củng cố qua những thử thách khắc nghiệt. Kẻ ác bao giờ cũng bị vạch trần và trừng trị; chính nghĩa bao giờ cũng chiến thắng, ước mơ tốt đẹp trở thành hiện thực.

Hình tượng của các nhân vật trong tác phẩm được khắc họa sâu sắc khiến người đọc nhớ mãi . Chẳng hạn, Jacques Paganet - một bậc học người Pháp, một "tín đồ " của khoa học, một bộ bách khoa toàn thư sống, luôn luôn lạc quan tin tưởng, ngay cả trong những lúc nguy kịch nhất.

Cùng với ông là huân tước Glenarvan, một người Scotland yêu nước và vợ của ông, một người nhân hậu, độ lượng, đã cố gắng làm tất cả lao động kiểu mẫu trên hòn đảo Lincoln, cách đảo Tabor 150 hải lý ...

Tiểu thuyết " Những đứa con của thuyền trưởng Grant" có nội dung phong phú, sâu sắc, rất sinh động và hấp dẫn. Tuy nhiên, để phù hợp với hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, trong khi dịch, chúng tôi đã lược bớt đi một số đoạn cho tập sách khỏi phải dày quá. Rất mong được bạn đọc thông cảm và góp cho những ý kiến để những lần xuất bản sau, bản dịch sẽ được hoàn chỉnh hơn, phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Trong năm 1985 này, nhiều nước trên thế giới tổ chức kỷ niệm lần thứ 80 ngày mất của văn hào J.Verne ( 1905 - 1985 ).

Để góp phần thiết thực vào việc tưởng nhớ và ghi nhận công lao to lớn của của văn hào, chúng tôi xin được trân trọng giới thiệu với bạn đọc một trong những tác phẩm hay nhất của ông " Những đứa con của thuyền trưởng Grant ".

Người Dịch

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Phần I - Chương 1**

Con cá búa

Ngày 26 tháng 7 năm 1864, một chiếc tàu buồm lộng lẫy băng băng lướt trên sóng kênh Bắc Cực theo hướng gió Đông - Bắc đang thổi mạnh. Trên cột buồm trước của tàu phát phới lá cờ Anh, còn trên lá cờ hiệu màu xanh da trời nơi đỉnh cột buồm cao nhất nổi lên hai chữ thêu kim tuyến " E" và " 3G". Chiếc tàu buồm ấy mang tên " Duncan" và người chủ của nó là huân tước Edward Glenarvan, hội viên quan trọng nhất của câu lạc bộ thuyền buồm nổi tiếng khắp vương quốc liên hiệp Anh.

Trên boong tàu Duncan " có huân tước Glenarvan với người vợ trẻ là huân tước phu nhân Helena và người anh họ của huân tước - thiếu tá Mac Nabbs.

Mới đây không lâu, ngoài biển khơi, cách vịnh Fort of Clyde vài dặm, đã diễn ra cuộc chạy thử chiếc tàu buồm này và bây giờ chiếc tàu đang quay trở lại cảng Glasgow.

Nơi chân trời hiện rõ đảo Arran. Khi ấy, người thủy thủ trực phiên cho biết có một con cá to nào đó đang bơi sau tàu "Duncan".

Thuyền trưởng John Mangles lập tức ra lệnh báo cho huân tước Glenarvan biết và huân tước, có thiếu tá Mac Nabbs đi cùng, đã lên ngay tầng lái.

- Anh cho biết, theo anh đó là con cá gì? - Huân tước hỏi thuyền trưởng.
- Thưa Huân tước, tôi nghĩ đây là một con cá mập bự. - John Mangles đáp.
- Cá mập ở vùng nước này? - Huân tước kêu lên.
- Điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, - thuyền trưởng nói tiếp; Những con cá mập như thế này ở biển nào và vì độ nào cũng thấy có cá. Đó là con cá búa. Hoặc là tôi lầm lẫn hoặc là chúng ta đang phải đương đầu với một trong

những con quái vật chết tiệt. Nếu như ngài huân tước cho phép và huân tước phu nhân Glenarvan vui lòng chứng kiến một cảnh săn bắn cá thú vị, thì chúng ta sẽ có thể mau chóng biết đích xác đó là con cá gì ?

- Còn ý kiến bác thế nào, bác Mac Nabbs? Glenarvan quay sang hỏi thiếu tá

. - Chúng ta nên bắt nó chằng?

- Tôi hưởng ứng trước tiên của chú, - thiếu tá điềm nhiên trả lời.

- Nói chung, cần phải tiêu diệt nhiều càng tốt những con vật ăn thịt người ấy. John Mangles phán xét, - Nhân cơ hội này ta vừa được thấy một chuyện lạ thường, lại vừa làm một việc có ích.

- Vậy thì ta bắt đâu John - Huân tước Glenarvan nói.

Ông sai người báo cho vợ biết và huân tước phu nhân Helena rất thích thú với cuộc săn cá hấp dẫn sắp diễn ra, đã vội vàng lên ngay tầng lái với chồng.

Biển lặng sóng, nên từ đài chỉ huy theo dõi mọi hoạt động của con cá mập chẳng khó khăn gì; lúc thì nó lặn ngụp, lúc thì nó vọt thật mạnh lên mặt nước.

John Mangles ra những mệnh lệnh cần thiết. từ mạn thuyền bên phải, các thủy thủ thả xuống biển một sợi dây cầu chác chắn. Lưỡi câu móc một miếng thịt heo to làm mồi. Con cá mập háu ăn, mặc dù ở cách tàu "Duncan" đến 50 yards, nó đã đánh hơi thấy mồi và nhanh chóng đuổi kịp tàu. thấy rõ những cái vây của nó, đuôi vây màu xám, chân vây màu đen, băng băng rẽ sóng, còn cái đuôi thì giúp nó giữ đường bơi thẳng không chệch được. Con cá mập càng bơi đến gần tàu, mọi người càng nhìn thấy rõ đôi mắt lồi to thâm ảm của nó. Khi nó lật ngửa người cái mõm của nó để lộ bốn hàm răng, cái đầu của nó hé ra nom giống như một cái búa kép cắm vào càm. John Mangles đã không lầm - đó đúng là con cá mập háu ăn nhất - con cá búa.

Cả hành khách lẫn đội thủy thủ tàu "Duncan" đều hết sức chăm chú theo dõi con cá mập. Kìa, nó đã đến sát lưỡi câu, kìa, nó đã ngửa mình lên

đớp mồi cho dễ. Loang một cái, cả miếng mồi to tướng đã mất hút trong cái mồm tọng hoắc của nó, lai loang một cái, con cá mập giật mạnh sợi dây và bị mắc lưỡi câu. Các thủy thủ liên tranh thủ thời gian dùng hệ thống ròng rọc gắn vào trụ buồm lớn kéo con cá mắc câu lên.

Con cá mập cảm thấy đang bị tách ra khỏi môi trường tự nhiên thân thuộc, nên giãy giụa một cách tuyệt vọng. Nhưng người ta đã nhanh chóng trị được nó bằng cách quăng dây thòng lọng xiết cứng đuôi, làm tê liệt hoạt động của nó. vài giây sau, con cá mập đã được trục lên khỏi mạn tàu và quăng trên boong. Lập tức, một người trong đám thủy thủ thận trọng tiến lại gần con cá mập và lấy rìu chặt mạnh một nhát đứt phăng cái đuôi kinh khủng của nó.

Cuộc săn đã kết thúc. Chẳng còn gì đáng sợ con quái vật nữa. ý định trả thù của những người thủy thủ đã được thỏa mãn, nhưng tính tò mò của họ thì chưa. Cần phải nói rằng, trên tất cả các tàu biển người ta có quy định phải khám nghiệm kỹ lưỡng dạ dày của cá mập. Những người thủy thủ thừa biết giống cá mập háu ăn này rất liều mạng, nên thường chờ đợi cuộc khám nghiệm như vậy đem lại một sự bất ngờ nào đó, và sự chờ đợi của họ không phải bao giờ cũng uổng công.

Huân tước phu nhân Glenarvan không muốn tham dự cuộc mổ xẻ gớm ghiếc này đã dđ lên mũi tàu. Con cá mập vẫn còn thở. Nó dài 10 feet (2) và nặng 600 pound (3). Đó là kích thước và trọng lượng thông thường đối với loại cá mập này. Nhưng cá búa, đầu là không phải giống cá mập to nhất, song lại được coi là giống cá nguy hiểm nhất.

Chẳng mấy chốc con cá to tướng ấy đã bị người ta dùng rìu phanh thây mà không cần thủ tục gì cả. Chiếc lưỡi câu đã lọt xuống tận dạ dày con cá. Hóa ra cái dạ dày của nó rỗng tuếch. Có lẽ con cá mập đã ăn chay từ lâu. Những người thủy thủ thất vọng, đã định quăng con cá mập xuống biển, bỗng phó thuyền trưởng để ý thấy một vật gì đó bám chặt vào nội tạng con cá.

- Ồ, cái gì thế này ? – Ông ta kêu lên.
- Ừ đúng rồi, một mảnh đá, con cá mập đã nuốt mảnh đá để giữ thăng bằng khi bơi, - một thủy thủ đáp.
- Làm gì có chuyện ấy ! - Một thủy thủ khác lên tiếng, - Đó chỉ đơn giản là một miếng mồi mà thôi ; miếng mồi ấy đã trôi vào dạ dày con cá và chưa kịp tiêu hóa.
- Im đi các cậu !- Phó thuey-én trưởng Tom Austin xen vào câu chuyện.

Các cậu không thấy con cá này là một con sấu rợ sao ? Để không mất đi cái gì cả, nó không những đã nuốt cạn rợ mà còn nuốt luôn cả chai nữa.

- Thế đó ! – Huân tước Glenarvan kêu lên - Một cái chai trong bụng con cá mập ?

Một cái chai chính cống, - phó thuyền trưởng khẳng định. Nhưng có lẽ, cái chai này đã ra khỏi hầm rợ từ đời tam hoánh nào rồi.

Vậy thì Tom, huân tước Glenarvan nói : - anh khai nó ra, nhưng hãy cẩn thận đó. Vì trong những cái chai tìm thấy ở biển thường có những bức thư quan trọng.

- Chú nghĩ vậy ư ! Thiếu tá Mac nabbs hỏi :
- Ít nhất cũng có thể là như thế.
- Ồ, tôi sẽ không tranh luận với chú, - thiếu tá đáp lại. – Không chừng cái chai này ẩn giấu điều bí mật nào đấy cũng nên.
- Bây giờ đây chúng ta sẽ biết điều đó, - Glenarvan thốt lên. Tom, anh cho rửa sạch chai đi, rồi đưa lên mui.

Tom tuân lệnh và cái chai tìm thấy trong bối cảnh lạ lùng ấy chẳng bao lâu đã được để trên bàn trong căn phòng chung. Huân tước Glenarvan, thiếu tá Mac Nabbs, thuyền trưởng John Mangles và huân tước phu nhân Helena - quả người ta nói không ngoa rằng mọi người phụ nữ đều tò mò - đứng vây quanh bàn.

Ở trên biển, bất kỳ điều nhỏ nhất nào cũng trở thành một sự kiện. Mọi người im lặng chừng một phút. Ai nấy đều nhìn cái chai mỏng manh cố đoán xem trong đó đựng cái gì. Bí mật của một tai nạn đắm tàu ư, hay đơn

giản là bức thư của một người đi biển vô tích sự nào đó phó mặc cho sóng gió ?

Nhưng đã đến lúc cần khám phá xem sự thế ra sao, và huân tước Glenarvan bắt đầu xem xét cái chai, sau khi đã có những biện pháp cần thiết để phòng trường hợp bất trắc xảy ra. Lúc ấy nom ông giống như một điều tra viên hình sự đang phân tích một trọng tội. và đương nhiên ông ta chăm chú vào công việc như vậy là đúng, bởi vì thường khi cái tưởng không đâu lại có thể hé mở rất nhiều điều.

Trước khi mở chai. Glenarvan xem xét kỹ bên ngoài cổ. Cổ chai dài, cứng cáp còn nguyên đoạn dây thép buộc đã bị gỉ. Thành chai chắc chắn tới mức có thể chịu được áp suất vài atmosphete. Điều ấy nói lên rằng đây là một cái chai đựng rượu Champagne. Đó chính là cái chai mà các nhà trồng nho tên là Épernay và Ai đã đập vào thanh ghe, nhưng không hề bị một vết nứt nhỏ nào. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chính cái chai ấy đã có thể vượt qua mọi thử thách của những cuộc viễn du.

- Chai của hãng Cliquot - thiếu tá tuyên bố.

Và Mac Nabbs được coi là người am hiểu trong chuyện này, nên không ai nghi ngờ sự đúng đắn của ông.

- Thiếu tá thân mến, - Huân tước phu nhân Helena quay về phía ông ta, - cái chai ấy như thế nào thì cũng vậy thôi, nếu như ta không biết được lai lịch nó ở đâu ra, có phải không ?

- Điều đó thì chúng ta sẽ biết, Helena yêu quý ạ, - Huân tước Glenarvan nói. - Ừ, mà ngay bây giờ cũng đã có thể nói được rằng cái chai ấy trôi từ xa đến. hãy chú ý cái u đá ở ngoài chai. Đó là những khoảng trầm tích của nước biển. Cái chai ấy đã lâu ngày bị cuốn trôi theo sóng đại dương trước khi lọt vào bụng con cá mập.

- Nhưng nó ở đâu ra ? – huân tước phu nhân Glenarvan hỏi.

- Khoan đã. Helena yêu quý ! Cần kiên nhẫn một chút. Hoặc là anh nhầm, hoặc là cái chai tự nó giải đáp cho ta mọi câu hỏi.

Glenarvan nói vậy rồi bắt tay vào việc cạo bỏ cục u ở cổ chai, và chẳng bao lâu đã lộ ra cái nút chai quá cũ kỹ, bị nước biển ăn mòn.

- Đáng tiếc. Glenarvan nhận xét, - nếu trong chai có giấy tờ thì chắc là phải bị hư hại dữ lắm.
- Tôi lo vậy đó - thiếu tá đồng tình.
- Nhưng mà, - Glenarvan tiếp lời, - cái chai đậy nút không kỹ này đã có cơ bị chìm sâu xuống đáy biển rồi. May sao, con cá mập đã kịp thời nuốt nó và đưa lên boong tàu « Duncan ».
- Đúng thế. – John Mangles nói. – giá mà ta lượm được nó ngoài biển khơi, ở một vĩ độ và kinh độ nhất định nào đó thì còn hay hơn nữa. Khi ấy, căn cứ vào luồng không khí và luồng nước biển, ta có thể xác định được đường đi của cái chai, còn bây giờ, với bưư tá viên là con cá mập bơi ngược luồng gió và nước biển này đây, điều đó sẽ rất khó lần ra.
- Ta sẽ xem sao, - Glenarvan nói và hết sức thận trọng kéo nút chai ra. Khi cái chai vừa được mở nút, cả gian phòng tràn ngập mùi muối mặặ nồng nặặ.
- Thế nào ? - Với vẻ nôn nóng hết sức phụ nữ, huân tước phu nhân Helena hỏi.
- Rồi tôi đã nói đúng. – Glenarvan đáp. – trong chai có giấy tờ.
- Có thư ! Có thư ! – Huân tước phu nhân Helena reo lên.
- Nhưng, hình như là các thứ giấy tờ bị ướt, hư hết cả. – Glenarvan nhận xét, - và không thể lôi được những tờ giấy ấy ra, vì chúng đã bị dính chặt vào thành chai.
- Ta đập vỡ chai đi – Mac Nabbs đề nghị.
- Tôi lại muốn giữ nguyên cái chai kia, - Glenarvan đáp.
- Tôi cũng vậy, - thiếu tá đồng tình.
- Dĩ nhiên, giữ nguyên chai là tốt, - Helena xen vào, - nhưng vật chứa trong chai còn quý giá hơn bản thân cái chai chứ. Tốt nhất là ta hy sinh cái chai đi.
- Ngài huân tước chỉ cần đập vỡ cổ chai thôi. – John Mangles khyên, thế là có thể lấy được thư ra mà không bị hư hại gì.
- Nhanh nhanh lên đi, anh Edward thân yêu ! – Huân tước phu nhân Glenarvan sốt ruột.

Thật ra, khó có cách nào khác để lấy những tờ giấy ấy ra, nên huân



tước Glenarvan đã quyết định đập vỡ cổ cái chai quý giá ấy. Vì cục u kết trên cổ chai cứng như đá hoa cương, nên ngài huân tước phải dùng búa, và những tờ giấy dính vào nhau được lấy ra khỏi chai ...

### **Chú thích:**

1 - Một Yard bằng 0,91 mét

2 – Feet : Đơn vị đo chiều dài của Anh bằng 30,4 cm . Từ đây về sau, chúng tôi đổi hết ra mét để bạn đọc dễ theo dõi (N.D )

3 – Pound : đơn vị đo trọng lượng của Anh, bằng 443 gramme

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

**Chương 2**

Ba Lá Thư



Những tờ giấy lấy trong chai ra bị nước biển ăn mòn đến một nửa. Trong số những dòng chữ đã bị xóa chỉ có thể còn đọc rõ được một ít tờ. Huân tước Glenarvan bắt đầu nghiên cứu những tờ giấy ấy. Ông xoay qua xoay lại, giơ lên soi, xem xét những chữ bị nước biển ăn mòn. Rồi ông nhìn những người bạn của mình đang chăm chú theo dõi ông.

- Trong này, - ông nói : - Có ba lá thư khác nhau, có lẽ cùng một nội dung, nhưng được viết bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp, Đức. Tôi tin chắc như vậy, sau khi đã đối chiếu các từ còn nguyên vẹn.

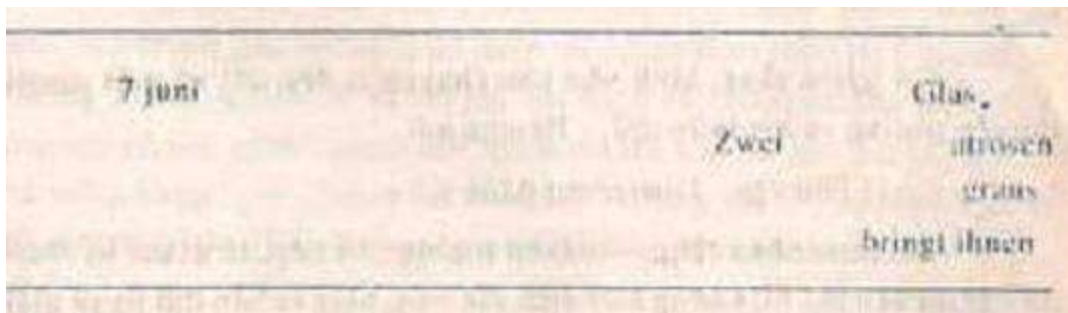
- Nhưng ít nhất qua những từ ấy vẫn có thể hiểu được điều gì chứ ? – Huân tước phu nhân Glenarvan hỏi.

- Khó nói được một điều gì chắc chắn em yêu ạ, nhưng từ nguyên vẹn không còn được bao nhiêu cả.

- Thế những từ ấy có thể bổ sung cho nhau được chứ ? - Thiếu tá nhận xét.

- Thực ra, John Mangles góp ý kiến, - nước biển không thể xóa hết các từ ở những vị trí giống nhau trong cả ba bức thư. Ráp những chữ rời rạc còn nguyên vẹn trong các câu cuối cùng ta cũng tìm được nội dung các bức thư ấy.

- Ta sẽ làm như vậy, - Glenarvan nói – Nhưng mọi việc phải làm có phương pháp. Ta bắt đầu từ bức thư bằng tiếng Anh. Các dòng và từ trong lá tgr này đượ sắp xếp như sau :



- Đúng là nghĩa trong thư này có bao nhiêu, - thiếu tá nói với vẻ thất vọng,

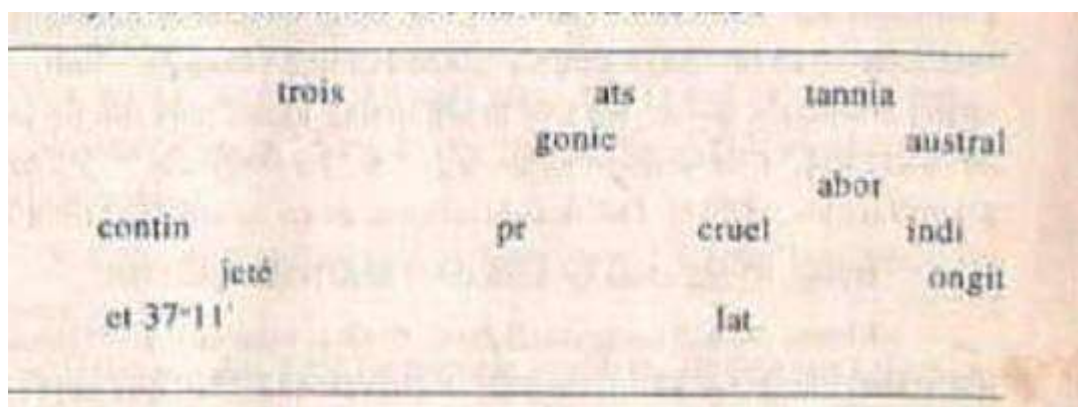
- Dù sao đi nữa, - thuyền trưởng nhận xét, - cũng rõ ràng đây là tiếng Anh.

- Điều đó thì không còn nghi ngờ gì hết, huân tước Glenarvan lên tiếng. Các từ sink aland, that lost, còn nguyên vẹn, còn từ skipp, có lẽ là Skipper.

Chắc là bức thư nói về một ông GR ... nào đó, có thể là một thuyền trưởng của của một chiếc tàu bị đắm.

- Ta thêm vào đó những chữ rời rạc của các từ monit và assistancc thì nghĩa hoàn toàn rõ ràng.
- Đây, thế là chúng ta đã hiểu được đôi chút gì rồi ; - Helena nói.
- Rủi thay, thiếu những dòng chữ nguyên vẹn, - thiếu tá nhận xét. – Làm sao biết được tên tàu bị đắm và nơi bị nạn.
- Điều đó chúng ta cũng sẽ biết – Glenarvan nói.
- Chắc chắn như vậy ! Thiếu tá đồng ý ông ta bao giờ cũng hưởng ứng ý kiến chung, - Nhưng bằng cách nào ?
- Bằng cách lấy thư khác bổ sung cho thư này.
- Thế thì ta bắt tay vào việc ngay đi ! – Helena reo lên.

Mảnh giấy thứ hai còn bị mất nhiều chữ hơn mảnh trước. Trên đó chỉ còn vón vện vài từ không liên quan gì với nhau được sắp xếp như sau :



- Bản này viết bằng tiếng Đức, - John Mangler nói sau khi liếc qua tờ giấy.
- Anh có biết thứ tiếng ấy không, John ? – Glenarvan hỏi.
- Tôi rất thạo.
- vậy thì anh nói cho chúng tôi biết mấy từ này nghĩa là gì ?  
Thuyền trưởng chăm chú xem xét tờ giấy.

- Trước hết, - anh nói – bây giờ chúng ta có thể xác định đích xác thời gian xảy ra nạn đắm tàu : 7 Juni tức 1 à ngày 7 tháng 6, mà đối chiếu số đó với con số « sáu mươi hai » trong bản tiếng Anh ta có thể biết được thời gian chính xác ngày 7 tháng 6 năm 1862.

- Tuyệt diệu ! Helena mừng rỡ. - Rồi sao nữa, John ?

- Cũng ở dòng này - thuyền trưởng trẻ nói tiếp, - tôi thấy từ Glas, mà đối chiếu nó với từ gow của bản trước, ta có Glasgow. Chắc là ý nói con tàu xuất phát từ cảng Glasgow.

- Ý kiến tôi cũng vậy ! Thiếu tá tuyên bố.

- Trong bản này hoàn toàn không có dòng thứ hai. – John Mangler nói tiếp, - nhưng ở dòng thứ ba tôi thấy có hai từ rất quan trọng : Zwei, tức là « hai » và Matrosen, đúng hơn là Matrosen, dịch ra nghĩa là « thủy thủ ».

- Có nghĩa rằng, hình như câu chuyện ở đây nói về một người thuyền trưởng và hai thủy thủ, - Helena nói.

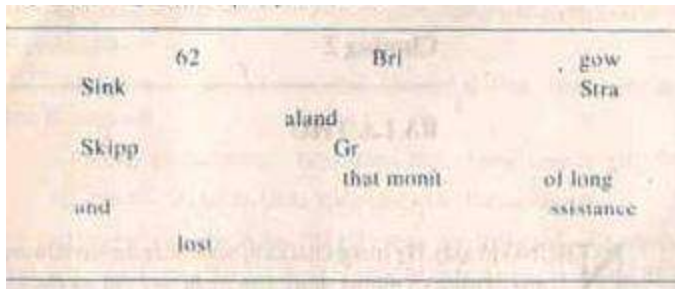
- Có lẽ như vậy – Glenarvan đồng ý.

- Tôi thừa nhận rằng, - thuyền trưởng nói tiếp, từ graus kể theo đó đặt tôi vào thế bí, không biết dịch thế nào. May ra bản thứ ba sẽ giải thích cho chúng ta điều đó. Còn hai từ cuối cùng thì có thể hiểu nghĩa một cách dễ dàng ‘bringt ihnen’ nghĩa là « hãy cứu giúp họ ». Còn nếu ta liên hệ những từ ấy với từ tiếng Anh assistance cũng ở vị trí tương tự như vậy trên dòng thứ 7 của bản thứ nhất thì sẽ được một câu toát ra ý là « Hãy cứu giúp họ ».

- Đúng ! « Hãy cứu giúp họ ! »- Glenarvan nhắc lại – Nhưng những người không may ấy đang ở đâu ? Cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa có chút chỉ dẫn nào về địa điểm xảy ra tai nạn cả.

- Chúng ta hy vọng rằng bản tiếng Pháp, - Glenarvan nói - tất cả chúng ta đều biết thứ tiếng này, vậy nên điều đó sẽ chẳng khó khăn gì.

Đây, bản sao chính xác bức thư thứ ba như sau :



- Bản này có những con số ! Helena reo lên – Các bạn hãy nhìn xem !  
Hãy nhìn xem !
- Chúng ta sẽ làm mọi việc theo thứ tự, - Huân tước Glenarvan nói, - và sẽ bắt đầu từ đầu. Cho phép tôi thử tự khôi phục lại ý của tất cả những từ không đầy đủ và rời rạc ấy. Ngay từ những từ đầu tôi thấy ý thư nói về một chiếc tàu ba cột buồm mà tên của nó nhờ bản tiếng Anh và tiếng Pháp ta đã biết rõ là « Britania ». Trong hai từ tiếp theo :gonie và austral (2) thì tất cả chúng ta mới chỉ hiểu được từ thứ hai.
- Thế là đã có một tình tiết quý giá, - Jonh Mangler tuyên bố. vậy là tai nạn đắm tàu đã xảy ra ở Nam bán cầu.
- Điều đó chưa được xác định rõ. Thiếu tá nhận xét
- Tôi tiếp tục, - Glenarvan nói - từ abor là gốc của từ aborder (3). Những người bị nạn đã tới được bờ biển nào đó. Nhưng ở đâu ? Contin (4) có nghĩa là gì ? Có phải là lục địa không ? Rồi cruel (5) nữa ?
- Cruel ! – John Mangles kêu lên. – Nghĩa của nó trong từ tiếng Đức Graus là grausam – tàn bạo !
- Chúng ta tiếp tục ! Chúng ta tiếp tục ! – Glenarvan nói. Ông ta chăm chú đọc bức thư với sự hứng thú ngày càng tăng lên mảnh tiết theo mức độ khám phá ra ý nghĩa của những từ dở dang ấy – Indi ... phải chăng chỗ này y nói về Ấn Độ, là nơi những người thủy thủ nó có thể đã bị dạt vào ? Còn từ ongit nghĩa là gì ? À ! Là longituoc (6) . Và đây, vì đó thì biết rồi : 37”
- 11. Thế là cuối cùng ta đã có sự chỉ dẫn chính xác !
- Đúng, nhưng chưa có kinh độ, - Mac Nabbs thốt lên.

- Không thể biết ngay tất cả được, thiếu tá thân mến ạ !Glenarvan nói. - Biết chính xác vì độ đâu phải là chuyện nhỏ ? Tôi quả quyết rằng bản tiếp Pháp là bản đầy đủ nhất trong số ba bản. Rõ ràng mỗi bản ấy đều là bản dịch sát nghĩa của bản khác, bởi vì số lượng đóng ở bản nào cũng đều giống nhau. Trong trường hợp này ta nên phối hợp ba bản lại, dịch chúng ra một thứ tiếng, rồi sau đó cố gắng tìm ra ý nghĩa đầy đủ nhất, hợp lý nhất và đúng sự thật nhất.

- Chú định dịch ra tiếng nào trong ba thứ tiếng ấy ? - Thiếu tá hỏi.

Glenarvan nói với cẻ đầy thuyết phục, mắt ông sáng lên niềm tin và hứng khởi, khiến những người nghe ông đồng thanh đáp lớn.

- Rõ ! Rõ !

Sau một phút yên lặng, huân tước phu nhân Glenarvan nói tiếp :

- Các bạn của tôi ơi, tất cả những điều phỏng đoán ấy tôi cảm thấy đúng như thật. Vậy theo tôi, tai nạn đã xảy ra gần bờ biển Patagonia. Tuy nhiên, nhất định về cảng Glasgow tôi sẽ thăm dò thêm xem tàu « britania » đã đi về hướng nào. Khi đó, chúng ta chắc chắn sẽ biết nó có thể bị đắm ở vùng biển ấy không ?

- Ồ, chúng ta khỏi cần phải đi xa thế,- John Mangles lên tiếng. Tôi có nguyên bộ ‘báo hàng hải’ đây, qua đó ta có thể tìm được những tin tức chính xác nhất.

- Vậy ta xem đi ! Helena.

- John Mangles lấy ra tập báo năm 1862 và bắt đầu xem lướt qua. Lát sau, anh ta đọc to lên với vẻ mãn nguyện

- « Ngày 30 tháng 5 năm 1862. Peru Coliao. Nơi đến Glasgow, tàu « Britania », thuyền trưởng Grant ».

- Grant ! Grant kêu lên. - Phải chăng đó là người Scotland dũng cảm đã định thành lập một vùng di dân mới ở một nơi nào đó trên Thái Bình Dương !

- Đúng, - John Mangles đáp. Chính là Grant đó đấy. Năm 1861, ông ta đã rời cảng Glasgow trên con tàu « Britania » và từ đó tới nay biệt vô âm tín.

- Bây giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa, không còn nghi ngờ gì nữa ! –



Glenarvan. – Đúng là ông ta rồi ! tàu « Britania » đã rời cảng Caliao ngày 30 tháng 5, nhưng ngày 7 tháng 6, sau khi rời cảng một tuần, nó đã bị nạn ở gần bờ biển Patagonia. Và đây, từ những chữ rời rạc tưởng như khó hiểu này chúng ta đã biết được toàn bộ lai lịch của nó. Các bạn của tôi ơi, các bạn thấy không, chúng ta đã đoán ra được nhiều điều ! Bây giờ chỉ còn điều chưa biết là kinh độ - chúng ta chỉ còn thiếu nó nữa thôi.

- Nhưng ta có cần gì điều đó – John Mangles tuyên bố, - vì đã biết được tên nước và vĩ độ, nơi xảy ra tai nạn rồi. Tôi bảo đảm tìm được nơi ấy.

- Thế nghĩa là chúng ta đã rõ hết mọi điều ? – Helena hỏi.

- Đúng vậy, em thân yêu ạ, và anh có thể khôi phục lại những chữ đã bị nước biển xóa nhòa với mức độ chính xác hệt như chính thuyền trưởng Grant đọc cho anh viết vậy.

Huân tước Glenarvan lại cầm bút và vững tin viết những dòng sau :  
« Ngày 7 tháng 6 năm 1862, tàu buồm « Britania » xuấ phát từ cảng Glasgow đã bị đắm tại bờ biển Patagonia Nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant lên được bờ và sẽ bị những người da đỏ hung dữ bắt làm tù binh. Họ đã bỏ thư này ở kinh độ và vĩ độ 37° 11' : Hãy cứu giúp họ, nếu không, họ sẽ chết ».

- Tuyệt ! Tuyệt lắm, anh Edward thân yêu ạ ! – Helena thốt lên – Và, nếu như những người bất hạnh ấy được thấy lại quê hương mình, thì họ sẽ biết ơn anh về niềm hạnh phúc đó !

- Họ sẽ nhìn thấy quê hương ! – Glenarvan đáp - Bức thư này đã rõ ràng và đích xác đến mức nước Anh không thể không cứu ba đứa con của mình bị dạt vào bờ biển hoang vu. Những gì mà nước Anh đã từng làm đối với Frankli (7) và nhiều người khác, thì bây giờ nước Anh sẽ làm đối với những người bị nạn trên tàu « Britania »

- Những người bất hạnh ấy, - Helena nói - tất nhiên là đều có gia đình, và người thân của họ đang khóc than họ. Có lẽ người thuyền trưởng tội nghiệp ấy đã có vợ, con ...

- Em yêu dấu, em nói đúng, anh đảm nhận việc báo tin cho vợ, con họ biết rằng, chưa phải đã hoàn thành mất hy vọng. Còn bây giờ, các bạn của tôi, chúng ta hãy lên boong tàu, vì hình như tày đ ặng đi về gần cảng.



Thực vậy, « Duncan », sau khi tâng tặc độ, lúc ấy đi qua đảo Butc. Phía bên phải đã hiện lên Rothesay. Sau đó, tàu lao nhanh vào con lạch hẹp của vùng biển, chạy qua Greenok và sáu giờ chiều đã thả neo tại Dumbarton, gần đây đá huyền vũ, nơi trên đỉnh có pháo đài nổi tiếng của người anh hùng Scotland tên là Wallace.

Ở bến cảng, đoàn thủy thủ có nhiệm vụ đưa huân tước phu nhân Glenarvan và thiếu tá Mac Nabbs đi Malcolm Castle đã đợi sẵn. Huân tước Glenarvan ôm hôn người vợ trẻ, rồi vội vã ra ga xe lửa đến cảng Glasgow.

Nhưng trước khi đi, ông đã tranh thủ sử dụng phương tiện thông tin nhanh nhất và chỉ vài phút sau phòng điện báo đã chuyển đến các tòa soạn tờ « Times » (Thời báo) và tờ « Morning chronicle » ( Thời sự buổi sáng ) thông báo như sau :

« Về số phận của chiếc tàu ba cột buồm « Britania » xuất phát từ cảng Glasgow và thuyền trưởng Grant, hãy liên hệ với huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle. Luss, Dumbarron. Scotland »

### **Chú thích :**

- 1) Những từ tiếng Anh có nghĩa Sink chìm aland nền đất liền and xa lost đã chết, Skipper thuyền trưởng assistan cầu giúp
- 2) Austral : ở phía Nam
- 3) Aborder : vào bờ
- 4) Cruel : tàn bạo
- 5) Longinude : kinh độ
- 6) Patagonia : ở phía Nam nước Argentine ngày nay (N.D )
- 7) John Franklin (1796 – 1848 ) nhà hàng hải người Anh bị mất tích trong cuộc hành trình thám hiểm lên Bắc Băng Dương . Nước Anh đã tổ chức một số đoàn thám hiểm đi tìm cứu ông.

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Chương 3**

#### **MALCOLM – CASTLE**

MALCOLM – CASTLE là một trong những lâu đài thơ mộng của vùng núi Scotland. Nó nằm sát làm Luss và vươn cao sừng sững trong một thung lũng đẹp đẽ.

Nước hồ Lomond trong xanh bao quanh những bức tường lâu đài được xây bằng đá hoa cương. Từ thuở xa xưa, lâu đài đã thuộc quyền sở hữu của dòng họ Glenarvan lưu tồn ở quê hương. Đây là xứ sở của các nhân vật Rob Roy và Fergus Mac Gregor trong các tác phẩm của Walter Scott – một vùng có truyền thống mến khách từ lâu đời. Trong những thời kỳ cách mạng ở Scotland, nhiều điền chủ nhỏ không trả nổi địa tô cho các thủ lĩnh thị tộc cũ đã bị đuổi đi(1). Một số bị chết đói, số khác cho rằng lòng trung thực chẳng những cần phải có đối với những người nghèo mà cả đối với những người giàu nữa, và vì thế đã không phân lại những tá điền của mình. Không một ai trong số những tá điền ấy rời khỏi nơi quê cha đất tổ, tất cả đều ở lại trên đất thị tộc. Do vậy, trong dinh thự hay trên tàu “Duncan” của huân tước Glenarvan, những người làm việc cho ông toàn là người Scotland, gốc vùng Stirling và Dumbarton, và đều là những người lương thiện và trung thực. Một số người trong đám họ vẫn còn nói tiếng cổ xưa của vùng Caledonie(2).

Huân tước Glenarvan là người sở hữu một cơ ngơi to lớn mà ông ta dùng để làm việc thiện cho những người nghèo ở chung quanh. Nhưng, lòng nhân hậu của ông thậm chí còn vượt quá lòng hào hiệp, bởi vì nếu lòng hào hiệp tất nhiên phải có giới hạn thì lòng nhân hậu lại vô hạn...

Huân tước Glenarvan không phải là người lạc hậu, cổ hủ, hẹp hòi, nhưng

trong khi tán thành tất cả những cái mới ở địa hạt của mình, trong thâm tâm ông vẫn là người Scotland. Và khi tham gia các cuộc đua thuyền của câu lạc bộ thuyền buồm vương quốc Anh, ông chỉ nghĩ đến sự vinh quang của xứ sở Scotland. Edward Glenarvan, 32 tuổi, dáng người cao, nét mặt hơi nghiêm khắc, nhưng đôi mắt lại hiền từ một cách lạ thường. Ông là người chính thống của vùng núi Scotland thơ mộng này. Ông cũng là người dũng cảm, hoạt bát và độ lượng vô cùng, là một Fergus của thế kỷ 19. Nhưng, điều quan trọng là ông còn nhân từ hơn cả thánh Martin(3), và nếu ở địa vị của thánh, ông ta không phải chỉ chia xẻ đâu, mà là cho luôn người hành khất ấy nguyên chiếc áo khoác của mình.

Huân tước Glenarvan mới lấy vợ được ba tháng nay. Vợ ông, nàng Helena, là con gái của một nhà du lịch nổi tiếng tên là William Tuffinel, một người cống hiến đời mình cho khoa học địa lý và cho sự ham mê khám phá.

Cô Helena không thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng là người Scotland, mà theo huân tước Glenarvan, điều ấy còn cao quý hơn bất kỳ tầng lớp quý tộc nào, và ông đã kén chọn cô gái tuyệt sắc, dững cả, quên mình ấy làm người bạn đời. Ông quen biết cô ở Kilpatrick, nơi cô bị mồ côi, phải sống cô đơn và vật lộn với thiếu thốn. Glenarvan đánh giá cao đức tính kiên nghị của cô và đã lấy cô. Helena là một cô gái tóc vàng 22 tuổi, mắt xanh như nước hồ Scotland trong buổi sớm mùa thu tuyệt đẹp. Tình yêu của nàng đối với chồng còn sâu đậm hơn lòng biết ơn của nàng đối với chàng. Nàng yêu chàng đến nỗi dường như chàng là kẻ mồ côi đơn độc, còn nàng là người thừa kế cơ ngơi to lớn. Những người nông dân và đầy tớ đều sẵn lòng chết vì “bà chủ nhân từ của làng Luss” như họ vẫn thường gọi Helena như vậy.

Đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc ở Malcolm Castle, giữa khung cảnh tự nhiên kỳ diệu của vùng núi Scotland. Họ dạo chơi trên những con đường râm mát bóng sồi và phong, bên những bờ hồ, xuống các khe núi hoang dã. Nơi đây, những cảnh điêu tàn kể lại với mọi người về lịch sử Scotland. Nay họ đi dạo trong những cánh rừng bạch dương và tùng bách, trên những

cánh đồng cỏ mênh mông, còn mai thì họ leo lên những đỉnh núi cao chót vót hoặc phi ngựa trong những thung lũng vắng vẻ. Họ đã nghiên cứu, tìm hiểu và yêu mến miền đất đầy chất thơ này, nơi vẫn thường được gọi là “xứ sở của Rob – Roy”, và tất cả những nơi danh tiếng mà Walter Scott đã hào hứng ngợi ca. Buổi tối, khi nơi chân trời trắng vừa mọc, họ đi dạo trên đường hành lang cổ kính bao quanh khắp toà lâu đài bằng những bức tường hình răng cưa. Còn bóng đêm thì dần dần quyện lại dày đặc trên đỉnh núi. Họ say sưa sống mãi với niềm hưng phấn, với sự gần gũi về tâm hồn, mà bí mật của nó chỉ có những trái tim đang yêu mới thấu hiểu nổi.

Những tháng đầu tiên của đôi vợ chồng trẻ đã diễn ra như vậy. Nhưng huân tước Glenarvan không quên rằng vợ chàng là con gái của nhà du lịch nổi tiếng. Chàng cảm thấy rằng ở nàng cũng phải có những ước vọng như của cha nàng, và chàng đã không làm. Chiếc tàu “Duncan” đã được đóng để đưa huân tước và phu nhân của chàng đi đến những nơi nào đẹp nhất thế gian, đến các hòn đảo của biển Egee, đến Địa Trung Hải. Ta có thể tưởng tượng Helena sung sướng biết chừng nào khi chồng nàng cho phép nàng toàn quyền sử dụng chiếc tàu “Duncan”. Quả thật, đối với cặp vợ chồng trẻ, còn gì vui thú hơn một chuyến du lịch sang vùng bờ biển mê hồn của Hy Lạp, hưởng tuần trăng mật ở những miền đất phương Đông thần tiên.

Thế rồi huân tước Glenarvan đã đi London. Vì chuyện liên quan đến việc cứu những người không may bị nạn, nên chuyến đi đột ngột của chồng không làm cho Helena buồn phiền. Nàng chỉ nóng lòng chờ đợi chàng. Bức điện tín nàng nhận được hôm sau đó hứa hẹn ngày chàng về không xa nữa. Buổi tối hôm ấy lại có thư cho biết huân tước bận ở lại London để giải quyết vài việc phức tạp mới xảy ra. Đến ngày thứ ba, nàng nhận được bức thư nữa, trong thư, ngài huân tước Glenarvan đã không giấu diếm sự phiền lòng đối với bộ tư lệnh hải quân.

Ngày hôm ấy Helena đã bắt đầu lo lắng. Buổi tối, nàng đang ngồi trong phòng riêng thì viên quản lý dinh thự là Halbert vào, hỏi nàng có thể tiếp

một cô gái trẻ và một chú bé xin gặp huân tước Glenarvan được không?

- Họ là dân địa phương à? – Helena hỏi.
- Không, thưa huân tước phu nhân, - viên quản lý nói. – tôi không biết họ. Họ đáp xe lửa đến Balloch, rồi từ đó đi bộ đến Luss.
- Anh mời họ vào đây, Halbert. – huân tước phu nhân Glenarvan nói.

Viên quản lý đi ra. Vài phút sau, một cô gái trẻ măng và một chú bé bước vào phòng Helena. Đó là hai chị em. Họ giống nhau đến nỗi không thể nghi ngờ được điều đó. Cô chị tuổi chừng 16. Gương mặt xinh xắn của cô hơi có vẻ mệt nhọc, đôi mắt cô vừa khiêm tốn, lại vừa dũng cảm, quần áo cô nghèo nàn, nhưng sạch sẽ. cô dắt tay một chú bé tuổi chừng 12. nét mặt chú nom rất kiên quyết. Dường như chú coi mình là người che chở cho chị. Đúng thế. Hiển nhiên là, nếu ai dám có thái độ coi thường cô gái, nhất định phải coi chừng chú bé này.

Cô chị đứng trước Helena hơi lúng túng, nhưng Helena đã kịp lên tiếng bắt chuyện với cô ta.

- Cô muốn nói chuyện với tôi phải không? – Helena hỏi, nhìn cô gái có vẻ khích lệ.
- Không, không phải với bà, - chú bé tuyên bố bằng một giọng quả quyết, - mà là với chính ông huân tước Glenarvan kia.
- Xin bà tha lỗi cho em cháu, - cô gái vội nói, đưa mắt trách cậu em.
- Huân tước Glenarvan không có nhà, - Helena giải thích, - nhưng tôi là vợ của huân tước, nếu tôi có thể thay huân tước được thì...
- Bà là huân tước phu nhân Glenarvan ạ? – cô gái hỏi.
- Đúng rồi.
- Là vợ của chính huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle, người đã cho đăng thông báo trên tờ “Times” nói về vụ đắm tàu “Britania” phải không ạ?
- Phải, phải! – Helena vội vàng đáp. – Thế cô là ai?
- Cháu là con gái của thuyền trưởng Grant, còn đây là em trai cháu.
- Cô Grant! Cô Grant! – Helena kêu lên, rồi ôm chầm lấy cô gái, và

hôn lấy hôn để chú bé.

- Thưa bà, - cô gái hồi hộp nói, - bà có biết gì về vụ đắm tàu và ba cháu không ạ? Ba cháu còn sống không ạ? Liệu có khi nào chúng cháu được gặp ba cháu không? Xin bà nói đi, cháu lạy bà!

- Cô bé yêu quý! Tôi không muốn đường đột kêu gọi cho hai chị em cô những hy vọng hão huyền...

- Xin bà cứ nói, cứ nói ạ! Cháu biết chịu đựng đau khổ và có thể nghe hết mọi chuyện.

- Cháu yêu quý ạ, - Helena đáp, - tuy rằng hy vọng rất mong manh, nhưng vẫn còn có khả năng một ngày nào đấy các cháu sẽ được gặp lại người cha của các cháu.

- Trời ơi, trời ơi!... Cô gái kêu lên và, không kiềm chế được nữa, cô nước nở khóc.

Còn em trai cô, Robert, lúc ấy lại nòng nhiệt hôn vào tay huân tước phu nhân Glenarvan.

Khi nỗi xúc động đau thương ban đầu đã qua, cô gái lại hỏi Helena dồn dập hết câu này đến câu khác, và huân tước phu nhân đã kể cho cô nghe câu chuyện về những bức thư, chuyện tàu “Britania” bị đắm ở bờ biển Patagonia, thuyền trưởng và hai thủy thủ thoát nạn có lẽ đã lên được bờ và cuối cùng, chuyện bức thư bằng ba thứ tiếng được để trong chai thả trôi trên biển, kêu gọi mọi người trên thế giới hãy cứu giúp họ.

Trong lúc kể chuyện, Robert Grant nhìn huân tước phu nhân Helena chăm chập, tưởng chừng như cả cuộc đời của chú phụ thuộc vào những lời kể ấy. Chú tưởng tượng lại những giây phút khủng khiếp mà cha chú đã phải trải qua, chú nhìn thấy cha trên boong tàu “Britania”, thấy cha ngụp lặn trong sóng biển, cùng với cha bấu víu vào những mỏm đá, vừa bò vừa thở dốc trên cát. Trong lúc nghe kể đã mấy lần chú buộc miệng thốt lên:

- Ôi cha, cha tội nghiệp của con! – Và chú lại nép sát hơn vào chị.

Còn cô Grant thì khoanh tay ngồi nghe không bỏ sót một lời.

- Thế còn bức thư, bức thư đâu, thưa bà?! – cô gái kêu lên khi Helena vừa dứt lời kể.

- Tôi không giữ bức thư ấy, cô bé yêu quý ạ! – Huân tước phu nhân

Helena trả lời.

- Không còn giữ nữa ạ?

- Phải, vì lợi ích của cha cháu, nên huân tước Glenarvan đã phải mang bức thư ấy đi London. Nhưng tôi đã kể cho cô nghe hết nội dung bức thư và các chúng tôi tìm hiểu nội dung bức thư ấy. Trong số những chữ rời rạc còn lại trong các câu bị nước biển xoá nhoà, sóng biển còn thương tiếc vài con số. thật không may, vẫn chưa biết được ở kinh độ nào...

- Có thể khỏi cần biết ở kinh độ nào cũng tìm được! – chú bé kêu lên.

- Tất nhiên là thế, Robert ạ! – Helena tán thành, bất giác mỉm cười trước thái độ kiên quyết ấy của Grant con – Cô thấy đấy, cô Grant ạ! – Helena lại quay sang cô gái. – bây giờ thì mọi chi tiết nhỏ nhất trong bức thư cô cũng đều biết rõ như tôi vậy.

- Vâng, thưa bà, - cô gái đáp, - nhưng cháu muốn được nhìn thấy nét chữ của cha cháu.

- Biết làm sao bây giờ, có thể ngày mai huân tước Glenarvan sẽ trở về. Có trong tay một bức thư rõ ràng, ngài huân tước đã quyết định trình nó lên bộ tư lệnh hải quân và yêu cầu phái ngay một chiếc tàu đi tìm thuyền trưởng Grant.

- Có thể như thế được ư? – Cô gái thốt lên – Phải chăng, ông bà đã làm điều đó vì chúng cháu?

- Đúng thế cô ạ, và tôi đang đợi huân tước Glenarvan từng phút đây.

- Thưa bà, - cô gái nói với lòng biết ơn và tin tưởng sâu sắc, - mong trời phù hộ cho bà và huân tước Glenarvan.

- Cô bé yêu quý, - Helena trả lời, - chúng tôi không xứng đáng được cảm ơn một chút nào cả; bất kỳ ai ở cương vị chúng tôi cũng đều làm như thế. Chỉ mong sao những hy vọng mà tôi đã gieo vào lòng các cháu sẽ được thực hiện. Còn trong lúc đợi nhà tôi về, dĩ nhiên là các cháu cứ ở lại đây...

- Thưa bà, cháu không dám lạm dụng lòng thương cảm của bà đối với chúng cháu, những người xa lạ đối với bà.

- Những người xa lạ! không, cháu yêu quý, cả em trai cháu lẫn cháu đều không phải là những người xa lạ trong ngôi nhà này, và tôi nhất định muốn rằng nhà tôi khi trở về sẽ báo cho những đứa con của thuyền trưởng

Grant biết cần phải làm gì để cứu cha của chúng.

Không thể từ chối một lời chân tình như thế, hai chị em cô Grant đã ở lại Malcolm Castle đợi huân tước Glenarvan.

**Chú thích:**

(1) Sau cách mạng tư sản Anh thế kỷ 17 ở Scotland, những quan hệ ruộng đất cũ đã bị phá vỡ, nhiều nông dân từ những người sở hữu ruộng đất trở thành người lính canh.

(2) Tên gọi cũ của Scotland.

(3) Truyền thuyết về thánh Martin kể rằng có lần vị thánh đã xẻ đôi chiếc áo khoác duy nhất của mình cho một người hành khất để chống rét.



## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### **Chương 4**

#### **ĐỀ NGHỊ CỦA HUÂN TƯỚNG PHU NHÂN GLENARVAN**

Trong câu chuyện với các con của thuyền trưởng Grant, huân tước phu nhân Helena không đã động gì đến những điều lo ngại mà huân tước Glenarvan đã viết trong thư có liên quan đến câu trả lời của bộ tư lệnh hải quân về đề nghị của ông. Helena cũng không hé lời nào về việc thuyền trưởng Grant có thể đã bị những người da đỏ Nam Mỹ bắt giữ. Ai nữ làm cho những đứa trẻ tội nghiệp ấy thêm đau khổ và dập tắt tia hy vọng vừa loé sáng trước mặt chúng làm gì! Mà điều ấy cũng hoàn toàn không làm thay đổi được sự việc... Và, vì vậy, huân tước phu nhân Helena, sau khi trả lời tất cả những câu hỏi của cô Grant, đến lượt mình, đã hỏi thăm sức khoẻ cô như thế nào, một mình nuôi nấng đứa em trai ra sao.

Câu chuyện đơn giản và cảm động của cô càng làm tăng thêm mối cảm tình của huân tước phu nhân đối với cô.

Mary và Robert là những đứa con duy nhất của thuyền trưởng Grant. Vợ của ông đã qua đời khi sinh Robert. Trong thời gian những chuyến đi xa ông đã giao con mình cho người chị họ tốt bụng chăm sóc. Thuyền trưởng Grant là một thuỷ thủ dũng cảm kết hợp được những phẩm chất của một nhà hàng hải và một thương gia, điều rất quý giá đối với thuyền trưởng của một đội tàu buôn. Ông đã sống ở Scotland, tại thị trấn Dundee huyện Perth và là người gốc Scotland. Cha của ông, một linh mục nhà thờ Sainte-katrine, đã lo cho ông được học hành đến nơi đến chốn. Ông cho rằng điều ấy không có hại gì cho ai, và thậm chí còn có lợi đối với một người thuyền trưởng đi xa.

Trong những chuyến viễn dương đầu tiên, Harry Grant, thoát đầu làm phó thuyền trưởng, sau đó làm thuyền trưởng. Công việc của ông thuận buồm

xuôi gió và, sau khi sinh đứa con trai được mấy năm, ông đã có được một cơ ngơi nho nhỏ.

Và chính khi đó, trong ông đã nảy sinh ý nghĩ khiến ông trở thành người lừng tiếng khắp cả Scotland. Giống như dòng họ Glenarvan và một vài dòng họ Scotland danh tiếng khác, trong thâm tâm, ông không chấp nhận chính quyền của nước Anh. Theo quan điểm của ông, thì những lợi ích của tổ quốc ông không thể phù hợp với những lợi ích của người Anh, và ông đã quyết định thành lập vùng di dân Scotland lớn trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương. Có thể là bằng cách nào đó ông đã tiết lộ những hy vọng thầm kín của mình. Dẫu sao thì chính phủ Anh cũng đã từ chối việc giúp đỡ thực hiện dự án của ông. Hơn thế nữa: chính phủ đã gây ra cho thuyền trưởng Grant đủ mọi cản trở. Nhưng Harry Grant không chịu khuất phục: ông đã kêu gọi lòng yêu nước của đồng bào ông, đã hy sinh tài sản của mình, bán đi lấy tiền đóng chiếc tàu “Britania” và sau khi tuyển chọn một đoàn thủy thủ tài giỏi, ông đã cùng họ đi nghiên cứu những hòn đảo lớn trên Thái Bình Dương. Còn các con của mình, ông gửi lại cho người chị họ già trông nam. Đó là vào năm 1861. Trong suốt một năm, cho đến tận tháng 5 năm 1862, ông vẫn thường xuyên có tin tức. Nhưng từ khi ông rời cảng Collao tháng 6 năm 1862 thì không ai biết tin gì về tàu “Britania” nữa. Cả tờ “Gazette Maritime” (báo Hàng Hải) cũng im hơi lặng tiếng về số phận của thuyền trưởng Grant.

Người chị họ già của Harry Grant đột ngột qua đời, thế là các con ông sống trở trọi bơ vơ. Mary Grant mới 14 tuổi đầu, nhưng đã là cô bé dũng cảm. Bị lâm vào tình trạng vất vả như vậy, cô không ngã lòng, vẫn toàn tâm, toàn ý nuôi nấng, dạy dỗ đứa em trai đang còn hoàn toàn trẻ con. Cô bé biết lo xa, thận trọng, tiết kiệm, suốt ngày đêm quên mình làm việc vì em, giáo dục em và kiên trì đảm nhận phận sự của người mẹ.

Hai đứa nhỏ đã sống ở Dundee, quyết tâm vật lộn với thiếu thốn. Mary chỉ nghĩ đến em trai và ước mơ tương lai hạnh phúc cho em. Cô bé tội nghiệp

đình ninh rằng tàu “Britania” đã bị đắm và cha không còn nữa. Không sao diễn tả nỗi sợ hãi của Mary khi cô tình cờ đọc được thông báo trên tờ “Times” (Thời báo). Lời thông báo ấy đã đưa cô thoát ra khỏi nỗi thất vọng mà bấy lâu nay cô đã phải chịu đựng. Cô quyết định hành động ngay. Dù cho thân thể của cha cô được tìm thấy ở nơi hoang vu nào đó, lẫn trong sắt thép vụn của chiếc tàu bị nạn, thì như thế vẫn còn hơn là phải suốt đời nghi hoặc, đau khổ vì không biết tin tức gì cả.

Cô đã kể hết với em trai. Ngày hôm ấy, hai đứa con của thuyền trưởng Grant, lên tàu hoả đi Perth và chiều tối đã đến Malcolm Castle, và ở đây, sau biết bao nỗi đau khổ về tinh thần, Mary đã lấy lại được niềm hy vọng.

Và đây, Mary Grant đã kể cho huân tước phu nhân Glenarvan nghe câu chuyện buồn thảm ấy. Cô đã kể hết mọi điều một cách đơn giản, không chút gì tỏ ra mình đã vượt qua những năm tháng đặng đặng đầy thử thách đó như một người anh hùng. Nhưng đối với Helena thì điều ấy lại rõ ràng và, khi nghe Mary kể, Helena đã khóc và ôm hôn cả hai đứa con của thuyền trưởng Grant.

Robert đã cảm thấy như đến bây giờ mới được biết tất cả những điều ấy. Chú giương to cặp mắt nghe chị kể. Lần đầu tiên chú hiểu cạn kẽ rằng vì chú mà chị đã làm biết bao nhiêu điều, chịu đựng biết bao cơ cực, và cuối cùng, không thể cầm được nữa, chú đã lao đến ôm ghì lấy chị.

- Mẹ ơi! Mẹ yêu quý của con! – Chú thốt lên đầy xúc động.

Chuyện còn dài, nhưng trời đã khuya, huân tước phu nhân Helena biết những đứa trẻ đã mệt, nên quyết định ngưng lại. Mary và Robert được dẫn vào các phòng dành cho chúng và chúng ngủ thiếp đi với niềm hy vọng vào tương lai.

Sau khi những đứa trẻ ra khỏi phòng, huân tước phu nhân Helena cho mời thiếu tá lên và kể cho ông nghe tất cả những gì đã xảy ra trong buổi tối ấy.

- Cô gái Mary Grant thật đáng yêu! – Mac Nabbs nhận xét sau khi nghe huân tước phu nhân Helena kể.

- Chỉ mong sao cho nhà tôi lo xong được việc ấy. – Helena nói, nếu không thì tình cảnh của hai đứa bé này sẽ hết sức gay go!

- Huân tước Glenarvan sẽ đạt được điều mong muốn, - Mac Nabbs nhận xét. – Các ngài huân tước ở bộ tư lệnh hải quân ấy đâu phải tim sắt đá nào!

Nhưng mặc dù thiếu tá tin như vậy, huân tước phu nhân vẫn trải qua một đêm trằn trọc mất ngủ.

Hôm sau, khi Mary và Robert vừa thức giấc lúc trời rạng sáng, đang dạo chơi trên sân rộng trong lâu đài, bỗng có tiếng xe ngựa ồn ào tiến lại gần. Đó là huân tước Glenarvan trở về Malcolm Castle. Bầy ngựa phóng hết tốc lực...

Gần như đúng lúc chiếc xe ngựa đỗ ở sân, Helena, có thiếu tá đi cùng, đã kịp lao ra đón chông.

Vẻ mặt huân tước thất vọng. Ông lặng lẽ ôm hôn vợ.

- Thế nào rồi, anh Edward? – Helena hỏi.

- Bọn người ấy hẳn tâm lắm, em thân yêu ạ! – Huân tước Glenarvan trả lời.

- Họ từ chối?

- Ừ, họ đã khước từ yêu cầu của chúng ta phái tàu đi tìm. Họ nhắc lại chuyện trước đây đã tốn hàng triệu đồng phí tổn vô ích vào việc tìm kiếm Franklin! Họ tuyên bố rằng bức thư tối nghĩa, khó hiểu. Họ nói rằng tai nạn xảy ra với những người bất hạnh ấy cách đây hai năm rồi, bây giờ rất ít cơ hội tìm thấy họ. Họ quả quyết rằng những người gặp nạn đã bị những người da đỏ bắt làm tù binh, tất nhiên là đã bị đưa sâu vào đất liền và không nên đi khắp đất nước Patagonia để tìm ba người, lại là ba người Scotland! Họ còn nói những cuộc tìm kiếm mạo hiểm vô ích này sẽ làm hại nhiều người hơn là cứu ba người. Tóm lại, họ đã dẫn ra đủ mọi kết luận có thể để khước từ. Họ đã nhắc đến những dự án của thuyền trưởng và nói rằng Grant đã chết không bao giờ trở về được nữa!

- Ôi, cha tội nghiệp của con! – Mary Grant kêu lên và quỳ xuống

trước mặt Glenarvan.

- Cha của cô ư? – Huân tước Glenarvan hỏi, ngạc nhiên nhìn cô gái đang phục dưới chân mình. Không lẽ... cô là...

- Đúng đấy, anh Edward ạ, - Helena xen vào, - cô Mary và em trai Robert là con của thuyền trưởng Grant, đấy là những đứa trẻ mà các ngài ở bộ tư lệnh hải quân vừa mới buộc phải chịu cảnh cô độc.

- Chà, cô là... - huân tước Glenarvan nói, đỡ cô gái đứng dậy, - nếu tôi biết cô ở đây thì...

- Huân tước không nói hết câu. Sự im lặng nặng nề bao trùm lên sân lâu đài, không ai nói câu nào... cả huân tước và huân tước phu nhân Helena, lẫn thiếu tá và những người hầu đứng yên chung quanh chủ của họ. Rõ ràng là tất cả những người Scotland này đều căm phẫn chính phủ Anh.

Mấy phút sau, thiếu tá hỏi huân tước Glenarvan:

- Thế là chúng ta không còn hy vọng gì?

- Không còn gì!

- Biết làm sao bây giờ! Đã vậy thì cháu sẽ đi gặp các ngài ấy! – Chú bé Robert kêu lên. – Rồi xem sẽ ra sao...

Cô chị không cho em nói hết lời, nhưng bàn tay nắm chặt của chú bé chứng tỏ chú không dễ dàng chịu khuất phục.

- Không, Robert, không! – Mary Grant nói. – Chúng ta hãy cảm ơn ông bà chủ lâu đài yêu quý về tất cả những gì đã dành cho chúng ta. Chúng ta sẽ suốt đời không quên điều đó. Rồi chúng ta sẽ ra đi.

- Mary! Huân tước phu nhân Helena kêu lên.

- Cô định làm gì? – Huân tước Glenarvan hỏi cô gái.

- Cháu muốn phục dưới chân nữ hoàng, - cô gái trả lời, - và xem bà ta có để tai nghe lời cầu khẩn cứu giúp của hai đứa trẻ không?

Huân tước Glenarvan lắc đầu; không phải vì ông nghi ngờ lòng tốt của nữ hoàng, mà vì ông hiểu rằng Mary Grant không thể gặp được bà.

Những lời cầu khẩn ít khi đến được các bậc ngai vàng, vì trên các cửa cung điện nhà vua dường như thường viết những chữ mà người Anh hay để bên cạnh tay lái tàu thủy: “Passengers are required not to speak to the man at the wheel” (yêu cầu hành khách không nói chuyện với người lái).

Huân tước phu nhân Helena hiểu ý chồng. Nàng biết rằng ý định của cô gái sẽ phải kết thúc chẳng ra gì. Đối với nàng rõ ràng là từ nay cuộc sống của hai đứa bé này sẽ hoàn toàn thất vọng. Và ngay lúc ấy nàng thoáng nảy ra một ý nghĩ cao thượng và vĩ đại...

- Mary Grant! – Helena kêu lên – Khoan đã, đừng đi cháu. Hãy nghe lời tôi đây.

Huân tước phu nhân hồi hộp, rưng rưng nước mắt nói với chồng.

- Anh Edward! Thuyền trưởng Grant khi bỏ thư xuống biển đã phó thác số phận mình cho ai nhận được thư. Thư ấy đã lọt vào tay chúng ta...

- Em muốn nói gì vậy, Helena? – huân tước Glenarvan hỏi.

Mọi người xung quanh đều im lặng.

- Em muốn nói rằng, - Helena tiếp lời, - bắt đầu cuộc sống vợ chồng bằng một việc thiện là một điều hạnh phúc lớn lao! Chính anh đó, anh Edward thân yêu, để làm cho em vui thú, anh đã dự định một chuyến viễn du giải trí. Nhưng liệu có thể thấy vui thú thật không, và có ích lợi hơn việc cứu những người bất hạnh mà tổ quốc đã khước từ giúp họ không?

- Helena! – Glenarvan kêu lên.

- Vâng, anh đã hiểu em, anh Edward. “Duncan” là một chiếc tàu tốt, chắc chắn. Nó có thể dũng cảm bơi đến các biển miền Nam, có thể thực hiện được cuộc du lịch vòng quanh thế giới và nó sẽ hoàn thành việc đó nếu cần phải như thế! Hãy lên đường đi, anh Edward! Chúng ta sẽ đi tìm thuyền trưởng Grant.

Sau khi nghe những lời nói kiên quyết ấy của người vợ trẻ, huân tước Glenarvan đã ôm hôn vợ đắm thắm; trong khi đó Mary và Robert hôn tới tấp vào tay nàng, còn những người đầy tớ trong lâu đài thì xúc động và khâm phục trước cảnh tượng ấy, thành tâm hô to:

- Hoan hô! Bà chủ làng Luss muôn năm!

- Hoan hô ông bà huân tước Glenarvan!

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### **Chương 5**

#### **“DUNCAN” RỜI BẾN**

Chúng ta đã nói huân tước phu nhân Helena là một người phụ nữ rộng lượng và kiên nghị. Việc làm của nàng đã chứng minh rõ ràng điều đó. Huân tước Glenarvan thực sự có thể tự hào về người vợ cao thượng như thế, nàng có thể hiểu chàng và sát cánh cùng đi với chàng. Ngay từ lúc ở London, khi yêu cầu của chàng bị khước từ, chàng đã thoáng có ý nghĩ sẽ một mình đi tìm thuyền trưởng Grant, và nếu chàng không nói điều ấy ra trước Helena thì đó chỉ là vì chàng không thể chấp nhận được ý nghĩ phải xa nàng. Nhưng, nếu Helena muốn đích thân cùng đi thì không thể có sự do dự nào nữa. Những người hầu đều phấn khởi hoan nghênh đề nghị này, bởi vì đó là chuyện đi cứu những người Scotland như chính họ. Và Glenarvan cũng thành tâm hưởng ứng tiếng reo “hoan hô” của họ đối với bà chủ trẻ của lâu đài Malcolm Castle.

Một khi chuyến đi đã được quyết định rồi thì không nên để mất thêm giờ nào nữa. Ngay hôm ấy, huân tước Glenarvan đã ra lệnh cho John Mangles đưa tàu “Duncan” đến cảng Glasgow và chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình vòng quanh thế giới. Cần nói rằng, khi đề nghị đưa “Duncan” đi thám hiểm, huân tước phu nhân Helena đã đánh giá không sai phẩm chất của nó. Con tàu chắc chắn và chạy rất nhanh ấy không thể sợ một chuyến đi xa nào.

Đó là một chiếc tàu buồm tuyệt vời chạy bằng hơi nước, trọng tải 210 tấn, trong khi đó, những chiếc tàu đầu tiên đến châu Mỹ như tàu Colomb, Vespuce, Pinzon, Magellan đều có trọng tải nhỏ hơn nhiều(1).

Hai cột buồm của “Duncan” – cột buồm trước và buồm cái – mỗi cột mang hai cánh buồm thẳng, ngoài ra trên tàu còn có những cánh buồm lệch. Tóm lại là số buồm của “Duncan” hoàn toàn bảo đảm cho nó có thể chạy như một tàu buồm có tốc độ nhanh. Nhưng tất nhiên, lớn hơn cả vẫn là có thể trông cậy vào lực cơ khí của nó, máy hơi nước được chế tạo theo thiết kế



mới nhất. Đó là một động cơ cao áp 160 mã lực làm chuyển động hai chân vịt (chân vịt kép). Nếu chạy với áp suất hơi cao nhất thì “Duncan” có thể đạt đến tốc độ chưa từng có. Trong thực tế, lần chạy thử ở vịnh Clyde, kim đồng hồ tốc độ đã chỉ đến con số 17 hải lý một giờ.

Đương nhiên là “Duncan” có thể dừng cảm ra đi thậm chí vòng quanh thế giới cũng được.

John Mangles chỉ còn lo việc thiết bị lại bên trong tàu. Trước hết, anh ta cho mở rộng các hố đựng than để có thể tăng sức chứa nhiều hơn, bởi lẽ đi đường đâu có dễ dàng bổ sung được nguồn nhiên liệu dự trữ.

John Mangles khéo tính dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong hai năm. Quả là anh ta không thiếu tiền, anh ta thậm chí có đủ tiền sắm một khẩu đại bác vừa vừa đặt trên boong. Ai mà biết được trên đường đi có thể xảy ra những chuyện gì.

Cần phải nói rằng John Mangles là người am hiểu công việc của mình. Mặc dù anh ta chỉ huy một tàu buồm thôi, nhưng nói chung, anh được coi là một trong những thuyền trưởng tàu buồm giỏi nhất cảng Glasgow. John đã 30 tuổi. Nét mặt anh hơi nghiêm khắc, hiện rõ lòng dũng cảm và nhân hậu. Anh về ở lâu đài Malcolm – Castle từ khi còn nhỏ. Gia đình Glenarvan đã cho anh học hành và đào tạo anh thành một thuỷ thủ tuyệt vời. Trong một số chuyến đi xa do John Mangles điều hành, anh đã tỏ rõ tài nghệ, nghị lực và tính điềm đạm của mình. Khi Glenarvan giao cho anh chỉ huy tàu “Duncan”, anh đã vui lòng đảm nhận, bởi vì anh đã yêu quý người chủ lâu đài Malcolm – Castle như người anh em và tìm dịp để bày tỏ lòng trung thành của mình đối với chủ.

Người giúp việc của John Mangles – Tom Austin – là thuỷ thủ lão luyện hoàn toàn đáng tin cậy. Kể cả thuyền trưởng và phó thuyền trưởng, tàu “Duncan” gồm có 25 người. Tất cả họ, những người thuỷ thủ dày dạn, đều là người gốc Dumbarton, đều là con em các tá điền làm thuê cho dòng họ Glenarvan. Ngay cả ở trên tàu họ cũng vẫn chứng tỏ mình là dòng dõi của người Scotland can đảm. Như vậy là Glenarvan đã có dưới quyền mình một đoàn thuỷ thủ trung thành, dũng cảm, thiết tha với công việc, có kinh nghiệm, biết sử dụng vũ khí và thích hợp với những cuộc phiêu lưu mạo



hiểm nhất. Khi đoàn thuỷ thủ “Duncan” được biết hướng đi, mọi người đã không sao kiềm nổi niềm vui sướng và reo lên hoan hô vang dội cả vách núi Dumbarton.

John Mangles trong khi miệt mài lo việc bốc nhiên liệu và lương thực lên tàu “Duncan” đã không quên việc cần phải bố trí phòng ở cho vợ chồng huân tước trong chuyến đi xa này. Đồng thời, anh cũng phải chuẩn bị phòng cho các con của thuyền trưởng Grant – vì huân tước phu nhân Helena không thể không chiều theo yêu cầu của Mary cho cô được đi theo tàu “Duncan”. Còn Robert, tất nhiên, thà trốn lẹ xuống hầm tàu còn hơn phải ở lại trên bờ. Chú tình nguyện đi tàu “Duncan” làm thuỷ thủ thiếu niên, giống như Nelson và Franklin hồi nào. Ai nỡ lòng từ chối một chú bé như vậy! Thậm chí người ta cũng không có ý đồ ấy. Đành phải chấp nhận cả việc coi như chú không phải như một hành khách, mà là một thành viên của đoàn thám hiểm. John Mangles đã được giao việc dạy nghề đi biển cho chú.

- Tuyệt quá! - Robert tuyên bố - Xin thuyền trưởng đừng thương xót cháu và cứ cho ăn roi, nếu cháu làm điều gì đó không phải.
- Hãy yên tâm về cái khoản đó, chú bé của tôi ạ. – Glenarvan nghiêm giọng nói.

Để bổ sung danh sách hành khách của tàu, còn phải kể đến thiếu tá Mac Nabbs. Đó là một người tuổi chừng 50. Với nét mặt cân đối, trầm tĩnh, hiền hoà và độ lượng, Mac Nabbs bao giờ cũng chấp hành đúng mệnh lệnh, luôn luôn đồng tình với mọi người trong mọi việc. Ông không bao giờ tranh luận về một việc gì, không cãi lộn với ai, không bao giờ mất bình tĩnh. Ông leo lên thành hầm bị phá sập cũng bình tĩnh như leo cầu thang lên phòng ngủ của mình vậy. Không có cái gì, thậm chí bom nổ cũng không thể làm cho ông lo âu hoặc đi trệch khỏi đường hướng của ông, và hẳn là chờ đến khi nhắm mắt xuôi tay ông cũng không một lần tức giận. Mac Nabbs không những là một chiến binh dũng cảm, một người có thể lực cường tráng, mà ở ông còn có phẩm chất quý giá hơn nữa, ấy là lòng nhân đạo – đó cũng chính là sức mạnh tinh thần của ông. Điểm yếu duy nhất của ông: ông là

người Scotland chính gốc, một người con chân chính của Caledonia và kiên quyết giữ lại mọi phong tục cổ xưa của quê hương mình. Bởi vậy, không bao giờ ông muốn phục vụ cho nước Anh: còn quân hàm thiếu tá của mình ông đã nhận ở trung đoàn cận vệ kỵ binh 42, nơi các sĩ quan chỉ huy được bổ nhiệm toàn là các nhà quý tộc người Scotland. Là người ruột thịt của Glenarvan, Mac Nabbs đã sống ở Malcolm – Castle; là một sĩ quan, thiếu tá coi việc đi biển trên tàu “Duncan” là một việc hoàn toàn tự nhiên.

Đó là những hành khách của chiếc tàu buồm mà hoàn cảnh bất ngờ đã khiến họ chấp nhận thực hiện một trong những cuộc thám hiểm kỳ diệu nhất của thời đại.

Từ lúc xuất hiện ở bến tàu Glasgow, “Duncan” bắt đầu gây sự tò mò của công chúng. Ngày nào cũng có đông người đến xem tàu, người ta bàn tán nhiều về nó. Điều này làm các thuyền trưởng khác chẳng thích thú gì, kể cả thuyền trưởng Burton, chỉ huy chiếc tàu lộng lẫy “Scotland” đang đậu sát tàu “Duncan” chuẩn bị đi Calcutta. Thuyền trưởng của con tàu đồ sộ ấy quả thực có quyền từ trên cao nhìn xuống tàu “Duncan” bé con láng giềng của mình. Tuy nhiên, ý thích chung của mọi người ngày càng hướng về chiếc tàu của Glenarvan.

Thời gian nhổ neo của “Duncan” đã tới gần, John Mangles tỏ ra là một thuyền trưởng thành thạo và đầy nghị lực. Sau một tháng kể từ ngày chạy thử ở vịnh Fort-Of-Clyde, “Duncan” đã được nạp nhiên liệu, lương thực, được trang bị để đi xa và giờ đây đã sẵn sàng ra khơi. Ngày nhổ neo được ấn định vào ngày 25 tháng 8. Như vậy là chiếc tàu buồm có thể đến các vĩ độ phía Nam vào khoảng đầu mùa xuân tới.

Khi dự án của huân tước Glenarvan được nhiều người biết đến thì ông phải nghe không ít ý kiến nhận xét về nỗi gian lao và nguy hiểm của một cuộc hành trình như thế. Nhưng, ông đã không mảy may để ý đến và vẫn chuẩn bị rời khỏi Malcolm-Castle. Đến lúc ấy, nhiều người đã từng bài bác ngài huân tước Scotland lại bắt đầu ngấm thán phục ông. Cuối cùng, dư luận xã

hội đã công khai đứng về phía ông, và tất cả báo chí, trừ các cơ quan ngôn luận của chính phủ, đều nhất trí lên án hành vi của các nhà quý tộc ở bộ tư lệnh hải quân. Mặc dù vậy, huân tước Glenarvan vẫn đứng đờ đẫn đối với những lời khen ngợi, cũng như những lời chê bai – ông cứ làm công việc mà ông coi là nghĩa vụ của mình, còn chuyện khác không làm ông bận lòng.

24 tháng Tám, Glenarvan, huân tước phu nhân Helena, thiếu tá Mac Nabbs, Mary và Robert Grant, anh chàng Olbinett, đầu bếp trên tàu, và vợ anh là cô Olbinett, người hầu của huân tước phu nhân Glenarvan, bắt đầu rời khỏi Malcolm-Castle. Những người đầy tớ trung thành với gia đình Glenarvan đã tổ chức tiễn đưa họ đầy nhiệt tình.

Vài giờ sau, những người viễn du đã có mặt trên tàu “Duncan”. Dân chúng Glasgow với lòng đầy thiện cảm chào mừng huân tước phu nhân Helena, người phụ nữ trẻ tuổi dũng cảm, đã khước từ cuộc sống xa hoa với đủ mọi thú vui êm ái để vội vã ra đi cứu giúp những người bị nạn đắm tàu...

“Duncan” định ra khơi ngày 25 tháng 8, khoảng ba giờ sáng, lúc thủy triều bắt đầu xuống...

Mười một giờ tối, mọi người đã có mặt trên tàu. Thuyền trưởng và đoàn thủy thủ lo chuẩn bị những việc cuối cùng. Lúc nửa đêm. Họ bắt đầu nhóm lò. Thuyền trưởng ra lệnh xúc than vào lò thật nhanh, và chẳng bao lâu, những cụm khói đen đã toả vào sương đêm. Các cánh buồm chưa dùng đến vì đang gió Tây Nam, đã được bọc kín bằng vải gai để khỏi bị ám khói.

Đến hai giờ sáng, trên tàu “Duncan” người ta đã bắt đầu cảm thấy những tiếng rung do nồi hơi phát ra: Áp kế chỉ bốn atmosphere, hơi thừa rít xè xè qua các miệng van. Giữa lúc thủy triều lên và xuống gió tạm thời yên lặng. Trời bắt đầu sáng, đã có thể nhìn thấy lạch sông Clyde, các phao tiêu trên sông với những đèn pha đã bị lu mờ trước ánh bình minh. Đã đến giờ nhỏ

neo, John Mangles ra lệnh báo cáo cho huân tước Glenarvan biết, và huân tước lên ngay boong tàu.

Chẳng mấy chốc nước bắt đầu rút. “Duncan” rúc những hời còi rền vang, các dây buộc tàu đã được cuốn lại, con tàu rời bến. Chân vịt bắt đầu quay. “Duncan” bơi theo lạch, John không lấy theo hoa tiêu vì anh đã quá thuộc lạch sông Clyde và không ai có thể đưa tàu ra khơi giỏi hơn anh. Chiếc tàu buồm ngoan ngoãn di động theo ý muốn của John. Anh làm việc lặng lẽ, chắc chắn, tay phải điều khiển máy, tay trái điều khiển tay lái. Chẳng mấy chốc những nhà máy cuối cùng trên bờ đã hoà lẫn vào các biệt thự nhô cao trên những quả đồi ven biển. Tiếng ồn ào của phố cảng bật lại phía xa.

Một giờ sau, “Duncan” đã băng qua dãy núi Dumbarton và hai giờ sau đã ra tới vịnh Fort-Of-Clyde. Sáu giờ sáng, chiếc tàu buồm đã lướt sóng ngoài biển khơi.

**Chú thích:**

*(1) Christophe Colomb đã hoàn thành cuộc hành trình thứ 4 đến châu Mỹ bằng 4 chiếc tàu: Colomb đi tàu lớn nhất, trọng tải 70 tấn, còn tàu nhỏ nhất trọng tải 50 tấn. Đó là những tàu chỉ để chạy ven biển (ghi chú của tác giả)*

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

## **Chương 6**

### **HÀNH KHÁCH BUỒNG SỐ SÁU**

Ngày đầu “Duncan” ra khơi, biển không lặng sóng lắm, về chiều gió thổi mạnh hơn, “Duncan” lắc dữ. Bởi vậy, nhóm phụ nữ không dám lên boong tàu. Họ nằm trên giường trong phòng mình.

Hôm sau, gió đã đổi hướng đôi chút. Thuyền trưởng John Mangles ra lệnh kéo buồm lên. Nhờ vậy, “Duncan” trở nên ổn định, bớt cảm thấy tròng trành hơn. Huân tước phu nhân Helena và Mary sáng sớm đã có thể trở lên boong tàu, ở đây đã có mặt huân tước Glenarvan, thiếu tá và thuyền trưởng.

Cảnh bình minh trên mặt biển thật kỳ ảo. “Duncan” lướt trôi trong những lồng ánh sáng ban mai, dường như không phải gió mà là những tia mặt trời thổi vào buồm tàu.

Hành khách trên tàu im lặng chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc.

- Ôi, thật là một cảnh tượng kỳ diệu! – Cuối cùng, huân tước phu nhân Helena thốt lên. – Mặt trời mọc thế này là hứa hẹn một ngày tuyệt đẹp đây. Chỉ mong sao gió đừng đổi hướng và cứ thuận buồm xuôi gió mãi thế này!

- Khó mong được hưởng gió thuận lợi hơn nữa, em Helena thân yêu ạ, - huân tước Glenarvan nhận xét, - và chúng ta cũng không phải buồn phiền về ngày mở đầu chuyến đi hôm nay.

- Anh Glenarvan thân yêu, vậy chuyến đi của chúng ta có thể kéo dài bao lâu?

- Về điều này, chỉ có thuyền trưởng John mới trả lời chúng ta được, - Glenarvan nói. – Tình hình chúng ta đi như thế nào? Anh có hài lòng với con tàu không, John?

- Rất hài lòng, thưa ngài huân tước. Đây là con tàu tuyệt diệu...

chúng ta đang đi với tốc độ 17 hải lý một giờ, nếu như giữ đều tốc độ này thì độ mười ngày nữa chúng ta sẽ băng qua xích đạo và ít nhất cũng năm tuần nữa chúng ta sẽ vượt qua mũi Horn.

- Cháu có nghe thấy không, Mary? Ít ra cũng năm tuần nữa! – huân tước phu nhân Helena quay sang nói với cô gái.

- Cháu nghe rồi, thưa bà. – Mary đáp. – Tim cháu thắt lại khi nghe thuyền trưởng nói điều đó.

- Cô đi biển có chịu được không, Mary? – Huân tước Glenarvan hỏi.

- Không đến nỗi ạ, thưa huân tước. Cháu cũng sắp quen với biển rồi.

- Thề còn chú Robert thì sao?

- Ồ, Robert! – John Mangles nói xen vào. – Nếu chú ta không có ở buồng máy thì có nghĩa là đã leo lên cột buồm. Chú bé này chẳng biết say sóng là gì... Xem kìa, chú ta đang ở đâu?

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng thuyền trưởng chỉ lên cột buồm trước: Robert đang vắt vẻo trên ngọn cột buồm cách boong tàu gần ba mươi mét. Mary bất giác rùng mình.

- Ồ, cô hãy yên tâm! John nói. – tôi xin chịu trách nhiệm về chú ấy. Tôi cam đoan với cô rằng, chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ trình trước thuyền trưởng Grant một chàng trai cừ khôi. Dẫu sao chúng ta cũng nhất định sẽ tìm thấy người thuyền trưởng đáng kính ấy.

- Ông John, xin trời phù hộ cho ông! – Cô gái trả lời.

- Cô Mary yêu quý, chúng ta đều hy vọng như thế! Glenarvan nói. – Mọi việc đều báo hiệu với chúng ta sự thành công. Các bạn hãy nhìn hai cháu bé đáng yêu này. Các cháu ấy đã tham dự vào việc thực hiện mục đích cao cả của chúng tao. Cùng với các cháu, chúng ta không những sẽ đạt đến thành công, mà còn thành công không đến nỗi khó khăn lắm. Tôi đã hứa với Helena thực hiện một cuộc du lịch giải trí và tin chắc rằng tôi sẽ giữ đúng lời hứa.

- Edward, anh là người tuyệt diệu! – Huân tước phu nhân Glenarvan thốt lên.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu, song anh có một đoàn thủy thủ tuyệt diệu trên một chiếc tàu tuyệt diệu... Nhưng cô Mary này, lẽ nào cô lại

không thấy thán phục con tàu “Duncan” của chúng tôi sao?

- Tất nhiên là cháu thán phục chứ, thưa huân tước, - cô gái đáp, - và cháu còn thán phục như một con người am hiểu thật sự nữa kia.

- Ra thế đấy!

- Hồi còn bé cháu đã từng chơi đùa trên những con tàu của cha cháu. Cha cháu đã định đào tạo cháu thành thuỷ thủ. Nhưng bây giờ đây, nếu cần, thì cháu cũng có thể làm việc cuốn buồm được.

- Cô nói gì thế, cô Mary! – John Mangles kêu to lên.

- Nếu vậy thì, - huân tước Glenarvan nói, - với thuyền trưởng John đây, không còn nghi ngờ gì nữa, cô sẽ có một người bạn lớn, bởi vì anh ta coi trọng nghề thuỷ thủ hơn bất kỳ nghề nào trên đời. Thậm chí đối với phụ nữ anh ta cũng không coi trọng hơn. Có phải thế không John?

- Hoàn toàn đúng thế ạ, thưa huân tước, - chàng thuyền trưởng trẻ trả lời. – Tôi phải thừa nhận rằng cô Grant thích hợp với công việc ở mũi tàu hơn là điều khiển buồm. Hơn nữa, tôi rất lấy làm vui lòng về những lời của cô ấy.

- Nhất là khi cô ấy tỏ ý thán phục “Duncan”, - huân tước Glenarvan nói thêm.

- ... và chiếc tàu hoàn toàn xứng đáng như vậy... - John Mangles trả lời.

- Đúng thế, - Helena xen vào, - các ông rất tự hào về con tàu của mình, vì vậy, tôi muốn được đi xem toàn bộ con tàu, đến từng hầm tàu, đồng thời xem những thuỷ thủ đáng mến của các ông được bố trí trong các buồng ở như thế nào.

- Họ được thu xếp chỗ ở rất tuyệt, - John Mangles đáp, - y như ở nhà.

- Và quả thực họ đang ở nhà vậy, em Helena thân yêu ạ, - huân tước Glenarvan nói. – Bởi vì con tàu này là bộ phận của quê hương Kaledonie cổ kính của chúng ta, một góc của Dumbarton bởi trên sóng đại dương. Và chúng ta tuyệt nhiên không rời khỏi quê hương của chúng ta: “Duncan” – đó là Malcolm-Castle, còn đại dương là hồ Lomond.

- Nếu vậy thì anh Edward thân yêu, anh hãy chỉ cho em xem lâu đài của anh đi, - huân tước phu nhân Helena nói đùa.

- Xin sẵn sàng! Huân tước Glenarvan trả lời. – Nhưng trước hết hãy cho phép anh nói vài lời với Olbinett đã.

Người đầu bếp trên tàu “Duncan”, Olbinett, là một đầu bếp tuyệt trần, thừa hành phận sự một cách tận tâm và thông minh. Anh ta có mặt ngay khi chủ gọi.

- Olbinett, chúng tôi muốn đi dạo chơi trước khi điếm tâm. – huân tước Glenarvan nói bằng một giọng dường như câu chuyện đang nói đến cuộc dạo chơi ở quanh lâu đài. – Tôi hy vọng rằng khi chúng tôi về thì bữa điếm tâm đã được dọn sẵn trên bàn.

Olbinett cung kính cúi đầu.

- Bác đi với chúng tôi chứ, thiếu tá? – Huân tước phu nhân Helena hỏi Mac Nabbs.

- Nếu huân tước phu nhân ra lệnh, - ông ta đáp.

-Ồ, thiếu tá đang bị khói thuốc lá quyến rũ, - huân tước Glenarvan xen vào, - chúng ta sẽ không kéo bác ấy đi được đâu mà. Cô Mary biết không, bác ấy nhà tôi là cây nghiện thuốc, thậm chí lúc ngủ miệng bác ấy cũng vẫn không rời điếu thuốc.

Thiếu tá gật đầu tỏ ý tán thành. Còn những người khác đều đi xuống phòng thủy thủ.

Còn lại trên boong một mình, Mac Nabbs, theo thói quen, vừa lẩm bẫm tự trò chuyện với mình, vừa nhả khói thuốc dày đặc chung quanh. Ông đứng bất động nhìn bọt nước xoáy đặng sau tàu. Sau vài phút im lặng ngẫm nhìn như thế, ông quay lại và thấy trước mặt mình một người lạ. Nếu như một điều gì có thể làm cho thiếu tá kinh ngạc thì có lẽ đó là cuộc gặp mặt này đây, bởi vì hành khách ấy là người ông hoàn toàn không quen biết.

Đó là một người cao, gầy, tuổi chừng 40. Nom ông giống như một cái đinh dài có mũ. Đầu ông ta tròn và to, trán cao, mũi dài, mồm rộng, cằm nhọn. Đôi mắt ẩn sau những mắt kính tròn to, và cái nhìn bất định đặc biệt của ông chứng tỏ ông rất tinh. Gương mặt ông thông minh và vui vẻ, không thấy có sự lãnh đạm mà một số người cố làm cho ra vẻ quan trọng. Những người như vậy hay nguyên tắc, nên không bao giờ cười và dưới cái mặt nạ nghiêm túc thường che giấu tính nhỏ nhen. Trái lại, tính không câu nệ và sự



tự nhiên thoải mái đáng yêu của người lạ mặt này chứng tỏ rõ ràng ông ta biết nhìn thấy trong con người và sự vật những cái tốt đẹp. Dù ông chưa mở miệng, người ta vẫn cảm thấy rằng ông là người thích nói chuyện. Đồng thời người ta cũng dễ nhận thấy ông thuộc số người vô cùng đáng trí, nhìn mà không thấy, nghe mà không rõ. Người lạ mặt ấy đội mũ đi đường, đi đôi giày thô màu vàng và ghệt bằng da. Ông mặc quần nhung màu nâu và áo cũng vậy, nhưng có vô số túi đựng căng phồng: sổ, sách, ví nói chung linh tinh toàn những thứ không cần thiết. Vai ông đeo lưng lẳng một cái kính viễn vọng.

Vẻ tất tả của người lạ mặt tạo nên sự tương phản hoàn toàn với vẻ điềm tĩnh cao độ của thiếu tá. Ông ta cứ đi quanh Mac Nabbs, ngắm nhìn thiếu tá, ngụ ý dò hỏi, nhưng thiếu tá lại chẳng buồn để ý xem vị khách ở đâu đến, đi đâu và tại sao lại ở trên tàu “Duncan”.

Đến khi người lạ mặt bí ẩn thấy rằng mọi ý định tiếp xúc của ông ta đều vấp phải sự lãnh đạm của thiếu tá, ông bèn lấy kính viễn vọng của mình kéo ra hết cỡ dài chừng một mét hai, rồi doãng chân đứng im như một cây cột, hướng kính viễn vọng về phía đường chân trời. Sau khi quan sát như vậy chừng năm phút, ông ta chống kính viễn vọng xuống boong tàu, tựa mình vào ống kính như tựa vào chiếc ba toong, nhưng chiếc ống kính đã lập tức xếp lại từng khúc, từng khúc một, và vị khách bất ngờ bị mất điểm tựa, suýt ngã sóng soài bên cột buồm cái. Bất kỳ một người nào khác ở địa vị của thiếu tá chắc cũng đều phải bật cười, nhưng thiếu tá thậm chí không nhếch mép. Đến lúc ấy, người lạ mặt đành cam chịu trước sự bàng quan của ông ta.

- Đầu bếp đâu? – người lạ mặt gọi bằng một giọng nước ngoài lơ lớ, rồi bắt đầu đợi.

Không có ai ra cả.

- Đầu bếp đâu? – Ông ta gào to hơn.

Anh chàng Olbinett lúc ấy đang đi xuống bếp ở dưới boong tàu. Không sao nói hết sự ngạc nhiên của anh ta khi nghe thấy một người lạ cao ngồng nào đó réo gọi anh một cách bất lịch sự như thế.

“Người này ở đâu ra thế nhỉ? – Olbinett nghĩ – Một người bạn nào đó của

huân tước chẳng? Không thể như vậy được!”. Tuy nhiên anh vẫn đến gặp người lạ mặt.

- Anh là đầu bếp trên tàu này? – Người lạ mặt hỏi.

- Vâng, thưa ông, nhưng tôi không được hân hạnh...

- Tôi là hành khách buồng số sáu, - người lạ mặt không để cho Olbinett nói hết câu.

- Buồng số sáu? – Olbinett hỏi lại.

- Phải, thế anh tên gì?

- Olbinett.

- Thế này nhé, anh bạn Olbinett của tôi ơi, - người lạ ở buồng số sáu nói. – Cần phải nghỉ đến bữa ăn sáng đi, đừng để lâu quá nữa. Đã 36 tiếng đồng hồ rồi tôi chưa có gì bỏ vào bụng cả, nói cho đúng hơn là tôi đã ngủ 36 giờ liền, đó là điều có thể tha thứ cho một người đã đi một mạch từ Paris đến Glasgow. Anh làm ơn cho biết ở đây mấy giờ ăn sáng?

- Chín giờ. – Olbinett đáp như một cái máy.

Người lạ định xem giờ, nhưng ông đã phải mất khá lâu để tìm đến túi áo thứ chín mới thấy chiếc đồng hồ.

- Chà, bây giờ mới chưa đầy 8 giờ à? Vậy thì, Olbinett, anh mang tạm cho tôi ít bánh quy và một ly sherry, tôi sắp quy vì kiệt sức đây!

Olbinett nghe, nhưng không hiểu gì cả, còn người lạ mặt thì cứ thao thao bất tuyệt, liền thoảng hết chuyện nọ đến chuyện kia.

- Nay, thế thuyền trưởng đâu? Ông ta chưa ngủ dậy à? Còn người phó của ông ta? Sao, ông ta cũng đang ngủ à? – Người lạ mặt nói huyên thuyên.

– May mà, thời tiết tốt, gió thuận, tàu chạy êm.

Đang lúc ông ta nói như vậy thì John Mangles xuất hiện trên cầu thang tầng lái.

- Thuyền trưởng đó. – Olbinett thông báo.

- Ôi, tôi hết sức vui mừng! – Người lạ mặt thốt lên. Tôi rất sung sướng được làm quen với ngài, thưa thuyền trưởng Burton!

John Mangles kinh ngạc không phải vì người ta gọi anh là thuyền trưởng Burton, mà là vì anh ta đã thấy một người lạ mặt trên tàu của mình.

Người lạ mặt vẫn thao thao bất tuyệt.

- Cho phép tôi được bắt tay ngài, - ông ta nói. – Nếu buổi tối hôm trước tôi chưa làm việc này thì đây là vì trong lúc tàu rời bến không nên quấy rầy ai. Nhưng hôm nay, thưa ngài thuyền trưởng, tôi lấy làm may mắn được làm quen với ngài.

John Mangles trở mắt ngạc nhiên, hết nhìn Olbinett lại nhìn người lạ mặt.

- Bây giờ thì chúng ta đã làm quen với nhau, thưa ngài thuyền trưởng thân mến, và trở thành những người bạn cố tri. Nào, ta hãy trò chuyện với nhau. Thưa ngài, ngài có hài lòng với Scotland của ngài không?

- Ông nói về “Scotland” nào kia chứ? – Cuối cùng, John Mangles hỏi lại.

- Về chiếc tàu “Scotland” mà chúng ta đang đứng đây này. Thật là một chiếc tàu tuyệt vời. Người ta đã hết lời ca tụng phẩm chất và ưu điểm của người chỉ huy tàu – ngài thuyền trưởng Burton đáng kính. Tiện thể xin hỏi, ngài có phải là họ hàng với nhà du hành châu Phi vĩ đại Burton, một con người dũng cảm đó không? Nếu quả vậy xin ngài hãy nhận cho ở đây những lời chúc mừng nồng nhiệt của tôi.

- Thưa ngài, tôi không những không phải là họ hàng của nhà du hành Burton, mà cũng không phải là thuyền trưởng Burton. – John Mangles trả lời.

- À...à... - Người lạ mặt kéo dài giọng. – Vậy nghĩa là tôi đang nói chuyện với ngài Burdness, trợ lý của thuyền trưởng Burton ?

- Ngài Burdness nào? – John Mangles hỏi lại.

Anh đã bắt đầu đoán được chuyện gì xảy ra, chỉ có điều chưa thể rõ người đứng trước mặt anh là ai: một người điên hay là một người quái gở nào?

Chàng thuyền trưởng trẻ định xác minh ngay điều ấy mà không cần phải nói loanh quanh, nhưng trên boong tàu đã xuất hiện huân tước Glenarvan, vợ ông và cô Mary.

Trông thấy họ, người lạ mặt kêu lên:

- A, hành khách, hành khách! Tuyệt quá! Tôi hy vọng rằng, thưa ngài Burdness, ngài hãy vui lòng giới thiệu tôi...

Nhưng ngay tức khắc, chẳng cần John Mangles làm môi giới, ông ta tự nhiên bước lên phía trước.

- Thưa cô... - ông ta nói với Mary, thưa bà... ông ta nói với Helena; thưa ông... ông ta quay về phía huân tước nói thêm.

- Huân tước Glenarvan đó. – John Mangles giới thiệu...

- Thưa ngài huân tước, - người lạ mặt nói tiếp, - xin ngài tha lỗi cho tôi về chuyện đã mạo phép đến trình diện trước ngài. Nhưng ở trên biển, tôi cảm thấy rằng có thể bỏ qua phần nào nghi thức xã giao. Tôi hy vọng chúng ta sẽ nhanh chóng làm quen với nhau và được đi cùng với quý cô, quý bà đây, thì cuộc du hành của chúng ta trên tàu “Scotland” sẽ vừa thân thiết, lại vừa thú vị.

Cả huân tước phu nhân, lẫn cô Mary đều không biết đối đáp ra sao. Họ không thể hiểu nổi người lạ mặt này đã làm cách nào lên được boong tàu “Duncan”

- Thưa ông, - huân tước quay về phía người lạ mặt, - tôi đang được hân hạnh tiếp chuyện với ai đây?

- Với Jacques Eliacin Francois Marie Paganel, thư ký Hội Địa lý Paris, viện sĩ thông tấn các Hội Địa lý Berlin, Bombay, Darmstadt, Leipzig, London, Peterbourg, Vienne, New York, đồng thời là hội viên danh dự của Viện Địa lý và dân tộc hoàng gia miền đông Ấn Độ. Ông đang thấy trước mắt mình một người đã hai mươi năm nghiên cứu địa lý mà không hề bước khỏi phòng làm việc, cuối cùng, đã quyết định chuyển sang nghiên cứu bằng thực tế và giờ đây đang đi Ấn Độ để liên kết các công trình nghiên cứu của các nhà du hành vĩ đại thành một mối thống nhất

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 7

#### JACQUES PAGANEL TỪ ĐÂU ĐẾN VÀ ĐI ĐÂU?

Rõ ràng ông thư ký của Hội Địa lý là một người có sức hấp dẫn, vì tất cả những điều ấy đã được ông nói ra một cách hết sức tự nhiên. Và lại, bây giờ huân tước đã biết rất rõ ông đang có quan hệ với ai: tên tuổi và công lao của Jacques Paganel đã quá quen thuộc đối với ông. Những tác phẩm của ông ta về địa lý, những báo cáo về các phát hiện mới nhất in trong các tập san của Hội, việc trao đổi thư từ của ông với hầu như khắp thế giới – tất cả những điều đó đã làm cho Paganel trở thành một trong những nhà bác học nổi tiếng nhất nước Pháp. Do đó, Glenarvan đã nồng nhiệt chìa tay ra cho người khách bất ngờ bắt.

- Bây giờ chúng ta đã quen biết nhau rồi, - huân tước nói, - thưa ngài Paganel. Ngài cho phép tôi hỏi ngài một câu được chứ?

- Hai mươi câu cũng được, thưa huân tước, - Jacques Paganel đáp, tôi luôn luôn sẵn sàng nói chuyện với ngài.

- Ngài đã lên tàu này buổi tối ngày hôm kia?’

- Vâng, thưa huân tước, tám giờ tối ngày hôm kia. Tôi đã từ tàu hoả nhảy xuống ga, và từ ga bố lên tàu “Scotland” mà từ Paris tôi đã đặt mua vé phòng số sáu. Hôm ấy trời tối thui. Tôi không gặp ai trên boong tàu cả. Vì một mối sau ba mươi tiếng đồng hồ đi đường, biết rằng để khỏi bị say sóng, tốt nhất là lên tàu đi nằm ngay, nên tôi đã ngủ li bì suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua!

Bây giờ thì mọi người đã hiểu Jacques Paganel xuất hiện trên tàu này như thế nào. Nhà du hành người Pháp đã lên nhằm tàu “Duncan” trong lúc mọi người đi lễ ở nhà thờ. Thế là mọi chuyện đã rõ ràng. Nhưng nhà bác học địa lý sẽ nói sao đây, sau khi được biết tên và hướng đi của con tàu mà ông đã lên nhằm?

- Vậy là, thưa ngài Paganel, ngài đã chọn Calcuta làm đích cho cuộc thám hiểm của ngài phải không? – Huân tước hỏi.

- Vâng, thưa huân tước. Suốt đời mình tôi ấp ủ ước mơ được thấy Ấn Độ. Và cuối cùng ước mơ tha thiết của tôi đang được thực hiện. Tôi sắp đặt chân lên xứ sở của voi.

- Nghĩa là, thưa ngài Paganel, ngài không thể chấp nhận được việc đáng lẽ đi đến một nước này, mà lại buộc phải đến một nước khác, phải không?

- Đúng thế, thưa huân tước, không những không thể được, mà thậm chí rất khó chịu là khác, bởi vì tôi có thư giới thiệu đến gặp huân tước Sommerset, toàn quyền tại Ấn Độ, hơn nữa, tôi được Hội Địa lý giao phó nhiệm vụ cần phải thực hiện.

- À, ngài có công vụ?

- Vâng, tôi được giao nhiệm vụ thực hiện một chuyến du hành bổ ích và thú vị. Kế hoạch cuộc du hành đã được nhà bác học là bạn và đồng nghiệp của tôi, ngài Vivien de Saint Martin khởi thảo. Theo kế hoạch đó, tôi phải lần theo dấu tích của anh em Schlagin-Weit, đại tá Waugh de Webb, Hodgson, các nhà truyền giáo Hue và Gabet, de Moorcroft, de Jules Remy và nhiều nhà du hành nổi tiếng khác. Tôi muốn đạt được điều mà chẳng may nhà truyền giáo Crick đã không thực hiện được vào năm 1846, tức là khảo cứu dòng chảy của sông Yarou-Dzagbo-Tchou(1), bắt nguồn từ Bắc dãy Himalaya, tưới mát cho Tây Tạng trên suốt chiều dài 1.500 kilometre. Tôi muốn cuối cùng phải làm sáng tỏ một điều: con sông ấy có hoà cùng dòng sông Brahmapoutre ở phía Đông Bắc tỉnh Assam không? Chỉ cần nhà du hành nào giải đáp được câu hỏi quan trọng nhất ấy đối với khoa địa lý của Ấn Độ, người đó tất nhiên sẽ được thưởng mề đay vàng. Paganel là một người đáng khâm phục. Ông ta nói với sự hăng say đặc biệt, cứ thế tuôn ra theo trí tưởng tượng, không gì có thể ngăn được ông ta nói, cũng giống như không gì có thể cản được dòng thác.

- Thưa ngài Jacques – huân tước lên tiếng, khi nhà bác học trứ danh nghỉ lấy hơi. – Khởi phải tranh cãi, đó là một cuộc du hành tuyệt vời, và khoa học sẽ biết ơn ngài về cuộc hành trình ấy. Nhưng tôi không muốn để ngài bị lạc xa hơn, vì vậy thấy cần phải nói ngay rằng trong thời gian trước mắt có lẽ ngài đành phải từ bỏ thú vui đến thăm Ấn Độ.

- Từ bỏ ư? Vì sao?
- Tại vì, ngài đang đi về hướng ngược hẳn với bán đảo Ấn Độ.
- Sao lại thế, thưa ngài thuyền trưởng Burton...?
- Tôi không phải thuyền trưởng Burton.- John Mangles lên tiếng.
- Nhưng, “Scotland” ...
- Đây là tàu, nhưng không phải tàu “Scotland”!

Nỗi kinh ngạc của P không sao tả xiết. Ông lần lượt nhìn huân tước Glenarvan lúc ấy vẫn giữ vẻ trịnh trọng, huân tước phu nhân Helena và cô Mary, nét mặt hiện rõ vẻ buồn rầu và sự thông cảm. John Mangles mỉm cười, thiếu tá điềm đạm. Rồi nhà bác học nhún vai, kéo xệ mục kính trên trán xuống mũi, kêu lên:

- Sao lại có chuyện đùa thế này!?

Nhưng, đúng lúc ấy, mắt ông đã dừng lại nơi tay lái và ông đã đọc được dòng chữ đề: “Duncan” “Glasgow”

- “Duncan”! “Duncan”! – P thét lên trong nỗi thất vọng rồi sau đó xuống cầu thang, về thẳng phòng mình.

Khi nhà bác học rủi ro biến mất, không ai trên tàu, trừ thiếu tá, có thể nhin cười được. Cả các thủy thủ cũng cười rộ lên. Đi lạc hướng trên tàu hoả, cho dù ngồi nhầm tàu, đáng lẽ đi Edinbourg thì lại đi Dumbarton chẳng hạn, thì vẫn chưa đến nỗi nào, nhưng lên nhầm tàu thủy đi Chili trong khi định đi Ấn Độ thì đó là một điều quá ư đáng trí!

- Tuy nhiên, trường hợp ấy đối với Jacques không làm tôi ngạc nhiên, - huân tước Glenarvan nhận xét. – Ông ta vẫn nổi tiếng với những điều rủi ro như vậy đấy. Có lần ông đã cho in một tấm bản đồ châu Mỹ tuyệt diệu, trong đó khéo léo vẽ cả nước Nhật Bản. Nhưng tất cả điều đó không ngăn cản ông trở thành nhà bác học xuất sắc và là một trong những nhà địa lý giỏi nhất nước Pháp.

Vừa lúc ấy, Paganel, sau khi biết chắc hành lý của mình còn nguyên vẹn trên tàu, lại trèo lên boong. Buồn rầu và xấu hổ, ông cứ lăm bắm hoài cái từ bất hạnh: “Duncan”, “Duncan”. Những từ khác ông không tìm ra. Ông cứ đi lui, đi tới, ngắm nhìn các cột buồm trên tàu và chân trời biển cả lặng êm. Cuối cùng, ông lại đến gặp huân tước Glenarvan.

- Thế tàu “Duncan” này đi đâu? – Ông hỏi.
  - Đi châu Mỹ, thưa ngài P.
  - Cụ thể là đi đâu?
  - Đi Chili! Đi Chili! – Nhà bác học rủ ro kêu lên. – còn cuộc thám hiểm của tôi lại đi Ấn Độ... Bây giờ làm sao tôi có thể đến dự cuộc hội nghị của Hội Địa lý được?
  - Đừng thất vọng, thưa ngài Paganel, - Glenarvan bắt đầu an ủi ông. Tất cả những chuyện ấy đều có thể kết thúc đối với ngài mà không phí mất bao nhiêu thời gian đâu. Còn con sông Yarou Dzango Tchou vẫn sẽ đợi ngài ở vùng núi Tây Tạng. Chúng ta sắp ghé lại đảo Madere và đến đó ngài sẽ chuyển tàu trở lại châu Âu.
  - Cảm ơn ngài huân tước, có nhẽ đành thế vậy. Nhưng phải nói rằng, cuộc phiêu lưu thật kỳ diệu! Chuyện tương tự như thế này chỉ có thể xảy ra đối với tôi mà thôi. Nhưng còn chiếc vé phòng tôi đã đặt mua trên tàu “Scotland”!
  - Thôi, về chiếc tàu “Scotland” tốt hơn hết ngài hãy quên đi.
  - Nhưng, tôi cảm thấy rằng, - Paganel lại nói tiếp, mắt nhìn quanh tàu, - “Duncan” là một chiếc tàu buồm để dạo chơi.
  - Vâng, thưa ngài, - John Mangles lên tiếng, - nó thuộc về ngài huân tước Glenarvan đây...
  - ... và ông ta mong ngài hãy đáp lại lòng mến khách của ông ta một cách tự nhiên. – Glenarvan nói tiếp lời của John Mangles.
  - Tôi vô cùng cảm ơn ngài huân tước, - Paganel đáp, - Tôi xúc động sâu sắc trước tấm lòng thịnh tình của ngài. Nhưng ngài cho phép tôi được nói lên điều suy nghĩ đơn giản của mình như sau: Ấn Độ là một đất nước tuyệt diệu, đầy những bất ngờ kỳ lạ đối với khách du lịch. Có lẽ quý bà, quý cô chưa đến đó... Chỉ cần người lái tàu ngoặt tay lái là “Duncan” sẽ chạy theo hướng Calcutta cũng dễ dàng như đi Concepcion, mà cuộc hành trình lại vui thú biết bao.
- Nhưng, trong thấy Glenarvan lắc đầu không đồng ý, Paganel im ngay.
- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói, - nếu đây là một chuyến đi du hí thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời ngài ngay rằng: “Nào,



tất cả chúng ta sẽ cùng nhau đi Ấn Độ” và tôi tin rằng huân tước Glenarvan cũng sẽ không phản đối. Nhưng vấn đề là “Duncan” cần đi châu Mỹ để tìm cứu những người bị nạn ở vùng bờ biển Patagonia, đưa họ về nước, vì vậy nó không thể từ bỏ mục đích nhân đạo như thế.

Mấy phút sau, nhà du hành người Pháp đã hiểu cặn kẽ sự việc. Ông không nén nổi hồi hộp khi nghe nói về việc tìm thấy lá thư trong chai, về thuyền trưởng Grant và lời đề nghị đầy lòng độ lượng của huân tước phu nhân Helena.

- Thưa quý bà, - nhà bác học nói với Helena, - cho phép tôi được bày tỏ lòng khâm phục vô hạn đối với hành vi cao cả của bà. Xin bà cứ cho tàu tiếp tục cuộc hành trình của nó. Tôi không thể tha thứ cho mình nếu làm tàu chậm trễ dù chỉ một ngày.

- Vậy ngài có muốn đi cùng với đoàn thám hiểm chúng tôi không? – huân tước phu nhân hỏi.

- Không thể như vậy được, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tôi sẽ rời tàu ngay ở bến đỗ đầu tiên.

- Nghĩa là ở Madere, - John Mangles nhận xét.

- Cứ cho là ở Madere. Từ đó tôi chỉ có cách Lisbonne cả thảy một trăm tám mươi hải lý và sẽ đợi chuyển sang tàu khác.

- Biết làm sao được, thưa ngài Paganel, – Glenarvan nói, - đành phải thế vậy. Còn về tôi, tôi hân hạnh có dịp được tiếp ngài ở thăm vài ngày trên tàu của chúng tôi, hy vọng rằng ngài sẽ không cảm thấy buồn tẻ quá khi sống với chúng tôi.

-Ồ, - nhà bác học kêu lên, - thưa huân tước, nhằm tàu một cách thuận lợi thế này còn là may mắn lắm ! Hơn nữa, không thể không công nhận rằng, một người định đi Ấn Độ mà lại nhằm tàu đi châu Mỹ, thì quả là nực cười quá đỗi.

Tuy còn buồn, nhưng Paganel đã buộc lòng phải chấp nhận sự chậm trễ mà ông không thể cưỡng lại được. Ông ta là một người rất đáng yêu, vui tính, tất nhiên hơi đãng trí, và đã làm cho quý bà, quý cô luôn luôn hài lòng. Paganel làm quen với mọi người chưa đầy một ngày. Nhưng ông đã yêu cầu được xem bức thư quan trọng và đã nghiên cứu bức thư khá kỹ lưỡng.

Lời giải thích của bức thư không gây cho ông sự nghi ngờ nào cả. Ông tỏ rõ thiện cảm đối với Mary Grant và cậu em trai của cô và cố gắng khêu gợi cho chúng niềm hy vọng chắc chắn sẽ gặp cha. Ông vững tin một cuộc thám hiểm của tàu “Duncan” sẽ thành công, nhìn nhận mọi việc hết sức lạc quan, khiến cô Mary nghe ông nói đã mỉm cười. Quả thật, nếu không phải thực hiện nhiệm vụ của Hội Địa lý thì ông cũng lao vào cuộc tìm kiếm thuyền trưởng Grant.

Khi được biết huân tước phu nhân Helena là con gái của nhà du hành nổi tiếng William Tuffnel, ông đã reo lên phấn khởi. Ông biết cha của Helena. Đó là một nhà bác học thật là dũng cảm. Khi William Tuffnel trở thành viện sĩ thông tấn của Hội Địa lý Paris, họ đã trao đổi với nhau biết bao nhiêu thư từ! Và chính ông, Paganel, đã cùng với ngài Malte Brun giới thiệu Tuffnel vào Hội!... Cuộc gặp gỡ mới kỳ diệu làm sao! Thật là sung sướng khi được cùng đi du lịch với con gái của William Tuffnel.

Cuối cùng, nhà địa lý đã yêu cầu huân tước phu nhân Helena cho phép ông được hôn nàng. Và huân tước Glenarvan đã đồng ý, mặc dù, có thể điều đó không được “improper” cho lắm... Mọi người đã cố gắng thuyết phục nhà địa lý tham gia cuộc thám hiểm. Huân tước phu nhân Helena nói:

- Thưa ngài Paganel, xin ngài hãy nhân danh nước Pháp chia sẻ với xứ sở Scotland niềm vinh dự tham gia cuộc thám hiểm này

- Vâng, tất nhiên rồi!

- Nhà địa lý rất cần cho cuộc thám hiểm của chúng tôi. Có gì đẹp bằng đem khoa học phục vụ con người.

- Vâng, tất nhiên rồi!

- Xin ngài hãy tin tôi.

- Các bạn của tôi, các bạn muốn biết tôi đang nghĩ gì phải không? Paganel hỏi. Các bạn rất muốn tôi ở lại đây, đúng không?

- Chính ngài, Paganel ạ, ngài cũng hết sức muốn ở lại, - Glenarvan đối đáp.

- Muốn lắm chứ! – Nhà bác học kêu lên. – Nhưng tôi sợ quấy rầy các bạn thôi.

Mọi người trên tàu đều lấy làm phấn khởi khi hay tin về quyết định của

Paganel. Chú bé Robert hứng chí đến mức nhảy bổ đến ôm lấy cổ nhà bác học, khiến ngài thư ký đáng kính của Hội Địa lý suýt té nhào.

- Thăng bé lanh lợi dữ! – P nói. – Tôi sẽ dạy chú ta học địa lý.

Bởi vì John Mangles đã đảm nhận dạy Robert nghề đi biển, Glenarvan dạy chú trở thành người dũng cảm, thiếu tá dạy chú làm người điềm đạm, huân tước phu nhân Helena dạy chú trở thành con người nhân hậu và độ lượng, còn Mary Grant thì dạy em biết ơn tất cả những người thầy như vậy, nên nhất định là Grant con phải trở thành một người hoàn hảo.

“Duncan” sau khi nhanh chóng ăn than ở một cảng nhỏ đã rời ngay khỏi nơi buồn tẻ này. Nó đi chệch về hướng tây và sa vào dòng hải lưu chạy ven bờ biển Bresil, nhưng mồng 7 tháng chín, đúng lúc gió bắc thổi mạnh, nó đã băng qua đường xích đạo và đến Nam bán cầu.

Mọi việc diễn ra tốt đẹp. Ai nấy đều tin tưởng cuộc thám hiểm thành công. Dường như mỗi ngày triển vọng tìm thấy thuyền trưởng Grant càng tăng thêm. Có lẽ chính thuyền trưởng tàu “Duncan” là người tin tưởng hơn ai hết vào sự thành công ấy. Và chẳng niềm tin của chàng chủ yếu bắt nguồn từ lòng thiết tha mong muốn cho cô Mary được an ủi và hạnh phúc. John Mangles đã dành cho cô gái ấy những tình cảm đặc biệt mà chàng giấu không khéo nên mọi người trên tàu “Duncan”, trừ Mary và bản thân chàng, ai cũng nhận thấy cả. Còn về nhà bác học địa lý thì chắc chắn ông là người hạnh phúc nhất ở Nam bán cầu này. Suốt mấy ngày rông, ông nghiên cứu bản đồ địa lý trải trên bàn trong căn phòng chung. Việc đó cản trở Olbinett bày bàn ăn, nên ngày nào giữa nhà địa lý và anh chàng đầu bếp cũng xảy ra cãi lộn. Nhưng, phải nói thêm rằng, trong những cuộc cãi lộn ấy, mọi người đi tàu đều đứng về phía Paganel, ngoại trừ thiếu tá – một người thờ ơ với môn địa lý, nhất là trong giờ ăn trưa. Ngoài ra, Paganel đã lục được ở chỗ phó thuyền trưởng cả một chồng sách lẻ tẻ, trong đó có cả những sách bằng tiếng Tây Ban Nha, nên ông đã quyết định học tiếng của Servantes, là thứ tiếng phải nói rằng trên tàu không ai biết cả. Biết được tiếng đó, nhà địa lý sẽ đỡ gặp khó khăn trong việc nghiên cứu vùng duyên hải Chili. Dựa vào những khả năng về ngôn ngữ của mình, Paganel hy vọng khi đến Concepcion ông sẽ nói thạo tiếng Tây Ban Nha. Thế là ông sốt sắng lao vào

học và luôn mồm lẩm nhẩm những từ mới.

Lúc rảnh, ông còn khéo léo thu xếp dạy Robert học: kể cho chú nghe về mảnh đất mà “Duncan” đang nhang chóng tiến đến gần...

**Chú thích:**

*(1) Tên một con sông ở Trung Quốc*

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 8

#### VĨ TUYẾN BA MƯƠI BẢY

Một tuần sau khi đi vòng quanh dãy núi Pilares, Duncan mở hết tốc lực chạy vào vịnh Talcahuano – một cửa biển tuyệt vời dài 12 hải lý và rộng 9 hải lý. Thời tiết rất tốt. Ở vùng này từ tháng mười một đến tháng ba, trời không gợn một bóng mây, dọc hai bên bờ lúc nào cũng hay hấy gió nam. Theo lệnh của huân tước Glenarvanarvan, John Mangles cho tàu chạy ven bờ quần đảo Chiloe và những đảo khác thuộc vùng châu Mỹ này. Tại đây, bất kỳ một mảnh tàu vỡ nào, một cột buồm gãy nào, một miếng gỗ nào do bàn tay con người làm ra cũng đều có thể gợi ý cho “Duncan” lần theo dấu vết tai nạn của “Britania”. Nhưng, không hề thấy cái gì như thế cả. Con tàu tiếp tục cuộc hành trình và cuối cùng, sau bốn mươi hai ngày rời bến nước Fort-Of-Clyde mù sương, nó đã thả neo ở cảng Talcahuano.

Ngay tức khắc, Glenarvanarvan cho hạ thủy chiếc xuồng, rồi ngồi vào đó cùng Paganel. Chẳng mấy chốc hai người đã vào đến đập chắn sóng ghép bằng những cây gỗ. Nhà bác học địa lý muốn thực tập ít vốn tiếng Tây Ban Nha mà ông đã miệt mài nghiên cứu trong những ngày đi trên tàu “Duncan”. Nhưng ông vô cùng ngạc nhiên, thổ dân không hiểu ông nói gì cả.

- Có lẽ tôi phát âm dở quá. – ông nói.
- Ta đi đến sở hải quan. – Glenarvanarvan quyết định.

Ở sở hải quan, bằng một vài lời tiếng Anh và điệu bộ ra hiệu, người ta giải thích cho ông hiểu rằng viên lãnh sự Anh đang ở Concepcion, cách đây một giờ đi xe. Glenarvanarvan đã dễ dàng tìm được hai con ngựa cưỡi loại tốt và chẳng mấy chốc họ đã vào đến thành phố lớn ấy...

Nhưng, thành phố tráng lệ ngày xưa bây giờ đã suy sụp quá đỗi. Nó đã bị người da đỏ đột nhập, bị cháy năm 1819, còn nguyên những bức tường ám khói, hoang tàn, đổ nát. Cả thành phố ngày nay còn chưa đầy tám ngàn dân, thua cả thành phố Talcahuano bên cạnh. Dân cư của Concepcion lười biếng

đến mức để các đường phố cỏ mọc um tùm y như đồng hoang vậy. Trong thành phố không có buôn bán, không có hoạt động gì. Concepcion xưa kia từng là thành phố của đàn ông, bây giờ trở thành một làng của phụ nữ và trẻ con.

Glenarvanarvan tỏ ra không thích đi sâu vào những nguyên nhân của sự suy sụp ấy, mặc dù Paganel cứ cố nói. Ngài huân tước tranh thủ từng phút để đến gặp viên lãnh sự vương quốc Anh D.R. Bentock. Ông ta tiếp huân tước rất trọng thể, và sau khi biết chuyện thuyền trưởng Grant, ông ta đồng ý tiến hành việc thăm dò dấu tích của thuyền trưởng trên toàn bộ vùng duyên hải.

Viên lãnh sự Bentock không biết gì về chiếc tàu ba cột buồm “Britania” bị mất tích ở vĩ tuyến ba mươi bảy, vùng duyên hải Chili hoặc Ararucanie. Không có tin tức gì tương tự vậy được chuyển đến ông ta, cũng như những đồng nghiệp của ông – các lãnh sự nước khác. Tuy nhiên, điều đó không làm Glenarvan thất vọng. Ngài huân tước trở lại Talcahuano. Ông không tiếc sức, tiếc tiền cho người đi thăm dò khắp vùng duyên hải. Thật là uổng công, những cuộc dò hỏi cận kề dân vùng biển đã không đem lại kết quả gì. Điều đó chứng tỏ “Britania” sau khi bị tai nạn đã không để lại dấu tích nào. Glenarvan thông báo cho mọi người cùng đi biết những cuộc dò hỏi của ông không có kết quả. Mary Grant và em trai cô không giấu được nỗi đau khổ. Đã sáu ngày trôi qua kể từ khi “Duncan” đến Talcahuano. Các hành khách tụ họp đông đủ ở phòng chung. Huân tước phu nhân Helena đã cố gắng an ủi những đứa con của thuyền trưởng Grant, tất nhiên không phải bằng lời nói, mà là bằng sự âu yếm. Jacques Paganel lại bắt tay nghiên cứu bức thư: ông hết sức chú ý xem xét nó, dường như muốn moi ở đó ra một điều gì mới mẻ. Nhà địa lý xem bức thư đã hàng tiếng đồng hồ, bỗng Glenarvan quay sang hỏi ông:

- Paganel! Tôi trông cậy vào sự sáng suốt của ngài. Lời giải nghĩa của ngài về bức thư liệu có bị sai không? Những lời ngài bổ sung liệu có hợp lý không?

Paganel không trả lời gì cả. Ông đang suy nghĩ.

- Có lẽ chúng ta đã xác định không đúng nơi xảy ra tai nạn chẳng? –

Glenarvan nói tiếp. – Đến người tối dạ nhất cũng biết xứ “Pagonie” ấy, chẳng lẽ lại sai?

Paganel tiếp tục im lặng.

- Cuối cùng, từ “người da đỏ” chẳng đã chứng tỏ chúng ta hiểu đúng sao?

- Dĩ nhiên, - Mac Nabbs hưởng ứng.

- Mà nếu vậy thì đúng là các nạn nhân đắm tàu đã gặp nguy cơ bị người da đỏ bắt trong giờ phút họ viết những dòng chữ này?

- Tôi xin ngắt lời ngài ở đây, thưa ngài Glenarvan thân mến, - cuối cùng, Paganel lên tiếng, - Nếu những kết luận đầu của ngài là đúng, thì kết luận sau đây thế nào tôi cũng thấy là không đúng.

- Ngài muốn nói sao? – Huân tước phu nhân Helena hỏi.

Mọi con mắt đều đổ dồn về phía nhà địa lý.

- Tôi muốn nói rằng thuyền trưởng Grant hiện đã bị người da đỏ bắt giữ, - Paganel nói rành rọt từng tiếng. – Và xin nói thêm là bức thư không để lại sự nghi ngờ nào về điều ấy cả.

- Xin ông Paganel hãy giải thích giùm cho ạ, - cô Grant yêu cầu.

- Không có gì dễ hiểu hơn, cô Mary thân mến: thay vì đọc là “họ sẽ bị bắt”, cần phải đọc là “họ đã bị bắt” và khi đó mọi điều sẽ rõ ràng cả.

- Nhưng không thể thế được! – Glenarvan kêu lên.

- Không thể? Nhưng tại sao, ông bạn kính mến của tôi? – Paganel mỉm cười hỏi.

- Tại vì cái chai chỉ có thể được bỏ xuống biển khi con tàu bị va phải đá ngầm. Từ đó đi đến kết luận rằng những vĩ độ và kinh độ viết trong thư chỉ nơi bị nạn.

- Điều đó chưa được minh chứng! – Paganel bác lại một cách linh hoạt. – Tại sao những người bị nạn lại không thể có ý định dùng cái chai này để báo tin cho mọi người biết rằng họ đã bị những người da đỏ bắt đưa sâu vào trong đất liền và hiện giờ họ đang ở đâu.

- Vì một lý do đơn giản thôi, ngài Paganel thân mến. Muốn bỏ chai xuống biển đâu sao cũng phải ở biển mới bỏ được chứ!

- Hoặc nếu không ở biển thì ở sông chảy ra biển cũng được chứ sao?

Mọi người ngạc nhiên im lặng trước câu trả lời bất ngờ, nhưng hoàn toàn có thể chấp nhận được ấy. Qua những cặp mắt sáng ngời của họ, Paganel hiểu rằng trong tim mỗi con người ấy lại ấm lên niềm hy vọng.

Huân tước phu nhân Helena là người đầu tiên lên tiếng phá tan sự im lặng:

- Thật là một ý nghĩ hay!

- Thật là một ý nghĩ hay biết bao! – Nhà địa lý hồn nhiên nói thêm vào.

- Vậy ngài cho rằng... - Glenarvan lên tiếng.

- Tôi cho rằng cần phải tìm ra nơi vĩ tuyến 37 cắt ngang qua châu Mỹ, rồi lần tHelena đó, không được chệch tới nửa độ, đi đến nơi vĩ tuyến ấy băng ra Đại Tây Dương. Đi theo tuyến đường này chúng ta có thể tìm được những người bị nạn của tàu “Britania”.

- Hy vọng mỏng manh lắm. – thiếu tá nhận xét.

- Dẫu mỏng manh cũng không nên coi thường, - Paganel nhắc lại. – Nếu giả định của tôi đúng và cái chai đã được một dòng sông cuốn trôi từ đất liền ra biển, thì chúng ta nhất định sẽ lần ra dấu tích của những người bị bắt. Các bạn của tôi, hãy nhìn lên bản đồ của nước này, tôi sẽ chứng minh đầy đủ và rõ ràng cho các bạn thấy.

Paganel vừa nói vừa trải lên tấm bản đồ Chili và các tỉnh của nước Argentina.

- Các bạn hãy nhìn đây, - ông ta nhắc lại, - và hãy theo tôi đi thăm châu Mỹ. Chúng ta băng qua dải đất hẹp Chili, trèo qua dãy núi Andes, đi xuống các thảo nguyên vùng Nam Mỹ. Ở vùng này đâu có ít sông ngòi? Trái lại, đây là sông Rio Negro, đây là sông Rio Colorado, đây là các chỉ lưu của chúng. Tất cả các sông ấy đều có thể dễ dàng cuốn một cái chai đựng thư trôi ra biển. Có thể là ở đây, giữa một bộ lạc người da đỏ nào đó định cư trên bờ một trong những con sông ít ai biết đến ấy, trong một khe núi nào đấy, có những người mà tôi có quyền gọi là những người bạn của chúng ta đang mòn mỏi trong cảnh giam cầm và chờ đợi một cuộc giải thoát kỳ lạ. Chúng ta có thể nào phụ lòng gmong ước của họ không? Lẽ nào các bạn lại không đồng ý với tôi rằng chúng ta cần phải thường xuyên bám sát theo tuyến đường mà ngón tay tôi đang chỉ trên bản đồ đây? Nhưng, nếu



như, với những giả định của tôi, lần này tôi lại sai lầm nữa, thì lẽ nào bốn phận lại không đòi hỏi chúng ta tiến bước theo vĩ tuyến 37 sao? Và, nếu cần phải như vậy để tìm được những người bị nạn, thì chúng ta cũng đi vòng quanh thế giới theo vĩ tuyến ấy chứ?

Những lời lẽ độ lượng và đầy nhiệt tình của Paganel đã gây ấn tượng sâu sắc đối với người nghe. Tất cả đều đứng dậy bắt tay ông.

- Vâng, cha cháu đang ở đó! – Robert kêu lên, mắt hau háu nhìn tấm bản đồ.

- Chúng ta sẽ tìm được cha cháu, dù cha cháu ở đâu, cháu trai của tôi ạ, - Glenarvan tuyên bố. – Quả thật, không có lời giải thích nào về nội dung bức thư lạ có lý như lời giải thích của ông bạn Paganel của chúng ta, vì vậy, không do dự gì nữa, cần phải đi theo con đường mà ông đã chỉ dẫn. Thuyền trưởng Grant có thể đã bị sa vào tay người da đỏ ở một bộ lạc lớn hoặc một bộ lạc nhỏ nào đó rồi. Trong trường hợp thứ hai chúng ta sẽ tự giải thoát cho ông. Còn trong trường hợp thứ nhất thì sau khi tìm hiểu tình hình của thuyền trưởng, chúng ta sẽ quay lại vùng bờ biển phía đông, lên tàu “Duncan” và đi đến Buenos-Aires. Tại đây, thiếu tá Mac Nabbs sẽ tổ chức lực lượng đi cứu.

- Đúng, đúng, thưa huân tước! John Mangles lên tiếng. – Tôi xin nói thêm rằng chặng đường vượt qua lục địa này an toàn thôi.

- An toàn và không vất vả đâu, - Paganel khẳng định. – Biết bao người đã từng vượt qua chặng đường ấy mà không có những điều kiện như chúng ta và không có mục đích vĩ đại như của chúng ta cố vũ! Chẳng phải là Basilio Villarmo nào đó năm 1782 đã đi từ Antuco, vượt qua dãy núi Andes đó sao? Còn ông chánh án tỉnh Concepcion là Donde Luiz de la Cruz, năm 1806, chẳng đã đi 40 ngày từ Antuco, vượt qua dãy núi Andes đến Buenos-Aires, cũng lần tHelenao vĩ tuyến 37 đó sao? Cuối cùng, ngài đại tá Garcia M Aleide Orbingy và bạn đồng nghiệp đáng kính của tôi là tiến sĩ Martin de Moussy, chẳng phải họ đã đi khắp chốn nơi đây và nhân danh khoa học đã hoàn thành được chính điều mà chúng ta đang hoàn thành nhân danh tình yêu con người đó sao!

- Thưa ông Paganel! Thưa ông Paganel! – Mary Grant kêu lên, giọng

run run xúc động. – Biết lấy gì để cảm tạ ông về đức hy sinh cao cả khiến ông phải chịu đựng biết bao nỗi gian nguy!

- Gian nguy ư? – Paganel ngạc nhiên. – Ai đã nói ở đây hai tiếng “gian nguy” ấy nhỉ?

- Không phải cháu, - Robert lên tiếng

Đôi mắt chú bé ngời sáng và tràn đầy lòng quyết tâm.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói với ông, - nghĩa là ngài cho rằng nếu những người bị nạn sa vào tay người da đỏ, thì họ được bảo mạng?

- Tôi có nói như thế không nhỉ, thưa bà? Nhưng những người da đỏ không phải là những người ăn thịt người đâu, tuyệt nhiên không!...

- Vậy là đã quyết định xong! – Glenarvan tuyên bố. – Cần phải lên đường và đi ngay lập tức. Đường ta đi như thế nào nhỉ?

- Không vất vả lắm và thoải mái thôi, - Paganel đáp.

- Ta hãy nhìn bản đồ xem, - thiếu tá đề nghị.

- Đây, Mac Nabbs thân mến! Chúng ta sẽ xuất phát từ điểm này trên bờ biển Chili, giữa mũi Rumena và vịnh Carnero, nơi vĩ tuyến 37 chạy sang châu Mỹ. Bỏ qua Araucania, ta sẽ đi theo đường núi Antuco, vượt qua dãy Cordillere. Sau đó, ta sẽ men các sườn núi thoải thoải đi xuống, băng qua Rio-Colorado và các vùng thảo nguyên, đến hồ Salina, đến sông Guamini, đến vùng Sierra TaPaganellquen. Tại đây có đường biên giới của tỉnh Buenos-Aires chạy qua. Sau đấy, chúng ta sẽ trèo lên dãy Sierra Tandil và tiếp tục những cuộc tìm kiếm cho đến núi Medano trên bờ biển Đại Tây Dương.

Paganel mô tả cuộc hành trình sắp tới thậm chí không cần phải nhìn vào những tấm bản đồ để trước mặt... Trình bày xong, ông nói:

- Như vậy là, các bạn của tôi ơi, con đường chúng ta đi khá thẳng. Một tháng sau, chúng ta sẽ đi hết chặng đường ấy và có mặt ở bờ biển phía đông, thậm chí đến sớm hơn cả “Duncan” nếu nó bị vướng gió tây trên đường đi.

- Có khi “Duncan” phải chạy giữa các núi Corientes và Xaint Antonie cũng nên? – John Mangles hỏi.

- Đúng thế.
- Vậy ngài đã dự tính thành phần đoàn thám hiểm của chúng ta như thế nào chưa? – Glenarvan hỏi.
- Thật gọn nhẹ. Bởi vì mục đích của chúng ta là tìm hiểu xem tình hình thuyền trưởng Grant ra sao? Chúng ta không có ý định nghênh chiến với những người da đỏ. Tôi nghĩ rằng huân tước Glenarvan sẽ đi. Huân tước đương nhiên là người cầm đầu đoàn của chúng ta, thiếu tá tất nhiên không chịu nhường ai vị trí của mình; người giúp việc trung thành của ngài là Jacques Paganel...
- Cả cháu nữa! – Grant con kêu lên.
- Robert! Robert! – Cô chị ngăn chú lại.
- Tại sao lại không được nhỉ? – Paganel phản đối. – Thanh niên trai trẻ cần tôi luyện trong các cuộc hành trình. Vậy là chúng ta bốn người và ba thủy thủ tàu “Duncan” nữa.
- Thế nào? – John Mangles hỏi Glenarvan, - huân tước không cho tôi đi ư?
- John thân mến, vì trên tàu của chúng ta còn có những hành khách nữ. Đó là của quý nhất trên đời đối với chúng ta. Còn ai có thể chăm sóc họ chu đáo hơn người thuyền trưởng trung thành của tàu “Duncan”?
- Vậy nghĩa là chúng tôi không được đi cùng với các ông.. – Huân tước phu nhân Helena nói. Mắt nàng mờ đi vì buồn rầu.
- Helena yêu quý, - Glenarvan đáp, chuyến đi này phải hoàn thành trong thời gian ngắn nhất, chúng ta tạm xa nhau, em ạ
- Vâng, người bạn đời của em, em hiểu anh, - Helena thốt lên. – Các ông đi nhé, xin nồng nhiệt chúc các ông thành công!
- Vả lại, đây không phải là một chuyến du lịch, - Paganel tuyên bố.
- Vậy thì là gì? – Helena hỏi.
- Chỉ là một chặng đường chuyển tiếp thôi. Chúng ta sẽ vượt qua chặng đường này như tất cả những người lương thiện đi trên trái đất, vừa đi vừa làm điều tốt lành tùy theo sức mình. Transire benefaciendo(1) – đấy là phương châm của chúng ta...

Mười bốn tháng Mười, đúng giờ quy định, mọi người đều đã sẵn sàng lên

đường. Lúc tàu rời bến, các hành khách đã tụ họp trong phòng chung... “Duncan” nhổ neo, cánh chân vịt của nó khoả tung làn nước trong vắt ở vịnh Talcahuano. Glenarvan, Paganel, Mac Nabbs, Robert Grant và các thủy thủ được chọn đi cùng: Tom Austin, Wilson và Mulrady, được trang bị súng Carbine và súng colt, đã chuẩn bị rời tàu. Những người dẫn đường và những con la đang đợi họ ở cuối đập chắn sóng.

- Đến giờ rồi! – Cuối cùng, huân tước Glenarvan thốt lên.
- Thôi, anh đi nhé, hỡi người bạn đời của em! – Huân tước phu nhân Helena cố nén xúc động đáp lại.

Huân tước Glenarvan ghì chặt vợ vào ngực mình. Robert nhảy lên ôm lấy cổ chị.

- Còn bây giờ, các bạn thân mến, - Paganel kêu to. – Trong phút chia tay, chúng ta hãy bắt tay nhau thật chặt để làm sao cứ thấy nhớ hoài, nhớ đến tận khi gặp lại nhau trên bờ Đại Tây Dương!

Tất nhiên không thể nào như thế được. Vậy mà cũng đã có mấy người ôm nhau nồng thắm đến mức tưởng như đã có thể thực hiện được ngay điều mong muốn của nhà bác học đáng kính.

Tất cả những ai ở lại đều đã lên boong tàu, còn bảy người đi bộ cũng đã rời “Duncan”. Lát sau, họ lên đến bờ.

- Chúc các ông đi đường may mắn và thành công, - từ trên boong tàu, huân tước phu nhân Helena nói với họ lần cuối cùng.

- Thăng tiến! – John Mangles ra lệnh cho thợ máy.

- Lên đường! – Huân tước Glenarvan hô to, như để đáp lại thuyền trưởng.

Và, khi các kỵ sĩ của chúng ta lao đi trên bờ biển thì “Duncan” cũng mở hết tốc lực hướng ra biển khơi.

### **Chú thích:**

(1) *Đi làm phúc (tiếng La tinh)*

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

## **Chương 9**

### **TRÊN ĐỘ CAO BA NGÀN SÁU TRĂM MÉT**

Để chuẩn bị cho hành trình vượt qua Chili, Glenarvan lấy theo bốn người thổ dân dẫn đường: ba người đàn ông và một chú bé. Đứng đầu họ là một người Anh đã sống ở nước này trên hai mươi năm. Anh ta làm nghề cho những người du lịch thuê la và dẫn đường cho họ vượt qua núi Cordilliere. Sau khi qua khỏi núi, anh ta thường giao lại khách du lịch của mình cho người dẫn đường gốc Argentina rành đường lối đi lại trên các thảo nguyên Nam Mỹ...

Dưới quyền người dẫn đường có hai người phụ việc, tiếng địa phương gọi là “Peon” và chú bé mười hai tuổi... Các “Peon” dắt la thồ hàng của đoàn thám hiểm, còn chú bé thì dắt một con ngựa có đeo lục lạc. Ngựa đi trước, mười con la đi theo sau. Bảy người trong đoàn thám hiểm cưỡi bảy con la, còn người dẫn đường cưỡi con thứ tám. Hai con la còn lại chở nặng thức ăn đồ uống và những xúc vải dùng để “lấy lòng” các “Caxich”(1). Các “Peon” vẫn quen đi bộ như mọi khi...

Leo qua dãy núi Andes không phải là chuyện dễ. Muốn vượt được phải có những con la dai sức, thường người ta chọn giống Argentina. Giống vật tuyệt vời này đã rèn luyện được những bản tính mà thủy tổ của nó chưa hề có. Chúng ít đòi hỏi ăn, ngày uống nước một lần, dễ dàng đi được bốn mươi cây số trong tám tiếng thồ mười bốn Arobe(2) hàng một cách nhẹ nhàng.

Trên suốt chặng đường đi từ một đại dương này sang một đại dương khác không hề có một quán trọ nào. Thường những người đi đường phải ăn thịt sấy kho, cơm nêm tiêu và muông thú săn bắn được. Ở núi thì uống nước nguồn, còn ở đồng bằng thì uống nước sông.

Glenarvan là người du lịch từng trải, biết thích nghi với những phong tục địa phương. Ông mặc và cho những người cùng đi mặc quần áo Chili. Paganel và Robert phấn khởi không thể tả được khi chui đầu vào tấm

puncho kiểu Chili – đó là một chiếc áo mưa rộng có lỗ thủng ở giữa, còn chân thì đi ủng làm bằng da ngựa.

Paganel đãng trí ba bốn lần suýt bị la đá mới cười được lên lưng nó. Còn Robert thì tỏ ra có năng khiếu tuyệt vời về môn cười la...

Chặng đường qua đất Chili cho đến nay, chưa xảy ra điều gì đáng kể. Nhưng bây giờ chắc chắn sẽ nảy sinh tất cả những trở ngại và nguy hiểm mà một cuộc hành trình vượt núi không thể tránh khỏi.

Con đường đi Antuco phải vượt qua sườn núi lửa ở vĩ độ 37o3' tức là cách tuyến đường chính gần nửa độ, trên độ cao một ngàn tám trăm mét. Họ theo con đường mòn nhỏ đi tới.

Glenarvan bám sát người dẫn đường từng bước... Bỗng đường đi bị một tảng đá dựng đứng chắn ngang. Người dẫn đường, sau khi soi tìm kỹ lưỡng lối đi khác không được, bèn nhảy xuống la. Glenarvan đi lại chỗ anh ta.

- Anh lạc rồi phải không? – Glenarvan hỏi.
- Không, thưa huân tước!
- Nhưng, chúng ta không đi đúng hướng Antuco phải không?
- Thưa, đi đúng. Nhưng đường bây giờ không đi được nữa: trận động đất mới đây làm nghẽn đường rồi. Nếu các ông thấy tiện thì chúng ta quay trở lại, tìm đường khác vượt qua dãy núi Andes.
- Đi vậy thì chậm mất bao lâu?
- Độ ba ngày/

Glenarvan suy nghĩ rồi quay lại hỏi những người cùng đi:

- Có lẽ ta cứ tìm cách đi tiếp chăng?
- Chúng tôi xin theo huân tước. – Tom Austin đáp.
- Chúng ta có thể đi một mình, không cần người dẫn đường cũng được, - Paganel nói. – Bởi vì qua bên kia núi là chúng ta lại đi đúng đường đến Antuco. Tôi bảo đảm dẫn các bạn đi con đường thẳng nhất đến chân núi Cordillere.

Glenarvan trả đầy đủ các khoản tiền cho những người dẫn đường và để họ cùng bày la quay trở lại. Vũ khí, dụng cụ, lương thực được phân ra cho bảy người trong đoàn cùng mang. Mọi người đều nhất trí phải đi ngay. Và họ đã leo núi suốt ngày đêm. Lúc thì trèo lên các mồm đá hiểm trở, lúc thì nhảy

qua các khe núi rộng và sâu. Họ lấy vai làm thang hoặc nắm tay nhau làm dây mà trèo. Những người thám hiểm dũng cảm giống như một gánh xiếc nhào lộn khéo léo. Glenarvan mắt không rời Robert, vì chú bé hăng hái nên không được thận trọng lắm. Paganel băng lên trước với tấm lòng nhiệt tình vốn có của người Pháp. Còn thiếu tá thì lại di chuyển một cách nhẹ nhàng trên sườn núi, không làm một động tác nào thừa.

Năm giờ sáng, khí áp kế cho hay đoàn thám hiểm đã đạt đến độ cao gần hai ngàn ba trăm mét. Họ đang ở nơi mà người ta gọi là bình sơn nguyên thứ sinh, không còn thấy lớp thực vật thân gỗ nữa. Tại đây có thể thấy các loài động vật mà bất kỳ người đi săn nào cũng rất mê. Nhưng những loài thú ấy biết tổng như vậy, nên hễ thấy người từ đằng xa là chúng đã ba chân bốn cẳng chạy biến mất. Đó là những con lạc đà không bướu – loài động vật quý sống trên núi, có thể thích nghi ở cả những nơi mà đến loài la cũng không chịu nổi. Và đó là loài thỏ rừng, nhút nhát, nửa giống thỏ, nửa giống chuột, có bộ lông rất quý...

Mặc dù các nhà thám hiểm rất dũng cảm, nhưng sức khỏe của họ bắt đầu đuối dần. Nhìn những người cùng đi đã kiệt sức, Glenarvan ân hận đã dẫn họ quá sâu vào núi.

Chú bé Robert cố cưỡng lại mọi mệt, nhưng sức lực chú không còn được bao lâu nữa.

Đến ba giờ chiều, Glenarvan dừng lại.

- Phải nghỉ đã, - ông nói, biết rằng ngoài ông ra sẽ không có ai đề nghị như vậy cả.

- Nghỉ, nhưng nghỉ ở đâu bây giờ? – Paganel lên tiếng. – Bởi vì ở đây đâu có chỗ nào trú được?

- Nhưng, cần phải như vậy, ít nhất là cho Robert.

- Không ạ, thưa huân tước, cháu còn có thể đi được... - chú bé dũng cảm không chịu. – Xin các bác, các chú đừng có dừng lại...

- Chú bé của tôi ơi, mọi người sẽ công chú! – Paganel cắt ngang lời Robert. – Còn chúng ta thì dù thế nào cũng phải sang được sườn núi phía đông. Đến đó, có thể chúng ta sẽ tìm được chỗ trú. Tôi đề nghị các bạn gắng chịu đựng thêm 2 giờ nữa.

- Tất cả đồng ý vậy không? – Glenarvan hỏi.
- Đồng ý, - những người cùng đi đáp lại.
- Tôi đảm nhận việc công cháu bé, - Mulradi nói thêm.

Và đoàn người lại đi tiếp về phía đông. Cuộc leo núi khủng khiếp ấy kéo dài thêm hai giờ nữa. Họ quyết leo lên tận đỉnh núi. Không khí loãng làm cho những người thám hiểm thấy ngạt thở muốn ngã bệnh, lợi và răng chảy máu. Để tăng cường sự tuần hoàn của máu, họ phải thở gấp, mà như vậy thì mệt chẳng kém gì ánh tuyết làm chói mắt. Dù cho sức mạnh ý chí của những con người dũng cảm ấy to lớn đến đâu, họ cũng đã mệt lữ rồi. Chứng chóng mặt, tai hoa ở vùng núi cao ấy, làm cho họ không những mất thể lực mà cả tâm lực nữa. Không thể coi thường hậu quả của sự mệt mỏi quá mức như vậy: lúc người này, lúc người khác đã quy xuống, mà có đứng dậy thì cũng không thể đi nổi nữa. Phải lết hoặc bò. Rõ ràng là những người kiệt sức ấy sắp đến lúc hoàn toàn không thể tiếp tục cuộc leo núi kéo quá dài được.

Glenarvan kinh hãi nhìn cảnh tuyết trắng mênh mông làm cho vùng núi ảm đạm này lạnh cứng, nhìn cảnh hoang hôn bao phủ những đỉnh núi hoang vu, tim ông đau xót, ông đã tưởng chung quanh không có nơi nào trú được, thì bỗng nhiên thiếu ta nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Có căn nhà kia!

**Chú thích:**

- (1) *Người đứng đầu bộ lạc dân bản xứ.*
- (2) *Arobe: đơn vị trọng lượng địa phương, mỗi arobe bằng 11kg*



**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

**Chương 10**

**TRƯỢT TỪ TRÊN NÚI ANDES XUỐNG**

Giá là một người nào khác ở trường hợp của Mac Nabbs thì anh ta có đi qua căn nhà ấy cả trăm lần cũng chẳng nhận ra nó được. Căn nhà bị tuyết phủ gần như không phân biệt gì với những tảng đá bên cạnh. Phải đào bới tuyết ra, Wilson và Mulradi mất nửa giờ lao động cật lực mới dọn được lối vào nhà và cả đội thám hiểm vội vàng chui vào trú chân.

Căn nhà do người da đỏ làm bằng “adohet” – gạch đất sét trộn rơm, đủ cho mười người ở rộng rãi...

Nhiệt kế chỉ âm mười độ. Glenarvan, Paganel và Wilson đi kiểm củi về nhóm lửa. Paganel mang theo khí áp kế. Ông thấy áp suất của cột thủy ngân tương ứng với độ cao ba ngàn năm trăm sáu mươi tám mét. Như vậy là dãy núi Andes này chỉ thấp hơn ngọn Mont-Blance chín trăm mười mét.

Mọi người đi ngủ. Riêng Glenarvan không chợp mắt được. Ông mơ màng hy vọng ngày mai sẽ cùng với những người bạn đường của ông có mặt dưới chân núi Andes. Ở đó, họ sẽ thực sự bắt đầu những cuộc tìm kiếm thuyền trưởng Grant và, biết đâu, họ sẽ nhanh chóng thành công. Ông mơ ước thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ của ông ta sẽ được cứu thoát khỏi cảnh giam cầm khổ ải...

Chợt ông cảm thấy có tiếng ầm ầm khủng khiếp từ đằng xa vọng tới giống như tiếng sấm rền, nhưng không phải từ trên trời dội xuống. Có lẽ bão đang nổi lên đâu đó trên các sườn núi phía dưới. Glenarvan muốn biết rõ điều đó nên đã đi ra khỏi nhà.

Trăng lên. Không khí trong lành và yên tĩnh. Trên trời và dưới núi không

vần một sợi mây. Đây đó loé lên ánh phản chiếu của núi lửa Antuco đang phun. Không có dông bão, không có sấm chớp. Hàng ngàn ngôi sao nhấp nháy trên trời. Vậy nhưng tiếng ầm ầm vẫn không ngớt. Dường như nó lại đang lan theo các dãy núi đến gần. Glenarvan quay vào nhà, lòng càng lo âu hơn... Ông vắt óc suy nghĩ xem đó là hiện tượng gì. Ông nhìn đồng hồ. Đã hai giờ sáng. Vì chưa thật tin rằng một cơn nguy biến nào đó đang thực sự ập tới, nên ông không đánh thức những người bạn của mình đang ngủ say mê mết. Rồi chính ông cũng thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề kéo dài mấy giờ liền.

Bỗng tiếng ầm ầm khủng khiếp dựng phắt ông dậy. Tiếng động đình tai vánh óc, tựa như những chiếc xe kéo pháo rầm rầm chạy qua cầu. Glenarvan cảm thấy đất đang hẫng đi dưới chân mình, căn nhà bị lay chuyển, tường bị rạn nứt ra.

- Báo động! – ông kêu lên.

Các nhà thám hiểm vừa thức giấc đã bị xô ngã lên nhau và cứ thế tụt xuống sườn núi dốc đứng. Trong ánh sáng ban mai, trước mặt họ hiện ra một cảnh tượng khủng khiếp. Hình dạng núi bị biến đổi: những đỉnh núi bị vụn gãy, những tảng đá lắc lư rồi biến mất như bị rơi tòm xuống hố. Nguyên một dãy núi dài hàng mấy dặm đã bị chuyển dịch trượt xuống đồng bằng. Hiện tượng này thường thấy ở vùng núi Andes(1).

- Động đất! – Paganel kêu lên.

Nhà địa lý đã không nhầm. Cả cao nguyên bị trượt xuống với tốc độ tàu tốc hành, tức là năm mươi ba dặm một giờ, cuốn theo cả bảy nhà thám hiểm. Họ bàng hoàng khiếp đảm, chỉ còn biết bám vào những đám rêu mọc chung quanh. Không thể làm sao níu lại được, thậm chí không kịp kêu lên nữa. Cũng chẳng thể nào nghe thấy tiếng của nhau nữa.

Tiếng ồn ào dưới lòng đất, tiếng ầm ầm của những tảng đá hoa cương và đá huyền vũ va đập vào nhau, những đám bụi tuyết bốc lên mịt mù làm cho họ không thể nào liên hệ được với nhau. Dãy núi trượt xuống lúc thì băng băng, lúc thì chao đảo y như con tàu trôi trên biển khơi bão tố. Nó

băng qua các vực thẳm cuốn phăng những cây cổ thụ và tựa như một lưỡi hái khổng lồ, nó xén ngang tất cả những mỏm đá nhô ra trên sườn núi.

Thậm chí khó mà tưởng tượng được hết sức phá hoại của khối đá nặng hàng tỷ tấn đang lao xuống dốc năm mươi độ!

Không ai xác định được tai nạn khủng khiếp ấy đã kéo dài bao lâu? Không ai có thể nói được các nhà thám hiểm còn sống đủ cả không?

Bỗng có một lực xô mạnh không thể tưởng tượng được đã tách họ ra khỏi hòn đảo đang trượt, và họ tụt xuống theo các bậc sườn núi cuối cùng. Cả cao nguyên với bảy người trên đó đã dừng lại đột ngột.

Suốt mấy phút đầu không ai nhúc nhích. Cuối cùng, có ai đó đã đứng dậy, đó là thiếu tá. Sau khi rũ bụi, dụi mắt, ông nhìn quanh. Những người cùng đi với ông nằm bất động bên nhau. Thiếu tá đếm đi đếm lại vẫn thiếu một người. Robert Grant mất đâu rồi không biết!?

**Chú thích:**

*(1) Hiện tượng tương tự cũng đã xảy ra ở dãy núi Mont-Blanc vào năm 1820. Trong tai nạn khủng khiếp này có ba người dẫn đường của vùng Chamonix bị chết (chú thích của tác giả)*

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Phần II - Chương 1**

Trở lại tàu “Ducan”

Sau khi xác định hướng đi mới, đoàn thám hiểm quyết định tìm đường ra Đại Tây Dương, đến nơi tàu “Ducan” hẹn đợi.

Sau những ngày đi đường bị lũ lụt vô cùng vất vả, lại gặp cá sấu, mọi người phải trèo lên cây sống như chim, đêm hôm ấy họ ra đến bờ biển. Glenarvan bồn chồn suốt đêm không ngủ. Ông và nhà địa lý dũi tìm trong đêm tối ánh sáng đèn pha của tàu “Ducan”. Nhưng không thấy gì. Đến tảng sáng, Glenarvan bỗng kêu to lên khiến mọi người thức giấc.

- “Ducan”! “Ducan”!

- Hoan hô! Hoan hô! - Những người cùng đi vừa reo, vừa đổ xô ra bờ biển.

Thật vậy, con tàu thấp thoáng ngoài khơi cách bờ chừng năm hải lý. Nó cuốn buồm, chạy chậm bằng hơi nước. Khói tàu tan lẫn trong sương sớm.

- Glenarvan dùng kính quan sát của Paganel theo dõi sự cơ động của “Ducan”. John Mangles có lẽ vẫn chưa nhìn thấy các hành khách của mình. Con tàu tiếp tục chạy.

(ảnh trang 127)

Nhưng lúc ấy, Thalcave đã nạp đạn khẩu carbine và bắn về phía tàu. Mọi người bắt đầu lắng nghe, chủ yếu là dũi nhìn. Tiếng vọng nhắc lại ba lần tiếng súng của người da đỏ.

Cuối cùng, trên boong tàu xuất hiện một làn khói trắng.

- Họ đã nhìn thấy chúng ta! Glenarvan reo to. – Đó là khẩu đại bác của “Ducan” đã nhả đạn.

Vài giây sau, một tiếng nổ “âm” văng vào bờ, “Ducan” vòng trở lại và tăng tốc độ, hướng vào mục tiêu vừa phát hiện. Lát sau, qua ống kính quan sát, Glenarvan thấy chiếc xuồng được hạ trên mạn tàu xuống.

Huân tước bước lại phía Thhaleave đang khoanh chéo tay trước ngực đứng cạnh con Thauka của mình và nhìn đại dương nổi sóng. Ông nắm tay người da đỏ, chỉ về phía “Ducan”, nói:

- Bạn đi với chúng tôi nhé!

Anh bạn da đỏ lắc đầu.

- Đi với chúng tôi nhé, bạn! – Glenarvan nhắc lại.

- Không. – Thalcave mềm mỏng trả lời. - Ở đây là Thauka, đằng kia là thảo nguyên, - anh ta nói thêm và đưa tay chỉ về những đồng cỏ bao la với một tình yêu mãnh liệt.

Glenarvan hiểu rằng, anh bạn da đỏ không bao giờ chịu rời đồng cỏ, nơi tổ tiên anh yên nghỉ. Ông hiểu những đứa con của đồng hoang ấy gắn bó như thế nào đối với nơi chôn nhau cắt rốn của mình, và ông không gắng nữa chỉ bắt tay Thalcave thật chặt. Ông cũng không nài ép Thalcave ngay cả khi anh ta cười từ chối không nhận khoản tiền công lao động của mình với lời lẽ chân tình:

- Hữu nghị thôi mà!

Glenarvan xúc động không biết lấy gì đáp lại tấm lòng của người da đỏ. Ông rất muốn tặng người bạn thật thà ấy một cái gì để kỷ niệm. Nhưng ông không còn thứ gì nữa. Cả vũ khí lẫn ngựa đều đã bị mất trong trận lũ lụt. Những người cùng đi với ông cũng không giàu có gì hơn ông. Trong khi vắt óc suy nghĩ tìm cách tỏ lòng biết ơn người dẫn đường vô tư, bỗng Glenarvan thoáng nảy ra một ý thật là hạnh phúc. Ông rút ở trong ví ra một tấm hình của Helena và đưa cho người bạn da đỏ.

- Đây là vợ tôi, - ông giải thích.

Thalcave tròng mồm nhìn tấm ảnh.

- Dịu hiền và đẹp quá! – Anh ta nói một cách giản dị.

Robert, Paganel, thiếu tá, Tom Austin và hai người thủy thủ lần lượt chia tay Thalcave một cách cảm động. Những con người đáng yêu này đều đã

ngậm ngùi khi phải từ giã người bạn dũng cảm, trung thành. Người da đỏ lần lượt ghi chặt tất cả họ vào khuôn ngực nở nang của mình. Paganel tặng anh ta tấm bản đồ Nam Mỹ và hai đại dương mà anh bạn người Patagonia ấy đã nhiều lần xem một cách thích thú.

Nhà địa lý đã cho đi cái mà ông quý nhất. Robert chả có gì để tặng ngoài sự triu mến và chú đã nồng nhiệt biểu hiện sự triu mến ấy đối với người đã cứu sống mình. Chú cũng không quên chia sẻ một phần tình cảm triu mến đối với con ngựa Thauka.

Nhưng chiếc xuồng của tàu “Ducan” đã cập bờ. Sau khi lách bơi giữa hai bãi bồi, chiếc xuồng trườn lên bờ cát.

- Nhà tôi thế nào? – Glenarvan hỏi.
- Chị cháu thế nào? – Robert kêu lên.
- Huân tước phu nhân và cô Grant đang đợi ngài và cháu trên tàu, - thuỷ thủ trưởng trả lời. – Nhưng cần phải mau lên, thưa huân tước, - người thuỷ thủ nói thêm. – Không thể chậm một phút nào: nước đã bắt đầu xuống rồi.

Mọi người ôm hôn lần cuối cùng người da đỏ. Thalcave tiễn những người bạn của mình đến tận chiếc xuồng đã được đưa xuống nước.

Lúc Robert ngồi vào xuồng, người da đỏ còn ôm chú lần nữa và âu yếm nhìn chú nói:

- Nên biết rằng bây giờ chú đã là một người đàn ông rồi đấy!
- Tạm biệt nhé, tạm biệt! – Glanarvan nhắc lại.
- Có khi nào, chúng ta còn gặp nhau nữa không đây! – Paganel nói.
- Quien sabe (1)! – Thalcave vừa trả lời, vừa giơ tay chỉ lên trời.

Đấy là những lời cuối cùng của người da đỏ. Những lời ấy đã bị tiếng gió rít át đi.

Chiếc xuồng bị con nước rút cuốn ra khơi mỗi lúc một xa hơn. Hình bóng bất động của Thalcave còn in mãi trên những con sóng bạc đầu. Nhưng dần dần hình bóng ấy nhỏ đi và cuối cùng hoàn toàn biến mất trong con mắt của những người bạn mà anh ta đã ngẫu nhiên gắn chung số phận.

Một giờ sau, Robert là người đầu tiên đặt chân lên thang tàu “Ducan” và

nhảy bổ đến ôm lấy cổ Mary Grant trong tiếng hoan hô vui mừng nổi lên chung quanh.

Cuộc hành trình qua Nam Mỹ theo một đường thẳng đã kết thúc như vậy đó. Chẳng núi sông nào có thể cản được bước chân của họ. Vì nếu như những con người dũng cảm, cao thượng ấy đã không phải đương đầu với sự độc ác của con người, thì thiên tai đã giáng xuống họ biết bao nhiêu thử thách khắc nghiệt.

Trong những phút đầu tiên, mọi người chỉ biết hân hoan tay bắt mặt mừng. Glenarvan không muốn cuộc vui bị mất hứng, nên ông không dă động gì đến sự thất bại của việc tìm kiếm.

- Chúng ta tin tưởng sẽ thành công, các bạn của tôi ạ! – Ông nói. – Chúng ta tin! Thuyền trưởng Grant hiện không có mặt với chúng ta, nhưng chúng ta hoàn toàn tin rằng sẽ tìm thấy thuyền trưởng.

Lời lẽ của Glenarvan rất thuyết phục, khiến trái tim của Helena và Mary lại ấm lên niềm hy vọng.

Thật vậy, trong lúc chiếc xuồng bơi gần về tàu, huân tước phu nhân và Mary Grant đã trải qua bao biết nỗi hồi hộp. Họ đứng trên tầng lái đếm đi đếm lại những người ngồi trong xuồng. Cô gái lúc thì thất vọng, lúc thì trái lại, tưởng tượng như đang nhìn thấy cha. Trái tim cô rung động. Cô không đủ sức thốt lên được lời nào và bước đi không vững nữa. Huân tước phu nhân phải dìu cô John Mangles im lặng đứng bên cô và chăm chú dõi nhìn. Đôi mắt thủy thủ của anh ta từng quen phân biệt những vật ở đằng xa, nhưng đã không nhìn thấy thuyền trưởng Grant đâu.

- Cha kia rồi! Cha đang về cùng với họ! Cha ơi! – Cô gái thì thào. Nhưng, chiếc xuồng càng về gần thì ảo giác của cô càng tiêu tan. Đến khi chiếc xuồng chỉ còn cách tàu một cabeltove (2) thì không những huân tước phu nhân và John Mangles mà cả Mary đều tiêu tan hết mọi hy vọng. Những lời khích lệ của Glenarvan đã vang lên thật là đúng lúc.

Sau những cái ôm hôn đầu tiên, Glenarvan kể cho Helena, Mary và John Mangles về tất cả những gì đã xảy ra với họ trong thời gian thám hiểm, và chủ yếu là về lời giải thích mới trong nội dung bức thư mà Jacques mẫn tiệp đã đưa ra. Glenarvan rất khen ngợi Robert và cam đoan với Mary rằng

cô hoàn toàn có quyền tự hào về cậu em trai của mình. Ông đã kể lại sự dũng cảm và lòng hy sinh quên mình của chú bé trong những giờ phút nguy hiểm và khen ngợi chú bé đến mức khiến chú phải bối rối.

- Việc gì phải mắc cỡ, Robert? John Mangles nói, - Em đã xử sự như một đứa con trai xứng đáng của thuyền trưởng Grant kia mà!

Vừa nói John Mangles vừa kéo cậu em của Mary vào lòng, hôn vào hai má cậu hây còn ướt nước mắt của người chị gái.

Có thể là thừa khi nhắc đến chuyện thiếu tá và Paganel đã được đón tiếp nồng nhiệt như thế nào và họ đã nhắc đến Thalcave độ lượng với lòng biết ơn ra sao. Huân tước phu nhân rất tiếc là đã không được bắt tay anh bạn da đỏ thật thà ấy. Mac Nabbs, ngay sau những lời chào hỏi đầu tiên, đã trở về phòng mình và bắt đầu cạo râu như chẳng hề có chuyện gì xảy ra cả. Còn Paganel thì, như một con ong hút mật, lượn đi lượn lại từ người này sang người khác để đón nhận những lời khen và nụ cười. Nhân dịp vui mừng, nhà địa lý bày tỏ ý muốn được hôn hết đoàn thủy thủ của tàu “Ducan”. Ông khẳng định rằng huân tước phu nhân Helena và Mary cũng là những thành viên của đoàn và đã hôn bắt đầu từ họ và kết thúc nơi chàng Olbinen.

Chàng đầu bếp trên tàu ấy đã tìm được cách duy nhất để tạ ơn nhà bác học về sự lịch thiệp của ông là báo tin cho mọi người biết bữa ăn sáng đã được dọn sẵn.

- Ăn sáng ư? – Nhà địa lý hỏi.

- Vâng thưa ngài Paganel.

- Một bữa ăn sáng thực sự, có bàn đàng hoàng, có bộ đồ ăn và khăn ăn?

- Tất nhiên, thưa ngài Paganel!

- Và không cho chúng tôi ăn thịt khô, trứng luộc, thịt đà điều chứ?

- Ồ, thưa ngài! – Anh chàng đầu bếp trên tàu bị chạm tự ái, nói về trách móc.

- Tôi không muốn xúc phạm bạn đâu, - nhà bác học cười, nhận xét, - nhưng mà đó là món ăn thường xuyên của chúng tôi trong suốt một tháng trời qua. Và khi ăn, chúng tôi đâu có được ngồi vào bàn tử tế, phải nằm trên đất, hoặc ngồi vắt vẻo trên cây mà ăn. Vì thế, bữa ăn sáng bạn vừa báo tin



đối với tôi có thể là một giấc mộng, một chuyện tưởng tượng, một ước mơ vậy.

- Thế thì ta đi nào, thưa ngài Paganel, rồi chúng ta sẽ tin đó là sự thật,

- Huân tước phu nhân nói, không nén nổi tiếng cười.

- Xin phép được mời bà, - nhà địa lý lịch sử nói với Helena.

- Thưa thuân tước, ngài có lệnh gì cho tàu “Ducan” không ạ? – John Mangles hỏi.

- Sau khi ăn sáng, John Mangles thân mến ạ. – Glenarvan đáp, - chúng ta sẽ cùng bàn kế hoạch cho một cuộc hành trình mới.

Các hành khách của tàu và người thuyền trưởng trẻ đi xuống phòng chung. Thợ máy đã sẵn sàng khi có lệnh là lên đường ngay. Mọi người đến ăn sáng đều thay đồ mới, còn thiếu tá thậm chí đã kịp cạo râu...

Bữa ăn sáng của chàng đầu bếp Olbinett thật đáng khen. Ai cũng tưởng như đó là một bữa ăn kỳ lạ, thậm chí còn hơn cả những bữa tiệc thịnh soạn ở vùng thảo nguyên Nam Mỹ. Paganel thì món nào cũng lấy ăn hai lần và quả quyết rằng ông làm như vậy là “vì danh trí”.

Cái từ “bất hành” ấy gợi ý cho huân tước phu nhân Helena đã hỏi xem người Pháp đáng yêu ấy có thường xảy ra danh trí hay không. Thiếu tá và Glenarvan mỉm cười nhìn nhau, còn Paganel thì cười toáng lên một cách thoải mái và liền hứa suốt cuộc hành trình sẽ không để xảy ra một sơ suất nào nữa. Rồi bằng một giọng nói vui ông đã kể lại chuyện học tiếng Tây Ban Nha thất bại.

- Vậy nhưng, bĩ cực thái lại, - ông nói thêm, - tôi đâu có hối tiếc gì về chuyện lầm lẫn ấy của mình.

- Vì sao vậy, ông bạn đáng kính của tôi? - Thiếu tá hỏi.

- Tại vì bây giờ tôi biết không những tiếng Tây Ban Nha, mà còn biết cả tiếng Bồ Đào Nha nữa. Thay vì một thứ tiếng, bây giờ tôi nói được hai thứ tiếng.

- Hay quá, tôi lại không nghĩ ra điều đó, - Mac Nabbs trả lời. – Xin chúc mừng anh, Paganel, xin thành tâm chúc mừng anh!

Mọi người đều vỗ tay hoan hô nhà bác học. Trong khi đó, ông ta đã có sáng kiến tranh thủ thời gian vừa nói chuyện vừa ăn. Nhưng ông chẳng để ý gì

những điều Glenarvan rất quan tâm, cụ thể là sự săn sóc đặc biệt của John Mangles và Mary Grant đang ngồi cạnh bạn. Huân tước phu nhân Helena khẽ gật đầu cho chồng biết rằng “mọi việc quả đúng như thế” Glenarvan nhìn đôi bạn trẻ với mỗi cảm tình nồng thắm, rồi nói với John Mangles về một chuyên khác hoàn toàn.

- Thế cuộc hành trình trên biển của anh diễn ra như thế nào, John? – Ông hỏi.

John bắt đầu kể. Theo lời anh, khi đi vòng bờ biển châu Mỹ, anh đã khảo sát tất cả các quần đảo phía Tây, nhưng không ở đâu tìm thấy dấu tích của “Britania” cả...

Trên đường đi dọc bờ biển Patagonio, tàu gặp bão lớn. Tàu đã vượt qua thử thách và suốt ba ngày nay đang bơi giữa biển khơi thì bỗng nghe tiếng súng carbine báo hiệu những người đi thám hiểm đã trở về và đang nóng lòng chờ đợi tàu. Thuyền trưởng “Ducan” nói thêm rằng sẽ là thiếu công bằng nếu không kể đến tinh thần dũng cảm hiểm có của huân tước phu nhân Glenarvan và có Grant. Bão táp đã không làm cho họ sợ hãi, và nếu như họ có lo lắng thì đó là lo cho những người bạn của mình trong lúc ấy đang chu du trên các vùng đồng bằng của nước cộng hoà Argentine.

Đến đây, John Mangles kết thúc phần kể của mình. Huân tước Glenarvan chúc mừng anh ta về cuộc hành trình thắng lợi và sau đó quay sang với Mary Grant.

- Cô Mary thân mến, tôi thấy thuyền trưởng John đã đền bù xứng đáng những ưu điểm của cô, và tôi rất vui mừng rằng cô đã cảm thấy thoải mái trên tàu của anh ta.

- Làm sao có thể khác hơn được ạ? – Mary đáp, nhìn huân tước phu nhân Helena, mà cũng có thể là nhìn chàng thuyền trưởng trẻ.

- Ồ, chị em rất yêu anh đó, anh John! – Robert kêu lên. - Cả em cũng yêu anh nữa!

- Anh cũng yêu em đó, chú bé thân mến ạ! – John Mangles đáp: Chàng thuyền trưởng trẻ hơi bối rối trước những lời khen của Robert, còn Mary Grant thì hơi đỏ mặt.

John Mangles vội vàng lái câu chuyện sang hướng khác.

- Tôi đã kể về hành trình của “Ducan”, bây giờ, thưa huân tước, xin huân tước kể cho chúng tôi nghe tỉ mỉ về cuộc hành trình qua châu Mỹ và những chiến công của chú bé anh hùng được không ạ?

Tất nhiên không còn gì làm cho huân tước phu nhân Helena và cô Grant vui sướng hơn thế. Huân tước Glenarvan đã đáp ứng ngay sự tò mò của họ. Ông đã kể về hành trình vượt qua dãy núi Andes, về trận động đất, về việc mất tích Robert, về chim thần ứng tha chú bé, về phát súng của Thalcave, về cuộc tấn công của bầy sói, về sự hy sinh quên mình của Robert... Cuối cùng là đêm trên bờ Đại Tây Dương. Tất cả những sự việc ấy, lúc thì đáng sợ, khi thì lại vui, cứ lần lượt làm cho người nghe khiếp đảm hoặc cười khoái trá. Không chỉ một lần, khi nói đến Robert, cô chị của chú và huân tước phu nhân Helena đã khen ngợi chú, vồn vã âu yếm chú. Chưa bao giờ chú được khen và hôn nhiều đến thế.

Sau bữa ăn, mọi người nghe Paganel thuyết trình về chặng đường mới và Glenarvan đã ra lệnh cho thuyền trưởng John nhổ neo. Chẳng bao lâu “Ducan” đã rẽ sóng rời bờ biển châu Mỹ đi về hướng đông.

**Chú thích:**

(1) *Ai mà biết được.*

(2) *Cabeltove: đơn vị đo chiều dài trên biển, bằng 185,2 mét.*

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Chương 2**

Mũi Bernouilli

Châu Mỹ cách nước Australie, hay nói đúng hơn là mũi Corrientes cách mũi Bernouilli 196” và bằng 11.760 hải lý. Từ bờ biển châu Mỹ đến các hòn đảo Tristan – D’Acunha là 2.100 hải lý. Chặng đường này John Mangles hy vọng vượt qua trong mười ngày, nếu như trên đường không bị vướng gió đông. Chàng thuyền trưởng trẻ đã gặp may: đến chiều, gió bắt đầu dịu đi rõ rệt và sau đó đổi hướng. Biển lặng sóng và “Ducan” đã có thể phát huy hết mọi khả năng tuyệt vời của nó.

“Ducan” lần lượt vượt qua các đảo Tristan – D’Acunha, ghé vào mũi Hảo Vọng để lấy thêm than dự trữ, rồi băng qua đảo Amsterdam, lướt trên Ấn Độ Dương và cập mũi Bernouilli thuộc Australie.

Điều quan tâm đầu tiên của John Manglé là thả hai mỏ neo ở độ sâu mười mét rưỡi. Đáy biển ở đây rất tốt – toàn sỏi cứng - giữ neo chắc chắn. Như vậy là con tàu không sợ bị cuốn ra biển và cũng không sợ mắc cạn.

Glenarvan bắt tay chàng thuyền trưởng trẻ và nói:

- Cảm ơn John.

Từ trên tàu, chiếc xuồng được hạ xuống. Glenarvan, Helena, John Mangles, Mac Nabbs, Paganel, Mary và Robert ngồi vào xuồng và bắt đầu cuộc tìm kiếm trên mặt biển những dấu vết của tàu “Britania”. Nhưng kết quả không đem lại niềm hy vọng nào. Hai đứa con của thuyền trưởng Grant đã tưởng rằng đến đây việc tìm kiếm cha của chúng không còn lối thoát nào nữa.

Rồi đoàn thám hiểm đã lên bờ biển hoang vắng. Họ đi bộ, trèo lên núi và từ

đó nhìn xuống vùng xung quanh.

- Có cối xay gió kia! Robert kêu lên.

Quả vậy, cách đó ba dặm, những cánh quạt của một chiếc cối xay gió đang quay tít trong không khí.

- Đúng là cối xay gió rồi. – Paganel xác nhận, sau khi quan sát bằng ống nhòm. - Một công trình nhỏ bé, khiêm tốn, nhưng lại rất tiện dụng. Hình dáng của nó bao giờ cũng làm tôi thích mắt.

- Ta đi về phía cối xay gió! – Glenarvan nói.

Họ đi tiếp.

Sau nửa giờ đi bộ, địa hình ở đây thấy thay đổi hẳn. Vùng đất trơ trụi đã đột ngột biến thành vùng đất canh tác. Những bụi cây cằn cỗi không còn thấy đâu nữa. Một hàng rào cây xanh vây quanh một vùng đất dường như vừa mới được khai khẩn.

Mấy chú bò và ngựa đang gặm cỏ trên đồng. Đi một quãng họ thấy những cánh đồng lúa mì có chỗ đã chín vàng. Rồi sau những hàng rào là cây ăn trái. Kế đến là nhà kho và các căn nhà phụ khác được sắp xếp một cách khéo léo. Cuối cùng, các nhà thám hiểm thấy một căn nhà ở đơn sơ, nhưng ấm cúng, trên đó những cánh quạt của chiếc cối xay gió đang quay tít.

Nghe tiếng bốn con chó sủa báo hiệu có người lạ đến, một người chừng năm mươi tuổi, với vẻ bề ngoài dễ mến, từ trong nhà đi ra. Đi theo ông ta là năm đứa con trai khỏe, đẹp và một người phụ nữ thân hình cao lớn, lực lưỡng, mẹ của những đứa trẻ.

Các nhà thám hiểm chưa kịp tự giới thiệu đã thấy vang lên những lời lẽ chân thành của chủ nhà.

- Xin mời những người nước ngoài quá bộ vào nhà của Paddy O'Moore!

- Ông là người Irlande? – Glenarvan vừa hỏi vừa bắt tay chủ nhà.

- Trước thì thế, - Paddy O'Moore đáp, còn bây giờ tôi là người

Australie. Chưa biết các ngài là ai cũng cứ xin mời vào và tự nhiên như ở nhà cho.

Những người khách chỉ còn biết đón nhận lời mời chân tình không chút khách khí ấy. Bà O'Moore dẫn ngay huân tước phu nhân Helena và Mary Grant vào nhà. Còn những cậu con trai thì giúp khách bỏ vũ khí ra.

Chủ nhà mời khách dùng cơm. Ông bà chủ tỏ ra rất niềm nở. Vừa lúc ấy, những người làm của chủ trại cũng ra về. Họ được bình đẳng với chủ và cùng ngồi ăn cơm. Paddy O'Moore chỉ vào chỗ dành cho khách, nói với Glenarvan:

- Tôi đã đợi các bạn.
- Ông đã đợi? – Glenarvan ngạc nhiên hỏi.
- Tôi luôn chờ đợi những người từ nơi khác đến. - Người trả lời.

Trong khi ăn, chủ và khách sôi nổi chuyện trò. Paddy O'Moore kể về lai lịch của mình. Đây là câu chuyện của một người lưu vong bị cảnh bản cùng phải xa lìa quê hương đến đây làm ăn sinh sống.

Nghe xong câu chuyện của Paddy O'Moore, Glenarvan muốn kể cho ông ta nghe về tàu "Ducan", về những cuộc tìm kiếm kiên trì và vất vả bấy lâu nay. Nhưng vốn là người luôn luôn đi thẳng tới mục đích, nên trước hết ông đã hỏi Paddy O'Moore xem có biết gì về tai nạn của tàu "Britania" không?

Hoá ra người này không hề biết gì về một chiếc tàu như thế. Và nói chung trong hai năm gần đây ông ta không nghe nói xảy ra một vụ đắm tàu nào ở mũi Bernouilli và vùng lân cận cả, huống hồ "Britania" lại mới bị nạn cách đây chưa đầy hai năm. Người Irlande còn khẳng định chắc chắn rằng không có một người nào bị giạt vào vùng duyên hải phía tây này hết.

- Còn bây giờ thưa huân tước, - ông ta nói thêm, - tôi xin hỏi, vì sao ngài lại quan tâm đến chuyện ấy?

Glenarvan đã kể ngay cho người lưu vong ấy câu chuyện về lá thư trong

chai, về hành trình của “Ducan” và ý định tìm kiếm thuyền trưởng Grant. Ông cũng không giấu giếm nói rằng, sau những lời khẳng định như vậy của Paddy O’Moore, ông đành phải từ bỏ hy vọng tìm kiếm những người bị nạn.

Những lời ấy đã gây ấn tượng đau buồn cho những người cùng đi, Robert và Mary rưng rưng nước mắt. Thậm chí Paganel không thể tìm được lời nào để an ủi và gây niềm hy vọng cho chúng. Còn John Mangles thì day dứt đau khổ.

Nỗi thất vọng bắt đầu xâm chiếm những con người độ lượng, dũng cảm của tàu “Ducan” đã bao ngày hoài công lặn lội tìm đến những vùng bờ biển xa xôi như thế này. Bỗng có ai đó nói:

- Hãy cầu chúa đi, ngài huân tước, nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.

## Jules Verne

### Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 3

#### Ayrton

Không thể tưởng tượng được những lời nói ấy đã gây nên sự ngạc nhiên như thế nào. Glenarvan đứng bật dậy, đẩy chiếc ghế ra và nói to:

- Ai vừa nói đấy nhỉ?
- Tôi, - một trong số những người làm của Paddy O'Moore ngồi ở cuối bàn đáp.
- Anh à, Ayrton? - Người lưu vong sững sốt, không kém gì Glenarvan.
- Vâng, tôi, - Ayrton đáp lại bằng một giọng xúc động, nhưng kiên quyết, - Tôi cũng là một người Scotland như ngài, thừa huân tước và tôi là một trong những người bị nạn trên tàu "Britania".

Lời tuyên bố ấy đã gây ấn tượng không sao tả xiết. Mary Grant gần như ngất đi vì xúc động và hạnh phúc, gục đầu vào ngực huân tước phu nhân Helena, John Mangles, Robert, Paganel đứng phắt dậy và nhào tới người mà Paddy O'Moore vừa gọi là Ayrton.

Anh ta chừng bốn mươi lăm tuổi, gương mặt khắc khổ, đôi mắt sáng ẩn sâu dưới cặp mày rậm. Tuy gầy gò, nhưng anh ta hẳn là đã có một sức mạnh khác thường. Dường như người anh ta chỉ toàn xương và thần kinh. Anh ta có đôi vai rộng, người tầm thước, phong thái nom thông minh, kiên quyết và đầy nghị lực. Đó là một người đã từng bị nhiều đau khổ, nhưng lại gây được ấn tượng về một con người có khả năng chịu đựng và vượt qua những đau khổ.

Thoạt nhìn, Glenarvan và các bạn của ông đã thấy rõ điều đó. Con người Ayrton làm cho người ta kính trọng. Glenarvan, thể hiện những tình cảm chung, đã hỏi anh ta đủ điều. Cả hai người, Glenarvan và Ayrton, có lẽ đều xúc động trước cuộc gặp gỡ này, vì vậy những câu hỏi của Glenarvan lúc



đều khá lộn xộn.

- Anh là một trong những người bị nạn trên tàu “Britania”?
- Vâng, thưa huân tước, tôi là hoa tiêu của thuyền trưởng Grant.
- Anh đã thoát nạn trong lúc tàu bị đắm cùng với họ?
- Không, thưa huân tước, không! Trong giờ phút khủng khiếp ấy tôi bị sóng cuốn đi khỏi boong tàu và bị giạt lên bờ.
- Có lẽ anh không phải là người trong số hai thuỷ thủ được nhắc đến trong thư?
- Không... Tôi không ngờ có bức thư ấy. Thuyền trưởng đã bỏ thư xuống biển khi tôi không còn trên tàu nữa.
- Nhưng, tình hình thuyền trưởng ra sao?
- Tôi cho rằng ông ta đã bị chìm, mất tích, hy sinh cùng với cả đội thuỷ thủ của tàu “Britania”. Tôi thấy hình như chỉ có mình tôi là thoát nạn.
- Nhưng anh đã nói thuyền trưởng Grant còn sống kia mà!
- Không, tôi đã nói “Nếu thuyền trưởng Grant còn sống ...!”
- Và anh đã nói thêm “thì ông ta đang ở Australie!”
- Vâng, ông ta chỉ có thể ở đây thôi.
- Có nghĩa là anh không biết rõ ông ta đang ở đâu?
- Không biết, thưa huân tước. Tôi nhắc lại: tôi cho rằng ông ta đã bị sóng nhận chìm hoặc đã bị va vào đã chết. Do huân tước nói nên tôi mới biết rằng ông ta có thể vẫn còn sống.
- Nhưng như vậy thì anh có biết gì thêm không?
- Chỉ biết một điều là nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.
- Thế tai nạn đã xảy ra ở đâu? - Thiếu tá Mac Nabbs hỏi.

Câu hỏi này dĩ nhiên là đáng lẽ phải được nêu ra ngay từ đầu, nhưng Glenarvan đã quá xúc động và quá vội vã muốn biết thuyền trưởng Grant đang ở đâu và có tin tức gì về nơi tàu “Britania” bị đắm không, nên đã bỏ qua. Câu chuyện từ này đến giờ đã diễn ra một cách lộn xộn, thiếu mạch lạc, chỉ mới dả động đến những vấn đề mà chưa đi sâu vào những vấn đề ấy. Nhưng sau câu hỏi của thiếu tá, cuộc nói chuyện đã bắt đầu có tính chất thiết thực hơn, và chẳng bao lâu, những người nghe đã biết rõ ràng mọi tình

tiết của câu chuyện bí ẩn ấy.

Ayrton đã trả lời câu hỏi của Mac Nabbs như sau:

- Khi tôi bị sóng cuốn khỏi boong tàu, lúc ấy, tôi đã hạ buồm xuống, thì tàu “Britania” bị giạt vào bờ biển Australie, còn cách đó chưa đầy hai cabeltove. Và tàu đã bị đắm ở ngay đó.
- Ở vĩ tuyến 37”? – John Mangles hỏi.
- Ở vĩ tuyến 37”, - Ayrton khẳng định.
- Trên vùng duyên hải phía tây?
- Ồ, không, ở phía đông, - Người hoa tiêu đáp lại rất linh hoạt.
- Thế tàu bị đắm vào lúc nào?
- Đêm 27 tháng 6 năm 1862.
- Đúng như vậy. Rất khộp! – Glenarvan kêu lên.
- Thưa huân tước, ngài thấy đó, tôi có cơ sở để cho rằng, nếu Grant còn sống thì cần phải tìm ông ta ở lục địa Australie và không phải ở đâu khác nữa.
- Chúng tôi sẽ đi tìm ông ta, sẽ tìm được ông ta và sẽ cứu ông ta, anh bạn của tôi ạ! – Paganel thốt lên. – Chà, thật là một tài liệu quý báu, - nhà địa lý nói với vẻ hồn nhiên chưa từng thấy.

Nhưng, những lời ấy của Paganel tất nhiên là không ai nghe thấy cả: Glenarvan và huân tước phu nhân, Mary và Robert, - mọi người đã vây quanh Ayrton và tranh nhau bắt tay anh ta.

Dường như sự có mặt của con người ấy là đảm bảo chắc chắn cho việc tìm cứu được thuyền trưởng Grant. Nếu trong khi tàu đắm có một thủy thủ còn sống sót, thì tại sao thuyền trưởng lại không thể thoát nạn? Ayrton đã nhắc lại rằng rất có thể là thuyền trưởng còn sống như anh ta. Nhưng thuyền trưởng đang ở đâu thì anh ta không thể nói được. Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, thuyền trưởng đang ở một nơi nào đó trên lục địa này thôi.

Người hoa tiêu ấy đã trả lời tất cả câu hỏi hoàn toàn chính xác và rõ ràng.

Trong lúc anh ta nói, Mary đã nắm lấy tay anh ta. Vì đây là một người bạn đường của cha cô, một trong số những thủy thủ của tàu “Britania” kia mà! Anh ta đã cùng sống với Harry Grant, cùng đi trên mặt biển, cùng vượt qua những khó khăn nguy hiểm. ... Và Mary đã khóc vì sung sướng, mắt không rời gương mặt khắc khổ của người hoa tiêu.

Suốt từ nãy đến giờ không có ai nảy ra ý nghĩ rằng con người tự xưng là hoa tiêu ấy có đúng thực hay không? Và nói chung là có thể tin được lời của anh ta không? Chỉ có thiếu tá và có thể cả John Mangles nữa, những người không dễ dàng bị thuyết phục, là còn phân vân. Cuộc gặp gỡ với anh ta quả là quá bất ngờ, đến nỗi có thể gây nên một số điều đáng nghi nào đó. Đúng là Ayrton có nói đến những sự việc và con số hoàn toàn phù hợp với những điều đã được biết trong lá thư và đã giải thích thêm những tình tiết mới lạ. Nhưng, những tình tiết, cho dù chính xác đi nữa, vẫn không làm cho câu chuyện có thể tin cậy được. Vì trong một số tình tiết của chuyện đã phát hiện thấy sự giả dối. Nhưng Mac Nabbs đã gác lại những điều nghi ngờ của mình mà làm thinh.

Còn nói về John Mangles thì, khi viên hoa tiêu bắt đầu kể với cô gái trẻ về người cha của cô, lập tức mọi nghi ngờ của anh ta đều tiêu tan hết, anh ta tin chắc rằng Ayrton đích thực là bạn đồng nghiệp của thuyền trưởng Grant. Rõ ràng là viên hoa tiêu trước đây đã biết cả Mary lẫn Robert, bởi vì anh ta đã từng gặp chúng ở cảng Glasgow trước khi tàu “Britania” nhổ neo. Ayrton nhắc lại cho Mary biết, anh ta đã cùng với hai chị em có mặt trong bữa ăn sáng chia tay do thuyền trưởng đãi bạn bè trên boong tàu của mình. Đạo ấy Robert hơn mười tuổi, được giao cho thủy thủ trưởng Dick Turner trông nom, nhưng chú đã vùng bỏ chạy và leo trèo khắp chỗ trên tàu.

- Đúng, đúng! – Robert xác nhận.

Ayrton đã nhắc lại sự việc như thế. Và cứ mỗi lần anh ta dừng lại thì Mary lại khẩn khoản yêu cầu:

- Ông Ayrton kể nữa đi, kể nữa đi, cho chúng cháu nghe về cha của chúng cháu.

Anh ta đã kể theo ý của cô gái. Glenarvan nhiều lần muốn hỏi một số điều

cụ thể, nhưng huân tước phu nhân Helena ngăn lại, đưa mắt ra hiệu cho chồng biết Mary còn đang say chuyện.

Ayrton đã kể lại toàn bộ hành trình của “Britania” trên Thái Bình Dương. Có nhiều điều anh ta nói Mary đã được biết, bởi vì những tin tức về tàu vẫn cứ đều đặn cho đến tận tháng 5 năm 1862. Trong thời gian ấy, Harry Grant đã đến nhiều đảo. Ông đã ghé lại các quần đảo New Hebrides, New Guinee, New Zealand và New Caledonie. Nhưng, ở đâu ông cũng thấy đất đai đã bị chiếm đoạt hết rồi và thường là bất hợp pháp. Chính quyền Anh sở tại đã gây ra cho ông đủ mọi trở ngại. Nhưng thuyền trưởng Grant cũng đã tìm được trên bờ biển phía Tây Guinee những vùng đất thích hợp. Ông thấy có thể lập ra một vùng di dân Scotland ở đó và vùng này nhất định sẽ phồn thịnh. Và quả là một hải cảng tốt trên tuyến đường giữa các quần đảo Moluque và Philippin, nhất định sẽ thu hút được không ít tàu biển, nhất là khi kênh đào Suez được hoàn thành, sẽ phứt bỏ con đường đi vòng qua mũi Hảo Vọng. Harry Grant là một người đã tích cực đấu tranh ủng hộ sáng kiến của ngài F Lesseps (1), người đặt lợi ích quốc tế cao hơn sự tranh đua về chính trị.

Sau khi hoàn thành việc khảo sát vùng New Guinee, “Britania” đã đi Callao để bổ sung dự trữ thực phẩm và nhiên liệu. Ngày 30 tháng 5 năm 1862, nó đã rời cảng này và đi châu Âu qua Ấn Độ Dương và vòng qua mũi Hảo Vọng. “Britania” ra biển được ba tuần thì một trận bão khủng khiếp đã làm cho tàu không điều khiển được nữa và phải chạt bỏ các cột buồm. Hầm tàu bị nước rò không thể bịt lại được. Chẳng bao lâu đoàn thủy thủ đã hoàn toàn bị kiệt sức. Không thể dùng máy bơm để hút nước ra. Suốt cả tuần lễ “Britania” trở thành thứ đồ chơi cho bão biển vờn giỡn. Nước trong hầm tàu lên đến một mét tám. Tàu bị chìm dần. Các xuồng đều bị bão giạt vỡ. Trong khi cái chết không tránh khỏi đang đe dọa đoàn thủy thủ thì bỗng đêm rạng ngày 27 tháng 6 (Paganel đã đoán đúng) họ thấy xuất hiện vùng duyên hải phía đông Australie. Chẳng bao lâu “Britania” đã bị quăng lên bờ với một sức mạnh khủng khiếp. Ayrton bị sóng cuốn vào vùng nước xoáy và ngất đi. Khi tỉnh dậy anh ta thấy mình bị những người thổ dân bắt giữ. Họ đưa Ayrton vào sâu trong đất liền. Từ đó đến nay anh ta không hay biết

gì về “Britania” và hoàn toàn có căn cứ để phóng đoán rằng nó đã bị va vào dải đá ngầm ở Twofold-Bay và đã bị đắm cùng với cả đoàn thuỷ thủ và hàng hoá.

Đến đây kết thúc phần chuyện có liên quan đến thuyền trưởng Grant. Nhiều lần Ayrton đang nói đã bị những tiếng kêu đau xót chen ngang. Thậm chí đến thiếu tá, công bằng mà nói, cũng không thể nghi ngờ tính xác thực của Ayrton. Bây giờ ta hãy nghe câu chuyện về bản thân Ayrton, có lẽ còn hấp dẫn hơn cả câu chuyện về tàu “Britania”. Vì nhờ có bức thư nên không ai nghi ngờ gì về việc thuyền trưởng Grant cùng với hai thuỷ thủ còn sống sót sau khi tàu bị nạn, cũng giống như chính Ayrton, và do đó, khi biết số phận của một người thì hoàn toàn có căn cứ để xét đoán số phận của những người khác. Vì vậy, mọi người đã yêu cầu Ayrton kể quãng đời phiêu lưu của anh ta. Anh ta đã làm việc ấy rất đơn giản và ngắn gọn.

Người thuỷ thủ thoát nạn ấy sau khi một bộ lạc thổ dân bắt giữ, đã bị đưa sâu vào nội địa, ở vùng châu thổ sông Darling, cách vĩ tuyến 37 chừng bốn trăm dặm về phía bắc. Anh ta đã sống ở đó trong cảnh thiếu thốn nặng nề, bởi vì bản thân bộ lạc đó cũng nghèo đói. Hai năm sống trong cảnh nô lệ tàn bạo ấy đã kéo dài lê thê. Nhưng, trong thâm tâm, anh ta vẫn nuôi hy vọng một ngày nào đấy sẽ được giải thoát. Anh ta đã quyết định chạy trốn, mặc dù biết rằng như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm.

Một đêm tháng 10 năm 1864, Ayrton đã đánh lừa được những người thổ dân và trốn thoát vào rừng rậm mênh mê. Suốt cả tháng trời anh bị lạc ở nơi hoang vắng ấy, đào củ rừng mà sống. Ban ngày định hướng đi theo mặt trời, còn ban đêm thì theo sao. Anh ta thường xuyên lâm vào cảnh thất vọng. Cứ như thế, anh ta vượt qua những bãi sinh lầy, sông núi, vượt qua vùng đất hoang xưa của lục địa Australie, mà mới chỉ có một số nhà thám hiểm dũng cảm đặt chân tới. Cuối cùng bị kiệt sức, gần như sắp chết, anh ta đã lê được đến nhà ông Paddy O’Moore mướn khách này đây. Anh ta xin ở lại làm việc và được sống lại cuộc đời hạnh phúc.

- Nếu Ayrton hài lòng về tôi, - người Irlande lưu vong nói, khi viên hoa tiêu vừa kể xong, - thì cần phải nói rằng tôi cũng hài lòng về anh ta. Anh ta là một người thông minh dũng cảm, một người làm việc tốt, và nếu

anh ta muốn thì mái nhà của Paddy O'Moore sẽ mãi mãi là của anh ta. Ayrton cúi mình tạ ơn người Ireland và bắt đầu chờ đợi những câu hỏi khác.

Glenarvan định phác thảo một kế hoạch hành động mới dựa theo tình hình mà Ayrton vừa cung cấp, nhưng lúc ấy thiếu tá đã quay sang hỏi anh ta.

- Anh đã làm hoa tiêu trên tàu "Britania"?
- Vâng, - Ayrton đáp ngay không cần nghĩ.

Biết rằng câu hỏi của Mac Nabbs là biểu hiện ý nghi ngờ cuối cùng, nên anh ta đã nói thêm: - Tôi còn giữ được nguyên vẹn bản hợp đồng làm việc trên tàu.

Và tức thì Ayrton đi lấy ngay bản hợp đồng ấy. Anh ta vắng mặt không đầy một phút, nhưng Paddy O'Moore đã kịp nói với Glenarvan:

- Thưa huân tước, ngài hãy tin tôi. Ayrton là một người lương thiện. Qua hai tháng anh ta làm việc ở đây, tôi hoàn toàn không có điều gì phải trách cứ anh ta. Đó là một người chắc chắn xứng đáng với sự tin cậy của ngài.

Glenarvan định trả lời rằng ông ta không có ý nghi ngờ tính đúng đắn của Ayrton, nhưng vừa lúc ấy viên hoa tiêu đã trở lại và đưa cho Glenarvan bản hợp đồng đã được ký kết đúng thể lệ quy định. Bản hợp đồng do chủ tàu "Britania" thuyền trưởng Grant ký tên Mary nhận ra ngay nét chữ của cha. Bản hợp đồng xác định rằng: "Tom Ayrton, thủy thủ hạng nhất, đã được nhận làm hoa tiêu trên tàu ba cột buồm "Britania"" Thế là về con người Ayrton không thể nghi ngờ gì được nữa, bởi vì không thể có chuyện anh ta lại đi giữ một chứng từ mà không phải của anh ta.

- Còn bây giờ, - Glenarvan nói, - tôi đề nghị mọi người phát biểu, và chúng ta sẽ quyết định ngay những việc cần làm. Ayrton, những lời nói của ông đặc biệt quý hoá đối với chúng tôi và tôi rất biết ơn.

Suy nghĩ một chút, Ayrton đáp:

- Xin cảm ơn huân tước về sự tin cậy mà ngài đã dành cho tôi. Tin rằng tôi sẽ xứng đáng với lòng tin cậy đó. Tất nhiên là tôi có biết đôi chút về vùng ấy, về phong tục tập quán của thổ dân, và nếu như tôi có thể làm được việc gì hữu ích cho ngài thì...

- Nhất định là có, - Glenarvan đáp.
  - Tôi cũng nghĩ như ngài, - Ayrton nói tiếp, - rằng thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ đã thoát nạn, mà nếu họ đã không đến một lãnh địa nào đó của Anh và không có tin tức gì về họ thì tôi cho rằng họ, cũng như tôi, đã bị một bộ lạc thổ dân nào đó bắt giữ.
  - Ayrton, anh đang nhắc lại chính những điều mà tôi đã kết luận – Paganel nói. – Rõ ràng thuyền trưởng Grant cùng với hai thủy thủ của mình, sau khi thoát nạn, đã bị những người thổ dân bắt. Nhưng liệu chúng ta có thể cho rằng họ, cũng như anh, đã bị đưa lên phía bắc vĩ tuyến 37 không?
  - Có lẽ đúng, thưa ông, - Ayrton đáp, - các bộ lạc thù địch rất không ưa sống ở gần những vùng do người Anh cai trị.
  - Điều đó làm cho cuộc tìm kiếm của chúng ta thêm phức tạp, - Glenarvan băn khoăn nói. – Làm sao tìm được dấu tích của những người bị bắt ấy trên lục địa mênh mông này?
- Đáp lại câu hỏi đó là một sự im lặng kéo dài. Huân tước phu nhân Helena đã đưa mắt dò hỏi những người cùng đi. Thậm chí cả Paganel, trái với lệ thường, cũng giữ im lặng. Sự sáng trí mọi ngày của ông đã phản lại ông. John Mangles trong lúc bối rối đã rải những bước dài, đi đi lại lại trong phòng, như đi trên cầu chỉ huy của tàu mình vậy.
- Ông Ayrton, theo ông thì nên quyết định thế nào – Huân tước phu nhân Helena quay sang hỏi viên hoa tiêu.
  - Thưa phu nhân, tôi sẽ quay trở về “Ducan”, đi thẳng đến nơi xảy ra tai nạn đắm tàu. – Ayrton nói với một vẻ linh hoạt. – Còn ở đó tôi sẽ hành động phù hợp với tình huống và biết đâu lại chẳng gặp cơ hội may mắn nào đó.
  - Tuyệt lắm! – Glenarvan nói, - nhưng có điều là phải đợi sửa chữa xong “Ducan” đã.
  - À, vậy là tàu của ngài có chỗ bị hư? – Ayrton hỏi.
  - Vâng, John Mangles lên tiếng.
  - Có nặng không?
  - Không, nhưng muốn sửa chữa phải có thiết bị, mà tàu chúng tôi lại



không có. Chân vịt có một cánh bị cong và chỉ có thể đến Melbourne mới chữa được.

- Nhưng chẳng lẽ không thể chạy bằng buồm được sao? – Viên hoa tiêu hỏi.

- Được chứ. Nhưng nếu bị ngược gió thì hành trình đi đến Twofold-Bay sẽ bị kéo dài, mà đằng nào cũng cần phải đi Melbourne.

- Vậy thì cứ để “Ducan” đi Melbourne, - Paganel tham gia. – Còn chúng ta đi đến vịnh Twofold-Bay bằng cách khác.

- Bằng cách nào? – John Mangles muốn biết.

- Chúng ta sẽ đi qua Australie như đã đi qua Nam Mỹ, cứ bám sát theo vĩ tuyến 37 mà đi.

- Thế còn “Ducan”? – Ayrton hỏi với một vẻ quan tâm hơi đặc biệt.

- “Ducan” sẽ đến với chúng ta, hoặc chúng ta sẽ đến với nó, tùy theo tình huống. Nếu trên đường đi mà tìm thấy thuyền trưởng Grant thì chúng ta sẽ cùng ông quay trở lại Melbourne. Nếu chúng ta phải kéo dài cuộc tìm kiếm đến tận cùng duyên hải thì “Ducan” sẽ đến đó đón chúng ta. Có ai không tán thành kế hoạch này không? Ý bác thế nào, thiếu tá?

- Không ai phản đối, - Mac Nabbs trả lời, - nhưng có điều là liệu chuyến vượt qua Australie có thể thực hiện được không?

- Được lắm chứ, vì thế nên tôi đề nghị cho huân tước phu nhân và cô Mary cùng đi với chúng ta, - nhà bác học nói.

- Ngài nói điều ấy nghiêm chỉnh đấy chứ, Paganel? – Glenarvan hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, thưa huân tước thân mến. Chặng đường vượt này khoảng 350 dặm gì đó. Mỗi ngày đi 12 dặm thì chúng ta sẽ đi mất chưa đầy một tháng, tức là bằng đúng thời gian dùng để sửa chữa tàu “Ducan”. Nhưng nếu cần vượt qua lục địa Australie xa hơn về phía bắc là nơi rộng nhất Australie, có những vùng sa mạc mênh mông, không có nước, oi bức không sao chịu được, - tóm lại là phải chịu đựng tất cả những gì mà các nhà thám hiểm dũng cảm nhất chưa hề trải qua – đó lại là chuyện khác. Còn vĩ tuyến 37 thì đi qua tỉnh Victoria, qua các lãnh địa của Anh, hầu như nơi nào cũng có dân cư, đường sá, xe lửa. Một cuộc thám hiểm như vậy thậm chí có thể thực hiện được bằng xe ngựa. Giống như một cuộc



dạo chơi từ London đến Edimbourg mà thôi, không hơn đâu.

- Thế thú dữ thì sao? – Glenarvan hỏi, muốn đề phòng trước mọi điều.
  - Ở Australie không có thú dữ. – Còn ở châu Âu thì không được mấy nơi như vậy. Thế nào, ta quyết định được rồi chứ?
  - Ý em sao, Helena? – Glenarvan quay sang hỏi vợ.
- Ý em cũng giống y mà mỗi người chúng ta đều sẵn sàng nói ra, anh Edward thân yêu ạ. – Helena vừa trả lời vừa quay về phía các nhà thám hiểm khác. Lên đường! Lên đường thôi!

**Chú thích:**

*(1) Là nhà ngoại giao Pháp, theo dự án của ông năm 1855 - một công ty kênh đào Suez đã được thành lập. Kênh này đã được khai trương năm 1869.*

## Jules Verne

### Những đứa con của thuyền trưởng Grant

#### Chương 4

##### Ra đi

Chuyến đi đã được ấn định vào ngày mốt, 22 tháng 12. Quả thật, không ai hi vọng tìm được thuyền trưởng Grant ngay trên vĩ tuyến 37 mà họ đã quyết định bám sát suốt hành trình. Nhưng ít nhất cũng có thể trông cậy phát hiện được những dấu tích nào đó về sự có mặt của Harry Grant. Và, dù sao đi nữa, thì vĩ tuyến ấy cũng dẫn thẳng đến nơi con tàu bị nạn. Điều ấy mới là chủ yếu.

Nếu Ayrton đồng ý tham gia cùng đoàn thám hiểm, dẫn họ đi qua các khu rừng của tỉnh Victoria, đến vùng duyên hải phía đông, thì như vậy cuộc hành trình thừa sức bảo đảm thành công. Glenarvan biết thế, nên muốn được người đồng hành trước đây của Harry Grant giúp đỡ. Ông hỏi người chủ nhà xem có đồng ý cho Ayrton tháp tùng họ không. Paddy O'Moore cho biết ông rất tiếc, nhưng không khước từ lời đề nghị ấy.

- Sao Ayrton, ông đồng ý cùng chúng tôi tham gia cuộc tìm kiếm những người bị nạn của tàu “Britania” chứ?

(tranh ảnh trang 152)

Ayrton không trả lời ngay câu hỏi ấy. Thậm chí anh ta còn do dự vài phút. Nhưng sau khi đã suy nghĩ, anh ta nói:

- Tốt thôi, thưa huân tước, tôi sẽ đi với các ông. Thậm chí nếu tôi không giúp ông tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant thì tôi cũng sẽ đưa các ông đến nơi tàu của ông ta bị nạn.

- Cám ơn ông, Ayrton, - Glenarvan nói.

- Cho phép tôi hỏi huân tước một câu.

- Ông cứ hỏi.

- Các ông hẹn gặp “Ducan” ở đâu?

- Ở Melbourne.

- Thế còn thuyền trưởng...?

- Thuyền trưởng sẽ đợi lệnh của tôi tại cảng Melbourne!

- Thôi được, thưa huân tước, - Ayrton nói – ngài có thể trông cậy vào tôi.

- Tôi sẽ trông cậy vào ông, ông Ayrton, - Glenarvan đáp.

Các hành khách của tàu “Ducan” nồng nhiệt cảm ơn viên hoa tiêu ấy. Những đứa con của thuyền trưởng Grant không biết làm sao biểu lộ lòng triu mến của mình đối với ông ta.

Glenarvan uỷ thác cho Paddy O’Moore lo việc cung cấp cho đoàn thám hiểm phương tiện vận chuyển để vượt qua Australie. Sau khi ký kết giao kèo và hẹn với Ayrton, các nhà thám hiểm trở lại tàu “Ducan”.

Ai nấy ra về vui vẻ. Tình hình đã đổi khác, không còn phải do dự phân vân gì nữa. Bây giờ đoàn thám hiểm dũng cảm khởi cần tiến hành việc tìm kiếm một cách mò mẫm dọc theo vĩ tuyến 37. Harry Grant đang ở trên lục địa này, điều đó không còn phải hoài nghi. Vì vậy, ai nấy trong lòng tràn ngập niềm vui. Hai tháng nữa thôi, nếu tình hình thuận lợi, “Ducan” sẽ đưa Harry Grant đặt chân trở lại bờ biển Scotland.

John Mangles rất muốn tham gia cuộc hành trình sắp đến. Chàng đã viện đủ mọi cố để thuyết phục Glenarvan. Sau khi nghe chàng thuyền trưởng trẻ giải bày tâm sự của mình, Glenarvan nói:

- Chỉ có một điều là anh hoàn toàn tin cậy được người phó của mình chứ?

- Hoàn toàn tin được, - John đáp. – Tom Austin là một thuỷ thủ giỏi. Anh ta sẽ đưa được “Ducan” đến Melbourne, biết lo liệu việc sửa chữa và sau đó, đưa tàu đến nơi hẹn đúng ngày.

- Thôi được, John, tôi quyết định cho anh đi cùng chúng tôi, - Glenarvan mỉm cười nói tiếp. - Để anh được có mặt trong lúc tìm thấy cha của Mary, dầu sao vẫn hay hơn chứ, phải không?

- Ồ, thưa huân tước! – Đó là tất cả những gì mà chàng thuyền trưởng trẻ có thể nói được. Chàng tái mặt đi, nắm chặt cánh tay của Glenarvan chìa ra cho anh bắt.

Ngày hôm sau, John Mangles cùng với một thợ mộc và mấy thuỷ thủ mang lương thực trở lại trang trại của Paddy O’Moore. John cần phải cùng người Islande ấy lo tổ chức đi lại cho đoàn thám hiểm.

Cả gia đình người lưu vong đã chờ đợi John và sẵn sàng bắt tay vào việc theo sự hướng dẫn của anh ta. Ayrton cũng có mặt ở đây và không hề hà tiện những lời khuyên giúp.

Paddy và Ayrton đều đồng ý với nhau là phụ nữ cần phải đi xe bò kéo, còn đàn ông thì đi ngựa. Người Irelande đảm nhận cung cấp cho đoàn thám hiểm cả xe lẫn bò. Chiếc xe được đóng và trang bị khá đầy đủ tiện nghi cần thiết cho những người phụ nữ đi đường xa. Sàn xe trải thảm dày, có bàn trang điểm và hai đi văng nhỏ cho huân tước phu nhân Glenarvan và Mary. Ban đêm, để chống lạnh đã có những bức rèm bằng da dày buông xuống. Cùng lắm thì cánh đàn ông cũng có thể vào xe trú mưa, nhưng bình thường thì họ vẫn phải ngủ đêm trong lều.

Đối với đàn ông thì mọi việc đơn giản hơn. Bảy con ngựa đã được chuẩn bị cho huân tước Glenarvan, Paganel, Robert Grant, Mac Nabbs, John Mangles và hai thủy thủ Wilson và Mulrady. Ayrton ngồi vào vị trí của người xà ích, còn chàng Olbinett không thích cưỡi ngựa đã được thu xếp ngồi trong khoang hành lý.

Mọi việc đã được chuẩn bị xong. Sáu chú bò được thặng xe theo từng cặp một. Ayrton tay cầm một chiếc roi dài, đầu nhọn, sẵn sàng đợi lệnh của ông chủ mới...

Từ mũi Bernouilli đến biên giới tỉnh Victoria dài gần sáu mươi hai dặm. Họ đi mất hai ngày. Sau đó, sáng sớm ngày 24 tháng 12, họ lại tiếp tục lên đường. Cho đến ngày 26, dọc đường chẳng có gì đặc biệt đáng nói.

Hôm sau, lúc 11 giờ sáng, chiếc xe bò đã đi đến bờ sông Wimmera, gần kinh tuyến 143. Con sông rộng nửa dặm, dòng nước trong veo chảy giữa những hàng xiêm gai và cây keo cao ráo. Không có cầu, không có phà, thế mà lại phải vượt qua bờ bên kia. Ayrton bắt đầu lội đi tìm chỗ nước nông. Ngược dòng độ một phần tư dặm, thấy sông không sâu lắm, anh ta quyết định cho xe qua sông ở chỗ ấy. Ayrton đo thử mấy chỗ khác, thấy nước ở đây sâu chưa đầy một mét, nghĩa là xe bò kéo có thể đi qua được mà không mạo hiểm gì lắm!

- Không có cách nào khác để qua được bờ bên kia sao? – Glenarvan hỏi người hoa tiêu.

- Không, thưa huân tước. – Ayrton đáp. - Những chỗ này tôi thấy không nguy hiểm đâu, thế nào ta cũng qua được mà.

- Huân tước phu nhân và cô Mary có cần phải xuống xe không?

- Không nhất thiết phải xuống. Những con bò của tôi vững chân lắm, tôi sẽ khiến chúng đi theo đường bảo đảm.

- Thôi được, Ayrton, - Glenarvan nói, - tôi trông cậy ở ông.

Những người cưỡi ngựa vây quanh chiếc xe bò kéo nặng, cả đội dùng cảm đi xuống nước. Thông thường, khi xe bò lội qua sông, người ta gắn thêm vào chung quanh xe những chiếc thùng phuy rỗng để giữ cho xe nổi trên mặt nước. Nhưng ở đây không có phao an toàn, nên phải trông cậy vào linh cảm của những con bò và sự thận trọng của người xà ích, Ayrton ngồi trên ghế xà ích, điều khiển xe. Thiếu tá và cả hai thủy thủ rẽ dòng nước xiết tiến lên phía trước vài mét. Glenarvan và John Mangles đi hai bên sẵn sàng hỗ trợ phái nữ, Paganel và Robert đi khoá đuôi...

Đến giữa dòng Wimerra, mọi việc diễn ra tốt đẹp. Nhưng tại đó đáy sông trũng xuống và nước ngập quá bánh xe. Mấy con bò bị nước cuốn mạnh, hẫng chân đi chệch hướng, khiến chiếc xe nghiêng ngả. Ayrton dùng cảm lao xuống nước, nắm lấy sừng bò bắt chúng đi vào đúng đường. Vừa lúc ấy, cỗ xe bất ngờ vấp phải chướng ngại nào đó, phát ra tiếng kêu rắc khá mạnh, rồi nghiêng hẳn đi. Nước ngập đến chân hai người ngồi trong xe. Mặc dù Glenarvan và John hết sức cố gắng bám vào thành xe níu lại, nhưng cỗ xe vẫn bị nước xô đi. Tình thế hết sức nguy nan.

May sao, mấy con bò đã bứt mạnh lên được phía trước, kéo cả cỗ xe theo. Đáy sông bắt đầu cao dần, và chẳng bao lâu, những con vật và các nhà thám hiểm ướt sũng nước đã sang được bờ bên kia an toàn.

Cỗ xe bị gãy bánh trước. Còn ngựa của Glenarvan thì bị long mất móng. Cần phải chữa ngay những chỗ hư hỏng ấy càng nhanh càng tốt. Các nhà thám hiểm còn đang phân vân nhìn nhau thì bỗng Ayrton đề nghị cho đi đến ga Black- Point cách đó hai mươi dặm về phía bắc để kêu thợ rèn đến sửa.

- Tất nhiên phải như vậy rồi, ông đi đi, Ayrton thân mến! – Glenarvan nói – Ông cần thời gian bao lâu cả đi lẫn về?

- Độ mười lăm tiếng đồng hồ, không hơn.
- Nếu vậy thì ông hãy đi ngay, còn chúng tôi sẽ nghỉ lại trên bờ sông Wimerra này đợi ông.

Mấy phút sau, viên hoa tiêu đã phóng con ngựa của Wilson khuất sau những hai hàng cây gai rậm rạp.

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 5

Đường sắt từ Melbourne đến Sandhurst

Thiếu tá có phần lo ngại về việc Ayrton đi ga Black – Point tìm thợ rèn. Nhưng ông không hé răng nói nửa lời về sự nghi ngờ của mình đối với viên hoa tiêu, mà chỉ chăm chú quan sát những vùng ven sông. Còn nói về Glenarvan thì ông chỉ sợ một điều là Ayrton trở về một mình. Cỗ xe không chữa thì không thể tiếp tục đi được. Việc mắc lại dọc đường có thể kéo dài mất vài ngày, mà Glenarvan thì nóng ruột muốn sớm đạt được kết quả, nên đã không cho phép bất kỳ sự chậm trễ nào.

May sao, Ayrton đã không phí công uống sức. Sáng sớm hôm sau anh ta trở về, cùng đi có một người được gọi là thợ rèn ở Black – Point. Đây là một thanh niên cao lớn, vạm vỡ, nhưng nét mặt có cái gì nom kinh tởm và man rợ. Thực ra, điều đó chẳng quan trọng gì lắm, nếu anh ta có tay nghề giỏi. Anh ta làm lì quá đỗi, không nói thừa một lời nào.

- Anh ta là một thợ rèn giỏi chứ? – John Mangles hỏi viên hoa tiêu.
- Tôi biết anh ta cũng không hơn gì thuyền trưởng, - Ayrton đáp, - ta hãy xem sao.

Người thợ rèn bắt tay vào việc. Cứ xem cách anh ta chữa xe thì thấy anh ta thạo nghề lắm. Anh ta làm việc nhanh nhẹn và mạnh mẽ khác thường. Thiếu tá để ý thấy quanh hai bàn tay người thợ rèn có một khoang máu đen đã khô, dấu vết mới bị thương mà hai ống tay áo không che lấp được. Mac Nabbs hỏi người thợ rèn về căn cứ những vết sây sát có lẽ rất đau ấy, nhưng anh ta không đáp lại lời nào, mà cứ im lặng tiếp tục làm việc.

Hai giờ sau, chiếc xe đã được chữa xong. Ngựa của Glenarvan cũng được người thợ rèn đóng móng rất nhanh, bởi anh ta mang sẵn móng theo. Các móng có một đặc điểm không qua được mắt thiếu tá: trên mặt móng có khắc hình ba chiếc lá, đường nét thô thiển, Mac Nabbs chỉ cho Ayrton thấy điều đó.

- Đây là dấu hiệu của Black – Point, - viên hoa tiêu giải thích, - cốt để

tìm dấu vết những con ngựa trốn chuồng và không lẫn lộn chúng với những con khác.

Đóng móng ngựa xong, người thợ rèn đòi tiền công và bỏ đi không nói một lời.

Nửa giờ sau, các nhà thám hiểm lại đi về phía trước. Đằng sau các bụi cây mắc cỡ mọc hai bên đường hiện ra cánh đồng mênh mông. Đến 11 giờ ngày hôm sau nữa họ đến Carlsbrook, một thành phố khá lớn. Ayrton nói rằng chỉ nên đi bên ngoài thành phố thôi để khỏi mất thì giờ.

Glenarvan đồng ý, nhưng Paganel, một người rất ham thăm thú bất kỳ danh lam thắng cảnh nào, lại rất muốn vào Carlsbrook. Ông ta đã được tạo điều kiện ấy, còn cỗ xe bò vẫn tiếp tục cuộc hành trình nhưng đi chậm lại.

Paganel, như mọi khi, cho Robert đi cùng. Họ vào Carlsbrook không lâu, nhưng thời gian ấy đủ cho nhà bác học hình dung được chính xác về các thành phố của Australie. Ở Carlsbrook có nhà băng, toà án, chợ, trường học, nhà thờ và hàng trăm ngôi nhà gạch giống nhau được bố trí thành hình chữ nhật cân với những đường phố chạy song song, y hệt theo kiểu Anh. Không còn gì có thể đơn giản hơn thế, nhưng cũng không có gì buồn tẻ hơn thế. Tùy theo mức độ phát triển của thành phố, các đường phố của nó cứ việc kéo dài ra. Sự đối xứng ban đầu không bị phá vỡ.

Paganel và Robert xem phố xa một tiếng đồng hồ, rồi trở ra thúc ngựa đuổi kịp những người trong đoàn.

Suốt mấy ngày đi đường, đoàn thám hiểm không hề gặp một bộ lạc thổ dân nào. Glenarvan chợt nghĩ rằng ở Australie có lẽ sẽ không thấy người Australie, cũng như ở các thảo nguyên Argentine không hề gặp những người da đỏ. Nhưng Paganel đã giải thích cho ông rằng các bộ lạc cư trú chủ yếu ở châu thổ sông Murray, cách đây chừng một dặm về phía đông.

Bỗng có tiếng còi tàu hoả rúc vang. Các nhà thám hiểm đang ở cách đường xe lửa độ chừng một dặm. Chiếc đầu tàu chạy chậm từ phía nam tới, dừng lại đúng ngay nơi cỗ xe bò vừa đi ngang qua đường sắt.

Tuyến đường sắt này, theo lời Paganel, nối liền tỉnh lỵ Victoria với con sông lớn nhất Australie là Murray. Vĩ tuyến 37 cắt ngang nền đường sắt về phía Bắc Castlemaine vài dặm, gần cầu Camden bắc qua Lutton, một chỉ



lưu của sông Murray.

Ayrton cho xe đi về nơi ấy, còn những người cưỡi ngựa thì phóng nước đại lên trước. Đám đông đang ùn ùn kéo đến phía cầu xe lửa đã thu hút sự chú ý của các nhà thám hiểm.

Hình như ở đây mới xảy ra sự kiện quan trọng nào đó, có thể một thảm họa lớn chẳng?

Glenarvan và những người cùng đi càng thúc ngựa phóng nhanh hơn. Vài phút sau, họ đã có mặt nơi cầu Camden. Đến đây, họ mới hiểu vì sao dân chúng tụ tập đông như thế.

Một tai nạn khủng khiếp vừa xảy ra. Tàu hoả không đâm vào nhau, mà là bị trật đường ray và đổ nhào, giống như những vụ tai nạn xe lửa lớn nhất đã xảy ra trên các tuyến đường sắt nước Mỹ. Quãng sông nơi đường sắt chạy ra, ngổn ngang những toa xe và đầu tàu đổ xuống. Không biết do cầu không chịu nổi trọng tải xe lửa hay vì xe lửa bị trật bánh, nhưng trong sáu toa thì có năm toa đã bị lao xuống sông Lutton cùng với đầu máy. Chỉ còn toa cuối cùng may mà xích móc bị đứt nên vẫn còn nguyên vẹn trên đường ray, cách bờ vực thẳm không đầy một mét. Những mảnh nồi hơi bị nổ văng ra chung quanh khá xa. Từ đồng sắt vụn không còn hình thù gì nữa vẫn bốc lên những lưỡi lửa và những cụm hơi nước quện lẫn khói đen. Sau khi tai nạn khủng khiếp xảy ra, lửa vẫn còn cháy dữ dội. Đó đây có những xác người chết, máu loang lổ. Không ai dám nghĩ có bao nhiêu người thiệt mạng bị vùi dưới những đồng sắt thép vụn ấy.

Glenarvan, Paganel, thiếu tá, John Mangles chen lẫn vào đám đông lắng nghe xem chung quanh người ta nói gì. Ai nấy cố gắng tìm lời giải thích về tai nạn ấy. Trong khi đó công việc cấp cứu đã được bắt đầu.

- Có thể là cầu bị sập! - Một người nói.
- Sập làm sao được, - những người khách bác lại, - nó vẫn còn nguyên kia thôi! Chắc là trước khi tàu hoả đi qua, người ta quên không đóng nhịp cầu quay lại. Chỉ có vậy thôi.

Đúng thế, đó là một chiếc cầu quay dùng cho tàu bè qua lại trên sông. Không có nhẽ người gác đường tắc trách đã quên đóng cầu để cho chiếc tàu đang chạy bị lao xuống sông? Giả thiết ấy có vẻ như đúng lắm... Tai nạn

đã xảy ra về ban đêm với chiếc tàu tốc hành số 37 khởi hành từ Melbourne lúc 11 giờ 45 tối. Tàu đã bị đổ ở cầu Camden lúc 3 giờ 15 sáng. Khi ấy nó vừa rời ga Castlemaine được 25 phút. Hành khách và những người phục vụ trên toa xe cuối cùng còn nguyên vẹn đã định yêu cầu cứu cấp, nhưng cột điện đã bị đổ cả, nên điện báo không làm việc. Vì thế, các nhà chức trách Castlemaine mãi ba giờ sau mới có mặt ở nơi xảy ra tai nạn. Và đến sáu giờ sáng công việc cấp cứu mới được bắt đầu dưới sự chỉ huy của Mitchell, viên thanh tra trưởng vùng di cư, và đội cảnh sát, đứng đầu là một sĩ quan. Những người thổ dân chăn nuôi cùng với người làm của họ đã giúp đỡ đội cảnh sát thi hành phận sự. Trước tiên, họ dập tắt lửa, thu nhặt xác chết. Số hành khách bao nhiêu không biết, nhưng chỉ có mười người trên toa cuối cùng còn sống sót.

Huân tước Glenarvan, sau khi tự giới thiệu với viên thanh tra xúc động nói: “Thật là một việc hết sức rủi ro!”. Viên sĩ quan cảnh sát bình tĩnh nhận xét:

- Còn quá sự rủi ro nữa, thưa huân tước.
- Còn quá nữa! – Glenarvan thốt lên, hết sức kinh ngạc trước câu nói ấy! - Vậy thì là gì?
- Sự phạm tội. – viên cảnh sát bình tĩnh đáp.

Glenarvan nhìn Mitchell với vẻ dò hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, - viên thanh tra trưởng lên tiếng. – Qua việc thị sát nơi xảy ra tai nạn, chúng tôi đã khẳng định rằng nguyên nhân của thảm họa này là một tội đại hình. Toa hàng cuối cùng đã bị cướp, những hành khách còn sống sót đã bị một toán tội phạm nắm, sáu tên tấn công. Nhịp cầu quay rõ ràng là đã đổ ngã, nhưng không phải vì tắc trách mà là vì cố tình. Nếu như đối chiếu tình hình đó với sự mất tích của nhân viên gác đường sắt thì có thể kết luận rằng tên dê tiện ấy là tòng phạm.

Sau khi nghe lời kết luận đó của viên thanh tra trưởng, viên sĩ quan cảnh sát lắc đầu.

- Tôi thấy ngài không đồng ý với tôi, - viên thanh tra nói.
- Tôi không đồng ý nói rằng sự can dự của nhân viên đường sắt.
- Nhưng chỉ có sự can dự của hãn ta thì bọn người đã man hoành hành trên bờ sông Murray mới gây ra được tội ác này, - viên thanh tra bác lại.

- Đúng thế. – viên sĩ quan cảnh sát nói. – Tôi cho rằng ở đây có bàn tay của “những hành khách không vé trên các tàu thủy” đó, thưa ngài. Tôi hy vọng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tặng chúng món quà đầu xuân này! - Vừa nói viên sĩ quan vừa chỉ vào những chiếc còng tay...

- Sao, bọn tù khổ sai à? – Paganel kinh ngạc, vì ông hiểu những từ lóng ấy ở các vùng di dân của Australie nghĩa là gì.

Vừa lúc đó, cỗ xe bò đã đến ngã tư đường sắt. Glenarvan không muốn cho Helena và Mary trông thấy cảnh khủng khiếp này. Ông liền từ biệt viên thanh tra và ra hiệu mới mọi người trong đoàn đi theo mình. Glenarvan lại gần xe nói cho Helena biết rằng ở đây mới xảy ra tai nạn xe lửa, ông không nói gì về bọn tù khổ sai. Glenarvan định chỉ bảo cho Ayrton biết điều đó. Đoàn xe đi ngang đường sắt phía trên cầu chừng vài trăm mét và tiếp tục cuộc hành trình về phía đông.

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

## **Chương 6**

### **HÀNH KHÁCH BUỒNG SỐ SÁU**

Ngày đầu “Duncan” ra khơi, biển không lặng sóng lắm, về chiều gió thổi mạnh hơn, “Duncan” lắc dữ. Bởi vậy, nhóm phụ nữ không dám lên boong tàu. Họ nằm trên giường trong phòng mình.

Hôm sau, gió đã đổi hướng đôi chút. Thuyền trưởng John Mangles ra lệnh kéo buồm lên. Nhờ vậy, “Duncan” trở nên ổn định, bớt cảm thấy tròng trành hơn. Huân tước phu nhân Helena và Mary sáng sớm đã có thể trở lên boong tàu, ở đây đã có mặt huân tước Glenarvan, thiếu tá và thuyền trưởng.

Cảnh bình minh trên mặt biển thật kỳ ảo. “Duncan” lướt trôi trong những lồng ánh sáng ban mai, dường như không phải gió mà là những tia mặt trời thổi vào buồm tàu.

Hành khách trên tàu im lặng chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc.

- Ôi, thật là một cảnh tượng kỳ diệu! – Cuối cùng, huân tước phu nhân Helena thốt lên. – Mặt trời mọc thế này là hứa hẹn một ngày tuyệt đẹp đây. Chỉ mong sao gió đừng đổi hướng và cứ thuận buồm xuôi gió mãi thế này!

- Khó mong được hưởng gió thuận lợi hơn nữa, em Helena thân yêu ạ, - huân tước Glenarvan nhận xét, - và chúng ta cũng không phải buồn phiền về ngày mở đầu chuyến đi hôm nay.

- Anh Glenarvan thân yêu, vậy chuyến đi của chúng ta có thể kéo dài bao lâu?

- Về điều này, chỉ có thuyền trưởng John mới trả lời chúng ta được, - Glenarvan nói. – Tình hình chúng ta đi như thế nào? Anh có hài lòng với con tàu không, John?

- Rất hài lòng, thưa ngài huân tước. Đây là con tàu tuyệt diệu...

chúng ta đang đi với tốc độ 17 hải lý một giờ, nếu như giữ đều tốc độ này thì độ mười ngày nữa chúng ta sẽ băng qua xích đạo và ít nhất cũng năm tuần nữa chúng ta sẽ vượt qua mũi Horn.

- Cháu có nghe thấy không, Mary? Ít ra cũng năm tuần nữa! – huân tước phu nhân Helena quay sang nói với cô gái.

- Cháu nghe rồi, thưa bà. – Mary đáp. – Tim cháu thắt lại khi nghe thuyền trưởng nói điều đó.

- Cô đi biển có chịu được không, Mary? – Huân tước Glenarvan hỏi.

- Không đến nỗi ạ, thưa huân tước. Cháu cũng sắp quen với biển rồi.

- Thề còn chú Robert thì sao?

- Ồ, Robert! – John Mangles nói xen vào. – Nếu chú ta không có ở buồng máy thì có nghĩa là đã leo lên cột buồm. Chú bé này chẳng biết say sóng là gì... Xem kìa, chú ta đang ở đâu?

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng thuyền trưởng chỉ lên cột buồm trước: Robert đang vắt vẻo trên ngọn cột buồm cách boong tàu gần ba mươi mét. Mary bắt giắc rùng mình.

- Ồ, cô hãy yên tâm! John nói. – tôi xin chịu trách nhiệm về chú ấy. Tôi cam đoan với cô rằng, chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ trình trước thuyền trưởng Grant một chàng trai cừ khôi. Dẫu sao chúng ta cũng nhất định sẽ tìm thấy người thuyền trưởng đáng kính ấy.

- Ông John, xin trời phù hộ cho ông! – Cô gái trả lời.

- Cô Mary yêu quý, chúng ta đều hy vọng như thế! Glenarvan nói. – Mọi việc đều báo hiệu với chúng ta sự thành công. Các bạn hãy nhìn hai cháu bé đáng yêu này. Các cháu ấy đã tham dự vào việc thực hiện mục đích cao cả của chúng tao. Cùng với các cháu, chúng ta không những sẽ đạt đến thành công, mà còn thành công không đến nỗi khó khăn lắm. Tôi đã hứa với Helena thực hiện một cuộc du lịch giải trí và tin chắc rằng tôi sẽ giữ đúng lời hứa.

- Edward, anh là người tuyệt diệu! – Huân tước phu nhân Glenarvan thốt lên.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu, song anh có một đoàn thủy thủ tuyệt diệu trên một chiếc tàu tuyệt diệu... Nhưng cô Mary này, lẽ nào cô lại

không thấy thán phục con tàu “Duncan” của chúng tôi sao?

- Tất nhiên là cháu thán phục chứ, thưa huân tước, - cô gái đáp, - và cháu còn thán phục như một con người am hiểu thật sự nữa kia.

- Ra thế đấy!

- Hồi còn bé cháu đã từng chơi đùa trên những con tàu của cha cháu. Cha cháu đã định đào tạo cháu thành thuỷ thủ. Nhưng bây giờ đây, nếu cần, thì cháu cũng có thể làm việc cuốn buồm được.

- Cô nói gì thế, cô Mary! – John Mangles kêu to lên.

- Nếu vậy thì, - huân tước Glenarvan nói, - với thuyền trưởng John đây, không còn nghi ngờ gì nữa, cô sẽ có một người bạn lớn, bởi vì anh ta coi trọng nghề thuỷ thủ hơn bất kỳ nghề nào trên đời. Thậm chí đối với phụ nữ anh ta cũng không coi trọng hơn. Có phải thế không John?

- Hoàn toàn đúng thế ạ, thưa huân tước, - chàng thuyền trưởng trẻ trả lời. – Tôi phải thừa nhận rằng cô Grant thích hợp với công việc ở mũi tàu hơn là điều khiển buồm. Hơn nữa, tôi rất lấy làm vui lòng về những lời của cô ấy.

- Nhất là khi cô ấy tỏ ý thán phục “Duncan”, - huân tước Glenarvan nói thêm.

- ... và chiếc tàu hoàn toàn xứng đáng như vậy... - John Mangles trả lời.

- Đúng thế, - Helena xen vào, - các ông rất tự hào về con tàu của mình, vì vậy, tôi muốn được đi xem toàn bộ con tàu, đến từng hầm tàu, đồng thời xem những thuỷ thủ đáng mến của các ông được bố trí trong các buồng ở như thế nào.

- Họ được thu xếp chỗ ở rất tuyệt, - John Mangles đáp, - y như ở nhà.

- Và quả thực họ đang ở nhà vậy, em Helena thân yêu ạ, - huân tước Glenarvan nói. – Bởi vì con tàu này là bộ phận của quê hương Kaledonie cổ kính của chúng ta, một góc của Dumbarton bởi trên sóng đại dương. Và chúng ta tuyệt nhiên không rời khỏi quê hương của chúng ta: “Duncan” – đó là Malcolm-Castle, còn đại dương là hồ Lomond.

- Nếu vậy thì anh Edward thân yêu, anh hãy chỉ cho em xem lâu đài của anh đi, - huân tước phu nhân Helena nói đùa.

- Xin sẵn sàng! Huân tước Glenarvan trả lời. – Nhưng trước hết hãy cho phép anh nói vài lời với Olbinett đã.

Người đầu bếp trên tàu “Duncan”, Olbinett, là một đầu bếp tuyệt trần, thừa hành phận sự một cách tận tâm và thông minh. Anh ta có mặt ngay khi chủ gọi.

- Olbinett, chúng tôi muốn đi dạo chơi trước khi điếm tâm. – huân tước Glenarvan nói bằng một giọng dường như câu chuyện đang nói đến cuộc dạo chơi ở quanh lâu đài. – Tôi hy vọng rằng khi chúng tôi về thì bữa điếm tâm đã được dọn sẵn trên bàn.

Olbinett cung kính cúi đầu.

- Bác đi với chúng tôi chứ, thiếu tá? – Huân tước phu nhân Helena hỏi Mac Nabbs.

- Nếu huân tước phu nhân ra lệnh, - ông ta đáp.

-Ồ, thiếu tá đang bị khói thuốc lá quyến rũ, - huân tước Glenarvan xen vào, - chúng ta sẽ không kéo bác ấy đi được đâu mà. Cô Mary biết không, bác ấy nhà tôi là cây nghiện thuốc, thậm chí lúc ngủ miệng bác ấy cũng vẫn không rời điếu thuốc.

Thiếu tá gật đầu tỏ ý tán thành. Còn những người khác đều đi xuống phòng thủy thủ.

Còn lại trên boong một mình, Mac Nabbs, theo thói quen, vừa lẩm bẫm tự trò chuyện với mình, vừa nhả khói thuốc dày đặc chung quanh. Ông đứng bất động nhìn bọt nước xoáy đằng sau tàu. Sau vài phút im lặng ngẫm nhìn như thế, ông quay lại và thấy trước mặt mình một người lạ. Nếu như một điều gì có thể làm cho thiếu tá kinh ngạc thì có lẽ đó là cuộc gặp mặt này đây, bởi vì hành khách ấy là người ông hoàn toàn không quen biết.

Đó là một người cao, gầy, tuổi chừng 40. Nom ông giống như một cái đinh dài có mũ. Đầu ông ta tròn và to, trán cao, mũi dài, mồm rộng, cằm nhọn. Đôi mắt ẩn sau những mắt kính tròn to, và cái nhìn bất định đặc biệt của ông chứng tỏ ông rất tinh. Gương mặt ông thông minh và vui vẻ, không thấy có sự lãnh đạm mà một số người cố làm cho ra vẻ quan trọng. Những người như vậy hay nguyên tắc, nên không bao giờ cười và dưới cái mặt nạ nghiêm túc thường che giấu tính nhỏ nhen. Trái lại, tính không câu nệ và sự

tự nhiên thoải mái đáng yêu của người lạ mặt này chứng tỏ rõ ràng ông ta biết nhìn thấy trong con người và sự vật những cái tốt đẹp. Dù ông chưa mở miệng, người ta vẫn cảm thấy rằng ông là người thích nói chuyện. Đồng thời người ta cũng dễ nhận thấy ông thuộc số người vô cùng đáng trí, nhìn mà không thấy, nghe mà không rõ. Người lạ mặt ấy đội mũ đi đường, đi đôi giày thô màu vàng và ghệt bằng da. Ông mặc quần nhung màu nâu và áo cũng vậy, nhưng có vô số túi đựng căng phồng: sổ, sách, ví nói chung linh tinh toàn những thứ không cần thiết. Vai ông đeo lưng lẳng một cái kính viễn vọng.

Vẻ tất tả của người lạ mặt tạo nên sự tương phản hoàn toàn với vẻ điềm tĩnh cao độ của thiếu tá. Ông ta cứ đi quanh Mac Nabbs, ngắm nhìn thiếu tá, ngụ ý dò hỏi, nhưng thiếu tá lại chẳng buồn để ý xem vị khách ở đâu đến, đi đâu và tại sao lại ở trên tàu “Duncan”.

Đến khi người lạ mặt bí ẩn thấy rằng mọi ý định tiếp xúc của ông ta đều vấp phải sự lãnh đạm của thiếu tá, ông bèn lấy kính viễn vọng của mình kéo ra hết cỡ dài chừng một mét hai, rồi doãng chân đứng im như một cây cột, hướng kính viễn vọng về phía đường chân trời. Sau khi quan sát như vậy chừng năm phút, ông ta chống kính viễn vọng xuống boong tàu, tựa mình vào ống kính như tựa vào chiếc ba toong, nhưng chiếc ống kính đã lập tức xếp lại từng khúc, từng khúc một, và vị khách bất ngờ bị mất điểm tựa, suýt ngã sóng soài bên cột buồm cái. Bất kỳ một người nào khác ở địa vị của thiếu tá chắc cũng đều phải bật cười, nhưng thiếu tá thậm chí không nhếch mép. Đến lúc ấy, người lạ mặt đành cam chịu trước sự bàng quan của ông ta.

- Đầu bếp đâu? – người lạ mặt gọi bằng một giọng nước ngoài lơ lớ, rồi bắt đầu đợi.

Không có ai ra cả.

- Đầu bếp đâu? – Ông ta gào to hơn.

Anh chàng Olbinett lúc ấy đang đi xuống bếp ở dưới boong tàu. Không sao nói hết sự ngạc nhiên của anh ta khi nghe thấy một người lạ cao ngồng nào đó réo gọi anh một cách bất lịch sự như thế.

“Người này ở đâu ra thế nhỉ? – Olbinett nghĩ – Một người bạn nào đó của



huân tước chẳng? Không thể như vậy được!”. Tuy nhiên anh vẫn đến gặp người lạ mặt.

- Anh là đầu bếp trên tàu này? – Người lạ mặt hỏi.

- Vâng, thưa ông, nhưng tôi không được hân hạnh...

- Tôi là hành khách buồng số sáu, - người lạ mặt không để cho Olbinett nói hết câu.

- Buồng số sáu? – Olbinett hỏi lại.

- Phải, thế anh tên gì?

- Olbinett.

- Thế này nhé, anh bạn Olbinett của tôi ơi, - người lạ ở buồng số sáu nói. – Cần phải nghỉ đến bữa ăn sáng đi, đừng để lâu quá nữa. Đã 36 tiếng đồng hồ rồi tôi chưa có gì bỏ vào bụng cả, nói cho đúng hơn là tôi đã ngủ 36 giờ liền, đó là điều có thể tha thứ cho một người đã đi một mạch từ Paris đến Glasgow. Anh làm ơn cho biết ở đây mấy giờ ăn sáng?

- Chín giờ. – Olbinett đáp như một cái máy.

Người lạ định xem giờ, nhưng ông đã phải mất khá lâu để tìm đến túi áo thứ chín mới thấy chiếc đồng hồ.

- Chà, bây giờ mới chưa đầy 8 giờ à? Vậy thì, Olbinett, anh mang tạm cho tôi ít bánh quy và một ly sherry, tôi sắp quy vì kiệt sức đây!

Olbinett nghe, nhưng không hiểu gì cả, còn người lạ mặt thì cứ thao thao bất tuyệt, liền thoảng hết chuyện nọ đến chuyện kia.

- Nay, thế thuyền trưởng đâu? Ông ta chưa ngủ dậy à? Còn người phó của ông ta? Sao, ông ta cũng đang ngủ à? – Người lạ mặt nói huyên thuyên.

– May mà, thời tiết tốt, gió thuận, tàu chạy êm.

Đang lúc ông ta nói như vậy thì John Mangles xuất hiện trên cầu thang tầng lái.

- Thuyền trưởng đó. – Olbinett thông báo.

- Ôi, tôi hết sức vui mừng! – Người lạ mặt thốt lên. Tôi rất sung sướng được làm quen với ngài, thưa thuyền trưởng Burton!

John Mangles kinh ngạc không phải vì người ta gọi anh là thuyền trưởng Burton, mà là vì anh ta đã thấy một người lạ mặt trên tàu của mình.

Người lạ mặt vẫn thao thao bất tuyệt.

- Cho phép tôi được bắt tay ngài, - ông ta nói. – Nếu buổi tối hôm trước tôi chưa làm việc này thì đây là vì trong lúc tàu rời bến không nên quấy rầy ai. Nhưng hôm nay, thưa ngài thuyền trưởng, tôi lấy làm may mắn được làm quen với ngài.

John Mangles trở mắt ngạc nhiên, hết nhìn Olbinett lại nhìn người lạ mặt.

- Bây giờ thì chúng ta đã làm quen với nhau, thưa ngài thuyền trưởng thân mến, và trở thành những người bạn cố tri. Nào, ta hãy trò chuyện với nhau. Thưa ngài, ngài có hài lòng với Scotland của ngài không?

- Ông nói về “Scotland” nào kia chứ? – Cuối cùng, John Mangles hỏi lại.

- Về chiếc tàu “Scotland” mà chúng ta đang đứng đây này. Thật là một chiếc tàu tuyệt vời. Người ta đã hết lời ca tụng phẩm chất và ưu điểm của người chỉ huy tàu – ngài thuyền trưởng Burton đáng kính. Tiện thể xin hỏi, ngài có phải là họ hàng với nhà du hành châu Phi vĩ đại Burton, một con người dũng cảm đó không? Nếu quả vậy xin ngài hãy nhận cho ở đây những lời chúc mừng nồng nhiệt của tôi.

- Thưa ngài, tôi không những không phải là họ hàng của nhà du hành Burton, mà cũng không phải là thuyền trưởng Burton. – John Mangles trả lời.

- À...à... - Người lạ mặt kéo dài giọng. – Vậy nghĩa là tôi đang nói chuyện với ngài Burdness, trợ lý của thuyền trưởng Burton ?

- Ngài Burdness nào? – John Mangles hỏi lại.

Anh đã bắt đầu đoán được chuyện gì xảy ra, chỉ có điều chưa thể rõ người đứng trước mặt anh là ai: một người điên hay là một người quái gở nào?

Chàng thuyền trưởng trẻ định xác minh ngay điều ấy mà không cần phải nói loanh quanh, nhưng trên boong tàu đã xuất hiện huân tước Glenarvan, vợ ông và cô Mary.

Trông thấy họ, người lạ mặt kêu lên:

- A, hành khách, hành khách! Tuyệt quá! Tôi hy vọng rằng, thưa ngài Burdness, ngài hãy vui lòng giới thiệu tôi...

Nhưng ngay tức khắc, chẳng cần John Mangles làm môi giới, ông ta tự nhiên bước lên phía trước.

- Thưa cô... - ông ta nói với Mary, thưa bà... ông ta nói với Helena; thưa ông... ông ta quay về phía huân tước nói thêm.

- Huân tước Glenarvan đó. – John Mangles giới thiệu...

- Thưa ngài huân tước, - người lạ mặt nói tiếp, - xin ngài tha lỗi cho tôi về chuyện đã mạo phép đến trình diện trước ngài. Nhưng ở trên biển, tôi cảm thấy rằng có thể bỏ qua phần nào nghi thức xã giao. Tôi hy vọng chúng ta sẽ nhanh chóng làm quen với nhau và được đi cùng với quý cô, quý bà đây, thì cuộc du hành của chúng ta trên tàu “Scotland” sẽ vừa thân thiết, lại vừa thú vị.

Cả huân tước phu nhân, lẫn cô Mary đều không biết đối đáp ra sao. Họ không thể hiểu nổi người lạ mặt này đã làm cách nào lên được boong tàu “Duncan”

- Thưa ông, - huân tước quay về phía người lạ mặt, - tôi đang được hân hạnh tiếp chuyện với ai đây?

- Với Jacques Eliacin Francois Marie Paganel, thư ký Hội Địa lý Paris, viện sĩ thông tấn các Hội Địa lý Berlin, Bombay, Darmstadt, Leipzig, London, Peterbourg, Vienne, New York, đồng thời là hội viên danh dự của Viện Địa lý và dân tộc hoàng gia miền đông Ấn Độ. Ông đang thấy trước mắt mình một người đã hai mươi năm nghiên cứu địa lý mà không hề bước khỏi phòng làm việc, cuối cùng, đã quyết định chuyển sang nghiên cứu bằng thực tế và giờ đây đang đi Ấn Độ để liên kết các công trình nghiên cứu của các nhà du hành vĩ đại thành một mối thống nhất

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 7

#### JACQUES PAGANEL TỪ ĐÂU ĐẾN VÀ ĐI ĐÂU?

Rõ ràng ông thư ký của Hội Địa lý là một người có sức hấp dẫn, vì tất cả những điều ấy đã được ông nói ra một cách hết sức tự nhiên. Và lại, bây giờ huân tước đã biết rất rõ ông đang có quan hệ với ai: tên tuổi và công lao của Jacques Paganel đã quá quen thuộc đối với ông. Những tác phẩm của ông ta về địa lý, những báo cáo về các phát hiện mới nhất in trong các tập san của Hội, việc trao đổi thư từ của ông với hầu như khắp thế giới – tất cả những điều đó đã làm cho Paganel trở thành một trong những nhà bác học nổi tiếng nhất nước Pháp. Do đó, Glenarvan đã nồng nhiệt chìa tay ra cho người khách bất ngờ bắt.

- Bây giờ chúng ta đã quen biết nhau rồi, - huân tước nói, - thưa ngài Paganel. Ngài cho phép tôi hỏi ngài một câu được chứ?

- Hai mươi câu cũng được, thưa huân tước, - Jacques Paganel đáp, tôi luôn luôn sẵn sàng nói chuyện với ngài.

- Ngài đã lên tàu này buổi tối ngày hôm kia?’

- Vâng, thưa huân tước, tám giờ tối ngày hôm kia. Tôi đã từ tàu hoả nhảy xuống ga, và từ ga bố lên tàu “Scotland” mà từ Paris tôi đã đặt mua vé phòng số sáu. Hôm ấy trời tối thui. Tôi không gặp ai trên boong tàu cả. Vì một mối sau ba mươi tiếng đồng hồ đi đường, biết rằng để khỏi bị say sóng, tốt nhất là lên tàu đi nằm ngay, nên tôi đã ngủ li bì suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua!

Bây giờ thì mọi người đã hiểu Jacques Paganel xuất hiện trên tàu này như thế nào. Nhà du hành người Pháp đã lên nhằm tàu “Duncan” trong lúc mọi người đi lễ ở nhà thờ. Thế là mọi chuyện đã rõ ràng. Nhưng nhà bác học địa lý sẽ nói sao đây, sau khi được biết tên và hướng đi của con tàu mà ông đã lên nhằm?

- Vậy là, thưa ngài Paganel, ngài đã chọn Calcuta làm đích cho cuộc

thám hiểm của ngài phải không? – Huân tước hỏi.

- Vâng, thưa huân tước. Suốt đời mình tôi ấp ủ ước mơ được thấy Ấn Độ. Và cuối cùng ước mơ tha thiết của tôi đang được thực hiện. Tôi sắp đặt chân lên xứ sở của voi.

- Nghĩa là, thưa ngài Paganel, ngài không thể chấp nhận được việc đáng lẽ đi đến một nước này, mà lại buộc phải đến một nước khác, phải không?

- Đúng thế, thưa huân tước, không những không thể được, mà thậm chí rất khó chịu là khác, bởi vì tôi có thư giới thiệu đến gặp huân tước Sommerset, toàn quyền tại Ấn Độ, hơn nữa, tôi được Hội Địa lý giao phó nhiệm vụ cần phải thực hiện.

- À, ngài có công vụ?

- Vâng, tôi được giao nhiệm vụ thực hiện một chuyến du hành bổ ích và thú vị. Kế hoạch cuộc du hành đã được nhà bác học là bạn và đồng nghiệp của tôi, ngài Vivien de Saint Martin khởi thảo. Theo kế hoạch đó, tôi phải lần theo dấu tích của anh em Schlagin-Weit, đại tá Waugh de Webb, Hodgson, các nhà truyền giáo Hue và Gabet, de Moorcroft, de Jules Remy và nhiều nhà du hành nổi tiếng khác. Tôi muốn đạt được điều mà chẳng may nhà truyền giáo Crick đã không thực hiện được vào năm 1846, tức là khảo cứu dòng chảy của sông Yarou-Dzagbo-Tchou(1), bắt nguồn từ Bắc dãy Himalaya, tưới mát cho Tây Tạng trên suốt chiều dài 1.500 kilometre. Tôi muốn cuối cùng phải làm sáng tỏ một điều: con sông ấy có hoà cùng dòng sông Brahmapoutre ở phía Đông Bắc tỉnh Assam không? Chỉ cần nhà du hành nào giải đáp được câu hỏi quan trọng nhất ấy đối với khoa địa lý của Ấn Độ, người đó tất nhiên sẽ được thưởng mề đay vàng.

Paganel là một người đáng khâm phục. Ông ta nói với sự hăng say đặc biệt, cứ thế tuôn ra theo trí tưởng tượng, không gì có thể ngăn được ông ta nói, cũng giống như không gì có thể cản được dòng thác.

- Thưa ngài Jacque – huân tước lên tiếng, khi nhà bác học trứ danh nghỉ lấy hơi. – Khởi phải tranh cãi, đó là một cuộc du hành tuyệt vời, và khoa học sẽ biết ơn ngài về cuộc hành trình ấy. Nhưng tôi không muốn để ngài bị lạc xa hơn, vì vậy thấy cần phải nói ngay rằng trong thời gian trước

mắt có lẽ ngài đành phải từ bỏ thú vui đến thăm Ấn Độ.

- Từ bỏ ư? Vì sao?
- Tại vì, ngài đang đi về hướng ngược hẳn với bán đảo Ấn Độ.
- Sao lại thế, thưa ngài thuyền trưởng Burton...?
- Tôi không phải thuyền trưởng Burton.- John Mangles lên tiếng.
- Nhưng, “Scotland”...
- Đây là tàu, nhưng không phải tàu “Scotland”!

Nổi kinh ngạc của P không sao tả xiết. Ông lần lượt nhìn huân tước Glenarvan lúc ấy vẫn giữ vẻ trịnh trọng, huân tước phu nhân Helena và cô Mary, nét mặt hiện rõ vẻ buồn rầu và sự thông cảm. John Mangles mỉm cười, thiếu tá điềm đạm. Rồi nhà bác học nhún vai, kéo xệ mục kính trên trán xuống mũi, kêu lên:

- Sao lại có chuyện đùa thế này!?

Nhưng, đúng lúc ấy, mắt ông đã dừng lại nơi tay lái và ông đã đọc được dòng chữ đề: “Duncan” “Glasgow”

- “Duncan”! “Duncan”! – P thét lên trong nỗi thất vọng rồi sau đó xuống cầu thang, về thẳng phòng mình.

Khi nhà bác học rủi ro biến mất, không ai trên tàu, trừ thiếu tá, có thể nhin cười được. Cả các thủy thủ cũng cười rộ lên. Đi lạc hướng trên tàu hoả, cho dù ngời nhằm tàu, đáng lẽ đi Edinbourg thì lại đi Dumbarton chẳng hạn, thì vẫn chưa đến nỗi nào, nhưng lên nhằm tàu thủy đi Chili trong khi định đi Ấn Độ thì đó là một điều quá ư đáng trí!

- Tuy nhiên, trường hợp ấy đối với Jacques không làm tôi ngạc nhiên, - huân tước Glenarvan nhận xét. – Ông ta vẫn nổi tiếng với những điều rủi ro như vậy đấy. Có lần ông đã cho in một tấm bản đồ châu Mỹ tuyệt diệu, trong đó khéo léo vẽ cả nước Nhật Bản. Nhưng tất cả điều đó không ngăn cản ông trở thành nhà bác học xuất sắc và là một trong những nhà địa lý giỏi nhất nước Pháp.

Vừa lúc ấy, Paganel, sau khi biết chắc hành lý của mình còn nguyên vẹn trên tàu, lại trèo lên boong. Buồn rầu và xấu hổ, ông cứ lăm bẫm hoài cái từ bất hạnh: “Duncan”, “Duncan”. Những từ khác ông không tìm ra. Ông cứ

đi lui, đi tới, ngắm nhìn các cột buồm trên tàu và chân trời biển cả lặng êm. Cuối cùng, ông lại đến gặp huân tước Glenarvan.

- Thế tàu “Duncan” này đi đâu? – Ông hỏi.

- Đi châu Mỹ, thưa ngài P.

- Cụ thể là đi đâu?

- Đi Chili! Đi Chili! – Nhà bác học rúi ro kêu lên. – còn cuộc thám hiểm của tôi lại đi Ấn Độ... Bây giờ làm sao tôi có thể đến dự cuộc hội nghị của Hội Địa lý được?

- Đừng thất vọng, thưa ngài Paganel, - Glenarvan bắt đầu an ủi ông. Tất cả những chuyện ấy đều có thể kết thúc đối với ngài mà không phí mất bao nhiêu thời gian đâu. Còn con sông Yarou Dzango Tchou vẫn sẽ đợi ngài ở vùng núi Tây Tạng. Chúng ta sắp ghé lại đảo Madere và đến đó ngài sẽ chuyển tàu trở lại châu Âu.

- Cảm ơn ngài huân tước, có nhẽ đành thế vậy. Nhưng phải nói rằng, cuộc phiêu lưu thật kỳ diệu! Chuyện tương tự như thế này chỉ có thể xảy ra đối với tôi mà thôi. Nhưng còn chiếc vé phòng tôi đã đặt mua trên tàu “Scotland”!

- Thôi, về chiếc tàu “Scotland” tốt hơn hết ngài hãy quên đi.

- Nhưng, tôi cảm thấy rằng, - Paganel lại nói tiếp, mắt nhìn quanh tàu, - “Duncan” là một chiếc tàu buồm để dạo chơi.

- Vâng, thưa ngài, - John Mangles lên tiếng, - nó thuộc về ngài huân tước Glenarvan đây...

- ... và ông ta mong ngài hãy đáp lại lòng mến khách của ông ta một cách tự nhiên. – Glenarvan nói tiếp lời của John Mangles.

- Tôi vô cùng cảm ơn ngài huân tước, - Paganel đáp, - Tôi xúc động sâu sắc trước tấm lòng thịnh tình của ngài. Nhưng ngài cho phép tôi được nói lên điều suy nghĩ đơn giản của mình như sau: Ấn Độ là một đất nước tuyệt diệu, đầy những bất ngờ kỳ lạ đối với khách du lịch. Có lẽ quý bà, quý cô chưa đến đó... Chỉ cần người lái tàu ngoặt tay lái là “Duncan” sẽ chạy theo hướng Calcutta cũng dễ dàng như đi Concepcion, mà cuộc hành trình lại vui thú biết bao.

Nhưng, trong thấy Glenarvan lắc đầu không đồng ý, Paganel im ngay.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói, - nếu đây là một chuyến đi du hí thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời ngài ngay rằng: “Nào, tất cả chúng ta sẽ cùng nhau đi Ấn Độ” và tôi tin rằng huân tước Glenarvan cũng sẽ không phản đối. Nhưng vấn đề là “Duncan” cần đi châu Mỹ để tìm cứu những người bị nạn ở vùng bờ biển Patagonia, đưa họ về nước, vì vậy nó không thể từ bỏ mục đích nhân đạo như thế.

Mấy phút sau, nhà du hành người Pháp đã hiểu cặn kẽ sự việc. Ông không nén nổi hồi hộp khi nghe nói về việc tìm thấy lá thư trong chai, về thuyền trưởng Grant và lời đề nghị đầy lòng độ lượng của huân tước phu nhân Helena.

- Thưa quý bà, - nhà bác học nói với Helena, - cho phép tôi được bày tỏ lòng khâm phục vô hạn đối với hành vi cao cả của bà. Xin bà cứ cho tàu tiếp tục cuộc hành trình của nó. Tôi không thể tha thứ cho mình nếu làm tàu chậm trễ dù chỉ một ngày.

- Vậy ngài có muốn đi cùng với đoàn thám hiểm chúng tôi không? – huân tước phu nhân hỏi.

- Không thể như vậy được, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tôi sẽ rời tàu ngay ở bến đỗ đầu tiên.

- Nghĩa là ở Madere, - John Mangles nhận xét.

- Cứ cho là ở Madere. Từ đó tôi chỉ có cách Lisbonne cả thảy một trăm tám mươi hải lý và sẽ đợi chuyển sang tàu khác.

- Biết làm sao được, thưa ngài Paganel, – Glenarvan nói, - đành phải thế vậy. Còn về tôi, tôi hân hạnh có dịp được tiếp ngài ở thăm vài ngày trên tàu của chúng tôi, hy vọng rằng ngài sẽ không cảm thấy buồn tẻ quá khi sống với chúng tôi.

-Ồ, - nhà bác học kêu lên, - thưa huân tước, nhằm tàu một cách thuận lợi thế này còn là may mắn lắm ! Hơn nữa, không thể không công nhận rằng, một người định đi Ấn Độ mà lại nhằm tàu đi châu Mỹ, thì quả là nực cười quá đỗi.

Tuy còn buồn, nhưng Paganel đã buộc lòng phải chấp nhận sự chậm trễ mà ông không thể cưỡng lại được. Ông ta là một người rất đáng yêu, vui tính, tất nhiên hơi đãng trí, và đã làm cho quý bà, quý cô luôn luôn hài lòng.



Paganel làm quen với mọi người chưa đầy một ngày. Nhưng ông đã yêu cầu được xem bức thư quan trọng và đã nghiên cứu bức thư khá kỹ lưỡng. Lời giải thích của bức thư không gây cho ông sự nghi ngờ nào cả. Ông tỏ rõ thiện cảm đối với Mary Grant và cậu em trai của cô và cố gắng khêu gợi cho chúng niềm hy vọng chắc chắn sẽ gặp cha. Ông vững tin một cuộc thám hiểm của tàu “Duncan” sẽ thành công, nhìn nhận mọi việc hết sức lạc quan, khiến cô Mary nghe ông nói đã mỉm cười. Quả thật, nếu không phải thực hiện nhiệm vụ của Hội Địa lý thì ông cũng lao vào cuộc tìm kiếm thuyền trưởng Grant.

Khi được biết huân tước phu nhân Helena là con gái của nhà du hành nổi tiếng William Tuffnel, ông đã reo lên phấn khởi. Ông biết cha của Helena. Đó là một nhà bác học thật là dũng cảm. Khi William Tuffnel trở thành viện sĩ thông tấn của Hội Địa lý Paris, họ đã trao đổi với nhau biết bao nhiêu thư từ! Và chính ông, Paganel, đã cùng với ngài Malte Brun giới thiệu Tuffnel vào Hội!... Cuộc gặp gỡ mới kỳ diệu làm sao! Thật là sung sướng khi được cùng đi du lịch với con gái của William Tuffnel.

Cuối cùng, nhà địa lý đã yêu cầu huân tước phu nhân Helena cho phép ông được hôn nàng. Và huân tước Glenarvan đã đồng ý, mặc dù, có thể điều đó không được “improper” cho lắm... Mọi người đã cố gắng thuyết phục nhà địa lý tham gia cuộc thám hiểm. Huân tước phu nhân Helena nói:

- Thưa ngài Paganel, xin ngài hãy nhân danh nước Pháp chia sẻ với xứ sở Scotland niềm vinh dự tham gia cuộc thám hiểm này
- Vâng, tất nhiên rồi!
- Nhà địa lý rất cần cho cuộc thám hiểm của chúng tôi. Có gì đẹp bằng đem khoa học phục vụ con người.
- Vâng, tất nhiên rồi!
- Xin ngài hãy tin tôi.
- Các bạn của tôi, các bạn muốn biết tôi đang nghĩ gì phải không? Paganel hỏi. Các bạn rất muốn tôi ở lại đây, đúng không?
- Chính ngài, Paganel ạ, ngài cũng hết sức muốn ở lại, - Glenarvan đối đáp.
- Muốn lắm chứ! – Nhà bác học kêu lên. – Nhưng tôi sợ quấy rầy các

bạn thôi.

Mọi người trên tàu đều lấy làm phấn khởi khi hay tin về quyết định của Paganel. Chú bé Robert hứng chí đến mức nhảy bổ đến ôm lấy cổ nhà bác học, khiến ngài thư ký đáng kính của Hội Địa lý suýt té nhào.

- Thằng bé lanh lợi dữ! – P nói. – Tôi sẽ dạy chú ta học địa lý.

Bởi vì John Mangles đã đảm nhận dạy Robert nghề đi biển, Glenarvan dạy chú trở thành người dũng cảm, thiếu tá dạy chú làm người điềm đạm, huân tước phu nhân Helena dạy chú trở thành con người nhân hậu và độ lượng, còn Mary Grant thì dạy em biết ơn tất cả những người thầy như vậy, nên nhất định là Grant con phải trở thành một người hoàn hảo.

“Duncan” sau khi nhanh chóng ăn than ở một cảng nhỏ đã rời ngay khỏi nơi buồn tẻ này. Nó đi chệch về hướng tây và sa vào dòng hải lưu chạy ven bờ biển Bresil, nhưng mùng 7 tháng chín, đúng lúc gió bắc thổi mạnh, nó đã băng qua đường xích đạo và đến Nam bán cầu.

Mọi việc diễn ra tốt đẹp. Ai nấy đều tin tưởng cuộc thám hiểm thành công. Dường như mỗi ngày triển vọng tìm thấy thuyền trưởng Grant càng tăng thêm. Có lẽ chính thuyền trưởng tàu “Duncan” là người tin tưởng hơn ai hết vào sự thành công ấy. Và chẳng niềm tin của chàng chủ yếu bắt nguồn từ lòng thiết tha mong muốn cho cô Mary được an ủi và hạnh phúc. John Mangles đã dành cho cô gái ấy những tình cảm đặc biệt mà chàng giấu không khéo nên mọi người trên tàu “Duncan”, trừ Mary và bản thân chàng, ai cũng nhận thấy cả. Còn về nhà bác học địa lý thì chắc chắn ông là người hạnh phúc nhất ở Nam bán cầu này. Suốt mấy ngày ròng, ông nghiên cứu bản đồ địa lý trải trên bàn trong căn phòng chung. Việc đó cản trở Olbinett bày bàn ăn, nên ngày nào giữa nhà địa lý và anh chàng đầu bếp cũng xảy ra cãi lộn. Nhưng, phải nói thêm rằng, trong những cuộc cãi lộn ấy, mọi người đi tàu đều đứng về phía Paganel, ngoại trừ thiếu tá – một người thờ ơ với môn địa lý, nhất là trong giờ ăn trưa. Ngoài ra, Paganel đã lục được ở chỗ phó thuyền trưởng cả một chồng sách lẻ tẻ, trong đó có cả những sách bằng tiếng Tây Ban Nha, nên ông đã quyết định học tiếng của Servantes, là thứ tiếng phải nói rằng trên tàu không ai biết cả. Biết được tiếng đó, nhà địa lý sẽ đỡ gặp khó khăn trong việc nghiên cứu vùng duyên hải Chili. Dựa vào

những khả năng về ngôn ngữ của mình, Paganel hy vọng khi đến Concepcion ông sẽ nói thạo tiếng Tây Ban Nha. Thế là ông sốt sắng lao vào học và luôn mồm lẩm nhẩm những từ mới.

Lúc rảnh, ông còn khéo léo thu xếp dạy Robert học: kể cho chú nghe về mảnh đất mà “Duncan” đang nhang chóng tiến đến gần...

**Chú thích:**

*(1) Tên một con sông ở Trung Quốc*

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 8

“Aland Zealand”

Ben Joyce! Cái tên ấy gây ấn tượng như một tiếng sét đánh.

Ayrton đứng phắt dậy. Khẩu súng lục loáng lên trong tay hắn. Một phát nổ, Glenarvan bị trúng đạn ngã xuống. Bên ngoài vang lên tiếng súng bắn nhau.

John Mangles và hai thủy thủ định lao đến Ben Joyce, nhưng tên tội phạm láo xược đã biến mất, nhập cùng đồng bọn tẩu ra cửa rừng. Căn lều trống trải không có gì che đỡ đạn. Glenarvan bị thương nhẹ đã đứng dậy được.

- Nấp vào xe! Nấp vào xe! – John Mangles vừa hét, vừa dắt theo Helena và Mary.

Lát sau, hai người phụ nữ đã an toàn núp sau thành xe làm bằng ván dầy, John Mangles, thiếu tá, Paganel và hai thủy thủ chộp lấy súng của mình, chuẩn bị bắn trả bọn tội phạm. Glenarvan và Robert nhập chỗ Helena và Mary, còn Olbinett thì vội vã tham gia chiến đấu. Tất cả những sự việc ấy diễn ra nhanh như chớp, John Mangles chăm chú quan sát trước cửa rừng, Ben Joyce vừa đến chỗ bọn cướp, tiếng súng cũng im bật. Những bụi cây cao im phăng phắc. Không còn dấu hiệu nào của sự tấn công nữa. Thiếu tá và John Mangles truy lùng đến tận rừng. Không thấy còn tên nào nữa.

- Bọn tội phạm lẫn trốn hết rồi! – John Mangles nói.

- Đúng, - thiếu tá xác nhận, - chính điều ấy mới làm tôi lo ngại. Tôi muốn mặt giáp mặt với chúng. Con hổ ở đồng bằng không đáng sợ bằng con rắn trong bụi rậm! Ta hãy lùng sục kỹ những lùm cây chung quanh xe. Thiếu tá và John Mangles xem xét cẩn thận địa hình từ cửa rừng tới sông Snowy, không phát hiện ra tên tội phạm nào. Bọn Ben Joyce đã bay biến như bầy ác điểu vậy. Sự lạ lùng quá mức ấy khiến các nhà thám hiểm càng thấy không an toàn. Bởi vậy, họ quyết định phải cảnh giác hơn. Cỗ xe kéo – cái “pháo đài” thực sự bị sa lầy trong vũng bùn đất sét ấy bây giờ được lấy làm trung tâm của trại.

Mỗi quan tâm đầu tiên của Helena và Mary là băng bó vết thương cho Glenarvan. Lúc ông ngã xuống bởi viên đạn của Ben Joyce, Helena đã hoảng hốt lao tới chỗ chồng. Sau khi hoàn hồn, người phụ nữ dũng cảm ấy đã giúp chồng lách vào trong xe. Khi cởi áo kiểm tra lại vai Glenarvan, thiếu tá xem xét kỹ vết thương, thấy viên đạn không đụng vào xương hay gân. Vết thương ra nhiều máu, nhưng Glenarvan vẫn có thể cử ộng các ngón tay và cánh tay một cách bình thường. Điều đó làm cho vợ ông và những người cùng đi yên tâm. Glenarvan được băng bó lại ngay và sau đấy ông yêu cầu mọi người không nên bận tâm quá về ông. Đã đến lúc cần phải làm sáng tỏ tất cả những điều đã xảy ra. Trừ Mulradi và Wilson đứng gác bên ngoài, những người còn lại đều vào bên trong xe và yêu cầu thiếu tá giải thích rõ ràng những điều ấy.

Trước khi bắt đầu kể, Mac Nabbs đã nói cho Helena biết sự thật về bọn phạm nhân tù khổ sai đã vượt ngục Perth vào hoành hành ở tỉnh Victoria này, về tai nạn xe lửa xảy ra trên cầu Camden có bàn tay chúng nhúng vào (tất cả những điều ấy trước đây Glenarvan không muốn cho vợ biết để tránh sự hoang mang, lo sợ). Thiếu tá cũng đã đưa cho Helena xem tờ “Báo Australian và New-Zealand” mà ông mua được ở Syemour, rồi nói thêm rằng cảnh sát đã treo giải một trăm đồng Sterling cho ai lấy được đầu Ben Joyce, một tên cướp nguy hiểm đã gây nhiều tội ác ở vùng này suốt một năm rưỡi qua.

Nhưng làm sao Mac Nabb phát hiện được viên hoa tiêu Ayrton lại chính là Ben Joyce? Điều bí mật mà mọi người đều muốn biết ấy đã được thiếu tá kể như sau:

Ngay từ hôm đầu, Mac Nabbs đã cảm thấy không thể hoàn toàn tin tưởng Ayrton được. Hai, ba sự việc nhỏ, cái nhìn trao đổi giữa viên hoa tiêu và thợ rèn bên bờ sông Wimmera, hẳn muốn tránh đi những thành phố và làng mạc, hẳn cứ khẳng khẳng đòi đưa “Ducan” đến vùng duyên hải phía đông. Cái chết đột ngột của mấy con bò và ngựa. Cuối cùng là cái gì đó không thành thật trong cách cư xử của tên hoa tiêu - tất cả những điều ấy đã gây cho thiếu tá sự nghi ngờ. Tuy nhiên, cho đến trước khi xảy ra những sự việc trong đêm vừa qua thì Mac Nabbs vẫn không khẳng định được vì sao ông

lại nghi ngờ Ayrton.

Đêm qua, ông đã rời trại, len lỏi giữa những bụi cây cao, đi nửa dặm đến chỗ có những bóng người mà từ xa ông phát hiện thấy và khả nghi. Dưới ánh sáng lân tinh mờ hắt ra từ những cây nấm, ông thấy có ba người đang dò xét những dấu vết trên mặt đất. Trong số đó, Mac Nabbs nhận ra tên thợ rèn ở Black Point. “Đúng bọn nó rồi”, - một tên nói. “Ừ”, - tên khác lên tiếng, - “có dấu ba lá trên móng ngựa đây này” – “Dấu móng ngựa đi từ sông Wimmera tới”. – “Mấy con ngựa chết rồi”. – “Thuốc độc sẵn ngay đây mà lại”. – “Đủ giết cả trung đoàn kỵ mã cũng được ấy chứ”, - “Ừ, cái giống cây thuốc độc ấy thế mà hay!”

- Đến đây chúng bỗng im lặng. – Mac Nabbs nói tiếp: - rồi chúng lại đi. Tôi mới chỉ nghe được lồm bồm mấy câu, nên cố bám theo chúng. lát sau, chúng lại tiếp tục câu chuyện. “Ben Joyce cừ thật đấy! – Tên thợ rèn lên tiếng, - đúng là một hoa tiêu giỏi! Cái vụ lão định cướp tàu mới ghe chứ! Nếu kế hoạch của lão ta mà thành công thì tụi mình giàu to! Lão Ayrton này là quý chứ đâu phải là người”, “Không, hãy gọi lão Ben Joyce, lão xứng đáng với cái tên đó”. Sau đấy, bọn chúng ra khỏi rừng. Đến đây thì tôi đã biết rõ đầu đuôi câu chuyện rồi, nên quay về, thiếu tá ngừng lại. Những người bạn của ông ngồi im ngẫm nghĩ.

- Thế là Ayrton nhử ta đến đây để cướp của và giết người? – Glenarvan giận tím mặt, nói.

- Đúng, - thiếu tá đáp.

- Và bọn chúng đã theo hút ta từ sông Wimmera tới đây, đợi dịp là ra tay.

- Đúng.

- Vậy nghĩa là tên bất nhân hoàn toàn không phải là thủy thủ tàu “Britania”. Nghĩa là hắn đã ăn cắp cái tên và bản hợp đồng làm thuê trên tàu của một gã Ayrton nào đó.

Mọi người nhìn Mac Nabbs, vì hắn là trong đầu ông ta chắc cũng đã từng nảy ra những ý nghĩ như vậy rồi.

- Có thể nói một cách chính xác về tất cả những chuyện đó như thế này, - thiếu tá đáp bằng một giọng bình tĩnh vốn có của mình. Tôi cảm thấy

rằng tên cái con người ấy vẫn chính là Ayrton, Ben Joyce là tên lóng của hắn ta. Không nghi ngờ gì nữa, hắn biết Harry Grant và từng làm hoa tiêu trên tàu “Britania”. Việc này, việc khác đều khẳng định những chi tiết mà hắn đã nhắc lại và câu chuyện của bọn tội phạm mà tôi vừa kể đã xác minh điều đó. Ta không nên sa vào những giả định vô ích, mà nên thừa nhận rằng Ayrton và Ben Joyce là một, tức là tên thủy thủ trên tàu “Britania” trước đây, nay đã trở thành tên cầm đầu một bọn tội phạm vượt ngục.

Những điều Mac Nabbs nói không ai phản ứng lại.

- Vậy bây giờ, - Glenarvan nói, - bác giải thích cho tôi được chứ Mac Nabbs, bằng cách nào và tại sao, tên hoa tiêu của thuyền trưởng Harry Grant lại đến được Australie?

- Bằng cách nào ư? Tôi không biết, - thiếu tá đáp. - Cả cảnh sát cũng đã tuyên bố họ không biết gì hơn tôi về điều ấy. Tại sao ư? Tôi cũng không biết nữa. Đây là điều bí mật mà chỉ có tương lai mới khám phá ra được mà thôi.

- Đến cảnh sát cũng không ngờ rằng Ayrton và Ben Joyce là một tên, - John Mangles nhận xét.

- Anh nói đúng, John, - thiếu tá đáp, - Do đó, những tin tức này cũng có thể giúp ích cho việc truy lùng của cảnh sát.

- Rõ ràng là tên bất nhân đã lọt vào trong trại của Paddy O'Moore với một mục đích tội lỗi, - Helena nói.

- Dĩ nhiên, - Mac Nabbs tán thành, - Có lẽ hắn định làm một điều ngu ngốc gì đó ở trại của người Irlande. Một sự ngẫu nhiên đã dẫn hắn đến với chúng ta. Hắn đã nghe được những điều Glenarvan nói, nghe lại lịch vụ đắm tàu, và vốn là một tên táo tợn, hắn đã quyết định lợi dụng việc này để mưu tính lợi ích cá nhân. Rồi ta lập đoàn thám hiểm. Lúc ở bờ sông Wimmera, hắn đã móc với người của hắn là tên thợ rèn và làm dấu để theo chân chúng ta.... Tên Ben Joyce đã dùng lá cây độc để giết hại số bò và ngựa của chúng ta. Cuối cùng, thời cơ đã đến, hắn dẫn chúng ta vào bãi sình lầy ven sông Snowy và giao chúng ta vào tay bọn tù khổ sai vượt ngục do hắn cầm đầu.

Mọi việc đã rõ ràng. Thiếu tá đã vén bức màn quá khứ của Ben Joyce và

tên bất lương ấy đã lộ nguyên hình là một tên tội phạm xác xược và nguy hiểm. Những mưu đồ của hắn giờ đây đã hoàn toàn bị bóc trần. Mọi người yêu cầu Glenarvan hết mình cảnh giác.

Việc phát hiện ra sự phản bội của Ayrton làm tiêu tan mọi hy vọng tìm thấy Harry Grant. Để dụ Glenarvan đi sâu vào đất liền, tên tội phạm đã bịa ra vụ đắm tàu ở vùng duyên hải Australie. Điều ấy đã được nhắc đến trong câu chuyện của bọn cướp mà Mac Nabbs nghe được. Không bao giờ “Britania” lại bị va vào đá ngầm ở vịnh Twofold – Bay cả! Không bao giờ Harry Grant lại đặt chân lên lục địa Australie. Thế là lần thứ hai việc giải thích sai nội dung bức thư đã dẫn những người thám hiểm đi chệch đường.

Thông cảm với nỗi đau khổ của những đứa con thuyền trưởng Grant, mọi người trong đoàn im lặng. Mà biết nói gì để an ủi chúng kia chứ. Robert khóc, ôm chặt lấy chị. Paganel lâu lâu nói với vẻ bức tức:

- Chà, bức thư bất hạnh này! Gần một tá người điên đầu vì mi đây!  
Và, tự giận mình, nhà địa lý đáng kính dấm dấm tay vào trán, tưởng muốn bể đầu ra.

Trong khi đó, Glenarvan đi lại chỗ Mularady và Wilson đang đứng gác.

- Mới đây nhất, các bạn không thấy động tĩnh gì chứ? – Glenarvan hỏi họ.

- Không, thưa huân tước, - Wilson đáp. - Bọn cướp chắc là đã chạy cách đây vài dặm rồi.

- Có lẽ chúng ít quá, nên không dám tấn công chúng ta. – Mularady nói thêm – Cỡ lẽ tên Ben Joyce đã đi chiêu mộ thêm bọn tù khổ sai khác đang hoành hành ở chân núi quanh đây.

- Có lẽ thế, - Glenarvan tán thành. - Bọn bất lương này nhát gan. Chúng biết ta có súng. Có thể là chúng đợi đêm xuống mới tấn công chúng ta. Khi trời tối thì phải tăng cường cảnh giác. Chà, nếu như chúng ta thoát khỏi vùng đầm lầy này và tiếp tục đi về vùng duyên hải thì đỡ biết bao! Nhưng nước sông lên đã ngăn trở chúng ta. Giá có một cái mảng nào đấy chở chúng ta sang được bờ bên kia thì tôi sẵn sàng bỏ vàng ra mua bằng bất kỳ giá nào.

- Vậy sao huân tước không ra lệnh cho chúng tôi đóng mảng, -



Wilson nói. – Cây ở đây thì bao nhiêu cũng có mà.

- Đúng thế, Wilson ạ. – Glenarvan đáp. – Nhưng sông Snowy không phải là một con sông bình thường, mà là một dòng lũ bất trị.

Lúc đó John Mangles, thiếu tá và Paganel đến gặp Glenarvan. Họ vừa mới đi khảo sát sông Snowy về. Sau những cơn mưa cuối cùng, nước mưa đã lên sáu mươi phân nữa. Nước chảy xiết John Mangles nói rằng không thể qua sông được.

- Nhưng cũng không thể khoanh tay ngồi đây được nữa, - anh ta nói thêm. - Điều mà chúng ta định làm trước khi Ayrton phản bội thì bây giờ theo toi vẫn cần thiết.

- Anh muốn nói gì, John! – Glenarvan hỏi.

- Tôi muốn nói rằng chúng ta cần phải có chi viện khẩn cấp, nếu không thể đi Twofold – Bay thì đi Melbourne. Chúng ta còn một con ngựa. Huân tước giao nó cho tôi, tôi xin đi Melbourne.

- Nhưng đó là một ý đó mạo hiểm John ạ, - Glenarvan nói. - Đây là chưa kể đến nỗi nguy hiểm của cuộc hành trình hai trăm dặm trên một vùng đất không quen biết. Nên hiểu rằng bọn tay chân của Ben Joyce có lẽ đã ngăn chặn mọi con đường rồi.

- Tôi biết, thưa huân tước, nhưng tôi cũng còn biết rằng không thể kéo dài tình trạng này. Ayrton yêu cầu một tuần lễ để đưa đoàn thủy thủ tàu “Ducan” đến đây, tôi xin bảo đảm sẽ cùng “Ducan” trở lại bờ sông này sau sáu ngày thôi. Vậy ý huân tước thế nào, xin ra lệnh.

Trước khi Glenarvan trả lời, Paganel nói:

- Tôi xin có một nhận xét, đi Melbourne là nên, nhưng tôi không đồng ý để John Mangles đi. Anh ấy là thuyền trưởng “Ducan” vì vậy không thể liêu mình được, thay vào đó, tôi xin đi.

- Ý kiến hay đấy, - thiếu tá khen. – Nhưng tại sao phải đích thực là ông, hả Paganel.

- Thế chẳng nhẽ chúng tôi không đi được sao? – Mularady và Wilson đồng thanh nói.

- Các bạn tưởng rằng tôi sợ phải chạy ngựa trên chặng đường hai trăm dặm đó sao, - Mac Nabbs phát biểu.

- Các bạn của tôi, - Glenarvan lên tiếng. - Nếu một người trong chúng ta phải đi Melbourne thì chúng ta hãy rút thăm, Paganel, ngài viết tên mọi người đi.
- Dẫu thế nào cũng không thể viết tên huân tước được – John Mangles tuyên bố.
- Vì sao? – Glenarvan hỏi.
- Huân tước để huân tước phu nhân Helena ở lại đây sao đành, vả lại, vết thương của huân tước chưa lành.
- Glenarvan, huân tước không thể bỏ đoàn, - Paganel kêu lên.
- Tất nhiên, - Mac Nabbs khẳng định. - Vị trí của huân tước là ở đây, huân tước không thể đi.
- Bốn phận tôi phải hy sinh cá nhân, - Glenarvan nói. – Đang lúc nguy nan, tôi không chịu nhường ai gánh vác bốn phận ấy. Ngài viết đi, Paganel. Hãy để cho tên tôi hoà chung với tên của bạn bè tôi, và lạy chúa, mong sao tôi được trúng thăm.

Mọi người đành phải làm theo ý của Glenarvan. Tên của ông được ghi cùng với tên của những người khác. Họ bắt đầu bốc thăm và Mulrady đã bắt trúng. Chàng thuỷ thủ dũng cảm bật lên tiếng reo “hoan hô”.

- Thưa huân tước, tôi sẵn sàng lên đường.

Glenarvan bắt tay Mulrady. Anh chàng đi về phía xe. Còn thiếu tá và John Mangles ở lại gác.

Được biết Mulrady sẽ đi Melbourne, Helena đã nói với người thuỷ thủ trẻ trung thực ấy những lời xúc động tận đáy lòng. Ai cũng biết Mulrady là một người dũng cảm, tháo vát, kiên cường, và lá thăm đã chọn đúng mặt anh tài.

Mulrady được lệnh lên đường lúc tám giờ tối, Wilson lo việc thắng ngựa. Anh ta nảy ra sáng kiến lấy móng của một con ngựa chết hồi đêm thay vào móng có hình ba lá để bọn cướp không thể phát hiện dấu vết của Mulrady. Trong lúc đó, Glenarvan viết thư cho Tom Austin, nhưng ông không thể viết được vì cánh tay bị thương. Ông nhờ Paganel viết giúp. Nhà bác học đang mải tập trung suy nghĩ điều gì lung lắm, nên hình như không để ý chung quanh. Cần nói rằng việc lá thư bị giải thích sai nội dung luôn ám

ảnh ông. Ông đã tìm mọi cách đặt ngược, đặt xuôi các từ trong thư, cố tìm ra ý mới. Công việc ấy cuốn hút hết tâm lực của ông.

Tất nhiên ông đã không nghe thấy lời đề nghị của Glenarvan, nên huân tước phải nhắc lại.

- À tuyệt, tôi sẵn sàng! – Paganel lên tiếng.

Nói xong, ông liền lấy cuốn sổ ghi chép của mình ra, xé một tờ giấy, cầm bút chì và sẵn sàng viết.

Glenarvan bắt đầu đọc “chính tả” như sau:

- Tôi ra lệnh Tom Austin cho tàu “Ducan” ra khơi và đi...

Paganel viết đến đây, tình cờ ông trông thấy tờ “Báo Australie và New - Zealand” rơi xuống đất. Tờ báo được gấp lại, nên trong cả cái tên báo dài viết bằng tiếng Anh – “Australian and New - Zealand Gazette”, ông chỉ nhìn thấy năm chữ sau cùng của từ “New - Zealand”. Cây bút chì của Paganel bỗng dừng lại, nhà địa lý hình như đã quên bằng cả Glenarvan lẫn bức thư của ông ta và những gì ông ta vừa đọc cho viết.

- Paganel! – Glenarvan kêu.

- Ối! – nhà địa lý giật mình.

- Ông làm sao vậy? - Thiếu tá hỏi.

- Không sao cả, không sao cả, - Paganel lúng túng, rồi ông ta lẩm bẫm một mình “Aland! Aland!” (1)

Ông chồm dậy và chụp lấy tờ báo. Ông rũ tờ báo và cố kìm không nói thành lời.

Huân tước phu nhân, Mary, Robert, Glenarvan ngạc nhiên nhìn nhà địa lý không hiểu lý do gì làm ông hồi hộp thế.

Paganel dường như đột ngột bị mất trí. Nhưng, trạng thái kích thích thần kinh của ông không bị kéo dài. Nhà bác học dần dần bình tĩnh lại. Niềm vui ánh lên trong đôi mắt của ông đã vụt tắt. Ông ngồi vào chỗ cũ và nói bình tĩnh:

- Tôi xin hầu ngài, thưa huân tước!

Glenarvan lại đọc cho ông viết tiếp. Lá thư được viết với nội dung như sau: “Tôi ra lệnh Tom Austin cho “Ducan” ra khơi ngay và đi theo vĩ tuyến 37 đến vùng duyên hải phía đông Australie!”

Viết xong, nhà địa lý đưa thư cho Glenarvan. Vết thương làm cho huân tước khó khăn lắm mới ký được vào thư. Sau đó, Paganel tay vẫn còn run vì xúc động, đề lên phong bì: “Gửi Tom Austin, phó thuyền trưởng tàu “Ducan”, Melbourne”

Rồi ông ra khỏi xe, vừa làm điệu bộ vừa nhắc đi nhắc lại những lời khó hiểu:

- Aland! Aland! Zealand!

(1) 5 con chữ sau cùng của từ Zealand trong tên báo tiếng Anh “Australian and New –Zealand Gazette”: Báo nước Úc và Tân Tây Lan.

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 9

Bốn ngày cực nhọc

Thời gian còn lại trong ngày trôi qua chẳng có chuyện bất thường gì nữa. Mọi việc chuẩn bị cho chuyến đi của Mulady đều đã xong xuôi. Chàng thủy thủ trung thực lấy làm sung sướng được tỏ rõ với Glenarvan lòng trung thành của mình.

Paganel đã điềm tỉnh trở lại. Có thể đoán là ông đang miệt mài suy nghĩ điều gì đó, nhưng còn giấu chưa nói ra. Chắc là có nguyên cớ gì quan trọng đây. Thiếu tá thấy ông cứ lẩm bẩm nói như tự đấu khẩu với bản thân mình.

- Không, không! Người ta không tin nhiệm mình nữa! Mà để làm gì chứ! Quá muộn rồi!

Paganel nghĩ vậy, rồi lấy bản đồ ra bắt đầu chỉ dẫn đường đi Melbourne cho Mulrady. Chặng đường nguy hiểm nhất là mấy dặm đầu tiên gần trại thối, vì bọn Ben Joyce còn lẩn trốn quanh đây. Chủ yếu là làm sao vượt qua được mấy dặm ấy, còn sau đó thì chúng không thể đuổi theo được, và thế là Mulrady có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Sáu giờ chiều, mọi người đã ăn cơm xong. Trận mưa rào ập xuống, lán trại chống chọi không nổi, vì vậy tất cả phải vào xe. Bây giờ, đó là nơi trú ẩn, vừa là pháo đài. Kho vũ khí trong xe gồm có bảy khẩu carbine và bảy khẩu súng lục, có thể chống trả lại được một cuộc vây hãm kéo dài mà không có sợ thiếu đạn và lương thực. Còn sau đó, bảy ngày nữa “Ducan” sẽ tới chi viện... Thậm chí nếu chưa qua được sông thì dầu sao trước một lực lượng áp đảo như thế bọn cướp cũng phải tháo lui. Nhưng, muốn vậy thì trước hết phải làm sao cho Mulrady hoàn thành được nhiệm vụ...

Tám giờ, trời tối hẳn. Đã đến giờ đi. Con ngựa yên cương cương sẵn sàng được dắt lên. Các móng của nó được cuốn giẻ để nện lên đường không phát ra tiếng kêu... Thiếu tá khuyên Mulrady chăm sóc ngựa chu đáo. John Mangles đưa cho chàng thủy thủ khẩu súng lục mà anh vừa mới nạp đạn cẩn thận... Mulrady lên yên ngựa.

- Đây là thư, anh chuyển cho Tom Austin, - Glenarvan nói. – Hãy khẩn trương, đừng để phí một giờ nào. Hãy cho tàu đến vịnh Twofold – Bay, nếu không thấy chúng tôi ở đó, tức là chúng tôi không thể qua sông được, thì phải nhanh chóng cho tàu lại đây. Thôi, đi nhé, chàng thủy thủ trung thực của tôi, trời phù hộ cho anh!

- Tạm biệt huân tước! – Mulrady bình tĩnh nói rồi mất hút trên con đường mòn chạy dọc theo cửa rừng.

Sau khi Mulrady ra đi, những người còn lại vào trú trong xe, Helena, Mary, Glenarvan và Paganel ở ngăn trước. Ngăn này được đóng kín để bảo đảm an toàn. Ở ngăn sau có Olbunett, Wilson và Robert. Thiếu tá và John Mangles đi tuần tra bên ngoài. Mặc dù trời mưa gió họ vẫn không rời vị trí. Bỗng trong khoảnh khắc gió lặng, có tiếng kêu thất thanh vọng lại. John Mangles vội vàng lại chỗ thiếu tá.

- Ông nghe thấy gì không? – John hỏi.

- Có, - Mac Nabbs đáp – Nhưng là gì nhỉ, tiếng người hay thú vật?

- Người đấy! – John đáp.

Cả hai người bắt đầu lắng nghe. Vẫn thấy tiếng kêu lạ lùng ấy vọng đến và tiếp theo hình như có tiếng súng. Nhưng, lúc ấy mưa gió nổi lên mạnh hơn, át cả tiếng súng. Mac Nabbs và John Mangles đi về phía xe.

Vừa lúc đó, tầm màn bằng da cuối xe được vén lên. Glenarvan từ trên xe bước xuống. Ông cũng đã nghe thấy tiếng kêu lạ lùng và tiếng súng vọng vào xe.

- Ở hướng nào thế nhỉ? – Huân tước hỏi.

- Đằng kia. – John Mangles chỉ tay về phía con đường mòn tối mịt mà Mulrady vừa ra đi.

- Có xa không?

- Có lẽ cách ta chừng ba dặm, - John đáp.

- Ta đến đó xem sao! – Glenarvan nói và khoác khẩu carbine lên vai.

- Không nên, - thiếu tá lên tiếng. – Chúng hãy để nhử ta rời khỏi xe đó.

- Nhỡ bọn bất nhân ấy giết Mulrady thì sao? – Glenarvan nắm tay Mac Nabbs giục đi.

- Điều ấy mai chúng ta sẽ biết, - thiếu tá điềm nhiên trả lời. Ông kiên quyết ngăn Glenarvan để tránh sự khinh suất vô ích.

- Huân tước không nên rời khỏi trại, - John nói. – Tôi sẽ đi một mình.

- Cả anh cũng đừng đi! – Mac Nabbs kiên quyết phản đối. – Lẽ nào huân tước và thuyền trưởng lại muốn cho chúng nó đánh lẻ từng người, làm suy yếu lực lượng ta, để ta dễ dàng sa vào tay bọn bất nhân ấy! Nếu Mulrady đã bị chúng giết chết thì tại sao lại đem thí thêm quân? Mulrady ra đi bởi vì chú ấy bốc được thăm. Giả dụ thăm trúng vào tôi thì tôi cũng đã ra đi như chú ấy và tôi không yêu cầu hay chờ đợi một sự chi viện nào cả.

Thiếu tá hoàn toàn có lý khi ngăn cản Glenarvan và John Mangles. Giữa lúc đêm tối mà lại vào rừng tìm Mulrady, trong khi bọn cướp đang mai phục sẵn, thì đúng là một sự điên rồ và vô ích. Đội thám hiểm của Glenarvan chỉ có mấy người, không thể thí thêm một mạng nào nữa.

Nhưng Glenarvan có lẽ không muốn tán thành những lập luận ấy – tay ông nắm chặt khẩu carbine. Ông đi tới đi lui bên cạnh chiếc xe, lắng nghe từng tiếng động nhỏ, chăm chú nhìn bóng đêm dử dẩn. Ông day dứt nghĩ đến một người thân thiết đang bị thương nặng và bất lực nằm đâu đó mà hoài công kêu những người mà vì họ anh ta hy sinh tính mạng. Mac Nabbs hoàn toàn không tin rằng ông ta có thể ngăn giữ được Glenarvan không lao đến khi có tiếng súng của bọn Ben Joyce.

- Edward, - ông nói, - Chú hãy bình tĩnh. Hãy nghe bạn bè. Hãy nghĩ đến Helena, Mary, đến tất cả những ai ở lại đây. Mà chú định đi đâu chứ? Tìm Mulrady ở đâu? Nếu chú ấy bị chúng tấn công thì ít nhất cũng cách đây hai dặm. Trên con đường nào? Đi lối nào đến đó?

Đúng lúc ấy, như để trả lời thiếu tá, lại có tiếng kêu tuyệt vọng vang lên.

- Nghe kìa! – Glenarvan nói.

Tiếng kêu từ phía có tiếng súng vọng lại, cách đó khoảng một phần tư dặm, Glenarvan đẩy Mac Nabbs ra, chạy theo con đường mòn, nhưng mới cách xe độ ba trăm mét ông đã nghe thấy tiếng ai kêu:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Tiếng kêu nghe thảm thiết, đau đớn. John Mangles bỏ ngay đến nơi có tiếng kêu. Mấy phút sau, họ thấy một người đang bò dọc theo cửa rừng và

rên rỉ nặng nhọc. Đó là Mulrady, anh bị thương có thể là sắp chết. Khi những người bạn nâng anh lên khỏi mặt đất, họ thấy tay anh ướt máu.

Mưa rào mỗi lúc một nặng hạt hơn. Bão tố nổi lên điên cuồng trên những ngọn cây. Glenarvan, John Mangles và thiếu tá vừa chống chọi với gió mưa hung dữ, vừa khiêng Mulrady về xe.

Khi họ bước vào, tất cả đứng dậy, Paganel, Olbinett, Robert và Wilson ra khỏi xe, còn Helena thì nhường ghế ở của mình cho Mulrady tội nghiệp. Thiếu tá cởi áo ngoài đầm máu và nước mưa của người thủy thủ ra và phát hiện ở sườn bên phải của anh có vết dao găm đâm. Vết thương ra rất nhiều máu đã được Mac Nabbs khéo léo rửa sạch, bôi thuốc, băng bó lại. Vết nhọt nhạt và đau đớn của Mulrady chứng tỏ vết thương nặng lắm. Nhưng máu đã cầm, Mulrady được đặt nằm nghiêng về phía bên trái, đầu và ngực gối cao hơn. Helena cho anh uống vài ngụm nước.

Mười lăm phút sau, Mulrady đã cựa quậy được, mở mắt ra và bắt đầu thều thào tiếng được, tiếng mất. Thiếu tá cúi sát người anh và lắng nghe được mấy tiếng loáng thoáng.

- Huân tước... bức thư... Ben Joyce...

Thiếu tá nhắc to lên mấy tiếng ấy và nhìn những người bạn của mình với vẻ dò hỏi. Mulrady muốn nói gì? Chắc là Ben Joyce đã tấn công anh ta. Nhưng để làm gì, để ngăn cản anh ta không liên lạc được với “Ducan” ư? Bức thư... Glenarvan xem túi Mulrady. Bức thư không còn nữa!

Đêm trôi qua trong sự lo âu sâu thẳm của mọi người. Ai nấy đều sợ Mulrady chết. Người anh nóng ran. Helena và Mary, các nữ y tá của đoàn, không lúc nào rời Mulrady. Chưa có bệnh nhân nào mà họ lại chăm sóc tận tình và cảm thông như thế.

Trời sáng. Mưa tạnh. Nhưng mây đen còn vẫn vũ bầu trời.

John Mangles, Paganel và Glenarvan đi khảo sát chung quanh khu trại. Họ lần theo con đường mòn còn in rõ rệt vết máu. Không thấy dấu vết gì của Ben Joyce và đồng bọn. Họ đến tận nơi đã xảy ra đụng độ. Ở đấy có hai cái xác của bọn phi đã bị Mulrady bắn chết. Một trong số đó là tên thợ rèn ở Black – Point. Cái chết làm cho mặt hấn méo xệch đi một cách đáng sợ. Đến đây, Glenarvan kết thúc việc khảo sát hiện trường, vì đi xa trại hơn sẽ



không có lợi gì.

Ông quay về chỗ xe với vẻ băn khoăn trước tình hình nghiêm trọng đã xảy ra.

- Không nên nghĩ đến việc cử người khác đi Melbourne nữa, - ông nói.

- Nhưng điều đó lại cần thiết, thưa huân tước. – John Mangles lên tiếng. – Tôi xin đảm nhiệm vụ mà người thủy thủ của tôi chưa kịp hoàn thành.

- Không, John, anh cũng không có ngựa để mà đi quãng đường hai trăm dặm đâu.

Quả thật, ngựa của Mulrady, con ngựa duy nhất mà đoàn thám hiểm còn lại, không thấy trở về. Nó bị giết hay bị lạc trong rừng, hay bị bọn chúng cướp mất rồi?

- Dẫu sao thì, - Glenarvan nói, - chúng ta cũng sẽ không rời nhau nữa. Ta đợi ở đây một tuần, hai tuần, cho đến khi nào nước sông Snowy rút đã. Lúc đó ta sẽ đi dần từng chặng đến vịnh Twofold – Bay và từ đó, bằng một con đường an toàn hơn, sẽ gửi lệnh cho “Ducan” đi về vùng duyên hải phía đông.

- Ta chỉ còn cách duy nhất ấy thôi, - Paganel tán thành.

- Vậy thì các bạn, - Glenarvan tiếp tục – chúng ta hãy sát cánh cùng nhau chịu đựng. Lẻ loi một mình giữa nơi bọn cướp hoành hành như thế này là hết sức mạo hiểm.

Glenarvan đã có lý cả trong việc quyết định không phải ai đi nữa, lẫn trong việc kiên trì ở lại bờ sông đợi nước rút. Vì từ đây đến Delegete, thị trấn biên giới đầu tiên của tỉnh Nouvelle-Gailes Nam chỉ có ba mươi lăm dặm thôi. Ở đó, tất nhiên họ sẽ tìm được phương tiện để đến Twofold-Bay và có thể đánh điện đi Melbourne cho tàu “Ducan”. Những quyết định ấy rất hợp lý, nhưng trễ quá. Giá như Glenarvan đừng phái Mulrady đi Melbourne thì đã tránh được bao nhiêu là tai họa, đấy là chưa nói đến việc một thủy thủ bị thương nặng.

Sau khi trở về trại, Glenarvan thấy những người bạn của mình bớt rầu rĩ hơn. Dường như họ đã ấm lại niềm hy vọng.

- Chú ấy đỡ rồi! Chú ấy đỡ rồi! – Robert kêu toáng lên, chạy bổ đến Glenarvan.

- Mulrady đỡ rồi à?

- Vâng, - Helena đáp. – Chú ấy bị choáng. Chú thủy thủ của chúng ta sẽ sống!

- Mac Nabbs đâu?

- Đang ở chỗ Mulrady.

Đúng là một giờ trước đây Mulrady đã hồi tỉnh, bớt nóng hơn. Vừa tỉnh lại, chú liền xin gặp Glenarvan, nếu huân tước không có đấy thì gặp thiếu tá. Mac Nabbs thấy Mulrady đang yếu, nên cấm không cho chú ta nói chuyện. Nhưng Mulrady cứ đòi nói, vì vậy thiếu tá đành chịu.

Khi Glenarvan trở về, câu chuyện của họ mới diễn ra được mấy phút. Chỉ còn cách đợi nghe lại ý kiến của thiếu tá. Lát sau, tấm màn da được vén lên, Mac Nabbs xuất hiện. Ông bước vào căn lều căng dưới cây, mọi người đang đợi ông. Nét mặt của thiếu tá thường ngày vẫn bình thản, thế mà giờ đây trở nên buồn rầu và bần khoản. Khi ông nhìn Helena, rồi nhìn Mary, mắt ông hiện rõ nét buồn sâu sắc.

Glenarvan bắt đầu hỏi chuyện thiếu tá. Và đây là những điều mà thiếu tá nghe Mulrady kể lại:

- Sau khi rời trại, Mulrady phóng ngựa theo đường mòn mà Paganel đã chỉ. Anh ta đi được độ hai dặm thì bỗng có mấy người – hình như năm thì phải – lao ra chặn ngựa lại. Con ngựa lồng lên, Mulrady rút súng lục ra bắn. Anh thấy hình như có hai tên bị ngã gục. Trong ánh lửa đạn, anh nhận ra Ben Joyce. Mulrady không nhìn thấy gì nữa. Anh chưa kịp bắn hết băng đạn. Một nhát dao đâm mạnh vào sườn phải làm anh té khỏi yên ngựa. Nhưng anh vẫn chưa bị ngắt đi. Bọn giết người tưởng anh đã chết. Anh cảm thấy hình như chúng lục lọi người anh. Sau đó, anh nghe thấy một tên cướp nói: “Thư đây rồi!” “Đưa đây!” – Ben Joyce lên tiếng. – “Bây giờ “Ducan” là của chúng ta!”.

Đến đây, Glenarvan chột thốt lên một tiếng kêu. Mac Nabbs nói tiếp: “Còn bây giờ tụi bay hãy bắt lấy con ngựa. Ben Joyce nói, - Bốn ngày nữa tao sẽ có mặt trên tàu “Ducan”, sáu ngày nữa tao sẽ có mặt ở vịnh Twofold-Bay.

Chúng ta sẽ gặp nhau ở đó. Toán Glenarvan sẽ còn sa lầy ở đây. Tụi bây đi qua cầu Kemplepier ra biển, đợi tao ở đó. Tao sẽ tìm cách đưa chúng bây lên tàu. Khi nào cánh ta ra được biển thì, với một chiếc tàu như “Ducan” này, ta sẽ làm bá chủ Ấn Độ Dương”. – “Hoan hô Ben Joyce!” - Bọn cướp hét lên. Tụi nó dẫn con ngựa của Mulrady đến, tên Ben Joyce phốc ngay lên ngựa và phóng về hướng Luknow, còn bọn kia thì đi ra sông Snowy. Mulrady, mặc dù bị thương nặng, vẫn cố sức lết về được chỗ mà ta đã gặp anh ta trong tình trạng thập tử nhất sinh ấy. Mulrady đã kể cho tôi nghe như vậy đó, - Mac Nabbs kết thúc. – Bây giờ, các bạn có biết, tại sao chú thủy thủ dững cảm lại vội thông báo cho chúng ta biết điều đó không?

Câu chuyện của thiếu tá làm cho Glenarvan và mọi người hết hoảng.

- Bọn cướp biển! Bọn cướp biển! – Glenarvan kêu lên, - chúng định giết cả đoàn của tôi rồi chiếm đoạt luôn tàu “Ducan”.

- Tất nhiên rồi, - Mac Nabbs nói. – Vì Ben Joyce sẽ bất ngờ chiếm tàu mà, và khi đó thì...

- Thế nghĩa là ta phải ra tay trước bọn bất nhân ấy! – Paganel nói.

- Nhưng làm sao qua được sông đây? – Wilson băn khoăn.

- Đi như tụi nó ấy. – Glenarvan đáp. Bọn tội phạm đi qua Kemplepier, chúng ta cũng làm y như chúng.

- Còn Mulrady thì sao? – Helena hỏi.

- Chúng ta sẽ khiêng chú ấy! Thay nhau khiêng! Tôi không thể để cho đoàn người của mình sa vào nanh vuốt của bọn Ben Joyce.

Kế hoạch qua cầu Kemplepier đã được thực hiện, nhưng dĩ nhiên là mạo hiểm. Bọn tội phạm có thể nấp ở gầm cầu và giữ cầu. Chúng hình như có độ ba chục tên, đối phó với bảy người đàn ông của đoàn thám hiểm. Nhưng, có những phút không thể tính toán do dự, mà cần phải bất chấp tất cả mà tiến lên.

- Thừa huân tước, John Mangles nói với Glenarvan. - Trước khi quyết định thực hiện phương án mạo hiểm vượt qua cầu, ta nên dò xét mọi mặt đã. Tôi xin đảm nhận nhiệm vụ này.

- Tôi cùng đi với anh! – Paganel tuyên bố.

John đồng ý và hai người chuẩn bị ngay. Phải đi xuôi xuống hạ nguồn trong

lúc bọn chúng chưa tìm ra chiếc cầu mà Ben Joyce nói với chúng, và tất nhiên là phải hết sức cẩn thận để không lọt vào mắt bọn cướp chắc chắn là cũng đang bám sát hai bờ sông.

Thế là hai nhà thám hiểm dùng cảm mang theo đầy đủ vũ khí và lương thực tiến lên phía trước, len lỏi trong những bụi lau sậy um tùm mọc bên bờ sông.

Mọi người đợi suốt ngày, đến khi trời tối rồi mà vẫn chưa thấy họ về. Ai nấy ở trại đều lo lắng.

Cuối cùng, gần mười giờ khuya. – Wilson báo tin họ đang trên đường về, Paganel và John Mangles về đến nơi, người mệt lử sau khi lội bộ mười dặm đường.

- Sao, cái cầu ấy thế nào? Đúng là có cầu chứ? – Glenarvan lao ra đón họ, hỏi.

- Đúng, cầu làm bằng mây, - John Manglé nói. - Bọn tội phạm đã đi qua chiếc cầu ấy, nhưng...

- Nhưng sao? – Glenarvan hỏi gặng. – linh cảm thấy một tai họa đã xảy ra.

- Chúng đã đốt mất cầu ngay sau khi qua rồi! – Paganel đáp.

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 10

#### EDEN

Không còn giờ để thất vọng nữa, mà cần phải hành động. Chiếc cầu Kemplepier đã bị đốt, nhưng dù thế nào chăng nữa cũng vẫn phải vượt qua sông Snowy và đến vịnh Twofold – Bay trước bọn Joyce. Chính vì vậy mà, không để mất thì giờ vào những cuộc tranh luận vô ích. Glenarvan và John Mangles, ngay ngày hôm sau, 16 tháng Giêng, đã ra sông để tìm cách vượt sang bờ bên kia.

Nước lũ chưa rút, vẫn cuồn cuộn trôi với vẻ hung dữ không sao tả xiết. Xuống nước bây giờ có nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay Glenarvan cúi đầu: khoan tay trước ngực và đứng lặng bên bờ.

- Huân tước cho tôi thử bơi sang bờ bên kia được không?
- John Mangles đề nghị.
- Không được, John Mangles, - Glenarvan đáp, giữ chặt tay chàng thanh niên dũng cảm, - Ta đợi đã!

Họ trở về trại. Một ngày trôi qua trong sự lo âu mệt mỏi. Có đến mười lần Glenarvan ra bờ sông. Ông định nghĩ ra một cách táo bạo nào đó để vượt qua sông.

Thật không may. Ngày hôm đó và cả ngày hôm sau họ vẫn không qua sông được. Sự chậm trễ ấy làm cho Glenarvan thất vọng. Helena và thiếu tá an ủi ông kiên nhẫn đợi chờ, nhưng không kết quả gì. Trong khi ấy, biết đâu, Ben Joyce đang lên boong tàu “Ducan”. Biết đâu, “Ducan” đang nổ máy nhổ neo để đi vùng duyên hải phía đông.

Ngày 18 tháng Giêng, thuyền trưởng John Mangles và anh chàng thủy thủ đã đóng một chiếc thuyền bằng vỏ cây ghép lại và đi thử. Họ trở hết tài khéo léo, tháo vát, sức mạnh và lòng dũng cảm. Nhưng con thuyền vừa đặt xuống nước đã bị cuốn phăng vào dòng xoáy rồi bị biến mất, John Mangles và Wilson phải gắng sức bơi vào bờ.

Ngày 19 và 20 không đem lại điều gì đáng an ủi cả. Thiếu tá và Glenarvan

đi ngược dòng năm dặm để tìm một chỗ qua sông. Nhưng không được, vì ở khúc nào dòng sông cũng chảy xiết cả. Nước từ tất cả những khe suối của sườn nam dãy Alpes ở Australic đều đổ về sông này.

Đành phải từ bỏ hy vọng cứu tàu “Ducan” thôi. Từ lúc Ben Joyce đi đến nay đã năm ngày rồi. “Ducan” chắc đã đến vùng duyên hải phía đông và đang nằm trong tay bọn tội phạm.

Nhưng, tình hình ấy không thể kéo dài vô tận được. Nước lũ dâng lên mạnh bao nhiêu thì càng rút nhanh bấy nhiêu. Sáng ngày 21, Paganel thấy nước sông bắt đầu xuống. Nhà địa lý báo cho Glenarvan biết.

- Nước rút thì cũng vậy thôi! – Glenarvan đáp. – Quá muộn mất rồi!

- Đó không phải là cái cố để ta ở lại đây, - Mac Nabbs nhận xét.

- Tất nhiên, - John Mangles đáp, - có thể ngày mai ta qua sông được rồi đó.

- Liệu thế thì có cứu được đoàn người không may của ta không? – Glenarvan kêu lên.

- Xin huân tước hãy nghe tôi, - chàng thuyền trưởng trẻ nói, - Tôi hiểu Tom Austin lắm. Anh ấy tất nhiên là sẽ thi hành mệnh lệnh và nhổ neo ra khơi ngay khi nào điều kiện cho phép. Nhưng làm sao ta biết được khi Ben Joyce đến Melbourne thì “Ducan” đã kịp sửa chữa xong? Nếu chưa xong thì sao? Nếu Austin chậm lại một hai ngày thì sao?

- Anh nói đúng, John Mangles – Glenarvan tán thành.

Cần phải đến được Twofold – Bay: Chúng ta còn cách Delegete có ba mươi lăm dặm nữa thôi!

- Ở đó, - Paganel nói, - chúng ta sẽ tìm được phương tiện đi nhanh hơn. Biết đâu chúng ta kịp ngăn chặn tai họa cũng nên.

- Vậy thì, lên đường! – Glenarvan hô to.

John Mangles và Wilson tranh thủ thời gian đóng một cái bè lớn. Họ đã rút được kinh nghiệm rồi: vỏ cây không thể chịu đựng được dòng chảy mạnh. Vì vậy, John Mangles đã chặt từng cây đóng thành một cái bè thô thiển, nhưng chắc chắn... Ngày hôm sau bè đã được đóng xong.

Vào lúc ấy nước đã rút đáng kể. Dòng nước lúc hôm trước, hôm nay đã trở lại dòng sông. Tuy nước vẫn còn chảy xiết, nhưng dẫu sao cũng đã hiền dịu

hơn. John Mangles hy vọng rằng nếu khéo léo lái anh ta sẽ được bè sang bờ bên kia.

Mười hai giờ rưỡi trưa, mọi người xếp lương thực lên bè với số lượng đủ cho cả đoàn ăn trong hai ngày. Còn lại họ bỏ trong xe và lều. Mulrady đã lại sức. Anh ta có thể cùng đi theo.

Một giờ, tất cả lên bè, John Mangles đặt phía bên phải bè một mái chèo để chống chọi với dòng chảy và giữ cho bè đi đúng hướng. Thuyền trưởng giao cho Wilson giữ chèo. Còn anh đứng phía sau điều khiển tay lái. Huân tước phu nhân Helena, Mary và Mulrady được sắp xếp ngồi ở giữa bè. Glenarvan, thiếu tá và Robert ngồi chung quanh họ, để nếu cần thì có thể giúp đỡ được ngay.

- Xong hết chưa, Wilson? – thuyền trưởng hỏi.
- Xong rồi, thưa thuyền trưởng. – Wilson đáp, cánh tay rắn chắc nắm chặt mái chèo.
- Cần thận nhé! Coi chừng bị nước cuốn đi đó!

John Mangles tháo dây neo, đẩy chiếc bè ra khỏi bờ, thả cho nó đèo lên sóng. Đầu tiên mọi việc diễn ra tốt đẹp. Wilson chèo chống được với dòng chảy. Nhưng lát sau, chiếc bè bị cuốn vào dòng nước xoáy, quay tròn, khiến mái chèo không sao kìm được nữa, mặc dù John Mangles và Wilson đã căng sức ra chống đỡ.

Đành chịu để cho chiếc bè quay tít vậ, John Mangles tái mặt đi, cẩn rãng đứng nhìn dòng nước xoáy. Chiếc bè dần dần trôi ra giữa sông, xuôi xuống cách chỗ thả chèo nửa dặm... Đến đây, dòng chảy càng mạnh hơn, nhưng, không còn những vòng nước xoáy nữa, nên chiếc bè bắt đầu ổn định lại phần nào.

John Mangles và Wilson lại cầm chắc tay chèo, họ đã khiến được chiếc bè rẽ dòng sông đi sang bờ bên kia.

Họ còn cách bờ chừng trăm mét, bỗng mái chèo của Wilson bị gãy, John Mangles cố sức giữ cho bè ổn định. Wilson hai tay bật máu lao đến hỗ trợ cho thuyền trưởng. Cuối cùng họ đã chiến thắng: sau gần một giờ vật lộn với sóng nước, chiếc bè cập bờ bên kia... Do bị va chạm vào bờ, những sợi dây chằng bị đứt hết, các cây gỗ bung ra, và nước trào lên bè. Các nhà thám

hiểm vừa kịp túm lấy nưhgnx bụi cây là đà trên mặt nwocs và kéo được Helena, Mary và Mulrady lên bờ. Mọi người nguyên vẹn cả, nhưng phần lớn lương thực và toàn bộ vũ khí, trừ khẩu carbine của thiếu tá, đều bị nước cuốn đi cùng với những mảng bè vỡ.

Vậy là sau khi qua sông, đội thám hiểm hầu như lâm vào cảnh trắng tay ở giữa nơi hoang vắng, xa lạ, cách Degetete ba mươi lăm dặm. Nơi đây không thấy một bóng người dân cũng như thổ dân, trừ khi gặp bọn cướp tàn bạo...

Đoàn người quyết định lên đường ngay. Mulrady biết mình là gánh nặng, nên đã đề nghị để anh ở lại đây một mình và đợi chi viện từ Delegete tới.

- Không được, chú bạn của tôi ạ, tôi không thể bỏ chú được. Chúng ta sẽ làm cáng và thay nhau khiêng chú.

Họ chặt cành cây, làm một cái cáng chắc chắn, và Mulrady dẫu không muốn, cũng phải nằm lên đó. Glenarvan muốn khiêng người thủy thủ của mình trước tiên. Ông chịu một đầu, còn Wilson chịu đầu kia. Đội thám hiểm tiếp tục cuộc hành trình.

Ngày đường đầu tiên trôi qua trong sự im lặng nặng nề. Cứ mười phút họ lại thay phiên cáng một lần. Mặc dù nóng bức, mệt nhọc, nhưng không ai phàn nàn.

Buổi tối hôm ấy, đi thêm được năm dặm đường, họ dừng lại ở cửa rừng, ăn bữa tối bằng những gì còn lại sau khi bè bị vỡ. Sau đó, thức ăn chỉ còn trông cậy vào khẩu carbine của thiếu tá. Nhưng, sáng hôm sau, thiếu tá cũng chẳng bắn được con gì. Cái vùng bất hạnh này còn tồi tệ hơn bất kỳ một chốn hoang vu nào –nơi đây không có thú rừng đến ở.

May sao Robert bắt gặp một tổ chim drofa, một giống chim vùng đồng hoang, lớn con, cổ dài, chân khỏe. Chú lấy được mười hai quả trứng to. Olbinett vùi trứng vào tron nóng, nướng lên. Số trứng ấy và một vài cọng rau sam hái được dưới khe suối là toàn bộ bữa ăn sáng ngày 22 tháng giêng. Họ đi tiếp đến ngày 23, bữa ăn sáng không còn nữa. Đi qua vùng cát rất vất vả, khát cháy họng, nhưng mọi người vẫn kiên trì chịu đựng tiến bước với tốc độ nửa dặm một giờ. May sao, giữa lúc mọi người sắp lả đi vì đói và khát, thì Paganel đã phát hiện ra được dưới lòng suối cạn một loại



cây nom giống như san hô, hươu của nó y hệt một cái gáo đựng đầy thứ nước vô giá, mọi uống no nê và cảm thấy lại sức ngay. Cây ấy cũng là một thức ăn mà những người thổ dân ở đây thường dùng đến những khi không săn bắn được gì, Paganel đã từng đọc những tài liệu nói về đặc điểm tuyệt diệu của loại cây này do một đồng nghiệp của ông ở Hội địa lý viết.

Ngay hôm sau, Mulrady thấy có thể đi bộ được một đoạn đường. Vết thương của anh đã khỏi. Thị trấn Delegete còn cách không đầy mười dặm nữa. Đêm hôm ấy, đội thám hiểm dừng chân ở ngay biên giới tỉnh Nouvelle – Galles. Mọi nỗi đau khổ dần dần của họ chấm dứt. Mười một giờ sáng hôm sau, họ đã tới được Delegete, một thị trấn cách vịnh Twofold – Bay năm mươi dặm.

Ở đây có thể nhanh chóng tìm được những phương tiện đi lại. Glenarvan phấn chấn hẳn lên khi nghĩ rằng biển chi còn cách không bao xa nữa. Rất có thể “Ducan” bị vướng gì đó phải nán lại cảng nên, và như vậy là ông sẽ đến đó trước tàu. Ba ngày nữa thôi, ông sẽ đến Twofold-Bay rồi.

Đến trưa, sau bữa ăn sáng no nê, các nhà thám hiểm đáp chuyến xe thư do năm con ngựa khoẻ kéo từ Delegete ra vùng duyên hải.

Người xà ích được hứa hẹn một món tiền thưởng lớn nên gắng thúc ngựa phóng như bay. Vả lại, đường cũng tốt.

Cứ thế, với tốc độ sáu dặm một giờ, các nhà thám hiểm đã đi suốt ngày suốt đêm. Hôm sau, đúng lúc hừng đông, họ đã nghe thấy tiếng sóng vỗ ì ầm báo hiệu biển gần lắm rồi. Và, khi ra tới biển, mọi người đều dõi mắt nhìn về nơi xa tìm “Ducan”. Nhưng, không thấy gì cả, mặt biển mênh mông không gợn một cánh buồm nào.

- Đi Eden! – Glenarvan ra lệnh. Chiếc xe thư quẹo phải và lao đi trên đường dọc theo bờ vịnh, đến thị trấn nhỏ Eden, cách đó năm dặm.

Người xà ích cho dừng xe gần cây hải đăng chỉ đường vào cảng. Ở đây có một số tàu đang đậu, nhưng không có chiếc tàu nào mang lá cờ của xứ sở Malcolm.

Glenarvan, John Mangles và Paganel vừa xuống xe liền chạy đến chi cục hải quan. Họ hỏi các nhân viên phục vụ và đọc nhật ký theo dõi tàu đến trong mấy ngày vừa qua.

Thì ra, suốt cả tuần qua, không có một tàu mới nào vào cảng cả. – Có lẽ “Ducan” chưa rời khỏi Melbourne chẳng? – Glenarvan ngạc nhiên, cố bám lấy niềm hy vọng cuối cùng ấy. Ngộ ta đến trước tàu thì sao?

John Mangles lắc đầu. Thuyền trưởng biết rõ phụ tá của mình, Tom Austin không bao giờ thi hành mệnh lệnh chậm trễ đến mười ngày cả.

- Tôi muốn được biết rõ, - Glenarvan nói. - Sự tin chắc tốt hơn sự nghi hoặc.

Mười lăm phút sau, một bức điện được đánh đi cho nhân viên môi giới tàu biển ở Melbourne. Sau đó John Mangles ra lệnh cho người xà ích đi đến khách sạn “Victoria”.

Hai giờ chiều, huân tước Glenarvan nhận được bức điện trả lời với nội dung như sau:

“Kính gửi huân tước Glenarvan, Eden – Twofold – Bay, tàu “Ducan” đã ra khơi ngày 18 tháng này, không rõ hướng.

J. Andrew,

Nhân viên môi giới tàu biển”.

Bức điện tuột khỏi tay Glenarvan. Không còn mảy may nghi ngờ gì nữa! Chiếc tàu buồm xứ Scotland hiền hoà ấy đã rơi vào tay Ben Joyce và trở thành chiếc tàu cướp biển rồi!

Cuộc hành trình vượt qua Australie mà lúc khởi đầu gieo biết bao hy vọng đã kết thúc như vậy đó. Những dấu tích về thuyền trưởng Grant và các thủy thủ của ông có lẽ đã bị xoá mất hoàn toàn. Sự thất bại này được trả giá bằng sinh mạng của cả tàu “Ducan” – Huân tước Glenarvan đã thất bại. Và, con người mà mới đây, trên các thảo nguyên Nam Mỹ, mọi thiên tai không thể làm ông lùi bước, thì ở đây, sự đê tiện của con người đã chiến thắng ông!

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Phần III - Chương 1**

#### **TÀU “MACQUARIE”**

Nếu có lúc nào đó những người đi tìm thuyền trưởng Grant hết hy vọng tìm thấy ông, thì phải chăng đó là những ngày hôm nay, khi tất cả mọi dự định đều đã sụp đổ? Biết tổ chức đoàn thám hiểm mới đi về hướng nào bây giờ? Lấy gì để đi đến những vùng đất mới đây? “Duncan” thì không còn nữa rồi, thậm chí cũng không thể trở về nước ngay được. Thế là dự định của những người Scotland độ lượng đã “thất bại!”. Thật là một sự buồn bã mà tâm hồn một người dũng cảm không thể nào chấp nhận được. Nhưng, dầu sao, Glenarvan cũng đã phải thừa nhận sự bất lực trong việc tiếp tục sự nghiệp đầy hy sinh ấy.

Trong tình cảnh vô cùng đau đớn như vậy, Mary Grant đã dũng cảm không nhắc đến tên cha. Cô cố kiềm chế nỗi đau khổ trong lòng, khi nghĩ đến đoàn thuỷ thủ “Duncan” không may đã hy sinh. Bây giờ cô lại an ủi huân tước phu nhân Helena là người trước đây đã từng an ủi cô. Mary là người đầu tiên nói đến việc trở về Scotland. Thấy cô gái dám dũng cảm chấp nhận số phận, John Mangles rất khâm phục cô. Chàng định nói rằng vẫn có thể tìm được thuyền trưởng Grant, nhưng Mary đã đưa mắt ngăn chàng lại. Lát sau, cô mới nói với chàng:

- Không nên, anh John Mangles ạ, bây giờ phải nghĩ đến những người đã hy sinh bản thân mình. Huân tước Glenarvan cần được trở về châu Âu.

- Em nói đúng, Mary ạ, - John Mangles đáp, - cần phải như thế. Đồng thời cũng cần báo cho nhà cầm quyền Anh biết về số phận của “Duncan”. Nhưng, em đừng mất hy vọng. Anh sẽ không bỏ cuộc tìm kiếm mà chúng ta bắt đầu đâu. Anh sẽ tiến hành một mình. Hoặc là anh tìm thấy thuyền trưởng Grant, hoặc là anh hy sinh.

Trách nhiệm mà John Mangles tự đảm nhận không phải là chuyện đùa bỡn: Mary đón nhận nó và chìa tay cho chàng thuyền trưởng trẻ bắt chặt, như muốn xác nhận sự thoả thuận ấy, John Mangles đã quyết định hy sinh cả cuộc đời mình để đổi lấy việc đó và Mary đã không ngớt lời tạ ơn chàng.

Ngày hôm ấy, đoàn thám hiểm quyết định dứt khoát trở về nước, và đi ngay đến Melbourne. Sớm hôm sau, John Mangles đã đi hỏi xem coi có tàu nào chạy về hướng đó không, John Mangles dự đoán giữa Eden và tỉnh lỵ Victoria thường xuyên có tàu qua lại.

Nhưng, trái với điều mong muốn của anh, ở cảng chỉ có ba, bốn tàu đang đậu, và đội tàu buôn địa phương cũng chỉ có chừng ấy tàu mà thôi. Đã vậy lại không có chiếc nào đi Melbourne, hoặc Sydney, hoặc Pointe – De – Galles. Mà chỉ có ở ba cảng ấy mới có thể đáp tàu thuỷ đi Anh được. Các tàu biển chạy bằng hơi nước ở công ty hàng hải giữ mối liên hệ giữa các cảng ấy với chính quốc.

Làm thế nào bây giờ? Đợi một chuyến tàu thích hợp với tuyến đường hay sao? Nhưng như vậy phải chờ lâu, vì không phải thường xuyên có tàu cập bến Twofold – Bay. Có biết bao nhiêu tàu qua lại ngoài khơi, nhưng không một chiếc nào ghé vào vịnh này cả!

Sau khi bàn bạc và suy nghĩ kỹ lưỡng mọi điều, Glenarvan đã quyết định đi Sydney bằng đường bộ. Bỗng Paganel lại đưa ra một đề nghị bất ngờ.

Nhà địa lý cũng đã ra bến cảng Twofold- Bay và biết rằng ở đó không có tàu đi Melbourne và Sydney. Nhưng, có một chiếc tàu buồm đậu ở cảng đang chuẩn bị đi Auckland, tỉnh lỵ tỉnh Ika-na-Maouri, thuộc đảo bắc New – Zealand. Paganel đề nghị thuê chiếc tàu ấy đi Auckland, rồi từ

đó sẽ dễ dàng trở về châu Âu, vì cảng này có nhiều tuyến đường thường xuyên đi về đó.

Đề nghị ấy đã được chú ý. Hơn nữa, trái với lệ thường, Paganel không viện ra hàng loạt những lý do có lợi cho cá nhân ông. Ông chỉ nêu lên bản chất sự việc và nói thêm rằng chuyến đi như vậy mất không quá năm, sáu ngày. Quả đúng như thế, từ Australie đến New- Zealand không quá một ngàn hải lý.

Do một sự trùng hợp lạ lùng nào đó không biết, Auckland lại nằm trên vĩ tuyến 37 mà các nhà thám hiểm đã bám sát trong suốt cuộc hành trình. Tất nhiên, để khỏi bị cho là “cá nhân”, nhà địa lý có thể vịn vào cái cớ có lợi cho mình ấy được lắm chứ. Bởi vì, tiện đó ông có dịp đi thăm bờ biển New- Zealand. Song, Paganel đã không lợi dụng cái cớ ấy.

Sau hai lần thất bại, ông không dám đánh bạo đề xuất thêm một lời giải thích mới, lời giải thích thứ ba, về nội dung lá thư trong chai. Mà cũng không thể làm như vậy được, bởi vì trong thư đã xác định rõ ràng thuyền trưởng Grant đang ở trên đất liền, chứ không phải ở đảo New- Zealand chỉ là một hòn đảo. Điều đó khỏi phải tranh luận. Dù sao đi nữa, vì lý do gì không rõ, nhưng khi đề nghị đi Auckland, Paganel không hề nói lời nào, hoặc làm việc gì có ý nhắc đến những cuộc tìm kiếm mới. Ông chỉ nhận xét rằng giữa thành phố này và nước Anh đường giao thông thuận lợi, có thể sử dụng một cách dễ dàng.

John Mangles ủng hộ đề nghị của Paganel. Anh ta khuyên mọi người nên chấp nhận ý kiến ấy, bởi vì không biết sẽ phải chờ đợi ở Twofold – Bay bao lâu nữa mới có tàu đi Anh. Anh ta thấy cần phải lên chiếc tàu buồm mà Paganel nói đến ấy. Và thế là, Glenarvan, thiếu tá, Paganel, Robert và viên thuyền trưởng trẻ lên một chiếc xuồng bơi tới ngay chiếc tàu hai cột buồm đó.

Đó là chiếc tàu buồm có sức cho hai trăm năm mươi tấn mang tên “Macquarie”, thường chạy trên các tuyến đường giữa các cảng khác nhau của Australie và New – Zealand. Viên thuyền trưởng, hay đúng hơn là viên chủ tàu, tiếp khách khá thô bạo, cục cằn. Nhưng Paganel chẳng câu nệ điều đó, và cũng chẳng còn cách lựa chọn nào khác. Hơn nữa, họ chỉ đi tàu vài ngày thôi, nên không cần có yêu cầu gì đặc biệt.

Họ nhanh chóng thoả thuận việc lấy chỗ cho chín người của đoàn thám hiểm, trong đó có hai phụ nữ.

Trưa hôm sau, mọi người lên tàu. Tàu không có phòng riêng, và hành khách phải hoàn toàn tự lo liệu việc ăn uống.

Trước khi rời cảng, Glenarvan đã nghĩ đến việc tranh thủ những giờ còn lại để một lần nữa đi đến vùng duyên hải nằm trên vĩ tuyến 37. Ông có hai lý do để làm việc ấy. Ông muốn xem lại nơi có thể xảy ra tai nạn đắm tàu “Britania” theo lời của Ayrton đã nói. Thật là nông nổi nếu vĩnh viễn rời khỏi đất nước này mà lại không khảo sát kỹ nơi ấy. Rồi nữa, nếu ở đây không thấy “Britania” thì liệu “Duncan” có bị bọn tội phạm cướp mất ở vùng biển đó không? Rất có thể tại đây đã xảy ra một cuộc chiến đấu lắm. Biết đâu lại không tìm thấy nơi đây dấu vết của một cuộc chiến đấu, một cuộc kháng cự cuối cùng? Nếu như đoàn thuỷ thủ đã hy sinh trên biển thì lẽ nào sóng biển lại không cuốn xác họ giạt vào bờ?

Và Glenarvan đã cùng John Mangles đi khảo sát. Viên chủ khách sạn “Victoria” dành cho họ sử dụng hai con ngựa, và họ đi về phía bắc theo con đường bao quanh vịnh Twofold- Bay.

Cuộc khảo sát thật đáng buồn. Họ không bỏ sót eo biển nhỏ nào, bãi cát hay bãi đất bồi nào, không đâu thấy có mảnh tàu vỡ cả. Tuyệt nhiên không thấy một cái gì có thể làm cơ sở để bắt đầu những cuộc tìm kiếm mới. Dấu tích của “Britania” lại bị mất.

Họ cũng không thấy dấu tích của “Duncan” đâu. Cả vùng duyên hải phía đông Australia này vắng ngắt. Tuy vậy, John Mangles đã thấy ở gần bờ dấu vết của một lán trại nào đó; những thanh củi mới đun trong bếp. Có lẽ mấy hôm trước, một bộ lạc thổ dân nào đấy mới du cư qua đây? Không, Glenarvan nghĩ ngay rằng đây chắc chắn là tung tích của bọn tội phạm đó thôi.

Họ còn tìm thấy dưới gốc cây một chiếc áo rách đã được vá, màu vàng xám, ở chỗ rách vẫn nhìn rõ số tù của trại cải huấn Perth. Tên tội phạm không còn đây, nhưng chiếc áo rách đã chứng tỏ hắn đã ở đây.

- Thấy không, John Mangles,- Glenarvan nói,- Bọn tội phạm đã đến đây rồi. Thế còn những người bạn tội nghiệp của chúng ta trên tàu “Duncan” thì đâu?

- Đúng, - thuyền trưởng trẻ đáp, giọng trầm ngâm,- rõ ràng họ đã không lên bờ và hy sinh rồi!...

- Bọn bất nhân đê tiện! Chúng mà vào tay ta thì ta sẽ trả thù chúng để thanh toán món nợ cho đoàn thủy thủ của ta.- Glenarvan kêu lên.

Nỗi đau đớn làm cho nét mặt của Glenarvan thêm khắc khổ. Hàng mấy phút liền ông không rời mắt nơi chân trời, dường như ông hy vọng tìm thấy trong khoảng không gian vô tận của đại dương một con tàu..Dần dần sự phấn nộ trong đôi mắt Glenarvan dịu bớt. Ông đã bình tĩnh trở lại và, không nói thêm lời nào, không làm thêm động tác gì, ông phóng ngựa quay thẳng về Eden.

Còn phải làm thủ tục nữa là báo cho cảnh sát biết về tất cả những gì đã xảy ra...Glenarvan làm xong xuôi việc ấy, rồi trở về khách sạn “Victoria”. Đêm cuối cùng của các nhà thám hiểm ở Australie trôi qua một cách buồn rầu. Họ chập chờn nghĩ lại những ngày phiêu bạt trên đất liền đã đem lại cho họ bao nhiêu bất hạnh. Dường như họ cũng nhớ lại niềm hy vọng đã loé lên ở Bernouilli và đã bị tan vỡ một cách đau đớn ở Twofold – Bay. Paganel ở trong tình trạng bị xúc động mạnh. John Mangles đã để ý theo dõi Paganel ngay từ khi xảy ra biến cố trên bờ sông Snowy. Anh cảm

thấy nhà địa lý có điều gì đó nửa muốn nói, nửa lại không. Đã nhiều lần, John Mangles gặng hỏi, nhưng Paganel không nói.

Buổi tối, khi tiễn nhà bác học về phòng nghỉ, John Mangles đã hỏi vì sao hôm nay ông lại lo lắng, bồn chồn như thế.

- John Mangles, anh bạn của tôi ơi! – Nhà địa lý trả lời một cách quanh co, - thần kinh tôi vẫn bình thường mà!

- Ông Paganel, - John Mangles chưa chịu thôi, - có điều gì bí mật đang giày vò ông thì phải?

- Nhưng, tôi biết làm điều gì được với cái điều ấy? – Nhà địa lý vung tay nói, vẻ bất lực.

- Ông đang nói về điều gì vậy?

- Về niềm vui sướng và nỗi thất vọng.

- Vâng, tôi vừa vui sướng cũng lại vừa thất vọng, khi tôi đặt chân lên đất New – Zealand.

- Ông lại có những dự kiến mới nào đó phải không? – John Mangles.

Nhanh nhẩu hỏi – Ông lại lần ra được dấu tích của thuyền trưởng Grant phải không?

- Không, John Mangles ạ! Họ không trở về từ New – Zealand đâu. Nhưng mà... Tóm lại, như anh đã biết, bản tính của con người là còn thở thì còn hy vọng và khẩu hiệu của tôi là : “Spiro – Spero” (1)



## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### **Chương 2**

**TRONG TAY NHỮNG NGƯỜI MAORI**

Tàu “Macquarie” đi chậm chạp. Chủ tàu hình như lúc nào cũng say khướt, không mấy khi bước ra khỏi phòng. Mọi công việc ông ta phó thác cho đoàn thuỷ thủ năm người của ông ta. Đến ngày thứ sáu, nghĩa là đáng lẽ đã đến cảng Auckland được ba mươi sáu giờ rồi, thế mà “Macquarie” vẫn lênh đênh trên mặt biển.

Đến hôm thứ sáu ấy trời bỗng nổi bão, mưa ập xuống. Tàu “Macquarie” bất ngờ bị mắc cạn, nghiêng hẳn về một bên. Chủ tàu Halley và cả đoàn thuỷ thủ năm người của hắn bí mật hạ thuỷ chiếc xuồng nhỏ và trốn mất tiêu.

Đoàn thám hiểm bị chơi vơi giữa biển khơi. Sau những phút đầy lo âu trong đêm tối, sớm hôm sau, vừng đông vừa hé sáng, họ kéo lên boong tàu, nhìn về tứ phía. Sương mù tan dần. Xa xa, một ngọn núi lộ ra dưới ánh nắng sớm. Đất liền chỉ còn cách họ chưa đầy chín hải lý nữa... Nhưng làm sao vào được đó bây giờ? John Mangles chỉ huy mọi người chĩa, chặt cột buồm tàu, đóng một chiếc bè kiên cố, chắt vũ khí và lương thực lên, rồi bơi vào bờ. Đây là một vùng đất New – Zealand hoang vắng.

Wilson nhanh chóng tìm được một cái hang trong núi đá vôi. Rong biển khô xếp lớp trong hang từ bao đời nay trở thành những chiếc giường êm cho các nhà thám hiểm. Một đống lửa được nhóm ngoài cửa hang cho mọi người ngồi quanh hong quần áo.

Sớm hôm sau, Paganel xác định toạ độ cần thận rồi đề nghị đoàn đi về phía bắc dọc theo bờ biển Aotea đến Auckland.

Chiều tối hôm ấy, đến một cửa rừng, họ quyết định nghỉ lại. Gần nửa đêm, tai hoạ bất ngờ đã ập đến. Tất cả các nhà thám hiểm đều bị bắt, trói chân và đưa lên thuyền.

Hoá ra hồi chiều tối, vì bị sương mù dăng dày đặc, nên họ đã dừng chân đúng ngay tại nơi trại lính của bộ lạc người Maori mà không biết. Qua câu chuyện của họ bằng tiếng Anh, những người bị bắt được biết quân của thổ dân Maori bị quân đội Anh đánh tan tành phải chạy về thượng nguồn sông Waikato. Thủ lĩnh của họ, sau khi chống cự quyết liệt với trung đoàn 42 và bị thiệt hại khá nhiều quân lính tinh nhuệ, bây giờ quay trở về chiêu mộ quân lính mới ở các đơn vị khác vẫn đang chiến đấu chống bọn xâm lược Anh. Viên thủ lĩnh có cái tên rất hung tợn là Kai Koumou, tiếng thổ dân có nghĩa là “ Người ăn thịt địch thù của mình”. Binh lính Anh biết rõ cái tên ấy và viên toàn quyền Anh ở New – Zealand mới đây đã treo giải bằng tiền cho ai lấy được đầu ông ta.

“Đòn” khủng khiếp ấy đã giáng xuống Glenarvan đúng ngay lúc ông chỉ còn cách Auckland không bao xa nữa, từ đây có thể trở về châu Âu một cách dễ dàng.

Nhưng nhìn vẻ mặt bình tĩnh, lạnh lùng của ông, không ai đoán nổi ông đang bị bao nỗi đau khổ giày vò. Glenarvan cố giữ vững tinh thần để làm gương cho vợ và những người cùng đi, và sẵn sàng, nếu cần thì hy sinh trước tiên để cứu mọi người.

Những người bạn đồng hành của Glenarvan tỏ ra rất xứng đáng. Họ nhất trí với nhau phải cư xử đường hoàng để buộc quân lính Maori không thể đối xử thô bạo với họ được.

Glenarvan đánh bạo hỏi viên thủ lĩnh New- Zealand bằng tiếng Anh:

- Ông đưa chúng tôi đi đâu, thưa thủ lĩnh?

Kai Koumou lạnh nhạt nhìn Glenarvan không nói gì.

- Ngài định làm gì chúng tôi? – Glenarvan hỏi lại.

Thủ lĩnh Kai Koumou trợn mắt lên, đáp với vẻ quan trọng.

- Đánh đổi, nếu người của bọn mi ưng nhận mi. Giết, nếu bọn chúng không chịu.

Glenarvan không hỏi thêm nữa, nhưng trong lòng thấy ảm lại một niềm hy vọng. Chắc là một số tên thủ lĩnh Maori nào đó bị sa vào tay quân Anh, nên chúng mang họ đi đổi lại. Nghĩa là còn có cơ thoát được và tình thế không đến nỗi tồi.

Con thuyền vẫn lướt nhanh về phía thượng nguồn.

Huân tước phu nhân và Mary khẽ nói chuyện với Glenarvan cho đỡ khiếp sợ. Giá có một nhà nghiên cứu về nhân diện lão luyện nào đó ở đây thì chắc là ông ta đã đọc thấy trên nét mặt của hai người phụ nữ ấy bao nỗi băn khoăn trong lòng.

Waikata là con sông lớn nhất New-Zealand. Những người thổ dân tự hào về nó cũng giống như người Đức tự hào về con sông Rhin, còn người Slave tự hào về sông Danube vậy. Con sông này tưới nước cho những vùng đẹp đẽ nhất kéo dài suốt hai trăm dặm của đảo Bắc từ tỉnh Wellington đến tỉnh Auckland. Tên sông được đặt cho tất cả các bộ lạc ven sông – đó là những bộ lạc không chịu khuất phục, đã đứng lên chống lại bọn thực dân Anh xâm lược.

Chiếc thuyền bơi đến khi mặt trời lặn mới dừng lại bên bờ dốc đứng, có cây cối mọc um tùm thuận tiện cho việc đóng trại của quân Maori.

Kai Koumou ra lệnh cho những người bị bắt lên bờ. Mấy người đàn ông bị trói tay, còn phụ nữ được tự do. Tất cả họ bị nhốt ở giữa trại, chung quanh đốt lửa làm thành một hàng rào không sao chạy thoát được.

Trước khi Kai Koumou nói cho những người bị bắt biết ý định trao đổi tù binh của hắn. Glenarvan và John Mangles đã bàn cách chạy trốn. Trong lúc thuyền đang bơi trên sông, việc đó không thể làm được, nhưng họ hy vọng khi lên bờ nghỉ lại, trời tối sẽ dễ trốn hơn.

Nhưng, sau khi Glenarvan nói chuyện với viên thủ lĩnh New – Zealand, họ đã quyết định tốt hơn cả là từ bỏ mọi ý đồ ấy. Cần phải chuẩn

bị tinh thần chịu đựng. Như thế sẽ tốt hơn. Dù sao việc trao đổi cũng là cơ hội thuận tiện để cứu thoát, còn hơn chiến đấu tay không hoặc chạy trốn ở một vùng không hề quen biết. Tất nhiên có nhiều tình huống có thể làm trì hoãn việc trao đổi, thậm chí cản trở nữa, nhưng dẫu sao, chờ đợi kết quả của những cuộc thương lượng vẫn hơn. Thực ra mà nói, liệu chục người không tắc sắt trong tay có đủ sức chống nổi ba chục thổ dân hung dữ có vũ khí không? Hơn nữa, Glenarvan dự đoán rằng – và chắc là không sai? – có một thủ lĩnh tai to mặt lớn nào đó của bộ lạc Kai Koumou đã bị bắt và những người cùng bộ lạc muốn tìm mọi cách để giải thoát ông ta.

Mấy ngày sau đó, các nhà thám hiểm bị bắt được chở thuyền ngược dòng đưa đến đại bản doanh của quân Maori, bên bờ hồ Taupo. Viên thủ lĩnh ra lệnh cởi trói cho từng người một và đưa họ vào giam trong một căn nhà rộng, bốn bề kín mít.

Ở đây họ tạm thời được an toàn, không bị những thổ dân phản nộ, nguyên rủa, đòi giết vì tưởng lầm họ là những người Anh xâm lược đã sát hại chồng con của họ ngoài mặt trận.

Những tên lính vừa khoá cửa trại giam đi khỏi, Robert liền trèo lên vai Wilson, thò đầu vào khe hở giữa mái và tường nhà, nhìn ra ngoài, quan sát chung quanh.

- Họ đang tụ tập quanh thủ lĩnh, - chú bé thì thào – Kai Koumou định nói gì đó.

Robert im lặng mấy phút rồi nói tiếp:

- Kai Koumou đang nói gì đó... các thổ dân im lặng nghe ông ta.

- Có lẽ, viên thủ lĩnh không phải vô có mà tha chết cho chúng ta đâu, - thiếu tá nhận xét, - Hẳn muốn đổi chúng ta lấy những thủ lĩnh của bộ lạc đã bị bắt, nhưng liệu quân lính có đồng ý trao đổi không?

- Đúng rồi! Chú bé lại nói xuống. - Họ tuân lệnh và giải tán. Người thì đi vào các lán, người thì đi vào chòi canh.

- Đúng không? - Thiếu tá hỏi.

- Đúng mà, ông Mac Nabbs, - Robert đáp, - Chỉ còn mấy người lính cùng đi trên thuyền ở lại với ông ta thôi....A, có một người đi đến chỗ ta...

- Xuống mau, Robert!, - Glenarvan nói.

Đúng lúc ấy huân tước phu nhân Helana ngồi nhóm dậy nắm lấy tay chồng.

- Edward, - Helena nói bằng một giọng cứng rắn, - chừng nào còn sống thì cả em lẫn Mary đều không thể để sa vào tay bọn người ấy!

Vừa nói, Helena vừa chìa cho Glenarvan khẩu súng lục đã lên đạn, Glenarvan mắt sáng ngời.

- Súng! – Ông ta kêu lên.

- Vâng! - Bọn Maori không khám xét phụ nữ. Nhưng, anh Edward, khẩu súng này không phải để cho họ mà là để cho chúng ta.

- Hãy giấu súng đi, chú Glenarvan, - Mac Nabbs vội vàng nói – Chưa đến lúc cần đến.

Khẩu súng được lặn vào quần áo của Glenarvan.

Chiếc chiếu treo chắn cửa ra vào nhà được vén lên. Một người thổ dân bước vào. Anh ta làm hiệu cho những người bị bắt đi theo anh ta.

Glenarvan cùng những người bạn của mình đi sát bên nhau, qua một cái sân đến cạnh Kai Koumou.

Mấy người lính bộ lạc đứng quanh thủ lĩnh của họ. Kai Koumou bắt đầu hỏi cung Glenarvan:

- Màỵ là người Anh?

- Phải. – Glenarvan trả lời không chút do dự, biết rằng câu trả lời ấy có thể làm cho việc trao đổi dễ dàng hơn.

- Còn các bạn của màỵ?

- Các bạn tôi cũng là người Anh như tôi. Chúng tôi là những người đi du lịch, tàu bị tai nạn. Ông nên biết chúng tôi không ai tham chiến cả...

- Điều đó chẳng quan trọng. - Một tên khác ngồi kế bên Kai Koumou tên là Kara Tété nói cắt ngang - Bất kỳ người Anh nào cũng là kẻ thù của chúng tao! Bọn chúng bay đã xâm lược đảo của chúng tao! Chúng bay đã cướp ruộng của chúng tao! Chúng bay đã đốt phá làng mạc của chúng tao!

- Họ đã làm sai! – Glenarvan nói một cách nghiêm chỉnh.- Tôi nói điều ấy bởi tôi nghĩ như vậy, chứ không phải vì tôi đang trong tay ông.

- Hãy nghe đây! – Kai Koumou nói tiếp,- Tohonga, tu tế tối cao của

thần Noui Atoua của ta, đã bị quân bay bắt làm tù binh. Thần ban lệnh cho ta phải chuộc Tohonga. Ta muốn móc tim mày ra, muốn lấy đầu mày và lũ bạn mày cắm lên cọc rào... Nhưng thần Noui Atoua đã rủ lòng thương!

Kai Koumou run lên vì giận dữ, mặt ông ta bùng bùng phần nộ. Rồi ông ta lại nói tiếp:

- Mày nghĩ sao, liệu người Anh có đồng ý đổi mày, trả Tohonga cho chúng tao không?

Glenarvan chăm chú nhìn viên thủ lĩnh, không trả lời ngay

- Tôi không biết, - Cuối cùng ông nói.

- Mày phải trả lời. – Kai Koumou khẳng khái đòi, - liệu mạng mày có xứng đáng với mạng Tohonga của chúng tao không?

- Không. – Glenarvan đáp, - Ở nước tôi, tôi không phải là thủ lĩnh, cũng không phải là tư tế.

Paganel ngạc nhiên trước câu trả lời ấy, sừng sốt nhìn Glenarvan. Kai Koumou dường như cũng ngạc nhiên:

- Nghĩa là, mày còn hoài nghi?

- Tôi không biết.

- Vậy các bạn của mày cũng không đồng ý đổi mày lấy Tohonga của chúng tao?

- Đối mình tôi thì không, nhưng đối tất cả thì đồng ý.

- Người Maori chúng tao có lệ chỉ đổi một lấy một thôi.

- Thế thì tốt hơn cả, ông hãy đề nghị trao đổi tư tế của ông ấy lấy hai người phụ nữ này, - Glenarvan chỉ Helena và Mary.

Helena vùng chạy đến chỗ chồng, nhưng thiếu tá đã kịp giữ lại.

- Hai người phụ nữ này, - Glenarvan nói tiếp kính cẩn cúi đầu trước Helena và Mary, - đều giữ những địa vị cao ở trong nước tôi.

Viên thủ lĩnh lạnh lùng nhìn Glenarvan, một nụ cười độc ác thoáng hiện trên khoé mép. Ông ta lập tức kìm lại ngay và cố nén giận dữ trả lời:

- Mày hy vọng đánh lừa Kai Koumou bằng những lời giả dối của mày sao, hả thằng người Âu đáng nguyên rủa kia? Mày tưởng Kai Koumou không hiểu lòng người sao? – Viên thủ lĩnh chỉ vào Helena nói: - Đây là vợ của mày?

- Không, đây là vợ của ta! – Kara Tété kêu lên và gạt những người bị bắt khác ra, đặt tay lên vai Helena.

Sự đùng chạm ấy làm cho Helena tái mét người đi và khiếp sợ kêu lên:

- Anh Edward!...

Glenarvan lặng lẽ duỗi thẳng tay ra. Một phát súng vang lên. Kara Tété bổ nhào xuống đất, chết.

Nghe tiếng nổ, thổ dân trong các lều ào ra. Đám đông đứng chặt ních cả bãi đất. Hàng trăm cánh tay giơ lên đe dọa những tù binh khốn khổ. Glenarvan bị tước mất khẩu súng lục. Kai Koumou ném về phía ông một cái nhìn lạ lùng, rồi một tay che xác chết, tay kia ông ta giơ lên ngăn đám đông đang định xông vào “bọn người Âu đáng nguyên rủa”.

Sau khi đã dẹp được đám đông, ông ta nói to lên:

- Tabou! Tabou!

Nghe tiếng ấy, đám đông thổ dân đứng lặng đi trước mặt Glenarvan và những người cùng đi với ông, dường như có một sức mạnh siêu nhân nào đó đã ngăn họ lại.

Mấy phút sau, các tù binh được dẫn vào thánh đường dùng làm nơi giam họ. Nhưng, cả Robert và Paganel đều không thấy đâu cả.

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### **Chương 3**

#### **NHỮNG GIỜ CUỐI CÙNG**

Glenarvan và những người cùng đi trải qua một đêm khủng khiếp biết bao. Robert tội nghiệp và Paganel dững cảm thế là mất tích. Hẳn là họ trở thành những người đầu tiên bị hy sinh trong tay những người thổ dân ưa báo thù này rồi. Mọi hy vọng cũng đã tiêu tan nơi Mac Nabbs, một người không dễ gì chịu buồn nản. Còn John Mangles, nhìn cảnh Mary đau khổ, u sầu vì mất đứa em trai, cảm thấy mình như sắp điên lên. Glenarvan nghĩ đến lời yêu cầu thê thảm của Helena muốn được tự tay chồng giết mình để khỏi bị nhục hình và nô lệ. Liệu ông có đủ lòng can đảm đáng sợ để làm việc ấy không?

“ Còn Mary, mình có quyền gì được giết nàng theo yêu cầu của nàng?” – John Mangles nghĩ, trong lòng vô cùng đau đớn.

Việc chạy trốn chắc là không thể được rồi. Mười tên lính vũ trang đến tận rặng đang đứng gác trước cửa thánh đường.

Đã sang sáng ngày 12 tháng 2. Các thổ dân không đến gần những tù binh “Tabou” nữa. Trong thánh đường có vài thức ăn gì đó, nhưng những người bất hạnh chỉ động đến qua loa. Nỗi đau thương đã át cái đói. Một ngày trôi qua, không đem lại sự thay đổi hay niềm hy vọng nào. Chắc là việc chôn cất tên thủ lĩnh bị giết và việc xử tử người đã giết hẳn sẽ diễn ra cùng một lúc.

Glenarvan tin chắc rằng Kai Koumou đã bỏ ý định trao đổi tù binh. Mac Nabbs thì vẫn còn hy vọng mỏng manh về điều ấy.

- Biết thế nào được,- ông ta nói với Glenarvan, biết đâu trong tìm đến Kai Koumou lại không cho rằng chúng ta đã giúp hẳn.

Nhưng, dù Mac Nabbs nghĩ thế nào thì Glenarvan vẫn không muốn tin vào điều gì nữa. Thêm một ngày lại trôi qua, mà không thấy có sự chuẩn bị gì cho việc xử tử cả. Sang ngày thứ ba, cánh cửa phòng giam đã mở. Máy trăm thổ dân, đàn ông, đàn bà, trẻ con tụ tập ngoài sân trại. Họ bình tĩnh và im lặng.



Kai Koumou ra khỏi nhà và bước lên một nền đất cao đáp chính giữa sân. Đám thổ dân đứng thành hình bán nguyệt lui về phía sau một chút. Tất cả im phăng phắc.

Kai Koumou ra hiệu và một người lính đi vào trại giam.

- Anh nhớ nhé! – Huân tước phu nhân Helena nói với chồng.

Glenavan lặng lẽ ôm ghì vợ vào tim mình. Lúc ấy Mary Grant cũng đến bên John Mangles và nói:

- Huân tước và huân tước phu nhân đồng ý với nhau là nếu chồng có thể giết được vợ mình để tránh cho vợ sự nhục nhã, thì chồng chưa cưới cũng có quyền giết vợ chưa cưới, John, trong giờ phút cuối cùng này, lẽ nào em lại không dám nói rằng từ lâu, tận đáy lòng mình anh đã coi em là vợ chưa cưới của anh? Anh John yêu quý, liệu em có thể hy vọng vào anh như huân tước phu nhân Helena hy vọng vào Glenarvan không?

- Mary! – chàng thuyền trưởng trẻ bối rối kêu lên, - Mary, Mary thân yêu!

Chàng chưa nói hết câu, chiếc chiếu đã được vén lên và các tù binh được dẫn đến chỗ Kai Koumou. Hai người phụ nữ đã sẵn sàng chấp nhận cái chết. Những người đàn ông che giấu nỗi khổ tâm dưới cái vẻ bề ngoài bình tĩnh, nói lên sức mạnh siêu phàm của ý chí con người.

Những người tù binh trình diện trước thủ lĩnh New- Zealand. Bản án rất ngắn gọn:

- Mà đã giết Kara Tété? – Viên thủ lĩnh hỏi Glenarvan.

- Phải. – Glenarvan đáp.

- Sớm mai mà sẽ bị giết.

- Một mình tôi?

- Ồ, nếu như mạng sống của Tohonga không quý hơn mạng sống của đồng bọn mà! – Kai Koumou nói với vẻ thương tiếc tàn bạo.

Vừa lúc ấy có một người lính rẽ đám đông bước ra. Kai Koumou nói ngay với anh ta bằng tiếng Anh cốt để cho các tù binh cùng nghe câu chuyện.

- Mà ở trại của bọn Anh mới về?

- Vâng. - người lính đáp.

- Mày có gặp tù binh Tohonga của ta?
- Vâng.
- Ông ấy còn sống?
- Ông ấy chết rồi. Người Anh đã bắn ông ta.

Thế là số phận của Glenarvan và những người cùng đi đã được quyết định.

- Sáng mai, tất cả bọn bây đều sẽ phải chết! – Kai Koumou kêu lên.

Vậy là một sự trừng phạt giống nhau đang đợi những người bất hạnh. Huân tước phu nhân Helena và Mary Grant nhìn lên trời cầu nguyện...Họ được đưa vào nhà giam khi mặt trời lặn sau những sườn núi bên kia hồ Taupo, và sẽ ra khỏi đây lúc sớm mai, khi những tia nắng đầu tiên nhuộm vàng những đỉnh núi ấy.

Đây là đêm cuối cùng của họ trước khi chết. Mặc dù bị kiệt sức, mặc dù trải qua những giờ phút khủng khiếp, họ vẫn cùng ngồi ăn tối với nhau...

- Chúng ta cần có sức để dũng cảm nhìn vào cái chết, - Glenarvan nói, - Cần phải chứng tỏ cho những người dã man này thấy, chúng ta biết chết như thế nào?

Ăn xong, Helena đọc kinh tối. Những người khác cũng làm theo.

Rồi Mary Grant và Helena nằm sát bên nhau trên một chiếc chiếu trong góc nhà giam. Họ cố quên đau khổ, nhắm mắt lại....

Glenarvan kéo những người cùng đi sang một phía, nói:

- Các bạn thân mến, nếu ngày mai phải chết, thì chúng ta sẽ chết như những người dũng cảm, có trời chứng giám cho chúng ta. Chúng ta những mong hướng đến mục đích cao thượng. Dù sao tôi cũng không than tiếc gì. Nhưng nếu chỉ có chúng ta thôi, thì tôi đã có thể hô các bạn “hãy xông vào bọn bất nhân này, rồi tìm cách chạy trốn đi!”. Nhưng còn vợ tôi, còn Mary...

- John Mangles khẽ vén chiếc chiếu lên và bắt đầu đếm số lính canh gác ngoài cửa. Chúng có hai mươi lăm tên. Đứa nằm, đứa ngồi quanh đồng lửa. Nhưng đứa nào cũng chăm chăm nhìn về phía trại giam mà chúng được giao canh giữ.

Nhà giam ấy sát núi và chỉ có một lối vào thông với con đường nhỏ đi ra sân doanh trại. Hai tường bên của nhà giam đều quay về sườn núi dốc đứng, dưới đó là vực sâu hàng trăm mét, không thể xuống được.

Cũng không thể nghĩ đến việc chạy trốn ở phía tường sau, bởi vì bức tường này tựa lưng vào một vách đá rất lớn. Lối thoát duy nhất là cửa ra vào trại, nhưng bọn lính lại đã canh gác chặn đường. Thế ta không thể chạy trốn được. Glenarvan, sau khi nghiên cứu tường trại giam có đến hai mươi lần, buộc phải thừa nhận như vậy.

Trong khi đó, cái đêm đầy đau đớn, giày vò cứ từng giờ, từng giờ nối tiếp trôi qua. Những ngọn núi chìm sâu vào bóng đêm dày đặc. Trên trời không thấy trăng sao. Thảng hoặc vài cơn gió lướt qua thổi bùng trong trại giam và những người tù trong đó - những người bất hạnh đang chìm đắm trong những suy nghĩ trước lúc chết. Căn nhà im lặng như tờ.

Khoảng gần bốn giờ sáng, bỗng có tiếng sột soạt nào đó đầu từ dưới chân tường sau, kề sát vách đá, vẳng đến, khiến thiếu tá chú ý.

Thoạt đầu, Mac Nabbs không quan tâm lắm đến tiếng động ấy. Nhưng, tiếng động vẫn không dứt. Thiếu tá bắt đầu lắng nghe, rồi thấy lạ, ông áp tai xuống đất để nghe cho rõ hơn. Ông thấy như có ai đang đục tường đào đất.

Khi Mac Nabbs tin chắc không bị tai đánh lừa, ông khẽ bước đến chỗ Glenarvan và John Mangles, kéo họ ra khỏi những suy nghĩ đau khổ, dẫn cả hai người đi sâu vào phía trong nhà giam.

- Hãy lắng nghe coi! - Thiếu tá nói thầm, làm hiệu bảo họ cúi xuống.

Tiếng động nghe mỗi lúc một rõ hơn.

- Một con thú đang đào hang. - John Mangles nói.

Glenarvan đột nhiên vỗ vào trán mình:

- Biết đâu đấy! - Ông nói. - nhờ đó là người thì sao?

- Bây giờ đây ta sẽ rõ đấy là người hay là thú, - thiếu tá nói.

Wilson và Oininet cũng đến chỗ họ và cả bốn người cùng đào dưới chân tường. John Mangles dùng dao găm (anh đã nhanh trí lấy được của tên Kara Tété khi hấn bỏ nhào xuống đất), còn những người khác thì dùng đá

cạy dưới đất lên hoặc dùng tay không. Mulrady nằm dài trên nền nhà, vén chiếu quan sát tốp lính thổ dân.

Chúng ngồi bất động bên đống lửa và không hay biết gì việc đang xảy ra cách chúng hai mươi bước.

Chỗ những người tù đang đào là đá túp, có lớp đất xốp phủ trên. Nhờ vậy, mặc dù không có đủ dụng cụ họ vẫn nhanh chóng đào được một cái hố khá sâu. Chẳng bao lâu, đã bắt đầu biết rõ có một hoặc mấy người nào đó đang đào ngạch từ phía bên ngoài vào nhà giam. Họ làm như vậy để làm gì? Họ có biết rằng trong này đang có tù binh không? Hay là có ai đó muốn đột nhập vào đây với mục đích đặc biệt gì?

Những người tù binh cố gắng đào gấp đôi trước. Mặc dù các ngón tay bị bắt máu, nhưng họ vẫn cứ đào và đào, tiếng động từ phía ngoài dội đến mỗi lúc một rõ hơn: có lẽ những người đào chỉ còn cách nhau một lớp đất mỏng. Mấy phút nữa trôi qua, bỗng tay của thiếu tá đụng phải một lưỡi nhọn nào đấy và bị thương. Ông giật tay lại, cố giữ để khỏi bật ra tiếng kêu. John Mangles dùng dao găm của mình hất sang bên cạnh một mũi dao khác vừa thò từ dưới đất lên và nắm ngay lấy bàn tay cầm dao ấy. Đó là tay phụ nữ hay trẻ con không biết, nhưng là tay của một người Âu.

Cả bên trong và bên ngoài không ai nói một lời, rõ ràng là cả hai phía đều tránh tiếng động.

- Có phải Robert đấy không? – Glenarvan nói thầm

Mặc dù Glenarvan nhắc đến cái tên ấy rất khẽ, nhưng Mary Grant vừa bị tiếng động trong nhà giam thức tỉnh đã lén ngay đến chỗ ông, nắm lấy bàn tay dính đầy đất kia, hôn lấy hôn để.

- Em! Em!...- Cô gái thì thào (bởi vì cô không thể nhảm lẫn được).- Em Robert của chị!

- Vâng, chị ơi, em đây! - Tiếng Robert nói.- Em đến cứu mọi người đây, nhưng phải im lặng!

- Thật là một chú bé dũng cảm!...- Glenarvan nhắc lại.

- Hãy coi chừng bọn lính ở cửa, - tiếng chú bé vọng vào, - và đào ngạch rộng thêm ra.

Mulrady, sao giây lát sao lẳng vì chuyện Robert trở về, đã trở lại

ngay vị trí quan sát của mình.

- Mọi việc ổn cả, - anh ta nói, - chỉ có bốn đứa thức, còn lại ngủ hết trơn.

- Hãy dừng cảm lên! – Wilson nói.

Chỉ trong một phút, lỗ đào đã được mở rộng và Robert lần lượt sa vào vòng ôm của chị, rồi của huân tước phu nhân Helena. Chú bé cuốn quanh thắt lưng một sợi dây gai dài.

- Cháu bé, cháu bé của cô, - huân tước phu nhân thăm thì, thế là cháu đã không bị bọn người dã man sát hại!

- Không, cháu không biết thế nào, nhưng trong lúc mọi người náo động, cháu chuồn ngay. Cháu thoát ra khỏi khu vực trại và trốn hai ngày trong bụi cây, đêm mới mò ra. Cháu múôn tìm cách cứu cả đoàn. Trong lúc thổ dân bộ lạc lo liệu chôn cất tên thủ lĩnh bị giết, cháu quan sát khu trại, nơi mọi người bị giam, và thấy cháu có thể đến đó được. Cháu vớ được ở căn nhà vắng một con dao và sợi dây này, rồi leo trèo luồn lách qua các bụi cây, đấm cỏ để đến đây. May sao, tảng đá làm nền xây căn nhà này có một cái hang, từ đó cháu chỉ việc đào thêm vài chục phân đất xộp nữa thôi. Thế là cháu đã gặp lại được tất cả!

Hai chục cái hôm thăm lặng đáp lại lời Robert

- Ta đi thôi! – Chú bé nói, giọng kiên quyết

- Còn Paganel ở dưới đó à? – Glenarvan hỏi.

- Ông Paganel? – Robert ngạc nhiên hỏi lại.

- Ừ. Ông ấy đang đợi chúng ta chứ?

- Không đâu, thưa huân tước, chẳng lẽ ông Paganel lại không ở đây sao?

- Ông ấy không có đây, Robert ạ, - Mary Grant trả lời.

- Cháu không thấy ông ấy à? – Glenarvan hỏi. Vậy không phải hai người cùng chạy với nhau sao?

- Không, thưa huân tước, - chú bé đáp, buồn rầu trước cái tin mất tích Paganel.

- Ta đi thôi! - Thiếu tá nói – Không nên để mất một phút giây nào hết. Dù Paganel ở đâu thì ông ấy cũng không lâm vào tình trạng tồi tệ như

chúng ta ở đây. Ta đi nào!

Quả thực, mỗi phút quý vô cùng. Cần phải chạy trốn mau. May sao, việc chạy trốn không gặp nhiều khó khăn lắm, nếu không kể đến mấy cái mét vách dựng đứng ngay chỗ cửa hang ra. Sau đó, đường xuống chân núi dốc không đứng lắm. Từ đó, những người tù binh có thể mau chóng đi xuống thung lũng. Còn những tên man rợ, nếu phát hiện ta sự trốn chạy của tù binh, muốn đuổi theo phải đi đường vòng xa hơn, bởi vì chúng không biết đường ngách đào từ trại giam ra sườn núi bên ngoài.

Cuộc chạy trốn bắt đầu. Mọi người hành động hết sức thận trọng. Người nọ tiếp theo người kia, những người tù đã chui qua cái ngách hẹp thông ra hang núi, John Mangles, trước khi rời thánh đường, đã xóa tất cả dấu vết đào, rồi sau đó, lấy chiếc chiếu che kín ngách ra. Bây giờ thì đường hào hoàn toàn không thể phát hiện được.

Tiếp đến, phải leo từ trên vách núi dựng đứng xuống. Muốn leo xuống phải có sợi dây bện của Robert mang theo. Sợi dây được gỡ ra, một đầu buộc vào mỏm đá, đầu kia thả xuống dưới.

John Mangles muốn cho các bạn của mình tin chắc vào sợi dây, anh liền thử trước. Sợi dây không được thật bền lắm. Cần phải thận trọng kéo ngã từ trên cao như vậy có thể gây tử thương.

- Sợi dây này chịu được không quá hai người. – John nói, - vì vậy chúng ta sẽ làm như sau: để huân tước và huân tước phu nhân xuống trước. Khi xuống đến chân núi, huân tước giật sợi dây ba lần báo hiệu cho những người khác có thể xuống tiếp.

- Nhưng trước hết, cháu xúông đã, - Robert tuyên bố - Cháu đã tìm được ở dưới đó một cái hõm đá làm chỗ trú cho những người xúông trước.

- Cháu xuống đi, bé cưng của ta! – Glenarvan nói, siết tay Robert.

Chú bé tụt xuống. Một phút sau, có tín hiệu ba lần giật dây cho biết chú bé đã xuống an toàn. Huân tước và huân tước phu nhân lập tức ra khỏi hang. Trời còn tối mù, nhưng những đỉnh núi nhô lên ở phía đông đã bắt đầu hiện lên màu xám.

Cái lạnh đột ngột buổi sớm mai làm cho người thiếu phụ sáng khoái hơn. Đầu tiên là Glenarvan, kế đến là huân tước phu nhân, leo từ trên mỏm

đá xuống sườn núi. Từ đây, Glenarvan dìu vợ đi giật lùi lại xuống mé dưới. Ông rờ những bụi cỏ, lùm cây, thử thấy chắc chắn mới để cho Helena đặt chân lên. Vài chú chim nào đó hoảng hốt bay vụt lên. Những người chạy trốn rừng mình mỗi khi có hòn đá dưới chân lăn ầm ầm xuống tận chân núi.

Hai người đã xuống đến lưng chừng sườn núi, bỗng từ trên hang núi có tiếng John Mangles khẽ nói xuống:

- Dừng lại đã!

Glenarvan một tay bám vào bụi cây, tay kia dìu vợ, đứng lặng tại chỗ.

Wilson ra hiệu báo động cho John biết có một tên lính đã nghe thấy tiếng động lạ và đứng dậy, đi vào nhà giam. Đứng cách nhà giam hai bước, hắn cúi đầu lắng nghe. Hắn đứng như vậy chừng một phút mà Wilson cảm thấy như hàng giờ. Sau đó, hắn hất đầu lên như hiểu ra mình lầm và trở lại chỗ cũ với đồng bọn bên đồng lửa.

- Ổn rồi,- Wilson báo cho John biết.

John ra hiệu cho Glenarvan trèo xuống tiếp. Glenarvan di động một cách thận trọng và chẳng bao lâu ông và Helena đã xuống đến con đường có Robert chờ sẵn ở đó.

Sợi dây lại giật ba lần và sau đó đến lượt John Mangles và Mary Grant đi vào con đường nguy hiểm. Họ cũng đã xuống đến mặt đất một cách nhẹ nhàng và gặp vợ chồng huân tước ở trong hẻm núi mà Robert đã chỉ.

Sau chừng năm phút, tất cả những người chạy trốn may mắn thoát khỏi thánh đường và rời khỏi nơi trú ẩn tạm thời trong hốc đá. Họ đi thật nhanh theo con đường mòn dẫn sâu vào núi, những mong tránh xa nơi người ở để không ai nhìn thấy họ. Họ im lặng lướt đi giữa các bụi cây như những cái bóng. Họ đi đâu? – Đi lang thang, nhưng điều quan trọng là họ đã được tự do.

Gần năm giờ, trời bắt đầu sáng. Những đám mây trôi trên trời cao

đã ngả màu xanh nhạt. Nơi đỉnh núi, sương sớm dần tan. Mặt trời sắp mọc, nhưng không phải để báo hiệu cho một vụ xử tử mà để phát hiện việc chạy trốn của những người bị kết án tử hình.

Bởi vậy, những người chạy trốn cố đi thật xa để bọn lính dã man không đuổi kịp. Nhưng đường dốc, họ đi khá chậm chạp, Glenarvan không phải dắt ngựa, mà đứng hơn là công vợ, Mary Grant thì vịn vào tay John Mangles mà đi. Robert sung sướng hân hoan trước việc làm thành công, đi dẫn đầu đoàn. Hai chàng thủy thủ đi khoá đuôi. Chỉ nửa giờ nữa, từ sau phía chân trời mù sương kia, mặt trời sẽ mọc, thế mà những người chạy trốn cứ phải đi hú hoạ, bởi vì họ không còn có Paganel dẫn đường nữa. Điều này làm cho họ lo âu như có một bóng đen đè lên hạnh phúc của họ. Tuy nhiên, họ vẫn cố gắng đi về phía đông, đón ánh bình minh kỳ diệu vừa ló rạng. Chẳng bao lâu, họ đã ở trên độ cao cách mặt hồ Taupo 150 mét.

Bỗng có tiếng gầm rú khủng khiếp vang lên - lần trong đó là tiếng la hét của hàng trăm cái họng. Tiếng gầm rú từ khu trại vắng đến, nhưng đích xác từ chỗ nào thì Glenarvan không hình dung được. Sương mù dày đặc vẫn còn bao phủ những thung lũng trải dài bên dưới

Những người chạy trốn hiểu rằng việc biến mất của họ đã bị phát hiện.



**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

## **Chương 4**

### **NÚI THIÊNG**

Còn ba mươi mét nữa thì đến đỉnh núi. Điều quan trọng là phải lên được đó để lách sang sườn bên kia, cho bọn Maori khỏi nhìn thấy...

Những tiếng hô hoàn nghe thấy mỗi lúc một gần, và những người chạy trốn cố sức rảo bước. Số lính đuổi theo đã chạy đến chân núi.

- Dừng cảm lên! Cố gắng lên, các bạn! – Glenarvan động viên và tự mình làm gương trước.

Không đầy năm phút, những người chạy trốn đã lên đến đỉnh núi. Từ đây họ nhìn quanh, phân tích tình hình và lựa đường đi để đánh lạc hướng bọn Maori...

Glenarvan ngoảnh nhìn lại phía sau, đầy lo âu. Dưới ánh nắng, sương mù đã tan, ông thấy rất rõ cảnh vật dưới chân núi. Không một hoạt động nào của bọn người Maori lọt qua mắt ông.

Khi những người chạy trốn trèo lên núi thì lính thổ dân cách họ 150 mét.

Glenarvan hiểu rằng không thể nấn ná thêm phút nào nữa. Dù mệt đến đâu họ cũng phải chạy để khỏi sa vào tay những kẻ đang truy đuổi.

- Ta xuống núi mau! – Ông hét lên. – Nhanh nhanh, kéo chúng cắt đường mất.

Nhưng khi hai người phụ nữ kiệt sức, cố lấy hết sức bình sinh để đứng dậy thì Mac Nabbs ngăn họ lại.

- Làm vậy là thừa, Glenarvan, - ông ta nói, - Hãy nhìn kia.

Quả thật trong cách phản ứng của người Maori đã có sự thay đổi khó hiểu. Cuộc tấn công lên núi bỗng nhiên chững lại như làn sóng biển bị núi đá ngăn cản.

Tất cả họ đứng túm tụm dưới chân núi, la hét, huơ tay, vung súng, rìu lên, nhưng không nhích thêm bước nào. Những con chó của họ cũng như mọc rễ xuống đất, sủa điên dại...

Có chuyện gì xảy ra thế? Có sức mạnh vô hình nào kìm chân các thổ dân? Những người chạy trốn thấy vậy mà không hiểu gì cả.

Bỗng John Mangles bật kêu lên. Những người cùng đi nhìn anh ta. Anh ta chỉ chờ họ nhìn lên một pháo đài nhỏ nhô cao trên núi.

- Đó là mộ của thủ lĩnh Kara Tété đấy mà! – Robert nói

- Cháu chắc vậy hả, Robert? – Glenarvan hỏi

- Vâng, thưa huân tước, đúng đó, cháu biết mà.

Chú bé đã không nhầm. Trên đỉnh núi cách chỗ họ mười lăm mét có một hàng rào mới sơn. Glenarvan nhận ra ngay mộ của tên thủ lĩnh nọ. Một sự ngẫu nhiên đã đưa những người vượt ngục lên đỉnh núi Maunganamu này.

Glenarvan và những người cùng đi trèo lên chỗ mộ. Lối vào phần mộ khá rộng được che bằng chiếu. Glenarvan đã định đi vào, nhưng bỗng ông lui ngay ra.

- Trong đó có một thổ dân. – Ông ta nói

- Một tên thổ dân ở khu mộ này à? - Thiếu tá hỏi

- Đúng thế, Mac Nabbs ạ...

- Có sao, ta vào đi.

Glenarvan, thiếu tá, Robert và John Mangles vào bên trong. Đúng là trong đó có một tên Maori mặc chiếc áo tơi dài bị bóng hàng rào che khuất nên không nhìn rõ mặt hắn ta. Hình như hắn ta tỏ ra rất bình tĩnh và đang ăn sáng với vẻ ung dung lắm.

Glenarvan định bắt chuyện thì tên thổ dân đã lịch thiệp nói trước bằng thứ tiếng Anh rất chuẩn:

- Xin mời ngồi, thưa huân tước thân mến! Bữa điểm tâm đang đợi ngài đây!

- Paganel!

Nghe giọng nói của ông, mọi người lao vào khu mộ và bắt đầu ôm hôn nhà địa lý vô cùng quý giá. Paganel tài trí thật! Đây chính là sự đảm bảo cứu nguy cho mọi người! Ai cũng muốn hỏi, muốn biết ông đã làm thế nào và tại sao lại lên được đỉnh núi này. Nhưng Glenarvan đã cắt ngang sự tò mò không đúng lúc ấy bằng một lời gọn lỏn:

- Bọn dã man!

- Bọn dã man! – Paganel nhún vai nhắc lại. – Đó là bọn mà tôi hoàn toàn coi khinh!

- Nhưng chẳng lẽ họ lại không thể...

- Cái bọn dốt nát ấy ư? Ta lại đây xem họ kìa.

Tất cả ra đi theo Paganel. Các thổ dân Maori vẫn đứng yên dưới chân núi và từ xa la hét đe dọa om xòm.

- Cứ la hét đi! Cứ gào thét đi! – Paganel nói. - Bọn bay cứ thử lên núi này coi!

- Nhưng tại sao lại thế nhỉ - Glenarvan thắc mắc.

- Bởi vì rằng thủ lĩnh của họ chôn ở đây, núi này đã yểm bùa “Tabou”!

- Bùa “Tabou”?

- Đúng, các bạn của tôi ạ! Chính vì thế mà tôi đã lên đây như vào một nơi cư ngụ của những người trung cổ.

- Có trời phù hộ cho ông đó! – Huân tước phu nhân thốt lên, khoát tay chỉ lên trời.

- Thật vậy, uy lực thiêng liêng của bùa “Tabou” làm cho những kẻ mê tín dị đoan không dám bén mảng lên đây.

Đó là chưa phải là một lối thoát chắc chắn, nhưng dù sao thì đây cũng là dịp nghỉ ngơi cần thiết cho những người chạy trốn. Glenarvan xúc động quá không nói nên lời. Thiếu tá thì lắc đầu với vẻ hài lòng.

- Còn bây giờ, các bạn của tôi, - Paganel nói, - nếu bọn chúng định thi gan với chúng ta thì chúng nhằm to. Không đầy hai ngày nữa chúng ta sẽ thoát khỏi nơi đây.

- Chúng ta sẽ thoát khỏi đây! – Glenarvan nhắc lại, - Nhưng đi thế nào bây giờ?

- Hiện tôi chưa biết đi như thế nào, nhưng chúng ta phải đi thôi.

Đến đây, mọi người đề nghị nhà địa lý kể về cuộc phiêu lưu của mình.

Khi mọi người đã ngồi quanh hàng rào khu mộ, Paganel đã kể như sau:

- Lúc Kara Tété bị giết, ông cũng như Robert đã lợi dụng cảnh lộn xộn và trốn thoát. Nhưng ông không may mắn như Grant con; ông đã sa vào một làng Maori khác. Viên thủ lĩnh ở đây thân hình cao, gương mặt thông minh, hiểu biết hơn nhiều so với binh lính của ông ta. Ông ta nói tiếng Anh rất đúng.

Thoạt đầu, Paganel không hiểu được rằng liệu mình có bị bắt làm tù binh hay không? Nhưng ngay sau đó khi ông bị tên thủ lĩnh trói và bám sát kè kè thì ông đã hiểu sự thế như thế nào rồi.

Tóm lại là ông đã bị làm tù binh suốt ba ngày rỗng. Tuy nhiên, tình cảnh của ông thuận lợi hơn tình cảnh của những người bạn cùng đi là ông không bị xử tử ngay.

May sao, đêm hôm ấy, Paganel đã khôn khéo cắt đứt được dây trói và trốn thoát. Từ xa ông đã nhìn thấy đám tang của Kara Tété diễn ra như thế nào. Bây giờ ông đã biết trên núi Maunganamu có chôn cất viên thủ lĩnh, do đó núi đã bị ém bùa “Tabou”. Paganel không muốn phải xa rời những người bạn đang bị bắt làm tù binh, nên đã quyết định ẩn náu tại núi. Ông đã thực hiện được ý đồ táo bạo ấy của mình. Đêm qua, ông đã lên được khu mộ của Kara Tété và vừa nghỉ lấy lại sức, ông vừa đợi dịp may nào đó để cứu thoát cho các bạn của mình.

Chuyện của Paganel là như vậy. Mọi người đồng lòng chúc mừng nhà địa lý đã may mắn trốn thoát và cùng nhau chấm dứt chuyện cũ, lo việc hiện tại. Tình cảnh của những người chạy trốn đang còn gay go lắm. Thật vậy, tuy thổ dân Maori không lên núi, nhưng họ trù tính cái đói và cái khát sẽ buộc những người tù binh lại sa vào tay họ. Vấn đề chỉ là ở thời gian, mà dân này thì đủ kiên nhẫn để chờ đợi lâu dài.

Glenarvan không gây cho mình những ảo tưởng, nhưng ông quyết định đợi dịp thuận tiện, mà nếu cần thì tạo ra dịp ấy. Trước hết, ông xem xét tỉ mỉ núi Maunganamu để tìm cách thoát khỏi đây. Bởi vậy, Glenarvan thiếu tá, John Mangles, Robert và Paganel đã tìm hiểu kỹ lưỡng hướng đi và độ dốc của từng lối mòn. Đỉnh núi dài một dặm nối liền với dãy núi Wahiri chạy thấp dần xuống đồng bằng. Đỉnh núi này hẹp và ngoằn ngoèo, là lối duy nhất có thể chạy thoát về ban đêm

Nhưng con đường ấy không phải ít nguy hiểm. Ở phía dưới, đỉnh núi nằm trong tầm súng của lính gác thổ dân, khó ai vượt nổi.

Khi Glenarvan và các bạn của ông đánh liều bước vào đoạn đường nguy hiểm này, lập tức họ bị lính Maori bắn “chào” như mưa. Nhưng, không có viên đạn nào bắn tới cả.

Họ quay lại tiếp tục đi theo các lối mòn lên đỉnh núi, đến mộ của viên thủ lĩnh.

- Anh Edward thân yêu, - Helena nói với chồng khi ông trở về, - Các anh đã thăm dò được gì rồi? Chúng ta có thể hy vọng được hay là đáng lo ngại?

- Có nhiều hy vọng, Helena thân yêu ạ, - Glenarvan đáp - Bọn Maori không dám lên sườn núi và như vậy là chúng ta có đủ thời gian để tìm cách chạy...

- Nào, bây giờ chúng ta đi vào khu mộ! – Paganel vui vẻ nói, - Đây là pháo đài, là nhà ăn, là nơi làm việc của chúng ta. Ở đây không ai quấy rầy chúng ta cả. Thưa quý bà, quý cô, cho phép tôi được tiếp đãi nồng hậu quý bà, quý cô, tại nơi ở tuyệt diệu này.

- Chúng ta sẽ thoát khỏi đây! – Glenarvan nhắc lại, - Nhưng đi thế nào bây giờ?

- Hiện tôi chưa biết đi như thế nào, nhưng chúng ta phải đi thôi.

Đến đây, mọi người đề nghị nhà địa lý kể về cuộc phiêu lưu của mình.

Khi mọi người đã ngồi quanh hàng rào khu mộ, Paganel đã kể như sau:

- Lúc Kara Tété bị giết, ông cũng như Robert đã lợi dụng cảnh lộn xộn và trốn thoát. Nhưng ông không may mắn như Grant con, ông đã sa vào một làng Maori khác. Viên thủ lĩnh ở đây thân hình cao, gương mặt thông minh, hiểu biết hơn nhiều so với binh lính của ông ta. Ông ta nói tiếng Anh rất đúng.

Thoạt đầu, Paganel không hiểu được rằng liệu mình có bị bắt làm tù binh hay không? Nhưng ngay sau đó khi ông bị tên thủ lĩnh trói và bám sát kè kè thì ông đã hiểu sự thế như thế nào rồi.

Tóm lại là ông đã bị làm tù binh suốt ba ngày ròng. Tuy nhiên, tình cảnh của ông thuận lợi hơn tình cảnh của những người bạn cùng đi là ông không bị xử tử ngay.

May sao, đêm hôm ấy, Paganel đã khôn khéo cắt đứt được dây trói và trốn thoát. Từ xa ông đã nhìn thấy đám tang của Kara Tété diễn ra như thế nào. Bây giờ ông đã biết trên núi Maunganamu có chôn cất viên thủ lĩnh, do đó núi đã bị ém bùa “Tabou”. Paganel không muốn phải xa rời những người bạn đang bị bắt làm tù binh, nên đã quyết định ẩn náu tại núi. Ông đã thực hiện được ý đồ táo bạo ấy của mình. Đêm qua, ông đã lên được khu mộ của Kara Tété và vừa nghỉ lấy lại sức, ông vừa đợi dịp may nào đó để cứu thoát cho các bạn của mình.

Chuyện của Paganel là như vậy. Mọi người đồng lòng chúc mừng nhà địa lý đã may mắn trốn thoát và cùng nhau chấm dứt chuyện cũ, lo việc hiện tại. Tình cảnh của những người chạy trốn đang còn gay go lắm. Thật vậy, tuy thổ dân Maori không lên núi, nhưng họ trù tính cái đói và cái khát sẽ buộc những người tù binh lại sa vào tay họ. Vấn đề chỉ là ở thời gian, mà dân này thì đủ kiên nhẫn để chờ đợi lâu dài.

Glenarvan không gây cho mình những ảo tưởng, nhưng ông quyết định đợi dịp thuận tiện, mà nếu cần thì tạo ra dịp ấy. Trước hết, ông xem xét tỉ mỉ núi Maunganamu để tìm cách thoát khỏi đây. Bởi vậy, Glenarvan thiếu tá, John Mangles, Robert và Paganel đã tìm hiểu kỹ lưỡng hướng đi và tốc độ của từng lối mòn. Đỉnh núi dài một dặm nối liền với dãy núi Wahiri chạy thấp dần xuống đồng bằng. Đỉnh núi này hẹp và ngoằn ngoèo, là lối duy nhất có thể chạy thoát về ban đêm.

Nhưng con đường ấy không phải ít nguy hiểm. Ở phía dưới, đỉnh núi nằm trong tầm súng của lính gác thổ dân, khó ai vượt nổi.

Khi Glenarvan và các bạn của ông đánh liều bước vào đoạn đường nguy hiểm này, lập tức họ bị lính Maori bắn “chào” như mua. Nhưng, không có viên đạn nào bắn tới cả.

Họ quay lại tiếp tục đi theo các lối mòn lên đỉnh núi, đến mộ của viên thủ lĩnh.

- Anh Edward thân yêu, - Helena nói với chồng khi ông trở về, - Các

anh đã thăm dò được gì rồi? Chúng ta có thể hy vọng được hay là đáng lo ngại?

- Có nhiều hy vọng, Helana thân yêu ạ, - Glenarvan đáp.- Bọn Maori không dám lên sườn núi và như vậy là chúng ta có đủ thời gian để tìm cách chạy...

- Nào, bây giờ chúng ta đi vào khu mộ! – Paganel vui vẻ nói.- Đây là pháo đài, là nhà ăn, là nơi làm việc của chúng ta. Ở đây không ai quấy rầy chúng ta cả. Thưa quý bà, quý cô, cho phép tôi được tiếp đãi nồng hậu quý bà, quý cô, tại nơi ở tuyệt diệu này.

Mọi người đi theo Paganel. Khi thổ dân trông thấy những người chạy trốn lại xúc phạm đến ngôi mộ thiêng liêng, họ liền bắn súng và la hét âm ỉ hơn. Nhưng may sao, những viên đạn không bay xa được bằng tiếng la hét. Đạn chỉ đến lưng chừng núi, còn những tiếng la hét thì bật đi tận trên trời cao.

Huân tước phu nhân, Mary và những người cùng đi tin chắc rằng sự mê tín của thổ dân Maori còn vượt quá sự tàn bạo của họ, nên cứ thản nhiên đi vào khu mộ.

Phần mộ của viên thủ lĩnh New- Zealand được bảo vệ bằng một hàng rào. Những hình vẽ có tính chất tượng trưng, những vết xâm trên cây chứng tỏ cho mọi người biết địa vị cao và công trạng của người đã mất. Bên trong hàng rào, mặt đất được trải bằng một thảm lá xanh. Ở chính giữa là một mô đất nhô cao trên năm mộ mới.

Trên mộ còn để cả súng và riệu, đầy đủ đạn và thuốc súng sẵn cho cả “một đời người” nơi chín suối!

- Kho vũ khí này để ta sử dụng có lợi hơn là người chết! – Paganel nói, - Ở đây lại có cả nước uống và lương thực khá nhiều nữa.

Họ lấy vũ khí và lương thực mang theo.

**Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

**Chương 5**

**GIỮA HAI LẦN ĐẠN**

Đêm tối đã phù hộ cho những người chạy trốn. Họ lợi dụng ban đêm để thoát ra khỏi bờ hồ Taupo. Paganel dẫn họ đi theo những lối mòn hiện ra lờ mờ trong đêm.

Cứ thế họ thoát ra khỏi khu mộ và mãi miết đi cho tới sáng. Nghỉ ngơi đôi chút rồi họ lại nhắm hướng đông tiến tới. Mãi ngày 23 tháng 2, những người thám hiểm mới đi cách núi Maunganamu được năm mươi dặm và đến chân một ngọn núi không tên. Chung quanh núi trải rộng những cánh đồng bằng và xa tận chân trời, lại thấy xuất hiện những rừng lớn, hạ trại dưới chân núi Ikirangi cao chừng một ngàn sáu trăm bảy mươi mét.

Từ núi Maunganamu đến đây, chặng đường đã đi được khoảng một trăm dặm, tới vùng duyên hải còn chừng ba mươi dặm nữa. Khi John Mangles hy vọng kết thúc chặng đường này, chàng vẫn chưa hình dung nổi đường đi khó khăn tới mức nào.

Hoá ra những chặng đường đi vòng, những chướng ngại khác nhau và việc xác định sai toạ độ đã kéo dài hành trình thêm một phần đường nữa. Và các nhà thám hiểm đã đến được núi Ikitangi trong trạng thái hoàn toàn kiệt sức.

Muốn ra tới vùng duyên hải còn phải vượt hai ngày đường căng thẳng. Hai ngày liền họ vừa đi vừa phải chặt, phát những cây leo chằng chịt vào nhau để mở lối. Đó là thứ cây mà Paganel lấy làm thích thú xếp vào loại thực động vật Zoofyle.

Trên những cánh đồng này không thể săn bắn được gì. Lương thực,



thực phẩm đã cạn mà không có gì bổ sung thêm. Nước đã hết, mà càng mệt lại càng khát. Họ phải trải qua những sự giày vò khủng khiếp và lần đầu tiên họ thấy gần như “lực bất tòng tâm”!

Cuối cùng không bước được nữa, các nhà thám hiểm chỉ còn biết lết đi theo bản năng và họ cũng đến được bờ biển. Bỗng nhiên, cách họ một dặm, xuất hiện một tốp thổ dân. Chúng vừa đuổi theo vừa vung vũ khí lên. Không còn biết chạy đi đâu nữa, đằng trước là biển rồi, Glenarvan đã định dồn hết sức còn lại ra lệnh tự vệ, thì John Mangles kêu to:

- Có thuyền! Có thuyền kìa!

Đúng là trên bờ cát phẳng, cách những người chạy trốn hai mươi bước, có một chiếc thuyền với sáu mái chèo đã được kéo lên bờ. Việc đẩy thuyền xuống nước, nhảy lên và bơi khỏi bờ, chỉ mãi một phút, John Mangles, Mac Nabbs, Wilson và Mulrady ngồi bơi, Glenarvan lái, hai người phụ nữ, Olbinett, Paganel và Ribert ngồi phía sau thuyền. Sau mười phút, chiếc thuyền đã ra khỏi bờ một phần tư dặm. Biển lúc đó lặng êm.

John không muốn bơi quá xa, nên đã ra lệnh bơi dọc theo bờ. Bỗng mái chèo của anh chững lại. Từ sau mũi Lottin xuất hiện ba chiếc thuyền khác, đó là những chiếc thuyền của thổ dân đuổi theo họ.

- Ra khơi! Ra khơi! – Viên thuyền trưởng trẻ hô to.

Thà chết ngoài biển khơi còn hơn. Bốn người gò mình chèo và chiếc thuyền lướt ra khơi. Nửa giờ sau, khoảng cách giữa họ và những thổ dân truy bắt không rút ngắn lại, nhưng những người chạy trốn bất hạnh đã kiệt sức, yếu đi và thuyền của đối phương đang xấp lại gần. Khoảng cách giữa họ còn không đầy hai hải lý. Như vậy, chắc chắn các thổ dân sẽ tấn công. Kìa, chúng đã giương những khẩu súng dài ngắm bắn! Còn Glenarvan thì sao? Ông đứng trên mạn lái nhìn về phía chân trời với niềm hy vọng mãnh liệt vào một cái gì đấy... Ông trông đợi điều gì? Ông muốn

gì? Hay là ông đã linh cảm thấy một điều gì?

Bỗng mắt ông ngời lên, tay đưa về phía trước, chỉ vào một cái gì đó ở đằng xa.

- Tàu! – Ông kêu to. – Tàu kia, các bạn của tôi ơi! Hãy chèo đi! Chèo mạnh lên!

Không có ai trong số bốn tay chèo ngoái lại để nhìn con tàu xuất hiện đột ngột ấy! Không thể bỏ lỡ một nhịp chèo nào được. Chỉ riêng có Paganel đứng dậy, hướng ống nhòm về phía Glenarvan chỉ.

- Đúng! – Nhà địa lý nói, - Đằng ấy có chiếc tàu. Tàu chạy bằng hơi nước, đang mở hết tốc lực! Chạy về phía chúng ta! Nào, gắng lên một chút nữa thôi, các bạn của tôi ơi!

Những người chạy trốn với nghị lực mới gò mình chèo thuyền, thêm nửa giờ nữa, họ không chịu để cho số thổ dân đuổi sát gần. Con tàu đã hiện lên mỗi lúc một rõ hơn. Kia, đã nhìn thấy hai cột buồm của nó với những cánh buồm được hạ xuống và những cụm khói đen dày đặc.

Glenarvan chuyển tay lái cho Robert, chộp chiếc ống nhòm của Paganel và chăm chú theo dõi theo từng chuyển động của con tàu.

Nhưng, John Mangles và tất cả mọi người ngạc nhiên biết bao, khi thấy nét mặt của Glenarvan méo xệch đi, người nhợt ra và chiếc ống nhòm đã tuột khỏi tay ông. Chỉ cần một lời giải thích sự biến đổi đột ngột ấy mà thôi.

- “Duncan”! – Glenarvan gần như hét lên. – “Duncan” và bọn tội phạm!

- “Duncan” – John Mangles cũng kêu lên, buông tay chèo và đứng dậy.

- Thôi chết rồi!...Thần chết đã rình đón chúng ta ở cả hai phía...- Glenarvan nói đầy thất vọng.

Đó đúng là chiếc tàu buồm của họ, không có điều gì phải nghi ngờ nữa. Chiếc tàu của họ, và bọn cướp biển! Thiếu tá buông ra một lời nguyền

rũa. Số phận mới trở trêu làm sao! Chiếc thuyền biết lái đi đâu? Chạy đi đâu? Đẳng nào lợi hơn! Sa vào tay thổ dân hay là bọn tội phạm? Chiếc thuyền của thổ dân đã đến gần. Một phát súng vang lên, đạn trúng vào mái chèo của Wilson. Mấy tay chèo vẫn đẩy thuyền hướng về phía “Duncan”. Chiếc tàu buồm vẫn chạy hết tốc lực. Chỉ còn cách thuyền vên vện nửa hải lý nữa thôi.

Mọi con đường đều đã bị cắt đứt. John Mangles không biết bơi thuyền đi đâu nữa. Hai người phụ nữ vô cùng khiếp sợ, quỳ sụp xuống và bắt đầu cầu nguyện. Bỗng trên chiếc tàu buồm găm lên một tiếng súng và viên đạn đại bác vèo vèo bay qua đầu những người chạy trốn. Ở giữa hai làn đạn, họ lặng người đi, John Mangles, sau khi hoàn hồn, đã cầm lấy chiếc rìu. Anh định bổ vỡ thuyền cho nó đắm cùng với tất cả mọi người, nhưng Robert ngăn lại.

- Tom Austin! Tom Austin! – Chú bé gào to. – Chú ấy ở trên boong tàu! Cháu nhìn thấy chú ấy rồi! Chú ấy nhận ra chúng ta rồi! Chú ấy đang vẫy mũ kìa!

Chiếc rìu của John vừa vung lên liền dừng phắt ngay lại. Viên đại bác thứ hai rít qua đầu họ, rơi trúng chiếc thuyền thổ dân gần nhất, phá vỡ nó làm đôi. Trên tàu “Duncan” vang lên tiếng hoan hô. Các thổ dân hoảng sợ quay thuyền lại, bơi thực mạng vào bờ.

- Lại đây! Lại đây, Tom! – John Mangles lớn tiếng gọi.

Mấy phút sau, những người chạy trốn đã được an toàn trên tàu “Duncan”, mặc dù chưa hiểu rõ chuyện gì đã xảy ra.

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 6

“Báo Australian và New Zealand”

Tối ngày ba tháng giêng, đoàn thám hiểm ra khỏi rừng và họ thấy trước mặt lối nhỏ những ngôi nhà.

- Seymour, - Paganel thốt lên - Đó là phố thị cuối cùng của tỉnh Victoria mà chúng ta đi ngang qua.

Đây có phải là thành phố không? – Huân tước phu nhân Helena tò mò hỏi.

- Đây mới chỉ là một thị trấn, thưa phu nhân, - Paganel đáp – Cái thị trấn này đang được xây dựng thành một thành phố.

- Liệu ta có tìm được một khách sạn tử tế không? – Glenarvan hỏi.

- Tôi tin là được, - nhà địa lý trả lời.

- Vậy thì ta đi vào Seymour, tôi nghĩ rằng hai phụ nữ của chúng ta sẽ vui lòng nghỉ đêm ở đó.

- Em và Mary đồng ý, anh Edward thân yêu ạ! – Helena nói. – Nhưng với điều kiện không gây phiền toái và chậm trễ...

- Không đâu, - Glenarvan nói. - Vả lại những con bò của chúng ta cũng cần phải được nghỉ ngơi. Sáng sớm mai chúng ta lại lên đường.

Chín giờ tối. Trăng đã ngã về phía chân trời. Ánh trăng xiên chìm trong sương mù. Bóng tối dày đặc hơn. Một tốp nhà thám hiểm do Paganel dẫn đầu đi vào các đường phố lớn của Seymour. Nhà địa lý dường như bao giờ cũng biết rất rõ những điều mà ông ta chưa hề thấy. Chẳng hạn, theo linh tính, ông đã dẫn những người cùng đi đến thẳng khách sạn North British.

Ngựa và bò được đưa vào chuồng, cỗ xe kéo thì đưa vào nhà.

Còn các nhà thám hiểm thì ở trong các căn phòng khá đủ tiện nghi. Mười giờ, họ ăn cơm tối...

Thiếu tá tuy không ra phố, thậm chí không bước ra khỏi cửa khách sạn, nhưng cũng cảm thấy rằng người dân ở đây đang lo sợ điều gì đó. Sau khi nói chuyện mười phút với ông Dickson, chủ khách sạn, thiếu tá đã biết được chuyện gì xảy ra, nhưng ông không nói với ai.

Mãi đến khi ăn cơm tối xong, huân tước phu nhân Helena, Mary và Robert về phòng nghỉ rồi, thiếu tá mới giữ những người khác lại, nói với họ:

- Người ta đã biết thủ phạm gây ra tai nạn trên đường sắt Sandhurst.
- Bọn chúng bị bắt rồi chứ? – Ayrton hỏi ngay.
- Chưa, - Mac Nabbs đáp, dường như không để ý đến sự sốt sắng của viên hoa tiêu.
- Vậy thì đỡ quá, - Ayrton nhận xét.
- Thế người ta có nêu tên bọn chúng không? – Glenarvan hỏi:
- Đây, xin mời đọc, - thiếu tá nói và đưa cho Glenarvan tờ “Báo Australian và New-Zealand”, - và chú sẽ thấy viên thanh tra trưởng quả đã không nhầm.

Glenarvan đọc to:

“Sydney, mồng 2 tháng Giêng năm 1865 (1). Bạn đọc chúng ta còn nhớ, đêm 29 rạng ngày 30 tháng 12, tai nạn xe lửa đã xảy ra ở cầu Camden, cách ga Castlemaine năm dặm, trên đường xe lửa Mellbourne-Sandhurst. Chuyến tàu tốc hành khởi hành từ Mellbourne lúc 11 giờ 45 phút tối, đang chạy hết tốc lực thì bị lao xuống sông Lutton. Khi tàu chạy qua thì nhịp cầu quay Camden để ngỏ. Rất nhiều vụ cướp xảy ra sau tai nạn này. Đồng thời xác của nhân viên gác đường sắt được tìm thấy ở chỗ cách cầu Camden nửa dặm đã chứng tỏ rằng tai nạn xảy ra là hậu quả của một âm mưu tội ác. Thực vậy, việc điều tra cho thấy vụ này là do bàn tay của một bọn tù khổ sai đã trốn khỏi trại cải huấn Perth ở miền tây Australie nửa năm trước đây, khi bọn chúng sắp bị đưa ra đảo Norfolk (2). Bọn cướp có hai mươi chín tên. Tên trùm cướp không ai khác, mà chính là Ben Joyce, một tên tội phạm nguy hiểm nhất. Mấy tháng trước đây, hắn đã đến Australie trên một chiếc tàu thủy, và từ đó đến nay vẫn qua mặt cảnh sát.

Chúng tôi yêu cầu dân cư các thành thị, những người di cư hãy cảnh giác đề phòng, cũng như kịp thời báo cho thanh tra trưởng biết những tin tức tài liệu có thể giúp cho việc truy lùng bọn tội phạm.. Thanh tra trưởng Đ.P. Mitchell”.

Khi Glenarvan đọc xong bản thông báo ấy. Mac Nabbs quay sang nói với nhà địa lý:

- Ông thấy không, Paganel, ở Australie vẫn có thể có những tù khổ sai.

- Bọn vượt ngục, điều ấy khỏi nói làm gì, chúng sống ngoài vòng pháp luật, không có quyền cư trú ở đây.

- Vậy nhưng bọn chúng vẫn tồn tại, - Glenarvan nhận xét. – Tôi cho rằng sự có mặt của chúng không thể làm thay đổi kế hoạch của chúng ta và làm gián đoạn cuộc thám hiểm. Anh nghĩ thế nào về việc này, John? John Mangles không trả lời ngay, chàng thuyền trưởng trẻ lưỡng lự: một mặt hiểu Mary và Robert sẽ đau khổ biết chừng nào nếu cuộc tìm kiếm người cha bị ngưng lại, nhưng mặt khác, anh ta lại sợ nguy hiểm cho đoàn.

- Nếu như không có huân tước phu nhân và cô Mary thì tôi không lo ngại gì về bọn bất nhân ấy. - Cuối cùng anh ta nói.

Glenarvan hiểu anh ta và nói thêm:

- Rõ ràng là không thể nói chuyện khước từ trách nhiệm mà chúng ta đã đảm nhận, nhưng xét vì trong đoàn có phụ nữ, nên tốt nhất là bây giờ chúng ta trở lại Melbourne, từ đó đáp tàu “Duncan” đi về vùng duyên hải phía đông và tìm kiếm Harry Grant ở đó. Ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs?

- Trước khi phát biểu, - thiếu tá nói, - tôi muốn biết ý kiến của Ayrton đã.

Viên hoa tiêu đưa mắt nhìn Glenarvan, rồi đáp:

- Chúng ta đang ở cách Melbourne hai trăm dặm, nên tôi thấy rằng, nếu thực sự có nguy hiểm thì không phải đường phía nam ít bị đe dọa nguy hiểm hơn đường phía đông đâu. Cả hai đường đều khá vắng vẻ, tòi tệ như nhau cả. Và lại, tôi không nghĩ rằng ba chục tên hung thủ lại có thể đáng sợ đối với tám con người dũng cảm và có súng ống đầy đủ. Nói tóm lại, theo tôi, nếu không có đề nghị nào hay hơn thì cứ nên tiếp tục tiến bước.

- Ông Ayrton nói đúng. – Paganel đồng ý. - Tiếp tục cuộc hành trình của mình thì ta mới có thể dò ra dấu tích của thuyền trưởng Grant, còn quay về phía nam thì, ngược lại, sẽ càng ngày càng mất đi khả năng ấy. Tôi cũng nghĩ như ông Ayrton rằng một người dũng cảm thì không sợ những tên tù vượt ngục.

- Còn một ý kiến nữa, thưa huân tước, - viên hoa tiêu nói khi mọi người sắp giải tán...

- Cứ nói đi, ông Ayrton.

- Có lẽ đã đến lúc phát lệnh cho “Duncan” bám dọc theo bờ biển chẳng?

- Để làm gì? – John Mangles can thiệp vào. – Khi nào chúng ta đi đến Twofold – Bay, lúc đó mới cần ra lệnh, nếu không, nhờ vì lý do nào đấy buộc chúng ta phải đi Melbourne thì ta lại hối tiếc vì “Duncan” đâu còn ở đó nữa. Vả lại, có lẽ tàu vẫn chưa sửa xong. Tôi cho rằng tốt nhất là hãy cứ đợi đã.

- Thôi đành vậy, - Ayrton đồng ý rút lui ý kiến của mình.

Ngày hôm sau, đoàn thám hiểm rời Seymour, súng ống được chôn chĩnh lại để sẵn sàng đối phó với những điều bất trắc xảy ra.

(1) Bản tiếng Pháp in là 1866 (N.Đ)

(2) Đảo Norfolk nằm ở phía đông Australie giam những phạm nhân không chịu cải huấn (ghi chú của tác giả).

## Jules Verne

### Những đứa con của thuyền trưởng Grant

#### Chương 7

#### Kết cục đột ngột

Thật là một đêm khủng khiếp đã trôi qua. Hai giờ, trời đổ mưa như trút nước đến tận sáng. Chiếc xe kéo bị sa lầy, nên đoàn thám hiểm phải nghỉ lại giữa rừng. Chiếc lều không đủ sức che mưa, Glenarvan và những người cùng đi phải vào trú trong xe. Không ai ngủ được mọi người kháo nhau đủ chuyện. Riêng thiếu tá chỉ im lặng ngồi nghe. Trận mưa rào dữ dội vẫn chưa ngớt. Ayrton và John Mangles sợ chiếc xe sa lầy bị ngập nước, nên chốc chốc lại đi xem mực nước sông. Khi về, ai nấy ướt như chuột lột.

Cuối cùng, trời sáng. Mưa tạnh, nhưng những tia nắng chưa thể xuyên thủng những làn mây đen dày đặc. Chung quanh toàn thấy những vũng nước lớn vàng khè.

Glenarvan quyết định trước hết phải kiểm tra lại cỗ xe. Hai bánh trước gần như bị ngập lút dưới bùn, còn hai bánh sau thì bị lút tới trục. Kéo cả cỗ xe lên khỏi hố lầy là một việc không dễ dàng, dù cho có dùng cả sức người, sức bò và ngựa!

- Dẫu sao cũng phải khẩn trương kéo lên. Nếu không, khi đất sét bắt đầu khô thì lại càng khó kéo hơn, - Harry Grant nhận xét.

- Ta nhanh tay nào, - Ayrton lên tiếng.

Glenarvan, hai người thuỷ thủ, John Mangles và Ayrton vào rừng tìm đàn bò và ngựa mà họ buộc tối hôm qua.

Mọi người bố đi tìm khắp rừng, nhưng chỉ uổng công, Ayrton rất đổi kinh hoàng trở lại bờ sông Snowy. Anh ta bắt đầu lớn tiếng gọi những con bò theo cách thông thường ở trang trại, nhưng cũng không thấy chúng đâu. Viên hoa tiêu tỏ ra hết sức hoảng hốt, những người trong đoàn thất sắc nhìn nhau.

Cứ thế, cuộc tìm kiếm kéo dài cả giờ, Glenarvan đã định trở lại chỗ xe đậu ở cách đó chừng hơn một dặm bỗng ông nghe có tiếng ngựa hí và sau đó gần như cùng một lúc là tiếng bò rống.



- Đây rồi! – John Mangles kêu lên, rồi lách qua những bụi cây rậm rạp có thể che khuất cả đàn súc vật.

Glenarvan, Mulradi và Ayrton lao ngay đến chỗ chúng và lặng điếng người đi, những con bò và ngựa nằm lăn ra chết, xác đã cứng đờ. Bầy quạ đói nháo nhác quanh cả bụi cây mắc cỡ đợi dịp nhào xuống rĩa mồi.

(Hình vẽ trang 168)

Glenarvan và những người cùng đi đưa mắt nhìn nhau. Wilson buông lời não nuột:

- Biết làm sao bây giờ!

- Ayrton, ông dẫn con bò và con ngựa còn sống đi. – Glenarvan cố dẫn lòng nói. – Bây giờ hai con này đây sẽ cứu giúp chúng ta đó.

- Giá chiếc xe không bị sa lầy, - John Manglé nói, thì cứ đi từng chặng, từng chặng một, chúng cũng kéo được xe tới biển đấy. Bây giờ phải bằng mọi cách trục xe lên mới được.

- Ta sẽ thử xem, John, - Glenarvan đáp, - Còn bây giờ hãy quay về đã. Có lẽ mọi người ở đó đang sốt ruột đợi, vì ta đi lâu quá rồi.

Ayrton tháo dây buộc bò, còn Mulradi thì tháo dây buộc ngựa, rồi tất cả cùng đi cặp theo bờ sông về trại.

Nửa giờ sau, Paganel, Mac Nabbs, huân tước phu nhân và cô Mary đã được biết đầy đủ chuyện gì xảy ra.

- Tiếc quá đấy, ông Ayrton ạ. Hôm đi qua sông Wimerra ta đã không đóng móng cho tất cả mấy con ngựa, - không tìm được nữa, thiếu tá nói với viên hoa tiêu.

- Vì sao vậy, thưa ông?

- Vì rằng, trong tất cả những con ngựa của ta chỉ có mỗi một con đã được thợ rèn của ông đóng móng là con sống sót mà thôi.

- Hoàn toàn đúng thế! – John Mangles khẳng định. - Thật là một sự ngẫu nhiên lạ lùng!

- Đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi. – viên hoa tiêu đáp, nhìn thiếu tá trừng trừng.

Mac Nabbs cắn chặt môi, tựa hồ như muốn kìm lại những điều sắp bật ra khỏi miệng, Glenarvan, John, Helena có vẻ như chờ đợi thiếu tá nói hết ý

của mình ra, nhưng ông đã lạng lẽ đi đến chỗ chiếc xe mà Ayrton vừa xem xét xong.

- Thiếu tá muốn nói gì vậy? – Glenarvan hỏi John Manglé.

- Tôi không biết, thưa huân tước, nhưng thiếu tá không phải là người nói thừa.

- Tất nhiên rồi, John, - Helena nói, - Mac Nabbs có vẻ nghi ngờ Ayrton điều gì đó.

- Nghi ngờ à? – Paganel nhún vai trả lời.

- Nhưng nghi ngờ cái gì chứ - Glenarvan ngạc nhiên. – Không có lẽ thiếu tá cho Ayrton là người giết ngựa và bò của chúng ta chẳng? Để nhằm mục đích gì?

- Anh nói đúng, Edward thân yêu ạ, - Helena nói, - Vả lại, ngay từ lúc đầu, viên hoa tiêu đã tỏ ra rất trung thành với chúng ta kia mà.

- Vậy không nghi ngờ, - John Mangles khẳng định. - Thế thì những lời thiếu tá nói có ý nghĩa gì, tôi muốn hiểu điều đó.

- Hay là thiếu tá cho anh ta là kẻ đồng loã với bọn tù khổ sai nọ, - Paganel bộp chộp nói...

Trong lúc ấy, Ayrton và hai thủy thủ cố gắng kéo cỗ xe ra khỏi vùng lầy. Con bò và con ngựa được đóng vào xe thành đôi cố sức kéo, tưởng như các dây kéo sắp bị đứt, và cái ách sắp bị gãy tung ra. Wilson và Mulradi cố bắt bánh xe, còn viên hoa tiêu thì quật, đánh và thúc hai con vật. Cỗ xe nặng vẫn không nhúc nhích. Đất sét đã kịp khô bám chặt lấy bánh xe như xi măng vậy. John Mangles ra lệnh lấy nước đổ vào đất sét cho nhão ra - Uống công: cỗ xe sa lầy vẫn đứng ì. Sau những cố gắng mới không có kết quả, cả người và vật đều ngừng lại. Không biết làm gì được nữa, chẳng lẽ tháo tung cỗ xe ra. Mà cũng không có dụng cụ, nên không thể làm như vậy được.

Một mình Ayrton vận cố tìm mọi cách để khắc phục trở ngại. Anh ta định đưa ra một kế mới, nhưng Glenarvan đã ngăn lại:

- Thôi Ayrton, thôi! Chúng ta phải bảo vệ con bò và con ngựa còn lại này. Nếu cần phải đi bộ để tiếp tục cuộc hành trình thì một trong hai con ấy để cho Helena và Mary cưỡi, còn con kia chở lương thực. Cả hai con vật

vẫn còn giúp ích cho chúng ta.

- Hay đấy, thưa huân tước! – Viên hoa tiêu đáp và bắt đầu tháo ách những con vật kiệt sức ấy ra khỏi xe.

- Còn bây giờ, các bạn của tôi, - Glenarvan nói tiếp, chúng ta trở vào lều bàn bạc tình hình, cân nhắc xem phải làm gì, rồi sẽ quyết định.

Các nhà thám hiểm sau một đêm vất vả đã được ăn bữa sáng khá tươi tắn để lấy lại sức, rồi bắt đầu bàn việc.

Tất cả mọi người đều nói lên ý kiến của mình và nhất trí tiếp tục cuộc hành trình về phía vịnh Twofold – Bay càng sớm càng tốt, Helena và Mary sẵn sàng đi bộ năm dặm mỗi ngày.

- Helena yêu quý, em thật sự là người bạn tin cậy của anh trong cuộc hành trình, - Glenarvan nói với vợ. – Nhưng liệu chúng ta có tin chắc được rằng đến vịnh ấy sẽ xoay sở được những thứ cần thiết không?

- Không nghi ngờ gì cả, - Paganel nói, - Eden không phải là thành phố mới xây dựng ngày hôm qua, giữa cảng của nó với Melbourne nhất định phải thường xuyên có tàu bè qua lại. Nhưng tôi nghĩ, đến Delegete cách đây 35 dặm chúng ta sẽ có thể không những dự trữ lương thực mà còn tìm được phương tiện đi lại nữa.

- Còn “Ducan” thì sao? – Ayrton hỏi. – Huân tước không thấy bây giờ ra lệnh cho tàu đến Twofold – Bay là đúng lúc rồi sao?

- Ý kiến anh thế nào, John? – Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước, tôi thấy không nên vội vã chuyện này. – John trả lời sau khi đã nghĩ kỹ, - Huân tước có thể ra lệnh cho Tom Austin đến vùng duyên hải lúc nào cũng kịp ạ.

- Hoàn toàn đúng thế - Paganel nói thêm vào.

- Huân tước cứ suy nghĩ đi, - John Mangles nói tiếp, - vì chỉ bốn, năm ngày nữa là chúng ta sẽ có mặt ở Eden rồi.

- Bốn, năm ngày! – Ayrton nhắc lại, lắc đầu. – Không đâu, thuyền trưởng ạ. Ông hãy thêm vào đó độ mười lăm ngày nữa, vị chi là hai mươi ngày, kéo rồi sau đó các ông lại phải ân hận.

- Mười lăm hoặc hai mươi ngày mới đi được bảy mươi dặm thôi ư? – Glenarvan ngạc nhiên.

- Không ít hơn đâu, thưa huân tước. Bởi vì phía trước là vùng căn cõi nhất của tỉnh Victoria, nhiều nơi hoang vắng không có lấy một trang trại nào, chỉ thấy toàn những bụi cây dại mọc, không có đường sá. Phải vừa đi, vừa cầm rìu hay dao mà phá, vì vậy các ông hãy tin rằng không thể đi nhanh hơn được đâu.

Ayrton nói tất cả những điều ấy bằng một giọng đầy tự tin. Mọi người nhìn Paganel vẻ dò hỏi. Nhà địa lý gật đầu khẳng định lời viên hoa tiêu.

- Cứ cho là vậy đi! – John Mangles nói, - biết làm sao được. Mười lăm ngày nữa huân tước gửi lệnh cho “Ducan” cũng vẫn kịp.

- Cần nói thêm là, - Ayrton tiếp lời, - đường khó đi vẫn chưa phải là điều chủ yếu. Mà còn phải vượt qua sông Snowy nữa. Lại phải đợi nước rút mới đi được.

- Đợi nữa? - Thuyền trưởng trẻ ngạc nhiên. - Thế không có chỗ nào nước nông sao?

- Hoàn toàn không, - Ayrton đáp, - Sáng nay tôi đã thử dò chỗ nông, nhưng chẳng hy vọng gì.

- Vậy là con sông Snowy này rộng lắm phải không? – Huân tước phu nhân Helena hỏi.

- Rộng mà sâu nữa, thưa phu nhân, - Ayrton đáp. – Nó rộng đến một dặm, nước lại chảy xiết. Đến tay bơi giỏi cũng không thể liềm lĩnh bơi qua được đâu.

- Vậy thì có sao – Robert kêu lên, không hề bối rối. – Ta chặt cây làm bè mà đi. Thế là xong.

- Con trai thuyền trưởng Grant khá lắm! – Paganel khen ngợi.

- Robert nói đúng, - John lên tiếng. – Ta không còn cách nào khác nữa. Tôi cho rằng không nên mất thì giờ tranh luận vô ích.

- Ayrton, ý kiến của ông thế nào? – Glenarvan quay sang hỏi viên hoa tiêu.

- Thưa huân tước, tôi sợ rằng nếu không có chi viện kịp thời thì có khi ta còn phải chờ đợi ở sông Snowy này cả tháng nữa đó.

- Thế anh có cách gì khác tốt hơn không? – John Mangles hỏi, giọng hời hợt bội

- Ôi chào, lại “Ducan”! Vậy ông hãy cho tôi biết vì sao nếu “Ducan” đến Twofold – Bay thì chúng ta đi đến đó sẽ đỡ vất vả hơn?

Ayrton suy nghĩ một lát, rồi nói khá quanh co:

- Tôi không thể ép buộc thực hiện ý kiến của mình. Tôi chỉ muốn vì lợi ích chung và sẵn sàng đi tiếp theo lệnh của huân tước. – Nói xong, anh ta khoanh chéo tay trước ngực.

- Đó không phải là câu trả lời, ông Ayrton! – Glenarvan nói, - Ông hãy cho biết kế hoạch của mình và chúng ta sẽ cùng nhau bàn... Ông tính thế nào?

- Tôi cho rằng trong tình cảnh nguy khốn của ta thì không nên mạo hiểm rời khỏi sông Snowy. – Ayrton nói bằng một giọng bình tĩnh, tự tin. – Chúng ta cần phải ở lại đây chờ chi viện. Mà chỉ có “Ducan” mới chi viện được thôi. Chúng ta dừng lại ở đây và cử một người mang lệnh cho Tom Austin đưa tàu đến Twofold-Bay.

Mọi người hơi ngạc nhiên trước đề nghị bất ngờ này, còn John Mangles thì rõ ràng là không đồng tình.

- Trong thời gian đó, - viên hoa tiêu nói tiếp, - nếu nước sông rút thì chúng ta sẽ lội qua hoặc là sẽ làm thuyền bơi qua. Đó là kế hoạch mà tôi đề nghị, thưa huân tước.

- Tốt lắm Ayrton ạ, - Glenarvan đáp, - ý kiến của ông đáng được bàn một cách nghiêm túc... Nhược điểm chủ yếu của ý kiến này là nếu làm như vậy thì chúng ta sẽ mất nhiều thời gian. Nhưng lại bớt phải tiêu hao sức lực, mà cũng có thể tránh được những nguy hiểm trước mắt. Các bạn, ai có ý kiến gì không?

- Thế ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs thân mến? – Helena hỏi thiếu tá. - Từ đầu đến giờ bác chỉ nghe mà chưa nói lời nào?

- Nếu huân tước phu nhân hỏi ý kiến tôi, - Mác Nabbs trả lời, - thì tôi xin nói hoàn toàn thẳng thắn suy nghĩ của mình. Tôi thấy rằng Ayrton đã nói như một người thông minh và thận trọng. Tôi ủng hộ đề nghị của ông ta.

Không ai ngờ đến câu trả lời ấy, bởi vì trước đây Mac Nabbs luôn luôn bài bác ý kiến của Ayrton. Đến bản thân viên hoa tiêu cũng ngạc nhiên – anh ta

thoáng nhìn thiếu tá, Paganel, Helena và các thủy thủ đều ủng hộ phương án của Ayrton. Những lời của Mac Nabbs đã xua tan những nghi ngờ của họ.

Glenarvan tuyên bố rằng kế hoạch của Ayrton đại để được chấp nhận.

- Còn bây giờ, John, - Glenarvan nói với thuyền trưởng trẻ, - anh cũng cho rằng ở lại bờ sông đây để đợi phương tiện đi là hợp lý chứ?

- Vâng, - John Mangles đáp, - nhưng chỉ với điều kiện là người liên lạc của chúng ta sang được bờ bên kia sông Snowy mà chúng ta không thể qua được.

Mọi người nhìn viên hoa tiêu, anh ta cười với vẻ tự tin:

- Người liên lạc sẽ không cần phải qua sông.

- Không cần? – John Mangles ngạc nhiên.

- Anh ta chỉ quay lại đường Luknow rồi đi thẳng Melbourne.

- Đi bộ những hai trăm năm mươi dặm! – John thốt lên.

- Không, đi ngựa, - Ayrton phản ứng lại, - vì chúng ta còn một con ngựa khoẻ có thể cưỡi đi bốn ngày là tới nơi. Cộng thêm hai ngày “Ducan” đi Twofold – Bay, một ngày ghé vào chỗ chúng ta. Như vậy là sau một tuần người liên lạc cùng với độ thủy thủ sẽ có mặt ở đây.

Thiếu tá gật đầu tán thành ý kiến của Ayrton, khiến John Mangles rất ngạc nhiên. Như vậy là đề nghị của viên hoa tiêu đã được nhất trí thông qua, chỉ còn thực hiện kế hoạch đã được cân nhắc rất cẩn thận ấy nữa thôi.

- Còn bây giờ, các bạn của tôi, - Glenarvan nói, - chúng ta sẽ chọn người liên lạc. Người đó sẽ đảm nhận nhiệm vụ vừa khó khăn, vừa mạo hiểm, tôi không muốn giấu giếm điều đó. Ai sẽ là người thể hiện lòng trung thành với đồng đội đi chuyển giao thư cho Tom Austin?

Ngay tức khắc Wilson, Mulradi, John Mangles, Paganel và cả Robert nữa đều tình nguyện. John Mangles một mực đòi đi. Nhưng, Ayrton im lặng nãy giờ mới lên tiếng:

- Nếu được ngài huân tước cho phép, tôi xin đi. Tôi rành vùng này. Đã nhiều lần tôi phải phiêu bạt ở những nơi còn hoang vắng và nguy hiểm hơn nữa kia. Tôi có thể thoát nạn ở nơi mà người khác phải bỏ mạng. Bởi thế, vì lợi ích chung, tôi xin ngài hãy cử chính tôi đi Melbourne. Ngài giao cho

tôi bức thư gửi cho phó thuyền trưởng tàu “Ducan” và tôi bảo đảm rằng sáu ngày sau sẽ có mặt tại vịnh Twofold – Bay!

- Ông nói hay lắm, Ayrton! – Glenarvan trả lời. – Ông là người thông minh và dũng cảm, ông sẽ được toại nguyện.

Thật vậy, rõ ràng là Ayrton có thể hoàn thành nhiệm vụ khó khăn này hơn ai hết. Ai cũng hiểu như thế, nên không ai tranh luận với ông ta.

- Thôi được, để ông đi, Ayrton, - Glenarvan xác định. – Ông hãy khẩn trương đi và trở lại trại của chúng tôi trên bờ sông Snowy này.

Mắt viên hoa tiêu ánh lên vẻ đắc thắng. Anh ta quay thoát đi, nhưng John đã kịp bắt được ánh mắt ấy. Viên thuyền trưởng trẻ tự nhiên cảm thấy càng nghi ngờ Ayrton hơn.

Ayrton lo chuẩn bị đi. Hai thủy thủ giúp anh ta: một người thắng ngựa, người kia chuẩn bị lương thực. Còn Glenarvan ngồi viết thư cho Tom Austin. Trong thư ông ra lệnh cho phó thuyền trưởng “Ducan” đưa tàu đến ngay Twofold – Bay. Ông nói rằng Ayrton như là một người có thể hoàn toàn tin cậy được. Sau khi tàu đến vùng duyên hải phía đông thì Tom Austin được phép giao đội thủy thủ của tàu cho Ayrton chỉ huy. Đúng lúc Glenarvan ký vào lệnh ấy thì Mac Nabbs, nãy giờ vẫn theo dõi ông, đã hỏi ông bằng một giọng hơi đặc biệt, xem ông và biết tên Ayrton như thế nào?

- Viết theo đúng tên gọi – Glenarvan đáp.

- Chú nhầm rồi, - thiếu tá nói, giọng bình tĩnh – cái tên ấy kêu là Ayrton, nhưng lại được viết là Ben Joyce kia!

## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 8

Bản giao kèo

Những người thuỷ thủ dẫn gã hoa tiêu đến rồi lập tức đi ra ngay.

- Người muốn nói chuyện với ta phải không, Ayrton? – Glenarvan hỏi.
- Vâng, thưa huân tước, - gã hoa tiêu trả lời.
- Với mình ta thôi?
- Vâng, nhưng tôi cảm thấy có thiếu tá Mac Nabbs và ông Paganel cùng tham dự thì có lợi hơn.

- Lợi cho ai?
- Cho tôi

Ayrton nói rất bình tĩnh. Glenarvan chăm chú nhìn gã. Sau đó ông sai người mời Mac Nabbs và Paganel đến phòng chung. Họ có mặt ngay, Glenarvan nói với gã hoa tiêu:

- Chúng tôi nghe đây.

Ayrton sắp xếp ý vài phút, rồi nói:

- Khi hai người ký với nhau một bản giao kèo hay hợp đồng thì thường có người làm chứng. Chính vì vậy nên tôi đã đề nghị để ông Paganel và thiếu tá Mac Nabbs có mặt ở đây. Tôi nói trắng ra là tôi muốn đề nghị với ngài một bản giao kèo.

- Bản giao kèo là thế nào? – Glenarvan hỏi.
- Thế này đây, Ayrton đáp. – Các ông muốn biết ở tôi một số tin tức có lợi cho các ông, còn tôi cũng muốn đạt được ở các ông một số nhượng bộ quan trọng nào đó đối với tôi. Có đi có lại mà, thưa huân tước. Như thế có hợp ý mấy ông không?
- Nhưng tin tức ấy là gì? – Paganel nhanh nhẩu hỏi.
- Không, - Glenarvan ngăn nhà địa lý lại, nói. - Những nhượng bộ ấy là gì?

Ayrton gật đầu tỏ ra hiểu ý Glenarvan.

- Những nhượng bộ mà tôi đề nghị các ông thực hiện là thế này, - gã



nói. – Xin huân tước cho biết: Ngài vẫn giữ ý định giao tôi cho chính quyền Anh như cũ chứ?

- Đúng thế, Ayrton. Và chỉ có như vậy mới công minh mà thôi.
- Tôi không tranh cãi, - gã hoa tiêu bình tĩnh nói. – Như vậy là ngài không đồng ý trả tự do cho tôi.
- Không, Ayrton, ta không thể trả tự do cho người.
- Tôi cũng không yêu cầu như thế! – Gã hoa tiêu kiêu hãnh trả lời.
- Vậy người cần gì nào?
- Đó là giữa cái giá treo cổ đang chờ đợi tôi và cái tự do mà ngài huân tước không thể ban cho tôi.
- Nghĩa là thế nào?
- Ngài hãy cho tôi lên một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương và hãy để cho tôi những thứ gì cần thiết nhất. Ở đó tôi sẽ tự lo liệu cuộc sống cho mình. Còn với thời gian thì biết đâu được! Rất có thể là tôi sẽ ăn năn hối cải.

Glenarvan không lường trước lời đề nghị như thế! Sau khi suy nghĩ, ông nói với gã hoa tiêu:

- Thế nếu ta hứa thực hiện yêu cầu của người thì người sẽ kể hết những điều ta cần chứ?
- Vâng, thưa huân tước, nghĩa là tất cả những gì mà tôi biết về thuyền trưởng Grant và số phận của “Britania”.
- Nói hết sự thật chứ?
- Nói hết sự thật.
- Nhưng, ai sẽ bảo đảm cho ta đây?
- Vâng, tôi hiểu điều gì đang làm ngài phải lo lắng, thưa huân tước. Ngài phải tin vào lời nói của tôi - lời của kẻ phạm tội! Đúng vậy, nhưng biết làm sao được! Sự thế đã thế rồi. Đành phải hoặc là chấp nhận hoặc là khước từ thôi.
- Ta tin người, Ayrton. – Glenarvan nói một cách đơn giản.
- Huân tước làm như vậy là phải, còn nếu như tôi đánh lừa ngài thì lúc nào ngài cũng có thể trả thù tôi được.

- Bằng cách nào?
- Trở lại đảo của tôi và bắt lại tôi: vì tôi không thể trốn khỏi đảo được kia mà.

Ayrton đã trả lời tất cả. Gã đã thấy trước mọi khó khăn và tự đi đến những kết luận bất lợi nhất đối với gã. Rõ ràng là gã có thái độ thật lòng đối với giao kèo này và hết sức thẳng thắn. Nhưng Ayrton còn tỏ ra khăng khái hơn nữa.

- Thưa huân tước và các ông, - Ayrton nói thêm, - tôi muốn các ông tin rằng tôi thành khẩn. Tôi không có ý định dẫn các ông đi lạc hướng nữa và ngay bây giờ đây, một lần nữa tôi xin chứng minh sự thành khẩn của mình trong việc này: tôi thành khẩn là bởi vì tôi tin vào sự trung thực của các ông.

- Nói đi, Ayrton, - Glenarvan giục.

- Tôi vẫn chưa được các ông chấp nhận đề nghị của tôi kia mà. Và lại, tôi xin nói một cách không do dự rằng tôi biết về Harry Grant không bao nhiêu đâu.

- Không bao nhiêu! – Glenarvan thốt lên.

- Vâng, thưa huân tước. Những tình tiết mà tôi nói cho các ông biết đều liên quan đến cá nhân tôi. Không biết liệu có giúp được gì cho các ông tiếp tục lần theo dấu tích đã mất không.

Vẻ thất vọng nặng nề hiện rõ trên nét mặt Glenarvan và thiếu tá. Họ vẫn cứ tin là gã hoa tiêu nắm được điều bí mật quan trọng, vậy mà bỗng nhiên gã lại thú nhận rằng mọi tin tức của gã đều vô ích đối với họ. Riêng Paganel vẫn thản nhiên. Nhưng dấu sao cả ba người đều xúc động trước lời thú nhận của Ayrton, nhất là những lời sau cùng của gã.

- Như vậy là, thưa huân tước, tôi xin nói trước với ngài rằng bản giao kèo sẽ ít có lợi cho các ngài hơn là cho tôi.

- Điều đó không quan trọng, - Glenarvan đáp. – Ta chấp nhận lời đề nghị của người, Ayrton. Ta hứa sẽ cho người lên một hòn đảo ở Thái Bình Dương.

- Tốt lắm, thưa huân tước, - gã hoa tiêu thốt lên. – Tôi xin sẵn sàng trả

lời.

- Chúng tôi sẽ không hỏi nữa. – Glenarvan nói. – người hãy tự kể tất cả những gì mà người biết, và trước hết hãy nói người là người thế nào?

- Thưa các ngài, - Ayrton bắt đầu – Tôi đích danh là Tom Ayrton, hoa tiêu tàu “Britania”. Ngày 12 tháng 3 năm 1861, tôi rời cảng Glasgow trên chiếc tàu của Harry Grant. Mười bốn tháng trời chúng tôi cùng ông ta rẽ sóng Thái Bình Dương đi tìm một nơi thích hợp để làm vùng di dân Scotland. Harry Grant sinh ra là để làm những sự nghiệp lớn, nhưng tôi và ông ta thường có những cuộc đụng độ nghiêm trọng. Tính cách của ông ấy không hợp với tôi. Tôi không biết phục tùng vô điều kiện còn Harry Grant thì khi đã thông qua một quyết định nào đó thì coi như xong và mọi ý kiến chống lại đều vô ích. Đó là con người sắt, nghiêm khắc với bản thân và với những người khác. Tôi đã có lần dám đứng lên chống ông ta. Tôi định gây loạn trong đoàn thủy thủ và chiếm đoạt tàu. Tôi làm như vậy đúng hay sai, điều ấy không quan trọng. Dẫu sao thì ngày 8 tháng 4 năm 1862. Harry Grant cũng đã đẩy tôi lên vùng duyên hải phía tây Australie.

- Australie? - Thiếu tá nhắc lại, ngắt ngay lời kể của Ayrton. Nghĩa là người đã rời khỏi “Britania” trước khi đến cảng Callao, là nơi đã phát đi những tin cuối cùng về con tàu ấy, phải không?

- Vâng, - gã hoa tiêu đáp. - Thời gian tôi ở tàu “Britania” thì chưa bao giờ “Britania” đỗ ở cảng Callao cả. Nếu hôm ở trang trại của Paddy O’Moore tôi có nhắc đến Callao thì đó chỉ là do tôi nghe qua chuyện các ông kể mà thôi.

- Nói tiếp đi, Ayrton. – Glenarvan nói.

- Thế là tôi lủi thủi một mình trên bờ biển gần như hoang vắng nhưng chỉ cách trại giam Perth vền vện hai mươi hải lý. Trong khi đi lang thang trên bờ tôi gặp một toán phạm nhân vừa trốn trại và nhập vào với họ. Tôi xin phép các ông không kể về đời tư của tôi trong hai năm rưỡi vừa qua. Tôi chỉ xin nói rằng tôi đã núp dưới cái tên Ben Joyce và trở thành người cầm đầu băng cướp. Tháng 9 năm 1864 tôi đến trang trại của người Irland nọ và vào làm công cho ông ta với cái tên thật là Ayrton. Tôi chờ đợi có dịp thuận lợi là cướp một chiếc tàu nào đó. Đó là ước muốn tha thiết của tôi.

Hai tháng sau thì “Duncan” đã xuất hiện. Khi đến trang trại, ngài huân tước đã kể lại toàn bộ lai lịch về thuyền trưởng Grant. Qua đó tôi mới biết những gì mà trước đây tôi chưa biết, chẳng hạn: Việc “Britania” đã đậu ở cảng Callao, những tin tức cuối cùng về chiếc tàu là vào tháng 6 năm 1862 (hai tháng sau khi tôi bị đày lên bờ biển), chuyện lá thư bỏ trong chai, chuyện chiếc tàu bị đắm ở vĩ tuyến 37. Cuối cùng, tôi được biết các ông đã có kết luận xác đáng là cần phải tìm Harry Grant ở lục địa Austrlie. Tôi không lưỡng lự chút nào nữa. liền quyết định chiếm đoạt “Duncan”, một chiếc tàu tuyệt diệu, vượt xa cả những tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Anh... Nhưng “Duncan” lúc ấy đang bị hỏng nặng. Tôi đã đề nghị đưa tàu đến Melbourne, còn bản thân tôi thì xin làm người dẫn đường cho các ông đến nơi tàu “Britania” bị đắm ở vùng duyên hải phía đông Australie. Bằng cách đó tôi đã có cơ dẫn đoàn thám hiểm của các ông đi qua tỉnh Victoria. Đồng bọn của tôi đã theo dõi các ông, lúc đi sau, lúc vượt lên trước. Chính bọn chúng đã gây ra tội ác ở cầu Camden. Nếu tàu “Duncan” mà đến được bờ biển phía đông Australie, thì đã không thoát khỏi sa vào tay tôi, mà, với một chiếc tàu như thế thì tôi đã trở thành bá chủ đại dương. Thế rồi tôi đã dẫn các ông đến sông Snowy. Bò và ngựa đã lần lượt chết vì tôi cho ăn là độc. Tôi đã để cho chiếc xe bị sa lầy ở bờ sông. Còn những điều khác thì các ông đã biết cả rồi. Các ông cũng có thể biết chắc rằng nếu không có sự sơ suất của ngài Paganel thì giờ đây tôi đã đang chỉ huy tàu “Duncan”. Thưa các ngài, đó là tất cả những gì tôi muốn nói. Rủi thay, những lời thú tội này không thể giúp các ngài tìm ra dấu tích của Harry Grant. Như các ngài thấy đó, việc giao kèo với tôi ít có lợi cho các ngài.

Gã hoa tiêu im bật, hai tay đan chéo trên ngực theo thói quen và chờ đợi. Glenarvan và những người bạn của ông im lặng. Họ cảm thấy rằng mọi điều kể của tên bất nhân lạ lùng này đều đúng sự thật. Chỉ vì những nguyên nhân khách quan mà gã không chiếm đoạt được “Duncan”.

Thiếu tá đã hỏi gã hoa tiêu về một số mốc thời gian có liên quan đến tàu “Britania”.

- Như vậy là người đã bị đày lên bờ biển phía tây Australie ngày 8 tháng 4 năm 1862?

- Đúng thế.
  - Thế người có biết trong thời gian ấy Harry Grant có kế hoạch gì không?
  - Tôi chỉ biết mang máng thôi.
  - Cũng được, cứ nói đi: một sự thật dù nhỏ bé cũng có thể giúp chúng tôi xác định đúng hướng tìm thuyền trưởng Grant.
  - Đây là tất cả những gì tôi có thể nói với các ngài: thuyền trưởng Grant đã dự tính đến New-Zealand. Khi tôi còn ở tàu “Britania” thì những ý định đó ông ta chưa thực hiện. Như vậy, không thể loại trừ khả năng thuyền trưởng Grant khi rời cảng Callao đã đi thẳng New-Zealand. Điều đó khớp với thời gian đắm tàu được nói ở trong thư: 27 tháng 6 năm 1862.
  - Hoàn toàn đúng như vậy, - Paganel lên tiếng.
  - Nhưng mà không có từ nào trong lá thư nói đến New-Zealand – Glenarvan bác lại.
  - Về điều này thì tôi không thể trả lời các ngài được! – Gã hoa tiêu nói.
  - Thôi được rồi, Ayrton, - người đã giữ lời hứa, thì cũng giữ lời hứa. Chúng tôi sẽ bàn xem cho người lên đảo nào ở Thái Bình Dương.
  - Ồ, đối với tôi thì đảo nào cũng vậy thôi. – Ayrton tuyên bố.
  - Người hãy về chỗ và đợi quyết định của chúng tôi. – Glenarvan nói. Gã hoa tiêu ra khỏi phòng, có hai thủy thủ đi kèm.
  - Tên bất lương này có thể trở thành một người chân chính, thiếu tá nói.
  - Đúng, - Glenarvan tán thành. - Hẳn thông minh, kiên quyết nhưng phải hướng hẳn làm những điều thiện kia.
  - Thế còn Harry Grant?
  - Tôi sợ không thể tìm được ông ta. Tội nghiệp cho những đứa con của ông ấy. Ai có thể nói được cha của chúng bây giờ ở đâu?
  - Tôi, - Paganel lên tiếng. – vâng, tôi...
- Bạn đọc để ý thấy rằng nhà địa lý thường ưa nói, hay nóng vội, nhưng suốt cuộc hỏi cung hầu như ông không nói gì. Ông chỉ im lặng ngồi nghe. Những điều ông nói bây giờ đáng giá ngàn vàng, Glenarvan tươi tỉnh hẳn

lên.

- Ngài ư? Paganel? Ngài biết thuyền trưởng Grant đang ở đâu? – Huân tước kêu to lên.

- Vâng, nói chung là có thể biết được. – nhà địa lý đáp.

- Làm sao ngài biết?

- Tất cả đều từ bức thư ấy mà ra.

- À, à... - Giọng thiếu tá đầy vẻ nghi ngờ.

- Trước hết, ông hãy nghe đã Mac Nabbs, rồi sau hãy nhún vai. – nhà địa lý nhận xét. – Tôi bấy lâu vẫn im lặng, biết rằng, dù sao ông vẫn không tin tôi. Vậy thì nói ra để làm gì? Nếu như bây giờ tôi quyết định nói ra điều ấy thì đó chỉ là vì những lời của Ayrton đã xác nhận giả định của tôi mà thôi.

- Nghĩa là thuyền trưởng Grant đang ở New-Zealand sao? – Glenarvan hỏi.

- Xin ngài hãy nghe tôi, rồi sau đó ngài tự xác định. – Paganel trả lời. - Sự sơ suất trong lá thư đã cứu chúng ta ấy không phải là tình cờ đâu, có thể giải thích được. Khi tôi viết lá thư theo lời đọc của huân tước, thì từ “New-Zealand” cứ ám ảnh tôi hoài. Lý do là thế này, Ngài có nhớ chúng ta ngồi trên xe kéo, Mac Nabbs đã kể cho huân tước phu nhân nghe về bọn tội phạm, về tai nạn xe lửa trên cầu Camden không? Hôm ấy, thiếu tá đã đưa cho Helena tờ “báo Australie và New-Zealand”. Trong đó có bài tường thuật về tai nạn xe lửa đó. Lúc tôi viết thư, tờ báo ấy nằm trên sàn xe, được gấp lại, tên tờ báo bằng tiếng Anh bị lấp đi, tôi chỉ còn trông thấy có hai âm tiết cuối cùng là “Aland”. Trước đây ta vẫn cho rằng từ ấy có nghĩa là “lên mặt đất”. Nhưng thực ra đó là đuôi của từ “Zealand” (1)

- Có chuyện gì nữa đây? – Glenarvan ngạc nhiên bật dậy.

- Vâng, - Paganel tiếp tục bằng một giọng hết sức tự tin. - lời giải thích ấy trước đây tôi chưa nghĩ ra. Và ngài có biết tại sao không? Tại vì rằng, tôi cũng rất tự nhiên thôi, chủ yếu là nghiên cứu bức thư bản tiếng Pháp là bản đầy đủ hơn các bản khác. Nhưng khốn nỗi, bản này lại không có cái từ quan trọng đó.

- Ôi dào? Sao mà khéo tưởng tượng thế, ngài Paganel, - Mac Nabbs

nói. – Sao ngài lại dễ quên những điều kết luận trước kia của ngài thế!

- Không đâu, thiếu tá, tôi sẵn sàng trả lời ngài về tất cả mọi điều.

- Thế thì xin ngài cho biết ngài giải thích như thế nào từ “Austral”!

- Cũng vẫn như lúc đầu thôi. Nó có nghĩa là “ở phía nam”.

- Hay lắm! Thế còn những chữ “indi” mà lúc đầu được giải thích là “indiens” - những người da đỏ”, sau đó lại giải thích là “indigenes” - những người thổ dân”? Thế bây giờ ngài hiểu từ đó như thế nào?

- Lời giải thích thứ ba và cũng là lời giải nghĩa cuối cùng như sau: đó là những chữ đầu của từ indigence – “thiếu thốn.”

- Còn từ “contin”? Có nghĩa là “lục địa” như cũ không? – Mac Nabbs hỏi.

- Không, tất nhiên rồi, vì New-Zealand chỉ là đảo.

- Vậy thì thế nào bây giờ? – Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước thân mến, bây giờ tôi xin đọc cho ngài nghe nội dung của lá thư theo cách giải thích mới, cách giải thích thứ ba, rồi ngài sẽ tự hiểu. Nhưng, trước tiên, tôi yêu cầu ngài: một là, hãy quên đi những lời giải thích trước đây, gạt bỏ đi những định kiến. Hai là ngài hiểu cho, có thể có một số chỗ ngài thấy dài dòng mà tôi giải thích chưa thật đạt lắm. Chẳng hạn như từ Agonie, là từ mà tôi không thể nào giải thích khác được. Nhưng, tất cả những chỗ ấy hoàn toàn không quan trọng. Hơn nữa, lời giải thích của tôi dựa vào bản thư bằng tiếng Pháp, mà xin ngài chớ quên rằng nó lại do một người Anh viết, nên có thể có một số đặc điểm của tiếng nước ngoài, ông ta không biết. Bây giờ tôi xin bắt đầu.

Paganel chậm rãi và đồng dục đọc như sau:

- Ngày 27 tháng 6 năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm “Britania” đi từ cảng Glasgow, sau thời gian “hấp hối” kéo dài, đã bị đắm ở vùng biển phía nam, gần bờ biển New-Zealand (theo bản tiếng Anh là Zealand). Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát được lên bờ. Ở đây thường xuyên bị thiếu thốn cùng cực, họ đã thả bức thư này ở kinh độ... và vĩ độ 37011’. Hãy đến cứu giúp họ, hoặc là họ sẽ bị chết.

Paganel im lặng. Lời giải thích bức thư như vậy hoàn toàn có thể chấp nhận được. Nhưng chính vì nó tưởng như đúng với sự thật, nên nó vẫn có thể sai.

Bởi vậy mà cả Glenarvan lẫn thiếu tá đều bài bác nó. Tuy nhiên, nếu dấu tích của “Britania” đã không được tìm thấy ở cả bờ biển Patagonia lẫn bờ biển Australie, nơi vĩ tuyến 37 đi qua, thì tất nhiên nó có cơ hội được tìm thấy ở New-Zealand.

Khi nhà địa lý nói điều đó, các bạn của ông lấy làm ngạc nhiên.

- Paganel, xin ngài cho biết. – Glenarvan nói với ông, - tại sao suốt hai tháng qua ngài cứ giữ kín lời giải thích ấy?

- Bởi vì tôi không muốn gieo hy vọng cho các bạn một cách vô ích. Hơn nữa, chẳng nào thì cũng ta cũng đi Aucklan là nơi cũng nằm đúng ngay trên vĩ độ đã được nói đến trong thư.

- Thế, sau đó, khi chúng ta đi chệch đường, tại sao ngài cũng không nói gì?

- Là vì, lời giải thích của toio, dù có đúng đi nữa, thì khi ấy cũng không thể giúp cho việc cứu thuyền trưởng.

- Tại sao ngài lại nghĩ như vậy?

- Vì rằng, nếu từ đó đến nay đã hai năm rồi, mà không thấy thuyền trưởng đâu, có nghĩa là ông đã mất, hoặc là trong vụ đắm tàu, hoặc là trong tay người New-Zealand.

- Ngài nghĩ vậy? – Glenarvan hỏi.

- Tôi nghĩ rằng, có thể là chúng ta tìm được dấu vết của “Britania” nhưng những người bị nạn thì chết mất rồi, không bao giờ trở lại nữa.

Các bạn của tôi, đừng nên nói ra điều này. – Glenarvan nói. – Hãy thu xếp cho tôi một dịp thích hợp, để tôi báo tin ấy cho những đứa con của thuyền trưởng Grant.

### **Chú thích:**

(1) Phần cuối của tên New-Zealand – Tân Tây Lan (ND)



## Jules Verne

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### Chương 9

Tiếng kêu trong đêm

Chẳng mấy chốc cả đoàn thuỷ thủ “Duncan” đã được biết rằng những điều thông báo của Ayrton không rọi thêm tia sáng nào vào số phận của thuyền trưởng Grant. Ai nấy đều chán nản vô cùng: bao nhiêu hy vọng trông chờ ở gã hoa tiêu, vậy mà hoá ra gã chẳng biết thêm điều gì gọi là có thể dẫn “Duncan” tìm ra dấu tích của “Britania”.

Vậy nên con tàu trở về hướng cũ. Chỉ còn việc chọn một hòn đảo cho Ayrton lên đó.

Paganel và John Mangles đảm nhận việc này. Họ mang bản đồ hàng hải ra xem. Đúng, trên vĩ tuyến 37 có một mảnh đất nhỏ có tên là mỏm đá ngầm Maria Theresa. Đó là một hòn đảo đá nhỏ chơi vơi giữa Thái Bình Dương, cách bờ biển châu Mỹ ba ngàn rưỡi hải lý và cách New-Zealand một ngàn năm trăm hải lý. Phía bắc giáp vùng đất gần nhất là quần đảo Pomotou đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp. Phía nam không giáp đảo nào, thông đến vùng nam cực. Tàu bè không khi nào ghé lại hòn đảo nhỏ hoang vắng này. Không có tin tức sôi động nào trên thế giới vọng được đến nơi đây. Chỉ có những con chim báo bão trong lúc bay xa mới đổ xuống đảo dừng cánh. Trên nhiều bản đồ và nói chung là người ta không để ý đến hòn đảo này.

(Ảnh trang 267)

Hòn đảo ấy hoàn toàn cách biệt với các đường giao thông trên biển. Ayrton được chỉ cho biết vị trí của đảo trên bản đồ. Gã hoa tiêu chấp nhận sống ở đó, hoàn toàn xa mọi người.

“Duncan” hướng thẳng đến mỏm đá ngầm Maria Theresa. Con tàu đúng lúc ấy đang ở trên đường thẳng từ vịnh Talcahuano đến Maria Theresa. Hai ngày sau, lúc hai giờ chiều, người thuỷ thủ trực phiên đã nhìn thấy vùng đất nơi chân trời. Đó là đảo Maria Theresa, thấp, chạy dài, hơi nhô lên khỏi mặt nước, nom giống như một con cá voi khổng lồ. Con tàu rẽ sóng lướt đi với tốc độ mười sáu hải lý một giờ, chỉ còn cách đảo không xa nữa. Những

đường nét của hòn đảo hiện lên mỗi lúc một đậm hơn trong ánh chiều tà. Bóng hình kỳ dị của nó nổi lên rõ nét. Mặt trời hắt nắng lên những vách núi đã nhấp nhô trên mặt biển.

Năm giờ chiều, John Mangles cảm thấy trên đảo như có làn khói nhẹ bốc lên trời.

- Cái gì thế nhỉ, núi lửa à? – Anh ta hỏi Paganel đang quan sát đảo qua ống nhòm.

- Tôi không biết là cái gì nữa. – nhà địa lý trả lời. – Hòn đảo này tôi không biết rõ. Tất nhiên sẽ không có gì lạ nếu đó là hiện tượng núi lửa.

- Sao bây giờ? – Glenarvan hỏi. – Anh nghĩ thế nào John, liệu ta có thể cập bờ trước khi đêm xuống không?

- Không, thưa huân tước. Tôi không thể mạo hiểm cho tàu đi vào một bờ biển xa lạ trong đêm tối. Tôi sẽ cho tàu đỗ lại. Sáng sớm mai chúng ta cho xuồng đi vào đó.

Tám giờ tối “Duncan” còn cách đảo Maria Theresa vón vẹn năm hải lý.

Mười giờ tối trên hòn đảo nhỏ bùng lên một ngọn lửa khá sáng. Ngọn lửa toả sáng đều và bất động.

- Đúng là ngọn lửa thật, chứ không phải là hiện tượng của núi lửa hoạt động. – Paganel nói. – Hình như ngọn lửa cũng nhấp nháy giống như hải đăng.

- Ông nói đúng. – John lên tiếng. – Nhưng trên vùng bờ biển này không có hải đăng. Ô kìa? – Anh ta reo lên. - Lại có thêm một ngọn lửa nữa, đúng ngay ở trên bờ. Các ông nhìn kìa, ngọn lửa đang lay động, di chuyển!

John đã không lầm, đúng là có một ngọn lửa khác vừa xuất hiện. Hình như lúc nó tắt đi, lúc lại cháy lên.

- Thế nghĩa là đảo có người ở? – Glenarvan hỏi.

- Có lẽ là thổ dân. – Paganel trả lời. – Nhưng nếu vậy thì chúng ta không thể cho gã hoa tiêu lên đảo được.

- Tất nhiên là không, - thiếu tá xen vào.

- Vậy thì chúng ta tìm một hòn đảo khác không có người ở - Glenarvan nói.

- Dẫu thế nào thì chúng ta cũng phải cảnh giác, - Paganel nhận xét.
- Cho tàu chạy cách bờ một phần tư hải lý! – John nói với thủy thủ lái tàu. – Sáng sớm mai ta sẽ rõ chuyện gì.

Mười một giờ đêm, John Mangles, và các hành khách tản về các phòng ngủ. Trên mũi tàu chỉ còn lại những thủy thủ trực phiên, còn trên mạn tàu có một người lái đứng gác.

Lúc ấy, hai chị em Mary Grant và Robert lên boong tàu trên. Những đứa con của thuyền trưởng Grant chống khuỷu tay lên lan can tàu, buồn bã nhìn biển lấp lánh ánh dạ quang. Mary nghĩ về tương lai của Robert, Robert thì nghĩ về tương lai của chị. Và cả hai chị em cùng nghĩ tới cha. Giờ đây, ông có còn sống không, người cha thân yêu của hai đứa bé ấy? Không lẽ chúng phải từ bỏ hy vọng được gặp người cha sao? Nhưng làm sao có thể sống thiếu cha được! Rồi những đứa trẻ ấy sẽ ra sao? Và nếu không có huân tước Glenarvan và huân tước phu nhân Helena thì cuộc sống của chúng những ngày đã qua và hiện nay ra sao?

Nỗi đau khổ đã làm cho chú bé trở thành người lớn trước tuổi. Chú đoán được những ý nghĩ gì đang làm cho chị lo âu.

- Chị Mary, - chú nắm tay chị, - đừng có bao giờ thất vọng chị ạ. Chị hãy nhớ, cha của chúng ta, người mà không gì khuất phục nổi, đã dạy chúng ta những gì? Từ trước đến nay, chị đã làm việc vì em, còn bây giờ đến lượt em, em lao động vì chị.

- Robert yêu quý!...

- Chị Mary, em muốn nói với chị chuyện này. Chị sẽ không giận em đấy chứ, thật nhé!

- Chị giận em để làm gì, hả em trai yêu quý của chị!

- Và chị sẽ cho phép em được làm điều mà em suy nghĩ nhé!

- Em muốn nói gì? – Mary lo lắng hỏi.

- Chị! Em muốn trở thành thủy thủ...

- Em sẽ xa chị à? – Mary kêu lên, nắm chặt tay em.

- Vâng, chị ạ, em sẽ làm thủy thủ, giống như cha, giống như thuyền trưởng John! Chị Mary, chị Mary yêu quý, vì rằng thuyền trưởng John chưa mất hy vọng tìm thấy cha kia mà. Chị hãy tin vào lòng trung thành của anh

ấy, như em vậy. John đã hứa đào tạo em thành một thủy thủ giỏi, và chúng ta sẽ cùng anh ấy đi tìm cha. Chị nói là chị đồng ý đi. Trách nhiệm của chúng ta – trách nhiệm của em – là làm cho cha tất cả những gì mà cha đã làm cho chúng ta. Em chỉ có một mục đích sống là: tìm, tìm bằng được người mà không bao giờ bỏ rơi chị em ta. Chị Mary yêu quý, cha của chúng ta nhân hậu biết bao!

- Cha cao thượng biết bao, độ lượng biết bao! – Mary nói thêm? Em biết không, Robert, quê hương ta tự hào về cha, và nếu số phận khắc nghiệt không ngăn trở cha thì cha đã trở thành một trong những người vĩ đại nhất Scotland.

- Em đâu biết chuyện ấy! – Robert kêu lên.

Mary ôm em vào ngực và chú bé cảm thấy những giọt nước mắt của chị lăn trên trán chú.

- Chị Mary! Chị Mary! – Robert gọi. – Dù cho mọi người nói gì hay im lặng đi nữa thì em vẫn hy vọng và sẽ luôn luôn hy vọng! Một người như cha của chúng ta sẽ không chết nếu như chưa hoàn thành sự nghiệp của mình đến cùng!

Mary Grant không thể đáp lại điều gì, cô nghẹn ngào nước nỡ. Cô gái vô cùng xúc động trước ý định của chàng thuyền trưởng trẻ muốn tiếp tục tìm kiếm người cha của cô, và trước lòng chung thủy vô hạn của chàng.

- Thế nghĩa là John vẫn còn hy vọng? – Cô hỏi.

- Vâng, - Robert đáp. – John là anh của chúng ta và sẽ không bao giờ rời bỏ chúng ta. Và em cũng sẽ trở thành thủy thủ để cùng với anh ấy đi tìm cha nhé, chị Mary? Chị có đồng ý không?

- Tất nhiên là chị đồng ý chứ! Nhưng mà phải xa nhau... - cô gái khẽ nói.

- Chị không phải đơn độc đâu, chị Mary ạ! Em biết, anh John đã nói với em rằng huân tước phu nhân Helena không chịu rời chị đâu. Chị là phụ nữ, là chị gái kia mà, vậy nên chị có thể và cần phải tiếp nhận sự giúp đỡ của bà ấy. Từ chối là vô ơn đấy. Còn em là đàn ông, có nghĩa là em cần phải – như cha đã nhiều lần dặn dò em - tự rèn luyện số phận của mình.

- Nhưng còn ngôi nhà thân yêu của chúng ta ở Dundee thì sao? Biết

bao kỷ niệm đã gắn bó chúng ta với ngôi nhà ấy!

- Chúng ta giữ nguyên nó chị ạ! Mọi việc sẽ ổn hết. Anh John của chúng ta và huân tước Glenarvan nghĩ hết mọi điều rồi. Chị sẽ sống với ông bà huân tước Glenarvan ở lâu đài Malcolm như con gái của ông bà. Tự huân tước đã nói với anh John như vậy, anh ấy nói lại cho em biết. Chị sẽ ở đó với ông bà cũng như ở nhà thôi và chị sẽ có người để mà tâm sự về cha. Rồi một ngày nào đấy em và John sẽ đưa cha về với chị! Ồ, như thế kỳ diệu biết bao! – Robert nói vẻ đắc chí.

- Em trai của chị, thằng bé con của chị, cha sẽ hạnh phúc biết bao nếu cha được nghe em nói! – Mary nói. – Robert yêu quý, sao em giống cha thân yêu của chúng ta đến thế! Khi nào trở thành một người đàn ông, em sẽ giống cha như đúc!

- Ôi, chị Mary! – Chú bé nói, đỏ mặt lên vì nỗi tự hào của một đứa con có hiếu.

- Nhưng, chúng ta biết lấy gì tạ ơn ông bà huân tước Glenarvan? – Mary nói.

- Ồ! Điều đó chả khó gì đâu! – Robert tuyên bố với lòng tự tin của một chàng trai trẻ. Chúng ta sẽ yêu kính ông bà, sẽ nói cho ông bà biết như thế, còn đến khi nào cần thì chúng ta sẽ hy sinh đời mình vì ông bà ấy!

- Không, hãy sống vì ông bà ấy thì hơn! – Cô gái trẻ nói và hôn em trai. – Như thế ông bà sẽ thấy đẹp lòng hơn, mà chị cũng vậy.

Những đứa con của thuyền trưởng Grant im tiếng, nhưng vẫn nhìn nhau, trong ý nghĩ chúng vẫn tiếp tục nói chuyện, hỏi và trả lời nhau. Một gợn sóng nhẹ lướt êm trên mặt biển, làn nước xoáy sau chân vịt loé sáng xuyên qua màn đêm.

Vừa lúc ấy, một cái gì đó rất lạ đã xảy ra. Dường như có một lực nam châm nào đấy hút hai chị em lại, cùng lúc gây cho chúng có chung một ảo giác giống nhau. Bỗng chúng cảm thấy như từ trong lòng những lớp sóng biển, lúc thì đen kịt, lúc lại sáng loá, có tiếng ai đó vang lên. Và tiếng kêu đau khổ sâu xa đã lắng vào tận đáy lòng chúng.

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!... Tiếng kêu vọng lên.

- Chị Mary có nghe thấy không, có nghe thấy không? – Robert hỏi.

“Hai chị em vội cúi nhoài người qua mạn tàu, bắt đầu lẳng nhìn vào bóng đêm, nhưng không thấy gì cả - chỉ thấy bóng đêm trải dài vô tận trước mắt chúng.”

- Robert, - Mary vội nói, mặt tái nhợt đi vì hồi hộp, - chị cảm thấy... ừ, chị cũng cảm thấy như em. Hai chị em mình đang mê sảng hay sao ấy, Robert yêu quý ạ!

Nhưng, tiếng người kêu cứu lại vang lên, lần này ảo giác lớn đến nỗi cả hai chị em cùng bật ra tiếng kêu:

- Cha! Cha!

Mary không thể kiềm chế được nữa. Cô xúc động ngất đi, ngã vào tay đứa em trai.

- Cứu tôi với! – Robert kêu lên. - Chị! Cha!... Cứu tôi với!

Thủy thủ lái tàu lao đến nâng cô gái bị ngất xỉu dậy. Các thủy thủ trực phiên chạy lại. John Mangles, vợ chồng huân tước Glenarvan bị tiếng ồn áo đánh thức, đã có mặt ngay.

- Chị cháu bị chết giấc! Còn cha cháu đang ở dưới kia! – Robert kêu lên, chỉ tay xuống biển.

Không ai có thể hiểu được chuyện gì đã xảy ra.

- Vâng, vâng, - chú bé nhắc lại. – Cha cháu đang ở dưới đó! Cháu đã nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Chị Mary cháu cũng nghe thấy mà...

Vừa lúc ấy, Mary tỉnh lại và trong cơn hoảng loạn, cô cũng kêu lên:

- Cha! Cha ở dưới biển!...

Cô bé tội nghiệp cúi qua mạn tàu như định lao xuống biển.

- Thừa huân tước! Thừa huân tước phu nhân Helena! Cháu xin nói với ông bà là cha cháu đang ở dưới biển đó! Cô gái nắm chặt tay khẳng định. – Cháu xin đảm bảo với ông bà rằng cháu đã nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Tiếng cha cháu từ dưới biển vọng lên giống như một lời cầu cứu...

Cô gái tội nghiệp bị lên cơn động kinh, co giật. Cần đưa cô gái vào phòng. Huân tước phu nhân Helena cùng đi theo để giúp đỡ cô.

Robert vẫn nhắc đi nhắc lại:

- Cha cháu, cha cháu ở dưới biển đó! Cháu tin chắc như vậy mà, thừa huân tước.

Những người chứng kiến cảnh đau lòng ấy cuối cùng đã hiểu rằng những đứa con của thuyền trưởng Grant bị ảo giác đánh lừa. Nhưng nói thế nào cho chúng tin điều ấy?

Glenarvan đã định nói cho chúng biết. Ông nắm tay Robert hỏi:

- Cháu nghe thấy tiếng của cha cháu à?
- Vâng, thưa huân tước. Ở dưới biển ấy. Cha cháu kêu: “Cứu tôi với! Cứu tôi với!”
- Và cháu nhận ra tiếng của cha cháu?
- Cháu có nhận ra tiếng của cha cháu không ư?Ồ, vâng, cháu xin thề với huân tước mà! Cả chị cháu cũng nghe thấy và cũng nhận ra tiếng của cha cháu mà! Không lẽ huân tước lại nghĩ rằng cả hai chị em cháu có thể nhầm được chăng? Thưa huân tước, cần phải cứu cha cháu! “Hạ xuống xuống! Hạ xuống xuống!”

Glenarvan thấy rằng không thể thuyết phục được chú bé tội nghiệp này. Ông đành thực hiện biện pháp cuối cùng là gọi người lái tàu đến.

- Hawkins, - ông nói với người lái, - lúc cô Mary bị ngất, chú vẫn đứng bên tay lái đấy chứ?
- Vâng, - Hawkins đáp
- Và chú không trông thấy gì, không nghe thấy gì à?
- Thưa không.
- Đấy, cháu thấy chưa, Robert!
- Nếu đấy là cha của chú ấy thì chú ấy đã không nói rằng chú ấy không nghe thấy gì cả. – Robert nóng nảy kêu lên. – Đây là cha của cháu, thưa huân tước, cha của cháu mà, cha ời!

Robert nói nức nở. Chú tái người đi và ngất lịm. Glenarvan cho đưa chú vào phòng nằm. Bị xúc động quá, chú bé ngất đi khá nặng.

- Tội nghiệp những đứa trẻ mồ côi! – John Mangles lăm bằm - Số phận đã buộc chúng phải chịu đựng những thử thách khủng khiếp biết bao!
- Đúng, - Glenarvan tán thành. – Có lẽ sự đau khổ quá mức đã cùng gây ra cho cả hai đứa trẻ ảo giác ấy.
- Cả hai đứa! – Paganel lăm bằm, - thật là lạ! Khoa học không thể chấp nhận điều đó.



Rồi, nhà địa lý nhào người qua mạn tàu và làm hiệu cho mọi người yên lặng, ông bắt đầu lắng nghe.

Chung quanh im ắng. Paganel kêu to lên, nhưng không ai đáp lại cả.

- Lạ thật, lạ thật. – nhà địa lý nhắc lại và đi về phòng mình. Sự trùng hợp những ý nghĩ và nỗi đau khổ chung cũng không thể giải thích được hiện tượng như thế này.

Ngày hôm sau, mùng 8 tháng 3, lúc 5 giờ sáng, khi trời vừa hừng nắng, các hành khách, trong đó có cả Robert và Mary – không thể nào giữ chúng ở trong phòng được, - tụ tập đủ trên boong tàu “Duncan”. Ai nấy đều muốn nhìn lên mặt đất, dù chỉ thoáng qua thôi. Mọi người dán mắt vào chiếc ống nhòm để nhìn cảnh vật trên đảo cho thật rõ.

Bỗng Robert kêu to lên. Chú bé cam đoan đã nhìn thấy hai người chạy trên bờ, còn người thứ ba thì vắng cờ.

- Cờ nước Anh! – John Mangles kêu lên, mắt vẫn nhìn qua ống nhòm

- Đúng thế! – Paganel la to, quay phắt về phía Robert.

- Thừa huân tước, - chú bé nói giọng run run vì hồi hộp, - nếu huân tước không muốn cho cháu bơi vào bờ thì xin huân tước cho hạ xuống xuống. Cháu quỳ gối lạy huân tước, hãy cho cháu được lên bờ đầu tiên.

Không ai thốt ra lời nào. Lạ quá, nơi đảo nhỏ nằm trên vĩ tuyến 37 này lại có ba người Anh bị nạn trôi giạt vào! Mọi người nhớ lại chuyện xảy ra đêm qua, Robert và Mary đã nghe thấy tiếng kêu cứu trong đêm. Biết đâu đấy, có thể là chúng đã cảm thấy thực sự có ai đó kêu cứu, nhưng phải chăng đó lại là tiếng của cha chúng! Ôi, không! Ngàn lần không! Và mỗi người khi nhớ lại nỗi thất vọng ghê gớm mà những đứa trẻ mồ côi đã phải chịu đựng thì lại lo sợ rằng chúng sẽ không đủ sức chịu đựng thử thách mới này nữa. Nhưng làm sao cản được chúng! Glenarvan không đủ nghị lực để làm việc ấy.

- Hạ xuống! – Ông ra lệnh.

Một phút sau, chiếc xuống đã nổi trên mặt nước. Những đứa con của thuyền trưởng Grant, Glenarvan, John Mangles, Paganel lên xuống, Chiếc xuống lao nhanh về phía trước, dưới tay chèo gấp gáp của sáu thủy thủ.

Cách bờ khoảng hai trăm mét, Mary kêu to lên bằng giọng thống thiết.



- Cha!

Trên bờ, đứng cạnh hai người bạn là một người cao, thân hình chắc nịch, trên nét mặt gợi cảm của ông ta, hiền lành và dũng cảm, có những nét hao hao giống cả hai đứa trẻ Grant. Không nghi ngờ gì nữa, đây chính là người mà Mary và Robert hằng thương nhớ. Trái tim đã không đánh lừa chúng, đó là cha của chúng, đó là thuyền trưởng Grant!

Thuyền trưởng nghe thấy tiếng kêu của Mary, ông chìa hai tay ra và ngã xuống như bị sét đánh.

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

### **Chương 10**

Đảo Tabor

Sự xúc động thường không làm cho ai chết cả. cả người cha và những đứa con đều đã tỉnh tại, từ trước khi chiếc xuồng về đến tàu. Biết lấy đâu lời lẽ để miêu tả cảnh tượng này! Cả đoàn thủy thủ đều khóc, khi nhìn thấy ba người im lặng ắp sát vào nhau.

Harry Grant khi bước lên boong tàu "Duncan", nơi đối với ông là tượng trưng cho quê hương Scotland thân yêu, đã tạ ơn trời cứu thoát mình. sau đó bằng một giọng run run vì hồi hộp, ông đã bày tỏ lòng biết ơn nồng nhiệt đối với Glenarvan và tất cả những người cùng đi với huân tước. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi chiếc xuồng bơi vào bờ. Mary và Robert đã kịp kể vài lời cho cha nghe về cuộc thám hiểm của "Duncan".

Ông đã tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với huân tước phu nhân Helena, người phụ nữ cao thượng và những người cùng đi chung với nàng! Chẳng phải tất cả họ, từ huân tước Glenarvan đến người thủy thủ bình thường nhất, đã chiến đấu và chịu cực khổ vì ông đó sao? Harry Grant đã bày tỏ lòng biết ơn chứa chan tình nghĩa của mình với một sự giản dị, một sự khăng khái. Gương mặt dửng dưng của ông ngời lên vẻ trong sáng và dịu hiền, khiến cả đoàn thủy thủ cảm thấy mình được khen thưởng quá nhiều về tất cả những gì mà họ đã vượt qua. Ngay đến thiếu tá vốn điềm tĩnh cũng không cầm lòng được và rơm rớm nước mắt. Còn Paganet thì đã khóc như một đứa trẻ, thậm chí không muốn giấu những giọt nước mắt của mình.

Harry Grant mãi không rời con gái. Ông cảm thấy tự hào về sắc đẹp

duyên dáng của con và ông đã nói cho con biết điều ấy, đồng thời yêu cầu huân tước phu nhân Helena chứng giám cho rằng đấy không phải chỉ là lời nói của tình cha con. Quay sang con trai, ông phấn khởi khen con:

- Cu cậu lớn quá! ra dáng đàn ông lắm rồi.

Rồi ông hôn thăm thiết hai đứa con yêu quý.

Robert lần lượt giới thiệu với cha tất cả những người bạn của mình. Mặc dù chú bé đã cố tìm lời để diễn đạt cho khác nhau, nhưng rồi giới thiệu ai chú cũng lập lại một ý giống nhau. Ai cũng tỏ ra rất nhân hậu đối với hai chị em chú. Đến lượt giới thiệu John Mangles, chàng thuyền trưởng trẻ đỏ mặt lên như con gái, và trong khi nói chuyện với cha của Mary, giọng chàng run run. Huân tước phu nhân Helena đã kể cho thuyền trưởng Grant nghe về cuộc haành trình của họ. Thuyền trưởng có thể tự hào về cả cậu con trai và cô con gái.

Harry Grant đã được biết về những chiến công của Robert, được biết chú bé đã đền đáp phần nào món nợ của người cha đối với Glenarvan. Sau huân tước phu nhân Helen, đến lượt John Mangles lên tiếng. Chàng đã hết lời ca ngợi mary Grant. Những điều ấy ít nhiều Harry Grant đã được nghe qua lời kể của huân tước phu nhân. Ông xúc động nắm tay con gái đặt vào tay chàng thuyền trưởng trẻ tuổi dũng cảm ấy. Rồi quay về phía vợ chồng huân tước Glenarvan, ông nói.

- Thừa huân tước và huân tước phu nhân, chúng ta cầu mong cho con cái chúng ta được hạnh phúc.

Khi tất cả mọi chuyện đã được kể đi kể lại hàng trăm lần, Glenarvan nói cho Harry Grant biết về Ayrton. Theo lời của thuyền trưởng Grant thì tất cả những gì gã hoa tiêu nói về đày hấn lên bờ biển Australie đều đúng cả.

Hắn là người can đảm, nhưng liều lĩnh, ông nói thêm - Những ham muốn cực độ đã lôi kéo hắn vào tội ác. Chúng ta tin tưởng rằng hắn sẽ hối hận và trở lại với những tình cảm tốt đẹp.

Nhưng, Harry Grant muốn, trước khi đày Ayrton lên đảo, được tiếp

những người bạn mới tại nơi ở của mình trên đảo đã. Ông mời họ đi thăm căn nhà gỗ của mình và ăn bữa cơm sau chiếc bàn Robinson nơi đại dương.

Glenarvan và những người cùng đi với ông vui vẻ nhận lời. Rob và Mary nôn nóng được nhìn thấy nơi mà người cha đã từng sống và khắc khoải nhớ thương chúng.

Họ chuẩn bị một chiếc xuồng và chằng mấy chốc thuyền trưởng cùng các con, ông bà huân tước Glenarvan, thiếu tá John Mangles và Paganei đã lên đảo.

Trong vài giờ họ đã kịp đi thăm cơ ngơi của Harry Grant. Hòn đảo nhỏ này thực chất là đỉnh một ngọn núi ngầm dưới biển và là một bình sơn nguyên với nhiều đá huyền vũ và phún thạch. Dưới tác dụng của ngọn lửa ngầm dưới đất, hòn núi này từ thời kỳ địa chất cổ xưa đã dần dần trôi qua, núi lửa đã tắt và đỉnh của nó đã biến thành hòn đảo, trên đó hình thành lớp đất đất màu mỡ có cây cối mọc lên. Những tàu đánh cá voi đi qua đảo đã đưa đến đây các loài gia súc - dê, lợn, những giống này được phát triển ra, nhưng với thời gian, chúng đã bị thoái hóa dần. Như vậy là trên hòn đảo nhỏ chơi vơi giữa Thái Bình Dương này bây giờ đã có đủ cả ba hệ tự nhiên. Đến khi các thủy thủ bị nạn trên tàu Britania đặt chân lên đây thì lực lượng tự nhiên bắt đầu bị bàn tay con người chi phối. sau hai năm rưỡi. Harry Grant và những người thủy thủ của ông đã biến đổi hoàn toàn hòn đảo. Họ đã khai khẩn được vài acre (1) đất và trồng được các loại rau quả rất ngon.

Khách đã đến thăm ngôi nhà nhỏ lợp bằng lá rừng. trước khung cửa sổ, biển khơi lấp lánh dưới ánh mặt trời, thật là ngoạn mục. bên dưới những cành cây lòa xòa kê một chiếc bàn và tất cả đã ngồi vây quanh chiếc bàn ấy. Thịt dê chiên, bánh mì nướng bằng bột củ rừng, vài ly sữa, mấy cọng rau diếp dại và nước mát trong lành, làm cho bữa ăn ấy đậm bạc và nên thơ.

Paganel rất phấn khởi. Những ước mơ cũ trở thành Robinson đã sống lại trong ông.

- Chẳng có gì phải thương xót cho tên Ayrton bịp bợm cả! Hòn đảo này là thiên đường thực sự! - Nhà địa lý thốt lên.

- Đúng, nó là thiên đường đối với ba nạn nhân bị đắm tàu. - Harry Grant tán

thành. - Nhưng tôi rất tiếc rằng Maria Thèresa không phải là nhận mọi thử thách đề lên số phận. Chúng tôi làm việc không ngừng tay. Chẳng bao lâu, chúng tôi đã có vài acre đất được gieo các hạt giống còn lại của tàu "Britania"; khoai tây, rau diếp và rau chút chút đã cải thiện bữa ăn của chúng tôi. Những thứ ấy rất dễ trồng. Đến bây giờ chúng tôi đã có sữa bò. Từ cây "nardo" mọc nơi lòng suối chúng tôi đã làm được những chiếc bánh mì khá ngon. Nói tóm lại, chúng tôi hoàn toàn bảo đảm được những thứ cần thiết nhất cho cuộc sống.

Chúng tôi đã làm một căn nhà bằng những mảnh vỡ của tàu "Britania" bị giạt vào bờ, lợp bằng vải buồm đã được quét dầu cẩn thận. Thế là chúng tôi đã có một chỗ chắc chắn để trú mưa. Trong căn nhà ấy đã có biết bao nhiêu ước mơ được ấp, ủ. Và điều ước mơ kỳ diệu nhất trong số những ước mơ của chúng tôi hôm nay đã trở thành sự thật! Thoạt đầu, tôi định rời khỏi đảo bằng một chiếc thuyền đóng bằng các mảnh tàu vỡ, nhưng vùng đất gần hết là quần đảo Pomotou cách chúng tôi những một ngàn rưỡi hải lý. Không thuyền nào có thể bơi xa như vậy được. Chỉ có một sự ngẫu nhiên may mắn mới có thể cứu được chúng tôi.

Ôi, những đứa con yêu quý của cha! Đã từng bao nhiêu lần cha và các bạn đứng trên núi trông ra biển xem có chiếc tàu nào xuất hiện nơi xa khơi không? Trong suốt thời gian cha ở đây, chỉ có hai, ba lần cha thấy tận phía chân trời có cánh buồm xuất hiện, nhưng rồi lại biến mất ngay. Cứ thế hai năm rưỡi trôi qua. Cha và các bạn đã hết hy vọng, nhưng chưa thất vọng ...

Cuối cùng, ngày hôm qua, tôi leo lên một tảng đá cao, bỗng thấy ở phía tây có một làn khói nhẹ, làn khói cứ lớn dần. Tôi nhanh chóng nhận ra một chiếc tàu. Hình như con tày bơi về phía chúng tôi. Nhưng liệu nó có đi qua đảo này không? Mà tôi tình gì nó phải dừng lại đây kia chứ?

Ôi, sao cái ngày hôm qua lại khắc khoải đến thế! Tim tôi như muốn vỡ ra trong lồng ngực. Các bạn của tôi đã đốt lửa trên đỉnh núi. Đêm xuống, nhưng không có dấu hiệu nào chứng tỏ người trên tàu đã nhận ra chúng tôi cả. Việc cứu thoát chúng tôi tùy thuộc vào con tàu ấy. Không lẽ chúng tôi lại bỏ lỡ cơ hội này được sao! Tôi không chần chờ nữa! Bóng đêm con tàu có thể chạy vòng qua đảo và đi mất. Tôi lao xuống nước và bơi lại phía tàu.

niềm hy vọng đã tiếp thêm sức cho tôi. Tôi rẽ sóng bơi với sức mạnh phi thường. Chiếc táu cách tôi độ sáu mươi mét thì bỗng nó đổi hướng. Lúc ấy tôi mới kêu lên những tiếng kêu cứu thất vọng mà chỉ có những đứa con của tôi mới nghe thấy, và đó không phải là ảo giác của chúng nữa. sau đó tôi trở lại bờ, kiệt sức vì hồi hộp và mệt nhọc. Những người thủy thủ đã kéo tôi lên bờ trong tình trạng nửa sống nửa chết. cái đêm cuối cùng ấy trên đảo thật khủng khiếp. Chúng tôi đã tưởng được cứu thoát! Và thật là một điều hạnh phúc lớn lao biết bao, những đứa con yêu quý của tôi đã có mặt trên chiếc xuồng ấy và đưa tay về phía tôi! ....

Những lời cuối cùng của thuyền trưởng đã chìm lắng trong những cái hôn và sự âu yếm của Mary và Robert dành cho cha. Và mãi đến bây giờ thuyền trưởng mới biết rằng ông được cứu thoát là nhờ bức thư khó đọc mà ông đã để trong chai và bỏ xuống biển sau khi xảy ra tai nạn được một tuần. Nhưng Jacques Paganel đã nghĩ gì trong lúc thuyền trưởng Grant kể chuyện? Nhà địa lý đáng kính đã từng hàng ngàn lần lướt nhắc lại ba lần giải thích nội dung lá thư, mà lần nào cũng đều sai cả. Có từ nào trong số những từ đã bị nước biển ăn mòn có liên quan đến đảo Maria Thérèse không?

Paganel không kiềm chế được mình nữa. Ông nắm lấy tay Harry Grant.

- Thuyền trưởng, ông hãy cho biết, rốt cuộc thì nội dung lá thư bí ẩn ấy của ông nói gì?

Khi nhà địa lý nói đến đây, ai nấy đều chăm chú lắng nghe điều bí ẩn mà suốt mấy tháng trời họ đã dày công tìm hiểu; bây giờ đây sẽ được khám phá.

- Thuyền trưởng vẫn nhớ từng chữ nội dung bức thư chứ? - Paganel hỏi tiếp.

- Tôi vẫn còn nhớ như in. - Harry Grant nói - Nhưng, như các vị đã biết, vì muốn tăng thêm những cơ hội được cứu thoát, tôi đã để vào chai ba lá thư

bằng những thứ tiếng khác nhau. Vậy các vị quan tâm đến lá thư nào?

- Chẳng phải ba lá thư giống nhau sao? Paganel ngạc nhiên

- Giống nhau, trừ một địa danh.

- Vậy thì ông hãy cho biết bản tiếng Pháp. - Glenarval nói - bản ấy ít bị nước biển ăn mòn hơn và các lời giải thích của chúng tôi chủ yếu cũng dựa vào đó.

- Bản ấy chính xác như sau: "Ngày 27 tháng 6 năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm "Britania" đi từ hải cảng Glasgow đã bị nạn ở cách Patagonia một ngàn năm trăm hải lý, phía Nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát lên đảo Tabor.

- Sao? Paganel kêu to.

- Tại đây, Harry Grant tiếp tục, thường xuyên phải chịu đựng những thiếu thốn cùng cực, họ đã bỏ thư này ở kinh độ 153° và vĩ độ 37°11'. Hãy đến cứu giúp họ hoặc là họ sẽ chết.

Sau khi nghe từ "Tabor", Paganel bật đứng dậy và nổi khùng lên:

- Sao lại là đảo Tabor" được? Đây là đảo Maria Thérésa kia mà!

- Hoàn toàn đúng như vậy, thưa ngài Paganel, - Harry Grant trả lời. - Trên bản đồ bằng tiếng Pháp thì đó là "Tabor".

Vừa lúc ấy có ai đó vỗ mạnh vào vai Paganel làm ông chúm xuống. Công bằng mà nói thì đây là lần đầu tiên thiếu tá đã vi phạm nguyên tắc tế nhị nghiêm ngặt của mình và đã tặng Paganel cú đấm ấy.

- Thầy địa lý ! - Mac Nabbs nói đầy vẻ coi thường.

Nhưng Paganel thậm chí đã không cảm thấy cú đấm ấy. Cú đấm ấy có nghĩa lý gì so với đòn đánh vào lòng tự trọng bác học của ông ta!

Như vậy là, theo lời ông kể về thuyền trưởng Grant, thì ông đã dần dần tiến gần đến chân lý, Patagonia, Australie, New Zealand đối với ông đều là những nơi chắc chắn xảy ra tai nạn. Những chữ rời rạc của từ Contin mà lúc đầu ông giải thích là Continent ( lục địa) dần dần đã có nghĩa thật của nó là Continuelle (thường xuyên). Indi lúc đầu có nghĩa là indiens (người

da đỏ). sau đó là indigenes (thổ dân) và cuối cùng đã được hiểu đúng là từ indigenes ( thiếu thốn). Chỉ có những chữ rời rạc của từ abor đã làm cho nhà địa lý mãi tiếp bị lạc hướng. Paganel đã bám sát gốc động từ aborde (vào bờ), nhưng nó lại là một phần của từ địa danh bằng tiếng Pháp của đảo Maria Therése, nơi những người bị nạn của tàu "Britania" đang nương trú: đảo Tabor. Đúng là sự nhầm lẫn ấy khó tránh khỏi, bởi vì trên tất cả các bản đồ hàng hải của tàu "Duncan", đảo ấy đều được viết với cái tên Maria Thérésa.

- Nhưng, chẳng nào cũng vậy thôi! - Paganel vò đầu bứt tóc với vẻ thất vọng. Lẽ ra tôi không được quên cái tên có hai cách gọi ấy! Đây là một nhầm lẫn không thể tha thứ được. Một sự nhầm lẫn không xứng đáng là thư ký của Hội Địa Lý! Tôi thật nhục nhã!

- Ngài Paganel, hãy bình tĩnh! - Huân tước phu nhân Helena an ủi nhà địa lý.

- Không, không! Tôi đích thị là một con lừa !

- Thậm chí không phải là một con lừa bác học nữa, thiếu tá hài hước.

Khi ăn xong. Harry Grant lo việc thu vén nhà cửa. Ông không mang theo gì cả, muốn để lại mọi thứ cho kẻ phạm tội kế thừa làm người lương thiện.

Mọi người trở lại tàu «Duncan». Glenarvan muốn rời khỏi đây ngay trong ngày hôm ấy, nên đã ra lệnh đưa gã hoa tiêu lên đảo. Ayrton được dẫn vào phòng Harry Grant.

- Ta đây, Ayrton. – Grant nói.

- Tôi thấy rồi, thưa thuyền trưởng, - gã hoa tiêu lên tiếng, không hề tỏ chút gì ngạc nhiên. - Biết nói sao bây giờ, tôi vui mừng thấy thuyền trưởng mạnh khoẻ.

- Có lẽ, Ayrton, ta đã lầm khi đày ngươi lên cơn đảo.

- Có lẽ, thưa thuyền trưởng.

- Bây giờ ngươi sẽ thế chỗ ta trên hòn đảo hoang này. Ta hy vọng rằng ngươi sẽ ăn năn hối hận về những tội lỗi mà ngươi đã gây ra cho mọi người.



- Mọi việc đều có thể, - Ayrton bình tĩnh đáp.

Glenarvan nói với gã hoa tiêu :

- Vậy là, Ayrton, người vẫn muốn được đưa lên một hòn đảo không người như trước chứ ?

- Vâng.

- Đảo Tabor được chứ ?

- Hoàn toàn được.

- Bây giờ, Ayrton, hãy nghe ta nói lời cuối cùng với người. Người ở đây xa các cách mọi vùng đất liền, sẽ tránh được lợi sự gian tiếp với những người khác. Những điều kỳ lạ cũng hiếm hoi thôi. Người không thể chạy khỏi đảo mà « Duncan » để người lại. Người sẽ chỉ có một mình, nhưng người sẽ không bị quên, bị đoạn tuyệt với thế giới như thuyền trưởng Grant. Mọi người vẫn sẽ nhớ đến người, mặc dù người không xứng đáng. Ta biết người ở đâu, Ayrton, và ta sẽ không quên điều đó.

- Xin trời phù hộ cho ngài, thưa huân tước. – Ayrton trả lời một cách đơn giản.

Đấy là những lời cuối cùng mà Glenarvan và gã hoa tiêu trao đổi với nhau.

Chiếc xuồng đã đậu sẵn, Ayrton xuống xuồng. John Mangles đã cho mang trước lên đảo mấy hòm đồ hộp, quần áo, dụng cụ, súng săn, cũng như thuốc súng dự trữ và đạn. Như vậy là gã hoa tiêu có thể làm việc và tự cải tạo trong lao động ... Gã có đủ mọi thứ cần thiết, thậm chí cả sách và trong đó có cả kinh thánh.

Giờ cuối cùng đã đến. Toàn đoàn thủy thủ và các hành khách tụ họp trên boong. Nhiều người tim thắt lại. Mary Grant và huân tước phu nhân không giữ nổi sự hồi hộp.

- Cần phải như vậy sao anh ?- Người vợ hỏi chồng - Cần phải từ già ở đây một người bất hạnh sao, anh ?

- Đúng, Helena ạ, cần phải như vậy, - Glenarvan đáp, - Đó là một sự chuộc

tội !

Vừa lúc ấy, chiếc xuồng theo lệnh của John Mangles rời tàu. Ayrton vẫn đứng đưng như mọi khi, đứng bỏ mũ ra và cúi xuống với vẻ trang nghiêm.

Glenarvan và sau đó, cả đoàn thủy thủ đã bỏ mũ xuống y như đứng bên cạnh một người đang hấp hối. Chiếc xuồng xa dần. Mọi người trên boong im lặng ...

Khi xuồng vào sát bờ. Ayrton nhảy xuống cát, còn chiếc xuồng quay trở lại tàu. Lúc ấy là bốn giờ chiều. Từ trên tầng lái, các hành khách thấy gã hoa tiêu khoanh chéo tay trước ngực, rồi đứng bất động như tượng trên tảng đá sát bờ biển. Mắt gã hướng về « Duncan ».

- Ta lên đường chứ ạ, thưa huân tước ? – John Mangles hỏi.

- Lên đường. John, - Glenarvan đáp. Ông ngậm ngùi, nhưng cố giữ không để lộ ra.

- Mở hết tốc lực, tiến lên ! - Thuyền trưởng trẻ ra lệnh cho thủy thủ máy.

Hơi nước reo rào rào trong các đường ống. Chân vịt quay tít, và tám giờ tối, những vách đá của đảo Tabor đã khuất hẳn trong bóng đêm ...

### **Chú thích:**

(1) Đơn vị đo diện tích đất ở một số nước Châu Âu, một acre bằng 4047m<sup>2</sup>  
(N.D)

## **Jules Verne**

Những đứa con của thuyền trưởng Grant

Dịch giả: Phạm Hậu

### **Chương 11**

Trở về

Ngày 18 tháng 3, sau khi “Duncan” rời đảo Tabor mười một ngày, bờ biển châu Mỹ đã hiện lên trước mặt, và ngay hôm sau, con tàu đã thả neo tại vịnh Talcahuano. “Duncan” đã trở về đây sau năm tháng trời lênh đênh trên biển. Suốt thời gian ấy, nó đã bám sát vĩ tuyến 37 và đi vòng quanh trái đất. Những người tham gia cuộc thám hiểm đáng ghi nhớ và chưa có tiền lệ trong biên niên sử của Câu lạc bộ các nhà du hành Anh đã đến Chili, các vùng thảo nguyên Nam Mỹ, Argentine, Đại Tây Dương, các đảo Tristan d’Acunha, Ấn Độ Dương, các đảo Amsterdam, Australie, New-Zealand, đảo Tabor và Thái Bình Dương. Và, những cố gắng của các nhà thám hiểm đã kết thúc thắng lợi; họ đã đưa được những người bị nạn trên tàu “Britania” trở về quê hương.

Tất cả những người Scotland dũng cảm đã đáp lời kêu gọi của Glenarvan ra đi, đều còn sống và nguyên vẹn trở về từ xứ sở Scotland cổ kính của mình. Cuộc thám hiểm này làm người ta nhớ đến những trận chiến đấu mà lịch sử cổ đại gọi là “những trận chiến đấu không nước mắt”.

Sau khi dự trữ thêm than, “Duncan” di chuyển dọc theo bờ biển Patagonia và vòng qua mũi Horn, chạy trên Đại Tây Dương.

Cuộc du hành diễn ra bình an vô sự chưa từng thấy. Con tàu đã chở đầy niềm hạnh phúc. Trên đó không còn có điều gì bí mật nữa, thậm chí tình yêu của John Mangles với Mary Grant cũng đã công khai.

Cuối cùng, ngày 9 tháng 5, sau năm mươi ba ngày rời khỏi vịnh Talcahuano, John Mangles đã nhận thấy những ngọn lửa hải đăng của mũi

Clear. Con tàu đi vào eo biển Georges, băng qua biển Islande và ngày 10 tháng 5 đã ở vịnh Clyd. Mười một giờ sáng, “Duncan” thả neo bên cảng Dumbarton, và hai giờ đêm, các hành khách và thủy thủ đã bước vào lâu đài Malcolm – Castle, trong tiếng hoan hô rầm trời của những người dân miền núi chào đón họ trở về.

Đúng như mọi điều đã dự tính, Harry Grant và hai người bạn của ông đã được cứu thoát. Mary Grant đã làm lễ thành hôn với John Mangles tại nhà thờ cổ kính Mungo và chính ông Paxton, chín tháng trước đây đã cầu nguyện cho cha của Mary được cứu thoát, giờ đây lại ban phước lành cho cuộc hôn nhân của con gái ông ta và người đã cứu sống ông ta. Còn Robert đã quyết định trở thành người thủy thủ dũng cảm như Harry Grant và John Mangles và cùng làm việc với họ dưới sự bảo trợ của huân tước Glenarvan. Nhưng, có kế hoạch nào dự tính Paganel sống độc thân mãi đến già không? Hình như không thì phải.

Quả vậy, sau tất cả những chiến công của mình, nhà bác học dũng cảm không thể không trở nên nổi tiếng được. Những câu chuyện về sự đăng trí của ông đã gây nên những ấn tượng mạnh mẽ trong giới thượng lưu Scotland. Nhà địa lý được người ta giành nhau mời đến thuyết trình. Nhưng ông không thể nào đến hết được mọi nơi. Vậy mà có một cô gái ba mươi tuổi dễ thương, người đó không phải ai khác mà chính là cô Arabella, em họ của thiếu tá Mac Nabbs, hiền lành và hấp dẫn, đã yêu nhà bác học địa lý và sẵn sàng hiến dâng trái tim cho chàng. Paganel đã không thể từ chối tình yêu thắm thiết của nàng. Và hai tuần lễ sau, đám cưới của họ đã được tổ chức tưng bừng tại Malcolm – Castle.

Sự kiện thuyền trưởng Grant trở về Scotland đã trở thành ngày hội dân tộc. Còn chính bản thân ông thì trở thành một người lừng tiếng khắp xứ sở Scotland. Con trai Robert của ông được đào tạo thành thủy thủ nối gót cha và thuyền trưởng John Mangles. Với sự hỗ trợ của huân tước Glenarvan, chú không từ bỏ ý định thành lập vùng di dân Scotland trên các hòn đảo

Thái Bình Dương.

**Phạm Hậu**

*Dịch theo bản tiếng Nga của A. Bêkêôvaja (Nhà xuất bản Văn học thiếu nhi Moskva, 1979.)*



Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vũ**.

Đánh máy: sunlight , Piggym, cunhoi, Ct.Ly

Nguồn: HanAn/VNthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 13 tháng 6 năm 2010